

TIN VÂN

diễn đàn sáng tác văn học nghệ thuật



VĂN BÚT NAM HÒA KỲ
CHỦ TRƯỞNG

Tin Văn

Diễn đàn thông tin-sáng tác-văn học-nghe thuật

TT Văn Bút Nam Hoa Kỳ chủ trương
8011 Findlay st. Houston, TX 77017

Email: vbtinvan@yahoo.com

tinvanhkh2018@gmail.com

tuyha007@gmail.com



Chủ biên: Túy Hà

Tổng Thư Ký: Phạm Tương Như

Tài chánh: Yên Sơn

Sáng tác thường trực :

**Nguyễn Đức Nhơn -Phạm Ngũ Yên - Huỳnh Quang Thế - Lê Thị Hoài
Niệm - Vĩnh Tuấn - Huỳnh Công Ánh - Lan Cao - Lưu Thái Dzo - Thu Nga
- Trương Sĩ Lương - Võ Tinh - Cù Hòa Phong - Lưu Nguyễn Từ Thúc
- Dương Phước Luyện - Dương Thượng Trúc - Song An Châu
- Võ Thanh Văn - Như Phong - Nguyễn Mạnh An Dân - Mai Thanh
Truyết**

**- Hoàng Thị Thanh Nga - Linh Vàng - Thu hương seattle - Thiên Lý -
Long Điền - Nhật Hồng Nguyễn Thanh vân - Ngô Sỹ Hân - Mây Ngàn -
Phạm Trần Anh - Nguyễn Ninh Thuận - Cao Nguyên - Cao Trúc Giang -
Nguyễn Lập Đông - Trường Sơn Lê Xuân Nhị .**

Cộng tác viên:

**Diệp Mỹ Linh - Trần Hồng Văn - Vũ Tiến Lập - Nguyễn Nhung - Quan
Duong - Trọng Đạt - Phạm Thu Liễu - Đoàn Thy Vân - Cái Trọng Ty -
Nguyễn Minh Triết-Trần Bang Thạch - S.E.Trần - Tiểu Thu. - Nguyễn Thị
Thanh Dương - Thy Lan Thảo - SongThy - Dạ Dung Vũ - Kim Oanh -
Ngọc Anh - Trần Việt Cường - Nguyễn Phạm Thái - Chu Thụy Nguyên -
Trần Yên Thụy - Như Ly - Văn Nguyễn Dương - Châm Hồ - Vương Hồng
Ngọc - Minh Xuân 538 - Phạm Tín An Ninh - Phạm Trần Anh - Trần
Vấn Lê - Vương Thảo Yên - Thái Bạch Vân- Phạm Đức Nhi - Phó Lập-
Nguyễn Hàn Chung - Nguyễn An Bình - Phan Ngọc An - Ngô Nguyễn
Nghiêm - Nguyễn An Bình- Mỹ Nhung- Phí Ngọc Hùng.**

Phụ trách trang Web: BBT Tin Văn

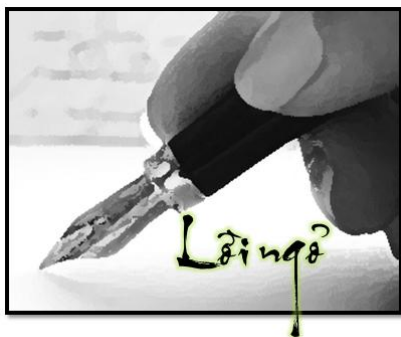
Trình bày bản văn: Nga Hoàng

Hình bìa số này: Inter.



[http:// www.vanbutnamhoaky.com](http://www.vanbutnamhoaky.com)





*“Thế giới chìm đắm trong
đau khổ không phải vì tội
ác của kẻ xấu, mà là sự
im lặng của những người
tốt...”*

Napoleon

Để phát huy văn hóa, không
thể thiếu yếu tố văn học, văn
học trưởng thành theo thời
đại và từ xa xưa cho đến nay

nhất thiết phải được phổ biến rộng rãi qua các phương tiện như
truyền miệng, lai cáo, bản gỗ, bản in, truyền thanh truyền hình và
bây giờ là mạng lưới toàn cầu.

Đã qua rồi cái thời thư sinh vai mang ống quyển khăn gói đi
thi, bầu rượu túi thơ đã lùi vào dĩ vãng. Sách hiếm quý không còn
ưu tiên ở thư phòng. Tàng Kinh Các trong các cổ tự chắc đã tự
niêm phong, tự nạp mình cho một mối.

Nghe qua nghiên bút cũng sầu

Mực khô giấy ố thương màu tro than

Hoa tiên theo áng phù vân

Rồng bay phượng múa bút thần tả tôi.

Nhắc làm chi nữa hồi người

Nếp văn hóa cũ một thời đã qua. (khuyết danh)

Lời tự thán truyền khẩu ấy chắc phải được viết ra từ giới văn
nho, luôn hoài niệm về một thời nho học. Nhưng sau đó, làn gió
mới từ tây phương thổi vào đã cho chúng ta, những người dân Việt
Nam Cộng Hòa có “20 năm văn học miền nam”. Cái mốc 20 mươi
năm không dài so với hơn 43 năm lưu vong xứ người. Chúng ta
gồm người viết, người đọc vẫn còn, thế nhưng vẫn chưa phát huy
hết tiềm lực tuyệt đối của văn học. Và cái vốn 20 năm Văn Học
Miền nam vẫn là một gia tài hiếm quý.

Chủ quan thì cho rằng: Chúng ta đang ở thế kỷ 21. Thời của
“Tuần Chàng Trai nước Việt”*, thời của những anh em “xa hà nổi
năm lên 18” * thời của văn thơ trong chiến tranh đã lùi vào dĩ
vãng, đã lạc hậu. Thời của bây giờ là thời của TV màu đa hệ, của
điện thoại thông minh và nhất là của Internet với những xa lộ
thông tin vô hình thành hữu hình đang phủ sóng toàn cầu.

Cần đọc báo mới, sách mới, thưởng thức các chương trình văn học nghệ thuật mới. Cần tài liệu mới trên mọi lãnh vực. Cần du lịch thám hiểm đến những vùng đất xa lạ...Đâu cần mua báo mới, đâu cần chờ sách mới, đâu cần vào thư viện, đâu cần lập chương trình du lịch, đâu cần tốn thời gian tốn tiền tiền vé tàu, chỉ cần một cái nhấp tay là người anh em Google trả lời trên lảo mặt vuông có tên PC (máy điện toán) là xong trong tích tắc.

Tiện lợi quá, hoàn hảo quá, thông minh quá nhưng với ai? Xin thưa với những người sinh cuối thế kỷ 20 đầu thế kỷ 21.

Với những thế hệ trẻ sinh ngoài Tổ Quốc mình, đang hấp thụ từng giờ văn hóa ngoại. Và chắc chắn rất hiếm người hoài cổ tìm về văn hóa Việt. Ngay cả những người thuộc thế hệ tuổi 60 trở lên đang tạm dung xứ người cũng luôn nơm nớp lo sợ con cháu mình không biết tiếng bản địa nơi mình đang sinh sống. Khuyến khích học tiếng nước ngoài. Không ưu tiên cho tiếng Việt. Đa số đã quên hồn nước Việt Nam.

Về khách quan, sự lo sợ nêu trên cũng đúng vì cơm áo đời thường, vì lo tương lai con trẻ, vì muốn thế hệ sau mình phải lập thân trên danh vọng là những thứ mà mình không có hay đã có mà bị mất. Thế nhưng cội nguồn là điều không thể chối bỏ. Mất cội nguồn là mất linh hồn là mất nước vĩnh viễn. Việt nam ta luôn hãnh diện là con Rồng cháu Tiên có hơn bốn ngàn năm văn hiến so với Nước mỹ tiêu biểu cho thế giới tự do chỉ mới hơn 200 năm lập quốc. Dù Văn hóa mỹ là văn hóa đa sắc tộc nhưng vẫn có một dòng chảy chung gọi là Dòng chính.

Ở trong nước hiện tại có rất nhiều tờ báo quốc doanh vẫn không qua được cửa kiểm duyệt. Ở nước ngoài và ngay ở Mỹ phương tiện truyền thông và quyền tự do báo chí là đệ tứ quyền không ai chế tài được. Xin thưa tự do và nhân quyền là như thế.

Trở lại với báo giấy và thêm một chút chủ quan, chúng ta vẫn còn thấy hình ảnh của rất nhiều người dùng phương tiện di chuyển công cộng, trên tay đều có cầm theo...một tờ báo hay một cuốn sách.

Chúng tôi những người làm báo tiếng việt chuyên đề Văn Học Nghệ Thuật ở nước ngoài vẫn còn vững tin rằng “Văn hóa còn, dân tộc còn” Sách báo là một phần của văn hóa.

*Trân trọng
Ban Biên tập*

Xin mời ghé thăm trang nhà:

<http://www.vanbutnamhoaky.com>



Phở Lập MTT TÔI NÓI VỚI TÔI



Hàng năm, vào tháng 11, tôi đều chụp hình cây phong trước văn phòng của tôi ở đường Azusa, West Covina, CA. Cứ mỗi độ đầu tháng 11, lá cây phong bắt đầu chuyển màu. Tôi thường chụp hình vào tuần lễ thứ hai của tháng để nhìn một phần lá đổi màu mà thôi.

Vì sao tôi để tâm nhiều đến tháng 11?

Vì trong suốt thời gian còn tồn tại trên cõi ta bà này, tháng 11 là tháng mang đến cho tôi hai dấu ấn mà tôi vẫn mang theo trong suốt cuộc hành trình truy tìm...Cái Tôi!

Thưa Quý Bạn,

Phần trên của thân cây ngả qua màu cam đậm và chừa phân nửa phía dưới vẫn còn màu xanh, tuy không còn là màu xanh biếc lúc còn “thanh xuân”, nhưng màu xanh đã có một vài điểm “sương” sang màu ngà ngà. Căn phòng này là nơi tôi “trụ trì” trong suốt 17 năm trời. Nếu bạn nhìn bức hình trên, có tất cả 13 hình in dấu thời gian tháng 11 hàng năm ở vùng West Covina này. Tuy chụp vào cùng một thời điểm mỗi năm, nhưng thời tiết thay đổi, có khi sang thu sớm hay mùa hè kéo dài, do đó có khi Bạn thấy lá xanh còn nhiều hoặc lá vàng và lá đổ sang màu hổ phách nhiều hơn...

Và vào cuối tháng, tôi lại chụp một lần nữa, lần này lá cây đã hoàn toàn thay màu chuyển sang màu “gạch đỏ tím xậm” (mauve), sắp sửa chuẩn bị cho một chuyến ra đi...mùa lá rụng!

Từ đó,

Thưa các Bạn,

Cái đẹp của màu lá cây ở tuần lễ thứ hai được tôi nhìn như đời người cuối tuổi trung niên, tóc đã ngã qua màu muối tiêu, đầy kinh nghiệm chính chắn cũng như đã trải qua một đoạn đường “chiến binh” khá dài.

Còn cái đẹp của lá vào tuần lễ thứ tư của tháng thể hiện nét dày dặn phong sương của cuộc đời, có những lúc lên bổng xuống trầm để rồi kết tinh lại thành từng chiếc lá khô.

Cuối cùng, từ từ lìa khỏi thân cây như, giống như tâm trạng của một người sắp sửa chấm dứt thời gian dong ruổi trên đường hoạt động.

Sở dĩ tôi không muốn nói tới giai đoạn sắp sửa lìa đời của con người, vì với tôi, làm sao chúng ta có thể từ bỏ cõi tạm dung này được một khi nợ trần chưa trả dứt? và nợ nước chưa đền xong?

Sống ở giai đoạn cuối của cuộc đời, ta không thể làm như chiếc lá “an nhiên tự tại” chờ một cơn gió thoảng để xa lìa thân cây, mà là cần phải cô đọng những suy tư, toan tính để làm một chuyến tàu cuối cùng trước khi...đi qua bờ giác.

Hình chụp tại Cty BKK vào ngày 7/11/2012

Và tôi đang làm điều đó cho đến hôm nay - 2018.

Cuối tháng 3/2018 vừa qua, tôi vừa hoàn tất quyển sách (hy vọng là cuối cùng trong đời), đó là quyển “LỐI THOÁT CHO VIỆT NAM” trong đó tôi đã trang trải và đúc kết tất cả những suy nghĩ của chính

minh về Đất Nước trong suốt 30 năm thực sự nghĩ, viết và “làm” cho Quê Hương.

Bây giờ, tuy nói như thế, nghĩ như thế, nhưng hàng năm, mỗi lần nhìn lá phong vào tuần thứ tư của tháng 11, tôi vẫn cảm thấy có gì lâng lâng trong đầu. Đó là:

1 - Những hình ảnh xưa đã hiện về, hình ảnh từ lúc tuổi thơ choáng ngợp ánh đèn của thủ đô Sài Gòn thời cuối năm 1945



khi vừa “chạy giặc” từ dưới quê ở Bàu Trai, Hậu Nghĩa cùng với gia đình;

2 - Hình ảnh từ thưở thanh xuân hoa mộng với bao mối tình học trò, sinh viên, cùng với biết bao thù hận của mộng giang hồ;

3 - Và cuối cùng, hình ảnh cùng dư âm còn lại của những quyết định thành bại trong tuổi trung niên và gần cuối đời.

Có nhiều quyết định tôi làm đúng, mà cũng có không ít quyết định sai.

Nhưng trong giờ phút này, cung cách suy nghĩ nhị nguyên “đúng – sai” trong tôi không còn có ý nghĩa gì nữa!

Khi lá đã sắp sửa rời thân cây thì...có nghĩa gì đâu của sự thành bại.

Một khi đã chấm dứt cuộc đời, tất cả chỉ là một chữ KHÔNG Nói như thế!

Nghĩ như thế!

Nhưng mỗi lần tháng 11 qua đi, lòng tôi vẫn cảm thấy bồi hồi. Thêm một năm trôi qua, đường về Việt Nam ngày càng dài thêm và tuổi đời lại đồng biến với thời gian và sức người sinh học cũng có giới hạn trong cõi ta bà này...

Đường xa chỉ mấy!

Càng đi, tuy vẫn một lòng sắc son với Đất Nước nhưng **đạ vẫn chưa yên vì quê hương còn quá xa, với tay không tới.**



Nhìn lại suốt chặng đường đã qua, bè bạn cũng lắm, cùng khắp năm châu.

Nhưng bây giờ, ở buổi hoàng hôn của cuộc đời, bước đi của tôi dường như nặng hơn, chậm hơn, và cô đơn hơn. Nhìn bên tay mặt, liếc qua tay trái, tôi hình như chẳng còn thấy ai bên cạnh, có chăng là những hình ảnh mờ mờ ảo ảo, ẩn ẩn hiện hiện chung quanh.

Tôi có bị quáng gà hay không?

Thưa không. Chắc chắn là không!

Một người bạn thân của tôi đã từng ví von đất Bolsa là đất “thần kinh”, nhưng không phải là đất của vua chúa, của những cô gái Huế thướt tha, mà là đất của những người bị bệnh thần kinh! Tôi hoàn toàn chia xẻ suy nghĩ sarcastic này của bạn. Gần tròn 6 năm chuyển qua Houston, tôi vẫn phải chiêm nghiệm tình trạng gió tanh mưa máu của cộng đồng, mất đoàn kết giữa những người nói cùng một tiếng nói mà đường như...quá cách xa?

Ngoài ra, tôi còn nhận thấy thêm rằng con người hôm nay quá mau thích ứng với hoàn cảnh dù trong điều kiện tốt hay xấu, đổi màu nhanh hơn kắc kè! Phải chăng đây cũng là một hình thức “sinh tồn” trong chủ thuyết sinh tồn của Cố



Đảng trưởng Trương Tử Anh, hay xu hướng “Biển cải” của Cố GS Nguyễn Ngọc Huy? Hay đây là một loại sinh tồn của của thời kỳ trước cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trong thế kỷ 18?

Từ Chủ thuyết dân tộc sinh tồn, rồi Xu hướng biển cải cố gắng mang đến một lộ đồ cho dân tộc tiến về một nước Việt có tự do, nhân quyền, và còn giữ được truyền thống dân tộc, chứ nào phải như cung cách hành xử của nhiều “bậc thức giả” vẫn còn ...đong đưa trong chính cái vô minh của mình hiện tại!

Tôi đã từng viết những bài về tháng tư buồn, bây giờ lại thêm tháng 11 buồn nữa.

Suốt hơn 30 năm qua, tôi vẫn nghĩ mình như là thân con én, dù không mang lại mùa xuân, nhưng cũng có thể báo hiệu mùa xuân.

Nhưng ngày hôm nay, tôi đã hoàn toàn sai lầm, thân con én này đã không hoàn thành nhiệm vụ “báo hiệu mùa xuân” vì... đêm đen mùa đông của Dân tộc vẫn còn mịt mù trước mắt! Biết đến bao giờ tôi nhìn thấy được mùa Xuân Dân Tộc đây? Mong các bạn trả lời giúp cho.

Phổ Lập Mai Thanh Truyết /Cuối Thu 2018



Phạm Tương Như

4 Tháng 7

*Lễ Độc Lập Hoa kỳ 2019
Cắm vài ý nghĩ về quê nhà
Làm cột mốc sống sót
Những đời lính Việt Nam Cộng Hòa*

Tuyên ngôn độc lập:

- *Quyền bình đẳng làm người*
- *Quyền được sống Tự Do*
- *Quyền mưu cầu hạnh phúc*

*Ba quyền nhân bản của mọi người dân
Không vì phe Đảng, nhà nước!*

*Hiến pháp Mỹ và những anh hùng lập quốc
Vì dân, tôn trọng nhân quyền
Không ngại như Hồ Chí Minh
Đến cái tên cũng gian trá!*

*Tuyên truyền giáo điều cao cả
Thực tế để lừa mị dân
Làm Đảng với Tổ quốc
Cầu vinh bán nước cho ngoại bang*

*Bằng nhiều thủ đoạn bạo tàn
Cướp của, bán dân phụ nữ
Bán sức lao động công nhân
Bán mọi bằng cấp, chức tước*

*Đặc khu kinh tế, kiểm soát tin tức
Cởi mở nhậu nhẹt, dĩ điểm đến tận xóm thôn
Đàn áp tôn giáo, môi trường ô nhiễm
Theo Tàu, định thay chữ Việt quốc túy quốc hồn!*

*Ta là người lính già
Đang tàn theo năm tháng
Chẳng thù hận một ai
Vì nặng tình dân nước
Cần diệt Cộng, diệt Đảng
Để nhân loại an lành!*

*Địa ngục ta cũng đành
Truyền tuyên ngôn Độc lập!
Xã hội chủ nghĩa là đám tang
Chôn vùi niềm tin, hy vọng!**

*Phải dựng cờ, đất bằng nổi sóng.
Đem máu xương tô điểm non sông.
Thức dậy mà đi gieo mầm sống
Việt Nam ơi dòng giống Tiên Rồng!*

Phạm Tương Như

**hãy nhìn Venezuela, Cuba, Bắc hàn...*



Phạm Trần Anh

DANH NHÂN - DANH TƯỚNG VIỆT

ĐẠI ĐẾ TRẦN THÁI TÔNG BIỂU TƯỢNG SÁNG NGỖI VIỆT NAM

Chiến thắng oanh liệt hào hùng của Đại Đế Trần Thái Tông đã xóa bỏ danh hiệu “Bách chiến Bách thắng” của đạo quân khét tiếng thế giới. Chiến thắng oanh liệt 1258 đạo quân Mông Cổ thiện chiến đã mở đầu cho sự suy tàn của đế quốc Mông Cổ. Lần đầu tiên trong lịch sử, đế quốc Mông Cổ đã ném mùi thất bại trước sức sống Việt Nam được biểu tượng qua người anh hùng dân tộc Đại Đế Trần Thái Tông, văn võ toàn tài, khoan dung đức độ, biểu tượng ngời sáng của bậc đại nhân, đại trí, đại tài của Việt Nam. Trên phương diện tâm linh, Đại Đế Trần Thái Tông chính là hóa thân của Bồ Tát Cứu Khổ Cứu Nạn trong đời sống bình thường của một con người, trọn nghĩa vẹn tình, chu toàn bổn phận của một con dân đất Việt trước đại họa mất nước.

Trước đây, dân gian thường nghĩ rằng Phật Giáo là xuất gia sống đời tu trì đạo hạnh. Phật Giáo thời Lý nhuộm màu huyền bí, trở nên xa lạ với người dân thế nhưng các vị vua đời Trần thì suốt một đời sống thực, trải nghiệm qua những khổ đau mất mát đời thường để tuốt grom lên ngựa xông pha ngoài chiến trận, bảo vệ giang sơn bờ cõi rồi giác ngộ thể hiện một tinh thần nhập thế, một triết lý nhân sinh Phật giáo đáp ứng nhu cầu tri thức hiện thực thời đại của nhân loại.

Ngoài chiến công hiển hách, Đại Đế Trần Thái Tông còn là một người thông tuệ, có trí huệ của bậc thiện tri thức ngay từ thế kỷ thứ 13. Đại Đế Trần Thái Tông là “Bồ Đuốc của nền Thiền Học Việt Nam”. Thời Lý Trần là thời kỳ cực thịnh của dân tộc nói chung và cũng thời kỳ rực rỡ của Phật Giáo Việt Nam với những vị vua nhân từ đức độ, không màng danh lợi, rời bỏ tột đỉnh quyền uy, cao sang phú quý để trở thành những thiền sư thông tuệ đạo hạnh.

Ngay từ thời trai trẻ, nhà vua đã lãnh hội được tinh hoa của môn phái Đông A của dòng họ Trần nên nhà vua tinh thông võ nghệ hơn người. Nhà vua đã cho thành lập Giảng Võ Đường ngay kinh đô để đào tạo quan võ nên nhà nho Ngô Thời Sĩ đã viết trong Việt Sử Tiêu Án *“Vua lập ra nhà học, tôn chuộng nghề văn, dựng nên ngôi nhà giảng tập việc võ. Cả văn lẫn võ có vẻ rực rỡ lắm cho nên có các ông Hán Siêu, Trung Ngạn, Nhật Duật, Ngũ Lão nối nhau xuất hiện, Văn Trinh và Hưng Đạo là bậc danh tướng lẫy lừng thời bấy giờ, là kết quả của sự tôn trọng văn võ đó...”*.

Sách sử chép không những khoan, nhân, độ, lượng mà còn bản lĩnh gan dạ như *“năm 1241, người Thổ, Mán ở bên Tống sang cướp phá biên giới. Nhà vua hạ lệnh cho viên đội trưởng là Phạm Kính Ân đem quân đi đánh tan giặc. Nhà vua đi tuần ngoài biên thùy, nhân tiện đi luôn vào đất Tống. Nhà vua thân chinh đem quân chèo thuyền từ trại Vĩnh Bình qua châu Khâm, châu Liêm, xưng là trai Lang rồi cầm mấy chiếc thuyền Kim Phụng, Nhật Quang và Nguyệt Quang trong cội đất ấy. Ban đầu người châu ấy không biết tình hình thế nào đều sợ chạy cả, lúc biết ra, họ mới giăng xích sắt ở giữa dòng sông để cản đường về. Nhà vua sai nhô lấy vài cái neo bằng sắt đem về...”*.⁵⁴

Các sử thần thời trước đều là những nho sĩ nên lấy *“Tam Cương Ngũ thường”* của nho giáo làm điển chương mẫu mực nên thường đặt bút phê phán những nhà vua của thời Phật giáo thịnh trị. Bàn về việc nhân nghĩa từ Ngô Sĩ Liên tới Ngô Thời Sĩ đều lên án gay gắt việc lấy chị dâu làm vợ của Trần Thái Tông. Duy chỉ có Việt Sử Thông Giám Cương Mục viết một cách trung thực như sau: *“Nhưng bấy giờ Thái Tông hãy còn thơ ấu, mà Thủ Độ là người rất ngoan cố, phạm việc gì cũng do hắn chỉ sử, Thái Tông không theo cũng không được. Thế mà sử thần cứ chỉ trích riêng Thái Tông, như thế chưa phải là lời phê bình công bằng...”*.

Ngô Thời Sĩ trong Việt Sử Tiêu Án viết: *“...Trong lòng vua thấy bất an, đương đêm ra ở với Phù Vân Quốc Sư ở núi Yên Tử. Thủ Độ đưa quần thần đến mời vua về kinh đô. Vua*
12 Tin Văn

nói: Ta tuổi trẻ không may phụ thân mất sớm, chưa kham nổi việc nước nên không dám ở ngôi vua để làm nhục cho xã tắc”. Thủ Độ nói “Vua ở đâu tức là triều đình ở đấy, xin phá núi làm cung điện”. Quốc Sư xin với vua “Bệ hạ nên hời loan không nên để cảnh sơn lâm của đệ tử bị phá hủy”. Vua mới chịu về...”...

Liễu tự nghĩ mình thế cô nên lên thuyền độc mộc đến nơi vua ở xin đầu hàng. Thủ Độ nghe tin đi thẳng đến thuyền vua ngự, lớn tiếng rằng “Phải giết giặc Liễu”. Vua vội vàng giấu Liễu đưa thân ra nhận. Thủ Độ ném thanh kiếm nói “*Thủ Độ này là con chó săn thôi, biết đâu lòng dạ sự thuận nghịch của anh em nhà vua*”. Vua phải giảng giải mãi, rồi cho Liễu đất An Sinh làm nơi ở riêng và phong cho Liễu làm An Sinh Vương.

Thế nhưng Ngô Thời Sĩ với thái độ cố chấp của nhà nho vẫn đặt bút phê phán một cách vô lý “*Vua là người khoan nhân có độ lượng của bậc đế vương, lập ra chế độ, điển chương đã văn minh đáng khen, nhưng chỉ vì tam cương lộn bậy, nhiều điều xấu xa trong chốn buồng khuê...*”.

Vua Trần Thái Tông hết sức quan tâm tới nền quốc học của nước nhà. Năm 1232, vua Trần Thái Tông cho tổ chức khoa thi Thái Học sinh là khoa thi Tiến sĩ đầu tiên của nước ta. Nhà vua tuy là một Thiền Sư Phật Giáo nhưng lại chủ trương chấn hưng quốc học trên nền tảng tinh thần “Tam Giáo” nên ra lệnh cho mở kỳ thi Tam giáo vào mùa Thu năm 1247. Sách Cương mục chép: “*Trước đây, những nhà nho theo Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo mà có con nối nghiệp nhà đều được cho vào thi. Nay lại cho thi tất cả những ai thông hiểu các khoa về 3 tôn giáo...*”. Trong kỳ thi này, nhà vua đặt ra lệ Tam khôi, chọn 3 người đậu cao theo thứ tự là Trạng nguyên, Bảng nhãn và Thám hoa.

Đặc biệt ở vào thời kỳ phong kiến mà nhà vua lại có tinh thần dân chủ nên năm 1250, xuống chiếu cho thiên hạ gọi vua là “Quốc Gia” nghĩa là nhà vua không xem nặng ngôi vị thiên tử mà tự xem mình là người đại diện cho nước nhà thì thật là cách mạng, thật là dân chủ không thấy ở bất cứ nước nào trên thế giới vào thời đó.

Sách sử cũng chép lại việc Trần Thủ Độ và Linh Từ Quốc Mẫu sắp đặt ép buộc vì quyền lợi dòng họ Trần khiến Trần Liễu tức giận tụ tập đại quân ở Đại Giang chống lại triều đình nhưng nhà vua đã hành xử hết sức nhân nghĩa, không vì bảo vệ ngôi vua mà giết anh như vua Đường Thái Tông đã đang tay giết em rồi lại lấy vợ em trong một đất nước lấy Hán Nho làm đích điểm trị quốc an dân như Trung Quốc.⁵⁵ Tất cả đã nói lên ý nghĩa cao đẹp chuẩn mực đạo đức của Trần Thái Tông không vì ngôi vua và một người phụ nữ mà chối bỏ tình anh em ruột thịt...

Bàn về cách ứng xử của Đại đế Trần Thái Tông qua việc gả vợ cũ là công chúa Thiên Cực cho tướng tài Lê Phụ Trần là người có công bảo vệ mạng sống của nhà vua thì quả là hành xử của một bậc đại nhân đại nghĩa, trọn nghĩa vẹn tình. Trong “Thiền Học Việt Nam”, Học giả Nguyễn Đăng Thục viết về chuyện này như sau: *“Nhà vua cũng có một cử chỉ đặc biệt nhân bản này là sau khi vì quyền lợi của triều đại phải lấy chị dâu như tục Levirat cổ xưa, để có người nối nghiệp mà phải bỏ Chiêu Thánh và phế xuống làm công chúa. Bấy giờ là năm 1237.*

Cách 21 năm sau, vào năm 1258, sau khi thắng quân Mông Cổ, vào sinh ra tử, nhờ có Phụ Trần can đảm và trung thành bảo vệ thoát chết. Một mặt nhớ ơn người trung thần, một mặt cũng nhớ tới tình xưa nghĩa cũ với Chiêu Thánh nên sang ngày mừng một tết năm 1258, nhà vua ngự triều ở Chính Điện, định công đánh giặc để ban thưởng, phong cho Lê Phụ Trần chức Ngự Sử Đại Phu, rồi lại gả Chiêu Thánh Công chúa cho Phụ Trần. Nhà vua bảo Lê Phụ Trần rằng “Nếu Trẫm không có nhà người giúp sức, thì làm gì có được ngày nay. Nhà người nên cố gắng để cùng làm tròn sự nghiệp sau này...”

Cử chỉ trên đây chứng tỏ nhà vua vẫn có quan điểm về giá trị nhân sinh không hoàn toàn thuộc về hệ thống giá trị nho giáo. Trong thâm tâm nhà vua lúc ấy hẳn là quý trọng và biết ơn bấy tôi Lê Phụ Trần coi như chính bản thân mình vì nhờ Trần đem thân che cho mình khỏi mưa tên giữa trận tiền đang nguy ngập. Vậy nhà vua ở bình diện người đối với

14 Tin Văn

người cũng phải đề cao cái giá trị hy sinh cao cả và anh dũng ấy rồi. Huống chi hành động hy sinh ấy của Phụ Trần lại là đối với chính mình. Như thế, ngoài việc nhà vua phải thưởng cho Tước vị cao, mà còn phải đền ơn cứu sống nữa. Lấy gì mà đền ơn ấy cho xứng đáng giữa người với người?

Nhà vua hy sinh mỗi tình đầu của mình cho ân nhân, vì Chiêu Thánh tuy bị phế xuống làm Công chúa do áp lực của triều đình, nhưng dù sao vẫn là người yêu ban đầu của nhà vua. Nhà vua hẳn bất an trong lòng khi phải chia tay với mỗi tình đầu, để người phụ nữ bỗng trở nên người góa phụ bất đắc dĩ. Do vậy mà xét, chúng ta có thể thấy được chỗ tế nhị u uẩn của con người Trần Thái Tông vậy...”.⁵⁶

Sử thần Ngô Sĩ Liên viết “Dụ Tông tán dương Thái Tông bài thơ... Đường Việt khai cơ lưỡng Thái Tông, Bĩ xưng Trinh Quán, ngã Nguyên Phong. Kiến thành chu tử, An Sinh tại, Miếu hiệu tuy đồng, đức bất đồng... nghĩa là triều Đường và nhà Việt mở nước có 2 vua Thái Tông... Miếu hiệu tuy có giống nhau mà đức độ khác nhau...”.

Đọc lại sách sử xưa, suy ngẫm về những ứng xử, những hành động của người xưa để lại những bài học ý nghĩa giá trị mãi tới muôn đời sau. Viết về Trần Thái Tông, Sử thần Ngô Sĩ Liên viết trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư như sau: “Vua khoan dung nhân từ, đại độ, có cái lượng của bậc Đế Vương cho nên khai sáng nghiệp lớn để lại truyền thống, lập ra kỷ cương phép nước đó là chế độ nhà Trần vĩ đại vậy...”.

Sau khi đánh thắng quân Mông, truyền ngôi cho con lên làm Thái Thượng Hoàng sống đời tu trì đạo hạnh khi mới 40 tuổi... Sử thần Ngô Thời Sĩ phải hết lời ca ngợi: “Nghiên cứu nội điển làm ra sách Khóa Hư Lục, mèn cảnh sơn lâm, xem sống chết như nhau, tuy ý tứ gần với đạo Phật “Không tịch” mà chí thì rộng xa cao siêu, cho nên bỏ ngôi báu như trút bỏ giếp nát vậy...”.

Thời đại Lý-Trần là thời thịnh trị của dân tộc Việt về văn học và võ công. Năm 1054, vua Lý Thái Tông đặt quốc hiệu là Đại Việt và với chiến thắng năm 1075, danh tướng Lý Thường Kiệt mở ra một kỷ nguyên Đại Việt lẫy lừng hiển hách đánh tan tành Trung Quốc.

Đại Đế Trần Thái Tông, sau khi xóa sổ danh hiệu bách chiến bách thắng của đạo quân Mông Cổ, đã truyền ngôi vua cho con rồi lên làm Thái Thượng Hoàng lo việc tu trị. Đến đời cháu nội là vua Trần Nhân Tông sau khi cùng với Hưng Đạo Vương đánh thắng quân Nguyên, năm 1293 đã truyền ngôi cho thái tử Trần Thuyên (tức vua Trần Anh Tông) và lên làm Thái thượng hoàng. Sau đó vua Trần Nhân Tông xuất gia tu hành theo đạo Phật và lấy hiệu Trúc Lâm đại sĩ (竹林大士) nhưng vẫn tham gia điều hành chính sự, đánh dẹp quân Ai Lao xâm phạm biên giới và mở rộng bờ cõi về phương Nam bằng phương pháp ngoại giao. Đặc biệt, vua Trần Nhân Tông là vị tổ sáng lập của Thiền phái Trúc Lâm, một dòng thiền Phật giáo mang bản sắc văn hóa Việt Nam và tinh thần nhập thế của Phật Giáo Việt Nam.

Trong Chiếu Truyền Ngôi tuyên cáo với thần dân, Nữ hoàng Lý Chiêu Hoàng đã viết với lòng tự hào dân tộc về Trần Cảnh: *“Nay Trẫm suy đi tính lại một mình, chỉ có Trần Cảnh, văn chất rực rỡ, thật là thể cách thánh hiền quân tử. Uy nghi lẫm liệt, có tư bẩm văn võ Thánh Thần, dầu vua Cao Tổ đời Hán, Thái Tông đời Đường cũng không hơn được...”*.

Vua Trần Thái Tông đã cho mở khoa thi Tiến sĩ đầu tiên trong lịch sử Việt trên nền tảng “Tam Giáo Đồng Nguyên”, nhà vua cũng cho mở Giảng Võ Đường đầu tiên nên thời Trần nền văn học rực rỡ, võ học xiển dương.

Chính nhà vua Trần Thái Tông đích thân cầm quân đánh tan đạo quân Mông Cổ xâm lược, xóa bỏ danh hiệu “Bách Chiến Bách Thắng” của đế quốc Mông Cổ lừng lẫy một thời. Quân Mông Nguyên không chỉ đại bại 1 lần năm 1258 mà cả 2 lần sau cũng thảm bại tháo chạy về nước dưới sự lãnh đạo của vua Trần Nhân Tông và tài chỉ huy của Quốc Công Tiết Chế Hưng Đạo Đại Vương năm 1285 và 1288.

Đại Đế Trần Thái Tông và Hưng Đạo Vương quả là Đại Danh Tướng không những của Việt Nam mà còn của cả nhân loại nữa.

Phạm Trần Anh



Túy Hà

HỒNG KÔNG THÁNG 6/2019

Tôi đang cùng ngạt thở
cùng tuổi trẻ hong kong
hơi cay tràn nước mắt
khói tối tăm mặt mày.

Tôi chia từng nhịp thở
cùng tuổi trẻ ngày nay
xiết tay nhau không chạy
trong vòng vây bá quyền

Hoan hô Hoàng Chí Phong*
nhỏ người nhưng chí lớn
đòi dân chủ tự do
bằng lương tâm công lý

Dân hong kong đứng dậy
triệu triệu người vùng lên
hoa dù vàng nở rộ
đòi độc lập chủ quyền

Trong dòng người vô tận
tuổi trẻ ở tuyến đầu
chung một niềm khát vọng
Democrarcy Freedom

Những ngày qua rất vội
hong kong vẫn biểu tình
dấu máu người đã chảy
giữa vòng vây bất minh

Máu tuổi trẻ nồng say
nung thêm bầu nhiệt huyết
nhìn thẳng ngấn cao đầu
tiến lên không cự tuyệt

Tuổi trẻ lại xuống đường
trong vòng vây trật tự
thế giới đã nhìn ra
biết chính tà ứng xử

Tôi góp thêm nhịp thở
trái lòng không thờ ơ
đầy niềm tin khát vọng
đòi chủ quyền tự do

Xa nửa vòng trái đất
sao khói cay thổi dồn
cho lệ mừng tuôn chảy
rung máu tim ngập hồn

Vinh danh nguồn sức trẻ
hong kong đi tuyến đầu
tôi ngậm ngùi tự hỏi
tuổi trẻ Việt Nam đâu?!

Túy hà

**Joshua Wong thủ lĩnh phong trào biểu tình.*



Cao Nguyên
TỔ QUỐC HỐI SINH

Đã cuối Tháng Tư. trời không có nắng
Đất buồn hiu. Cỏ còn rử màu vàng
Nhìn giọt mưa lăn bên ngoài cửa kiếng
Nhớ mắt người đắm lệ dưới khăn tang !

Vẫn thế đấy. Bốn mươi mùa thao thức
Lặng lẽ đời ngời ngấm những dòng đau
Chảy mãi miết qua hành trình dâu bể
Mỗi chặng nhìn, hỏi: Tổ Quốc mình đâu?

Tổ Quốc đấy. Trong con tim rướm lệ
Khóc Quê Hương sông núi mãi điêu tàn
Dân Tộc nào đau thương nhiều như thế
Hàng triệu người phải bỏ nước lưu vong!

Đi để tránh những đòn thù cay nghiệt
Đi để dành khí tiết gửi về sau
Đi dẫu nhớ Quê Hương mình da diết
Nhưng phải Đi giữ Tổ Quốc màu cờ!

Cờ phất phới vàng bay trên đất khách
Với niềm tin Tổ Quốc sẽ hồi sinh
Cả Dân Tộc sẽ vươn mình đứng dậy
Đòi Tự Do, Công Lý với Nhân Quyền .

võ phiến lối sống

“một thời văn báo”

...Ngoài vấn đề mức sống, còn có vấn đề lối sống. Đa số văn nghệ sĩ trước 1975 họ sống ra sao? họ - hiện sinh như thế nào? họ làm việc như thế nào? họ ăn chơi, hưởng thụ, tìm hứng cách nào? Chuyện lối sống cũng như chuyện mức sống: không làm gì có một mẫu chung cho văn giới. Ngoài đời phức tạp thế nào thì trong văn giới rắc rối thế ấy.

Có người sống rất mực đài các như Đông Hồ ở Đại an, rất mực phong lưu như Nhất Linh ở bên bờ suối Đa Mê, có người hết sức mực thước nghiêm chỉnh như Nguyễn Hiến Lê, Bình Nguyên Lộc, Lê Ngọc Trụ, có người sống đơn sơ như Sơn Nam, lại cũng có kẻ ngông nghênh như Nguyễn Đức Sơn, phóng khoáng như Hoàng Ngọc Tuấn, phóng khoáng nữa như Mai Thảo, Duyên Anh v.v... Thiên hình vạn trạng. Tuy nhiên, đa số nói chung thì các nhà văn Miền Nam thời 54-75 là những người sống đời bình dị, lành mạnh và làm việc nhiều.

Nhân một dịp cuối năm ký giả Lê Phương Chi đến thăm Lê Xuyên ở tòa báo Đại Dân Tộc, thấy ông bận tíu tít. Đây là công việc của ông ở tòa soạn: - Mọi khi, buổi sáng bù đầu với công việc tin, mi, phim, bài vở v.v... cho đến khi tờ Đại Dân Tộc lên khuôn là anh ăn một đĩa cơm với một chai bia, rồi nằm lên bàn viết, đánh một giấc, hoặc tiếp bạn bè lại rai cho đến 21 giờ đêm mới mò về nhà. Như thế chưa hết đâu: - hiện nay Lê Xuyên chỉ còn một truyện dài ở Quạt Cường (“Cậu Ba Thời”), vì không còn thì giờ để viết, dù vẫn còn vài tờ nhật báo nhờ viết. Hiện nay thì vậy, có lúc khác mỗi ngày ông viết nhiều lắm chứ đâu phải chỉ một truyện dài. Lần khác, Ngu Í hỏi Bình Nguyên Lộc về chuyện giờ giấc. Nhà văn cho biết mỗi ngày từ năm giờ sáng ông đã phải có mặt ở tòa báo. Ngu Í giật mình kêu: - Năm giờ sáng! Mùa này năm giờ, trời còn tối đen. Chắc anh kiếm xe khó lắm.

Bình Nguyên Lộc bảo ông không cần kiếm xe: ông đi bộ. Và tới nơi là làm việc - bù đầu bù óc, sợ khách, sợ cả điện thoại, vì phải lo nghe tin, viết tin.

Hết việc ở tòa soạn, về nhà lại việc nhà: đọc, viết. Bình Nguyên Lộc có thói quen mở cát-xét nho nhỏ, vừa nghe nhạc êm dịu vừa viết. Ông viết đều đặn mỗi ngày, không chờ hứng chờ thú gì cả. Suốt hai mươi năm biết ông, tôi chỉ thấy ông giản dị trong bộ đồ trắng: quần trắng, áo trắng, nịt trắng, giày vải trắng, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt long trọng bắt buộc phải mặc khác.

Đoàn Quốc Sỹ vừa dạy ở đôi ba trường đại học, vừa viết văn, vừa chủ trương một nhà xuất bản, cho nên tổ chức ngay trong gia đình một nếp sống - khoa học để tiết kiệm thì giờ, ngay bữa ăn cũng - cải cách theo lối mới: Cơm và mọi món ăn đều cho chung vào một cái đĩa lớn, tất cả - sống chung hòa bình với nhau, bố mẹ con cái mỗi người một đĩa duy nhất, ăn xong phần ai nấy rửa.

Tiêu biểu cho nếp sống mẫu mực, nghiêm chỉnh là Nguyễn Hiến Lê. Ông không thức quá khuya, dậy quá sớm, ông không làm việc - bù đầu bù óc. Ông làm vừa sức mình, nhưng rất đều, giữ đúng chương trình, mỗi ngày ngồi vào bàn viết vào giờ nhất định, rời khỏi bàn viết vào giờ nhất định. —Tôi tự đặt cho mình một kỷ luật, trừ khi đau ốm còn ngày nào thì cũng dậy từ 6 giờ hay 6 giờ rưỡi, điểm tâm lúc 7 giờ, rồi nằm đọc sách, chín giờ lại bàn viết để viết luôn đến 12 giờ, bữa trưa. Ăn trưa xong tôi nghỉ khoảng một giờ, nhắm mắt lại, chợp được độ nửa giờ là nhiều; một giờ rưỡi dậy, nằm ở giường đọc sách đến 3 giờ. Chiều lại viết từ 3 giờ đến 5 giờ rưỡi, 6 giờ; tắm xong, ăn bữa tối lúc 7 giờ. Cả buổi tối, cho tới 10 giờ, tôi chỉ nằm đọc sách báo. Cứ như vậy trong hơn 30 năm ông viết được 120 nhan đề. Ông tính ra: —120 nhan đề đó được khoảng 30.000 trang, chia cho 33 năm chỉ có khoảng 900 trang một năm, trung bình chưa được 3 trang mỗi ngày mà! (Đời viết văn của tôi).

Sau 1975 dưới chế độ mới, ông không cho xuất bản tác phẩm nữa nhưng ngoài bảy mươi tuổi ông vẫn tiếp tục viết. Trong một lá thư từ Long Xuyên năm 1982, ông nói về đời

sống hàng ngày: —Năm giờ sáng dậy, làm mười exercises nhẹ, cử động khắp các bắp thịt, thở bụng khoảng 1 giờ thì xong. Ra vườn bắt sâu cho mấy chậu kiểng, đi bách bộ trong mấy đường chung quanh nhà, ăn sáng, rồi nằm đọc sách, 9 giờ viết tới 12 giờ; chiều viết từ 3 giờ đến 5 giờ; tối đi bách bộ trong vườn, 9 giờ đi ngủ. (Thư đề ngày 15-10-1982)

Còn Sơn Nam, lối sống có thể nói là hơi... dưới mức giản dị. Như đã biết, ở thì ở trọ như một cậu học trò, viết văn còn cực hơn học trò làm bài: —Xóm này ồn, tôi thường phải đợi đến khuya mới làm việc. Có khi viết ở các quán cà-phê. Có những buổi trưa, vào giờ ăn cơm, anh lại đây tìm tôi mà không gặp, là vì tôi mệt, về đây ồn ào mệt thêm, nên tạt vào tiệm chệt nào đó ăn cơm, rồi tập vô nhà bạn quen gần đó mà nghỉ một chút. Làm thì làm thế, còn hưởng thụ? Lê Phương Chi bảo: —Hỏi anh, khi được nghỉ mấy ngày Tết, anh sẽ làm gì để vui với gia đình, Lê Xuyên cho biết: Được nghỉ là ngủ, rồi nhậu lai rai, và nghe nhạc; sau khi ngủ, nghe nhạc và nhậu chán rồi thì đi chơi với người yêu. Như vậy được không? Được quá chứ còn đòi gì nữa. Vì cái —người yêu nói oang oang lên báo cho cả—và thiên-hạ cùng biết đây nhất định không ai khác hơn là bà Lê Xuyên. Lành mạnh, mẫu mực quá. Nên nhớ Lê Xuyên là một trong những cây bút nam phái viết —dữ nhất lúc bấy giờ, có nhiều tác phẩm bị kẹt ở sở Kiểm duyệt mãi không xuất bản được. Về chuyện hưởng thụ, xin trở lại lần nữa với Sơn Nam, vì một ý kiến táo bạo. Cũng trong cuộc phỏng vấn do Ngu Í hồi 1965 ấy, có một lúc —bỗng nhiên khói thuốc ngưng tỏa và giọng nói trở nên khác lạ! - Nói anh nghe. Tình thế nước nhà mà cứ thế này mãi, thì đời ba năm nữa, tên Sơn Nam này sẽ bất tỉnh với Phù Dung tiên nữ! Nguyễn Ngu Í ngạc nhiên, Sơn Nam giải thích: —Anh nghĩ coi: chịu cực, chịu khổ, chịu thiếu, chịu thốn năm này đến năm khác, mong có ngày được thấy quê hương mình yên ổn, thế mà căm hờn, chia rẽ, chết chóc cứ diễn ra mãi, mà đã hai mươi năm rồi, chứ ít ỏi gì sao, thì mình cũng có quyền cho phép mình tìm lãng quên và an ủi trong tay nàng Tiên Nâu! Vì dầu sao mình cũng làm chủ đời mình một phần nào chứ! Bằng không sẽ tui phạm đến chừng

22 Tin Văn

nào: người Việt mình có khác nào con ong cái kiến . Phần chí thì nói vậy nhưng, như chúng ta đều biết, ba năm sau, tức vào khoảng tết Mậu Thân, Sơn Nam không bắt tình với Phù Dung tiên nữ, rồi thêm ba năm sau nữa vẫn chưa bắt tình, và rồi lại thêm một lần ba năm nữa Sơn Nam vẫn cứ còn chịu cực chịu khổ. Tất cả sự —hưởng thụ của nhà văn này chỉ là mua một số sách đẹp, sắm và chăm sóc một mớ cây kiểng không nhiều để có thể đùm túm mang theo mỗi lần dời nhà trọ, và họa hoằn mua một món đồ cổ... nhẹ tiền. Và Sơn Nam không phải là người hiền Nhan Hồi duy nhất của thế hệ mình.

Đại khái lớp người cầm bút này sống đạm bạc, lành mạnh, đạo hạnh, cơ hồ khắc khổ như thế cả: Bình Nguyên Lộc, Lê Ngọc Trụ, Nhật Tiến, Lê Tất Điều, Nguyễn Đức Sơn, Dương Nghiễm Mậu, Túy Hồng, Y Uyên, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Nguyễn Văn Hầu, Thế Uyên, Viên Linh v.v... Hoặc có kẻ bảo: Những nhà văn nhà giáo vừa kể trong thời chiến lấy đâu ra tiền mà vung vít? lành mạnh là cái bắt buộc. - Không hẳn thế đâu. Nghệ sĩ tiền chiến không nghèo sao? Những cây bút phóng đảng nhất thời ấy đâu phải là những kẻ giàu sang? Và lại hãy lấy một người không nghèo chút nào của thời 54-75: Nguyên Sa chẳng hạn. Nhà thơ của tình yêu, nhà nghệ sĩ hào hoa, tiền của dư dật, con người ấy —ăn chơi ra sao? Suốt đời —áo ngủ, quần ngủ, ở nhà thôi, quanh năm ăn cơm nhà.

Mai Thảo biết Nguyên Sa từ ngày ông này mới ở Pháp về cho tới ngày bỏ nước sang Mỹ, Mai Thảo kêu: —Hàng quán gặp những gia đình quanh năm cơm nhà như gia đình Nguyên Sa là sập tiệm. Không có bạn bè nào quyền rũ được Nguyên Sa rời mái gia đình đi chơi đêm. —Rủ, cười cười: Ông thức khuya được. Tôi không thức khuya được. Phải ngủ sớm mai đi dạy học sớm. Rủ nữa, lắc: Ông uống rượu được, tôi không uống rượu được. Ở nhà thôi. Ở nhà thôi. Cứ sớm cứ tối. Cứ cái này ông được tôi không được. Rất minh bạch, gọi đó là điệp khúc Nguyên Sa ở nhà thôi. Những gia đình nề nếp nhất cũng chỉ dám ao ước có được mấy nàng con gái ngoan đến thế thôi. Đến đây không khỏi có kẻ mỉm cười, cho

là tôi đang cố gắng biến giới văn nghệ thành ra những ông đạo ăn chay trường. Vâng, tôi biết người ta có thể kể ra một số tên tuổi khác để phản đối, để chế giễu tôi. Quả nhiên, không ai chối cãi được điều này là trong giới văn nghệ sĩ sau 1954 tại Miền Nam vẫn có những vị chú trọng hưởng thụ: phiện, rượu, đồ đen... Nhưng xin thử lưu ý một tí xem: tôi ngờ rằng cái tệ trạng ấy không thuộc thời kỳ này, không tiêu biểu cho thời kỳ này, nó là một tàn tích di lưu lại từ cuộc sống —nghệ sĩ kiểu tiền chiến, được mang vào từ Hà Nội, thủ đô văn nghệ tiền chiến, do những vị nghệ sĩ của thời ấy, hoặc những —mầm non đã từng lui tới gần gũi những vị ấy, từng tham dự hay học đòi nếp sống —nghệ sĩ thời ấy. Còn văn nghệ thời kỳ 54-75, đến giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến, khi thể xác đã trải qua đủ mọi bề hiểm nguy gian khổ, khi tinh thần đã cực kỳ mệt mỏi mỗi nẻo nê, đến giai đoạn mà quân đội Mỹ đổ qua đông đảo nhất, mà cuộc sống trở nên hỗn độn xô bồ nhất, đến giai đoạn ấy họ thất vọng chán nản có đổ ra liều lĩnh hưởng thụ chẳng qua cũng chỉ rũ nhau đến các quán cà-phê lúc bấy giờ thi nhau mọc như nấm.

Những quán Gió, quán Mây, quán Tre, quán Trúc... độ ấy thành ra một phong trào. Nghe điệu nhạc buồn êm dịu, —phản chiến; nhấm nháp tách càphê ngon, thế thôi. Thế gọi là hưởng thụ! Nhân một chuyện làm bạn với Phù Dung tiên nữ, chúng ta đã nghe câu phát biểu của Sơn Nam. Hãy đối chiếu với cách nói của một người văn nghệ lớp trước là Vũ Bằng: —... ăn một bữa chả thật ngon, được chủ nhân để dành cho vài chục gắp “lòng”, chan mỡ nước kêu lách tách, rồi uống nước trà mạn sen, ăn một miếng trầu nóng ran cả người lên, đoạn đi ngất ngưỡng trong gió lạnh, tìm một cái xe bỏ áo toí cánh gà trực chỉ Khâm Thiên hay Vạn Thái nghe một vài khẩu trống, không, anh phải nhận với tôi là cái bọn tiểu tư sản sống vô bổ và đầy tội lỗi thực đấy, nhưng sướng lắm $\frac{3}{4}$ sướng không chịu được (...) Về khuya trời rét ngọt, nằm trên một tấm nệm rồi trùm cái chăn len trên mình, nghe các em lấy Kiều hay hát vo bài Tỳ bà, thỉnh thoảng lại làm một điệu, hăm một miếng táo hay một trái nho, rồi lim dim con mắt lại mơ mơ màng màng, tôi quả quyết với anh rằng cách mạng,

24 Tin Văn

đào chánh, chống bắt công xã hội... tất cả những cái đó anh cho là “đồ bỏ” không ăn nhằm gì hết. Một bên buồn giận thời thế mà hờn đời, mà dọa dẫm chứ kỳ thực chưa hề biết đến cái chuyện động trời kia nó ra làm sao cả; một bên thì đã hưởng đến tận cùng và rít lên tiếng xuýt xoa: —sướng không chịu được. Ngoài Vũ Bằng, thời tiền chiến còn gửi lại một Vũ ông nữa, không kém sành sỏi.

Vũ Khắc Khoan hồi tưởng một thời hào hùng: —Rằng ta tự thuở nào tuổi trẻ Nguyễn không hòa theo kẻ làm cao. Rằng ta trượng phu hề lòng như trăng sao Chí như Hy-mã Đỉnh nhọn hề vươn cao. Thời nhiều nhường hề, ta phù suy vùng vẫy —Ta nhớ lại những đêm mê ly: —Sương khuya nhuôm bạc mái đầu Bạ vàng: kẻ trước người sau Giới nghiêm cũng mặc, hèm nào cũng vô Ồ, lại có những chiều nổi gió Rượu ngà ngà, cổ áo nâng cao Khói huyền dâng lên mờ sao Đêm Ba-tư quánh màu ma túy. Những hề hiếc huênh hoang nọ vọng về từ một thời xưa, cũng như cái khói huyền mờ sao ngang nhiên tỏa nghi ngút trong trang thơ ấy nó cũng bay về từ một thuở xa. Người ta không bắt gặp giọng ấ, khói ấy trong thi phẩm của lớp sau này, trong Nguyên Sa, Trần Dạ Từ, Trần Đức Uyển, Nhã Ca, Nguyễn Bắc Sơn, Viên Linh, Nguyễn Đức Sơn v.v... Dĩ nhiên ở đây không có cái ý định đem những cá nhân ra khen chê kẻ —hư người —ngoan làm gì. Lại cũng không phải là một vụ đấu đạo đức giữa các thời kỳ văn học để tranh hơn thua. Trong lịch sử văn học chỉ có kẻ viết hay người viết dở, thời rực rỡ thành tích với thời tàn lụi lu mờ mà thôi, chứ làm gì có sự ưu tiên dành cho lối sống đạo hạnh? Hiền như bụi mà viết nhạt như nước ốc, chắc chắn không phải là nghệ sĩ xuất sắc, đáng mơ ước. Tuy vậy ở đây chuyện ấy vẫn đáng được nêu lên. Vì một cái tiếng oan. Số là sau 1954 có một độ tư tưởng của J.P. Sartre ảnh hưởng mạnh mẽ ở Miền Nam. Chủ nghĩa hiện sinh được nhắc nhở rộng rãi. Trong quần chúng, nếp sống —hiện sinh lại thường được hiểu như một nếp sống phóng túng, dọ lạc. Thế rồi sau 1975 nhà cầm quyền cộng sản trong chủ trương hạ uy thế chế độ trước đã làm âm lên về nền văn hóa —đòi truy trước 1975: nào —tổ trên sách trên báo, nào tổ chức

triển lãm, học tập..., bấy nhiêu vu cáo tạo cho người ta cái cảm tưởng thời 54-75 là thời hoành hành của quỉ dâm dục, của Phù Dung tiên nữ, và văn nghệ thời ấy chỉ những hoan hô ca ngợi tội ác. Nhảm cả. Trong giới nào cũng vậy, ngoài cái đa số thuộc hạng trung bình phải có một số ngoại khổ; và ngay trong cái hạng lành mạnh cũng có một đời sống bình thường và những lúc bất thường. Những lúc ấy văn nghệ sĩ nhậu cũng tung bừng như ai, và họ không giấu giếm.

Những trận nhậu trong thơ Nguyễn Bắc Sơn, Hà Thúc Sinh v.v... Phạt hay Chúa có chứng kiến cũng lấy làm thương cảm: những trận nhậu hoặc trước khi đụng độ, hoặc sau cuộc giao tranh, hoặc được tin thắng bại vừa ngã xuống, hoặc lâu ngày ở mặt trận về gặp lại bạn bè v.v..., những trận nhậu của quân nhân thời chiến. Tường Linh mời Vũ Hữu Định thêm một ly rượu mà nói: —Xin hứa ly này thôi, ráng lên Phải chăng người mới nhắc vài tên Chúng không về nữa... không về nữa Hãy cố say rồi người sẽ quên... (Gặp lại Vũ Hữu Định) Trần Tuấn Kiệt kể về một trận nhậu như thế của Mặc Tường. —Nhớ lại buổi cùng Tiễn, Thành uống rượu để cùng Mặc Tường ở tại nhà bên Gia Định có cả họa sĩ Nguyễn Trung. Mặc Tường đau buồn chỉ đó uống bằng thau rượu để pha đủ thứ, lúc đó chàng say khướt, và Nguyễn Trung cũng say, Nguyễn Trung chở hai đứa sau xe Honda, lúc đó Mặc Tường nắm ngang cánh tay, chúng tôi ngậm thơ vang đường phố khiến mấy chú cảnh sát gác cầu phải lắc đầu. Cái —đau buồn chi đó của thi sĩ phải đến một mức nào mới đến nổi thế, chứ về chàng Thục Viên đã bảo: —Tôi không biết nói sao về nổi mến tiếc một người quá hiền hậu quá đàng hoàng. Thục Viên có lý do để mến tiếc một người như Mặc Tường, một người say khướt mà vẫn quá hiền hậu quá đàng hoàng. Có một độ nhiều văn thi sĩ trẻ tuổi đã thành lập những đoàn công tác xã hội $\frac{3}{4}$ đoàn công tác —Sống chẳng hạn - từ Sài Gòn rủ nhau đi về những thôn ấp xa xôi, nghèo nàn, sống với dân địa phương, làm việc với họ, giúp đỡ họ. Thục Viên và Mặc Tường cùng tham gia đoàn công tác —Sống. Thục Viên ghi nhớ chuyến đi công tác ở ấp Tân Lợi. Ấp này trước kia có tên là ấp Bon Sa, dân cư hầu hết là người gốc Miên, và

26 Tin Văn

70% mắc bệnh cùi! Nghĩ rằng mình đang đi đứng ăn uống tại một nơi đây vì trùng nguy hiểm không khỏi có kẻ lo lắng. Thi sĩ Mặc Tường ngại tắm chung một dòng nước với dân trong ấp, và ông có ý muốn làm một cái bình lọc nước để dùng riêng. Thái độ ấy đã bị anh chị em trong đoàn cho là thiếu tế nhị, sợ tui thân dân địa phương, —nếu không thể làm cho dân chúng mỗi nhà một cái bình lọc nước, thì đừng để dân thấy cán bộ cách biệt họ trong cái sống! Họ nhao nhao phản đối, Mặc Tường đỏ mặt rút lui ý kiến. Rồi —cán bộ quả không chết vì bệnh cùi, ông không có thì giờ để chết vì bệnh: ít lâu sau đó ông gục ngã trên chiến trường. Trong văn giới lớp trẻ chắc chắn cũng có kẻ thích ve chai hũ cốc như một thứ... hộp-bi! Cũng như có một số khác chọn cái ghế thường trực ở Đêm Màu Hồng, chọn giọng hát tiếng đàn làm hộp-bi. Cũng lại có số được tiếng là những tay câu cá rất tài tình: Nguyễn Đình Toàn, Tường Linh, Duy Sinh; có người trồng rau rất thiện nghệ như Nguyễn Đức Sơn. Nhưng đã kể những thú chơi của họ, sao lại không kể những hy sinh của họ? Đây không phải là sự hi sinh bắt buộc ngoài mặt trận trong thời chiến, mà là những hi sinh tự nguyện của nghệ sĩ trước cảnh đời thiếu thốn của một vài lớp người trong xã hội, như Thực Viên vừa kể. Nói chung, hiền hậu, đàng hoàng, với những cái hộp-bi lạnh, vô hại thường thuộc lớp trẻ. Cái cầu kỳ, tai quái, rớt lại từ thời tiền chiến và thường khi thuộc về... đàn anh.

Tất nhiên người văn nghệ sĩ Miền Nam dù sống ở Sài Gòn, ở Cần Thơ, hay ở Huế, Đà Nẵng, dù là sống đời tự do hay bị khẹp vào khuôn khổ kỷ luật nhà binh cũng không sống khắc khổ như anh cán bộ cộng sản trên núi Trờng Sơn hay nằm vùng ở miệt U Minh. Họ cũng không đến nỗi khắc khổ như những cán bộ văn nghệ ngoài Bắc: cái ăn cái mặc của họ nhất định đầy đủ hơn. Nhưng không phải chỉ vì thế mà họ thành ra đời trụ! Trước 1975, Sài Gòn nó —phồn vinh giả tạo ra sao, ai nấy đều biết; thế mà sống giữa Sài Gòn những nhà văn như Nguyễn Hiến Lê, Lê Ngọc Trụ, Nhật Tiến, Lê Tất Điều, Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc, Trần Đại, Y Uyên v.v..., học giả cũng như nghệ sĩ, lớp già cũng như lớp

trẻ, phần lớn họ sống đứng đắn, lành mạnh như thế nào, điều này không cần biện bạch. Sau này, sau 1975, văn công văn sĩ ngoài Bắc đổ vào, trong số những kẻ được đảng dạy dỗ kỹ càng nhất được mấy người từ chối hưởng thụ các thú vui tư sản, dù chỉ hưởng thụ được cái rơi rớt của một thời tàn.....

Trích từ:

VănHọc miền nam: Tổng quan-Võ Phiến

www.vietnamvanhien.vn

@ BÀI THƠ KHÔNG TUỔI

ĐÔI BỜ

QUANG DŨNG

*Thương nhớ ơ hờ, thương nhớ ai?
Sông xa từng lớp lớp mưa dài
Mắt kia em có sầu cô quạnh
Khi chớm heo về một sớm mai?
Rét mướt mùa sau chừng sắp ngự
Bên này em có nhớ bên kia
Giăng giăng mưa bụi quanh phòng tuyến
Hiu hắt chiều sông lạnh bến Tề
Khói thuốc xanh dòng khơi lối xưa
Đêm đêm sông Đáy lạnh đôi bờ
Thoáng hiện em về trong đáy cốc
Nói cười như chuyện một đêm mơ
Xa quá rồi em người mỗi ngã
Bên này đất nước nhớ thương nhau
Em đi áo mỏng buông hồn tũ
Dòng lệ thơ ngây có dạt dào ?*



*Thi Sĩ Tô Thùy Yên,
Thuộc Nhóm Sáng tạo,
Một trong những nhà thơ hàng đầu
của 20 năm Văn Học Miền nam. Đã
chính thức giả tử chữ nghĩa ngày
21-5-2019 tại TX USA.
TV ghi lại những lời tâm cảm của
bạn văn thay lời tiễn biệt
một đời thơ tài hoa.*



Trần Văn Lệ / Temple City

VĨNH BIỆT TÔ THÙY YÊN

Người về một bóng trên đường lớn!"

Mới đó...Trời ơi! Một Bóng Ma!

Tin ở Houston qua, báo vậy

Tô Thùy Yên...mãi mãi Đi Xa!

Mãi mãi từ nay mất một người

Mà nghe ngàn triệu tiếng Than Ôi!

Chào anh! Vĩnh Biệt Người Anh Lớn

Hẹn gặp...mà thôi Hết-Gặp-Rồi!

Mười Tám Thôn Vườn Trầu đang khóc

Mưa Sài Gòn mưa tới Hóc Môn

Tô Thùy Yên ạ...hoa me rụng

Triệu giọt mưa thành Nước Mắt tuôn!

Tôi thật tình tôi đang ngã quỵ

Anh về một bóng thiệt sao anh?

Quê Hương đã đón anh về thật?

Một bóng đường xa...lộ vắng tanh!

Một bóng đường xa...một bóng người

Lời Chào Vĩnh Biệt nhận cho tôi!

Tô Thùy Yên hỡi Người Anh Lớn

Tôi chúc Anh Yên Giác Ngâm Cười.



Phạm Tương Như

THƠ TÔ THÙY YÊN

Hồn Trôi. Giã Biệt. Cánh Diều.
Đi Xa. Bỏ Lỡ. Đi Về. Biệt Tầm.
Mòn Chân Sương Nắng Tháng Năm.
Chim Kêu Bãi Quạnh. Sát Na. Lạc Hồn.
Qua Sông. Không Kịp. Nhanh Hơn.
Bụi Đời. Bia Chú. Ngụ Ngôn. Vẫn Là.
Đuối Trông. Thương Tật. Xót Xa.
Anh Hùng Tận. Vẫn Thấy Ta. Ta Về.
Tàu Đêm. Du Mộng. Con Mê.
Chim Bay Biển Bắc. Em Đi. Vẫn Là.
Hề! Ta Trở Lại Gian Nhà (cỏ).
Thanh Minh. Goá Phụ. Xót Xa. nghẹn lời*
Hạ Tàn. Người Ở Lại. Thôi!*
Và Rồi Tất Cả Sẽ Ngươi (ngoại). Ánh Tàn (dư).
Nhớ* Chiều Trên Phá Tam Giang.
Viễn Tây. Suốt Bãi Sông Hằng. Mộng Du.
Cánh Đồng Con Ngựa Chuyển Tàu.
Khất Giả. Hành Giả Âu Sầu. Đi Xa.
Hoa Suông. Thấm Thoát Đời Ta.
Chia Tay Tây Ái. Sát Na. Nỗi Minh.
(Thân) Phận Thi Sĩ. Kẻ Vong Tình.
Mùa Hạ. Vườn Hạ. Tháng Buồn. Viễn Mơ.
Thấp Tạ. Tặng Phẩm cái hồ
Tô Thùy Yên Tuyển Tập Thơ. lưu đời*.

Phạm Tương Như 25/05/2019

*bài thơ 168 chữ, dùng 56 tựa thơ Tô Thùy Yên và *6 chữ của Ptn.*

Cao Nguyên

Tên bạn Cùng Thời

TUỞNG NHỚ
NHÀ THƠ TÔ THÙY YÊN
(1938-2019)

Bạn cùng thời bỏ ta đi
về bên kia núi còn gì để vui
biệt ly lời ý ngậm ngùi
áng thơ gác bút bồi hồi cổ nhân

Bạn cùng thời khóc cười chung
mệnh ta, vận nước đã cùng cuu mang
lệ buồn thấm thấu trần gian
còn vương thương khúc bạt ngàn núi sông

Bạn cùng thời về hư không
khép tròn cõi tạm một vòng tử sinh
bỏ qua thời ngắm tuổi mình
chân mây cõi hạc đang trình chân như

Xác thân hạt bụi trầm du
hồn phiêu lãng cuộc nhã từ tâm an
chân kinh vọng niệm hương ngàn
tiễn người về chốn vĩnh hằng phúc yên!

Tùng Hà

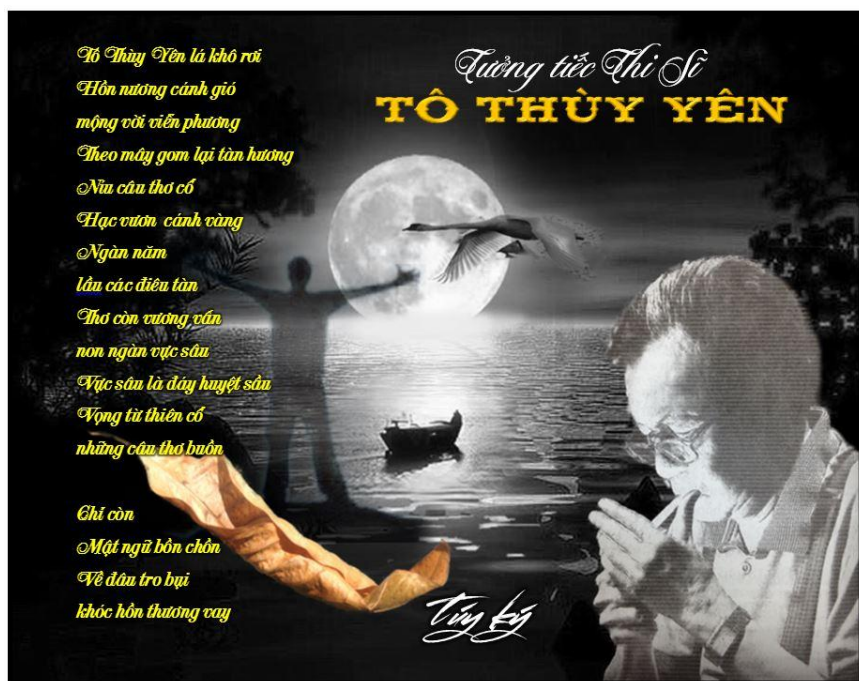
TUỞNG TIẾC TÔ HUYNH*

Người vay hồn chữ trả nợ đời
mượn lượng từ tâm khắp muôn nơi
nhỏ máu vì hoa đau lòng mực
khí vẫn ngược ý vận không xuôi

tưởng mắt đã khô từ xa nước
ai ngờ lệ đá sóng chảy ngấm
dầu đuối vẫn còn thương đời giấy
trải lòng tâm bút gởi ngàn sau
mỗi chốc mỗi thêm phần hoại huyết
gan thì phế phủ cũng lên men
cứ gượng, gượng người thêm chút nữa
mượn đảm pho sách giải tâm tư
chỉ muốn gài thơ lên cửa tảng
cho người đi cạnh một đời hư
những khóc những cười gom đốt hết
duy còn sót lại chút tình thư
mượn lượng từ tâm muôn năm cũ
tương thân thương khó vẫn bên đời
hình nhỏ bóng đơn trên đường lớn
vạn dặm biệt ly một hướng gần
gợi nhớ Tô huỳnh* dặm ba việc
mà sao tưởng tiếc lại trùng trùng
có phải thơ người ngày cùng kiệt
là lời nhắn lại sẽ tương phùng...

bái biệt Tô Huỳnh thêm lần nữa
biệt hành tổng tử khách sang sông
bên kia bờ giác là thị ngạn
bát ngát hương đưa vạn đường hoa.

**Là Thi sĩ Tô Thủy Yên / 1938-2019*



Tiny Rly

TUỞNG TIẾC THI SĨ TÔ THÙY YÊN

Tô Thùy Yên lá khô rơi
 Hồn nương cánh gió mộng vời viễn phương
 Theo mây gom lại tàn hương
 Níu câu thơ cổ Hạc vờn cánh vàng
 Ngàn năm lâu các điêu tàn
 Thơ còn vương vấn non ngàn vực sâu
 Vực sâu là đáy huyết sầu
 Vọng từ thiên cổ những câu thơ buồn

Chỉ còn mật ngữ bốn chôn
 Về đâu tro bụi khóc hồn thương vầy...

vũ tiến lạp

bọt khúc cuối hè

Tháng tám gió băng quơ ghi những đám mây lang thang trên bầu trời còn hừng nóng. Mỗi lần đến cái thung lũng thanh bình và yên tĩnh này đều có một cảm giác của sự xa cách lạ lùng, một sự tĩnh lặng bằng bạc và sự lan rộng mệnh mang của thời gian chậm lại. Biển cả, thật xa xôi phía trước, dường như không một con sóng, rất bình lặng, rất mệnh mông, không có mọi chuyển động; sa mạc, những cánh đồng cỏ cháy, trơ trụi, đẹp đẽ và nhẵn tâm. Con sông bắt đầu ngay giữa những cánh đồng và những cái bóng xám ô, bằng một tiếng gầm rống nó đi vào biển cả cùng những đường chân trời vô tận.

Có lẽ thời gian đã bỏ quên con người như đoạn phim được ghi nhận từ ký ức về một miền hoang tịch. Ở đó có một ngôi đền hoang phế điêu tàn, với những hành lang dài không mái, những cái cổng, những bức tượng không đầu và những cái sân bỏ hoang. Nó đã trở thành một nơi thiêng liêng cho chim chóc. Một vài bức tượng không đầu vẫn còn đường bệ trong vẻ đẹp cổ xưa; chúng có một nét uy nghi bất động. Cả nơi này sạch sẽ lạ lùng và người ta có thể ngồi bệt trên đất nhìn ngắm những con chim lú lo. Hồi trước, cách đây lâu lắm rồi, ngôi đền chắc phải là một nơi thờ cúng hưng thịnh có hàng ngàn người sùng kính, cùng những vòng hoa, nhang đèn và lời cầu nguyện. Bầu không khí của chúng vẫn còn đó, những hy vọng, những sợ hãi và thành tâm của họ. Nơi tôn kính thiêng liêng đã không còn từ lâu lắm rồi. Lúc này những con khi đã biến mất vì thời tiết mỗi lúc một nóng hơn, nhưng những con sóc và những con chim bồ câu lại có tổ trong những cái hốc và khe nứt của những bức tường cao. Ngôi đền cổ điêu tàn ở sát một khoảng rừng rậm và khá xa thị trấn nên con người không thể phá hoại nó thêm nữa. Nếu họ đến họ sẽ hủy hoại sự thiêng liêng của trống không.

Nơi cuối bãi cỏ là bụi hồng duy nhất; cùng một bông hồng đỏ đang nở rộ. Thật là kỳ diệu, bãi cỏ mềm mại và

34 Tin Văn

bông hồng cô đơn. Chúng ta là nhiều và không phải là một. Một chỉ hiện diện khi nhiều không còn. Nhiều rất âm ỉ, đấu tranh với nhau suốt ngày đêm, và đấu tranh này là sự đau khổ của đời sống. Chúng ta hủy diệt một, nhưng một khác xuất hiện thay thế nó, và dường như đây là một qui trình vô tận thuộc cuộc sống. Chúng ta cố gắng áp đặt một vào nhiều, nhưng chẳng mấy chốc một trở thành nhiều. Tiếng nói của nhiều là tiếng nói của một, và tiếng nói của một đảm đương thanh thế, nhưng nó vẫn còn là lao xao của tiếng nói. Chúng ta là những tiếng nói của nhiều, và chúng ta cố gắng nắm bắt tiếng nói yên lặng của một. Một là nhiều nếu nhiều yên lặng để nghe tiếng nói của một. Nhiều sẽ chẳng bao giờ có thể tìm ra một.

chiều trên phố cũ
Chiều cuộn mình mất bóng
lóng tay buồn đến mực
giật mình theo gió đưa
nơi nào đó
góc phố chiều mới qua
bắt chợt lòng mong manh
tê tái dậy hơi người
sự cứu rồi đã một lần
từ đầu môi rất say
đêm ở ngoài đồng vọng
hay đêm ngoài hành lang
cũng đều nghe hiu quạnh
luyến tiếc ngày hôm qua
mà người đi rất lạ.
vũ tiến lộp



Nguyễn Lập Đông

VĨNH BIỆT LÝ TỔNG
(1945-2019)

Chai rượu đã đóng bụi
Chờ bạn ở phương xa
Hồn mệ như mây phủ
Thở từng ngày, ngày qua.

Hồn rượu đã tan ngoài cương tỏa
Tứ thơ còn động giữa phong ba.
Nỗi thân đại đờm thật là
Ngàn sau cánh gió có là hôm nay.



Nguyễn Minh Triết

HỌC THUYẾT

VĂN CHƯƠNG NỮ QUYỀN

Phong trào đòi quyền bình đẳng cho nữ giới hay phong trào nữ quyền là những vận động đòi hỏi bình đẳng cho phụ nữ trong các lãnh vực chánh trị, xã hội, giáo dục, và văn học. Sở dĩ có phong trào nữ quyền là vì từ lâu người phụ nữ trong xã hội thường hay bị xem khinh về phương diện thể lực cũng như tinh thần. Do đó, tại Mỹ sau nhiều năm vận động, một đại hội phụ nữ đã được tổ chức tại Seneca Falls thuộc bang New York vào năm 1848 và một Tuyên ngôn độc lập cho phụ nữ đã ra đời. Phong trào này sau đó đã lan ra mau chóng cùng khắp nước Mỹ rồi vượt đại dương tràn sang Âu châu.

Nhờ sự vận động tích cực của phong trào, vào năm 1920 Quốc hội Hoa kỳ thông qua Tu chánh án số 15 cho phép người phụ nữ Mỹ được quyền đầu phiếu. Nhưng phong trào nữ quyền không dừng lại ở đó mà vẫn tiếp tục tranh đấu để đòi hỏi nhiều quyền bình đẳng rộng rãi hơn và lần lần họ đã đạt được các quyền như quyền bình đẳng trong khi đi làm việc, bình đẳng trong giáo dục, trong việc chăm sóc con cái, trong việc tề gia nội trợ, bình đẳng trong việc sanh con tức

việc ngừa thai hay phá thai theo ý muốn, quyền không bị sách nhiễu tình dục nơi sở làm, quyền có tài sản riêng....

Phong trào nữ quyền ngày một lớn mạnh và phổ biến khắp các quốc gia nên vào năm 1946 Liên Hiệp Quốc thành lập một Ủy ban đặc trách tình trạng phụ nữ để theo dõi sự tôn trọng quyền bình đẳng của phụ nữ trên thế giới trong các lãnh vực chánh trị, kinh tế và giáo dục. Riêng tại Mỹ phong trào nữ quyền đã chánh thức định chế hóa với sự ra đời của hội National Organization for Women (NOW) vào năm 1966 và chỉ trong vòng chưa đầy một thập niên hội đã có hơn 400 phân hội tại khắp các tiểu bang Hoa kỳ.

Tuy nhiên, mục tiêu của bài này không nhằm khai thác khía cạnh chánh trị và xã hội của phong trào nữ quyền mà chỉ xin thu hẹp vào khía cạnh văn học của phong trào nữ quyền hay lịch sử học thuyết văn chương nữ quyền mà thôi.

Về phương diện lý thuyết thật khó mà xác định rõ rệt được ý nghĩa của danh từ “nữ quyền” trong văn chương vì chánh các nữ lưu cổ xúy cho nữ quyền cũng mâu thuẫn với nhau và không thống nhất trong việc xác định mục tiêu. Khó khăn còn vì tìm hiểu văn chương nữ quyền không phải là nghiên cứu về người phụ nữ mà là nghiên cứu về sự can thiệp của phụ nữ vào văn hóa, vào sự hình thành của văn học, và nghiên cứu người phụ nữ bị tự nhiên hóa bởi văn hóa bằng nhiều cách khác nhau trong những giai đoạn khác nhau như thế nào. Nhưng một cách tổng quát như Adrienne Rich có lần đã phát biểu là phong trào nữ quyền muốn vận động để thoát ra khỏi sự lệ thuộc vào những nề nếp cũ trong cái thế giới đã do các bậc cha chú dựng lên, cái thế giới có rất nhiều thiếu sót, bị bóp méo, đẩy những tư tưởng trọng nam khinh nữ mà trong đó người nữ đã phải bị bắt buộc suy tư, và hành động. Một số các nhà tranh đấu nữ quyền đặc biệt muốn dùng văn chương để thoát ra khỏi cái xã hội phụ quyền đó, cái xã hội mà các truyền thống về giá trị và chuẩn mực văn hóa đều được đặt ra để phục vụ cho phái nam đồng thời được dùng để kìm kẹp phái nữ. Sự bất công này thể hiện rõ ràng trong Anh ngữ qua các danh từ như chairman, spokesman, businessman, salesman, clergyman, postman, 38 Tin Văn

fireman, policeman, handyman, human, mankind... đều có từ tố “man” làm như mọi thứ đó đều là đặc quyền của đàn ông và chỉ đàn ông làm được mà thôi. Các nhà ngôn ngữ học phương Tây từ lâu đã nghiên cứu hiện tượng bất bình đẳng trong ngôn ngữ này và các nhà tranh đấu nữ quyền đã dùng những kết quả của các nghiên cứu đó để mạnh mẽ chỉ trích sự bất bình đẳng về phái tính vì ngôn ngữ không chỉ phản ánh sự khác biệt trong cách nói năng giữa đàn ông và đàn bà mà còn cho thấy sự khác nhau trong văn hóa và xã hội nữa.

Vì vậy, các nhà tranh đấu nữ quyền muốn dùng văn chương để xóa bỏ truyền thống nam giới và đòi lập nên một truyền thống mới, đó là truyền thống nữ giới (female tradition). Một truyền thống trong đó một trong các mục tiêu là đổi mới văn chương và ngôn ngữ để phản chiếu được tình trạng nữ quyền được tôn trọng. Một truyền thống văn hóa không chỉ có chairman, superman, mà còn có chairwoman, superwoman..., không phải chỉ có “hero” mà còn có “shero”, một truyền thống văn chương trong đó không phải chỉ toàn là “chuyện của chàng” (history) mà người nữ cũng có quyền viết ra và nói về những “chuyện của nàng” (herstory) nữa.

Giai đoạn “chuyện của nàng” này được đánh dấu bằng hai nhà văn tiên phong ở Mỹ là Virginia Woolf và ở Pháp là Simone de Beauvoir. Hai nhà văn nữ này đã cho ra đời hai quyển sách có thể coi như đánh dấu giai đoạn mở đầu cho phong trào nữ quyền trong văn chương tại Mỹ và tại Pháp.

Virginia Woolf trong quyển *A Room of One's Own* ấn hành năm 1928 đã đề cập đến sự im lặng quá lâu của phụ nữ trong lãnh vực văn chương. Một sự im lặng cưỡng chế do những qui định ước lệ về phái tính, và do sự lệ thuộc về kinh tế của người phụ nữ. Tuy trong quá khứ đôi khi cũng có một vài người nói lên tình trạng bất bình đẳng này nhưng đều là những cố gắng có tánh cách cá nhân. Woolf kêu gọi giới phụ nữ cần phải nói lên nhiều nữa về tình trạng bất công này.

Simone de Beauvoir với quyển *Le Deuxième Sexe* (*The Second Sex*) xuất bản vào năm 1949 đã bàn vấn đề nữ quyền một cách sâu sắc hơn. Bà đã đưa ra một quan niệm về tự do

cho phụ nữ rất đặc biệt dựa trên quan niệm về tự do của triết gia hiện sinh Jean-Paul Sartre, một người bạn thân thiết lâu đời của bà. Theo triết học hiện sinh của Sartre thì con người không gì khác hơn là chánh nó và trở ngại của tự do không phải do Trời mà do nơi con người. Nói một cách khác, không phải chỉ do Trời và do “Cái Đó” (the Other) mà còn do chánh thân xác của con người đã chặn đường đi đến tự do. Theo Sartre thân xác chỉ có giá trị khi biết xóa nhòa cho tự do được thăng hoa. Áp dụng tư tưởng đó trong sự nghiên cứu sự liên hệ phái tính giữa nam và nữ de Beauvoir nhận xét là phái nữ xác định được đặc điểm khác biệt là nhờ qui chiếu vào phái nam. Phái nam là chủ thể, là tuyệt đối còn phụ nữ chỉ là một phái tính khác, một cái Đó (the Other) của đàn ông. Do đó, phụ nữ bị chối từ quyền làm chủ bản thể, và quyền ý thức trách nhiệm về hành động của mình. Phái nữ do bản chất phải mang thai, sanh con và nuôi dưỡng con cái nên không đủ tự cung so với phái nam. Trong tất cả các giống cái, phái nữ là một giống cái cảm thấy tự tha hóa nhứt, không có giống cái nào mà nhiệm vụ sanh sản lại khó khăn và phải chịu hành xác thân như vậy. So với phái nam, phái nữ luôn luôn chịu nhiều bất lợi. Simone de Beauvoir cho là phụ nữ chỉ có thể đạt được giải thoát khi biết tự giải thoát mình khỏi nữ tánh. Nữ tánh chánh là cái Đó và nó đã ngăn trở phụ nữ được trở thành một bản thể độc lập. Vì vậy, de Beauvoir kêu gọi phái nữ phải vượt lên trên các khó khăn về phái tính và phải biết tự hào về nhiệm vụ vinh quang khó khăn của một người có một cuộc sống tự do.

Trở lại với phong trào nữ quyền tại Mỹ và như trên đã trình bày phụ nữ Mỹ đã đạt được quyền bầu cử từ năm 1920. Thỏa mãn với chiến thắng đó, phong trào nữ quyền tuy vẫn còn tranh đấu nhưng có phần nào âm thầm trong các thập niên kế tiếp cho đến năm 1963 thì lại bùng lên trở lại với sự ra đời của quyển sách bán chạy nhứt lúc đó là *The Feminine Mystique* của Betty Friedan. Trong quyển sách này Betty Friedan đã chịu ảnh hưởng sâu đậm tư tưởng của de Beauvoir khi bàn về sự thần bí nữ giới. Friedan chỉ trích phong trào nữ quyền từ trước vẫn còn dựa vào các tiêu chuẩn

của nam giới khi tranh đấu đòi quyền bình đẳng. Theo Friedan thì sự thần bí nữ giới rất là huyền nhiệm và gần với sự sáng tạo ra căn nguyên của sự sống mà các khoa học nhân tạo không bao giờ có thể thấu hiểu được. Theo bà, sự lầm lẫn và là cội rễ của những tệ nạn trong quá khứ là phụ nữ chỉ biết ganh với nam giới rồi bắt chước giống như nam giới thay vì chấp nhận bản chất của mình là chỉ thấy thỏa mãn trong sự thụ động tình dục, chấp nhận sự chi phối của nam giới, và áp ụ tình mẹ. Friedan cho là cần phải phá bỏ hết các hình ảnh chuẩn đó (stereotypes) và thay vào đó bằng những hình ảnh chuẩn mới. Friedan cũng kịch liệt đã phá vai trò nội trợ của phụ nữ trong gia đình và đòi hỏi công việc gia đình phải được phân chia đồng đều giữa chồng và vợ. Qui chế gia đình truyền thống là bất công vì đặt gánh nặng gia đình lên một mình người vợ. Theo Friedan ghép phụ nữ với vai trò nội trợ là đồng nghĩa với đàn áp khả năng của phụ nữ vì hai phái nam nữ đều có khả năng như nhau. Vì vậy, đàn bà cũng như đàn ông chỉ có thể tìm ra bản thể thực của mình trong công việc khi tận dụng được khả năng mình trong công việc đó mà thôi.

Những tư tưởng của Friedan đã tạo ra được một hình ảnh nữ tính mới giúp người phụ nữ đạt được chín chắn, có bản ngã và toàn vẹn tánh. Do đó, nó đã đẩy động được lòng khao khát tự do của phụ nữ và xô rất nhiều phụ nữ Mỹ ra khỏi bốn bức tường của gia đình để tham gia vào không những phong trào nữ quyền mà cả các phong trào tranh đấu bất công xã hội, các phong trào sinh viên, các phong trào phản chiến.... rất sôi động trong những năm của thập niên 1960.

Sang thập niên 1970, tiếp nối đã phá các bất công của một truyền thống nam giới nhiều nhà văn nữ đã rầm rộ cho ra đời nhiều văn bản kể lại những câu chuyện về người phụ nữ trong đó những cảnh bất công, những giới hạn, những bóc lột đối với phụ nữ được phơi bày và hô hào giới phụ nữ phải cố gắng tạo dựng một truyền thống nữ giới mới. Nổi bật trong giai đoạn này có Kate Millett với tác phẩm *Sexual Politics* ấn hành năm 1970. Trong quyển sách này Millett đã

đưa sự tranh đấu nữ quyền lên bình diện ý hệ và kịch liệt đả phá chế độ phụ quyền (patriarchy). Theo Millett, cơ chế đàn áp phụ nữ có rễ thâm sâu trong xã hội loài người không phải là cơ chế tư bản mà là cơ chế phụ quyền dành ưu quyền cho đàn ông. Chánh cơ chế phụ quyền này đã tạo ra chế độ tư bản. Cơ chế phụ quyền là một biểu hiện sai lầm có tánh cách chống lại phụ nữ. Qua cơ chế phụ quyền phụ nữ bị thích nghi hóa với ý hệ nữ tính và phải chấp nhận vai trò thua kém đàn ông.

Theo Millett ngoại trừ sự khác biệt nơi bộ phận sinh dục, đàn bà và đàn ông không khác gì nhau. Để cho người phụ nữ được phát triển một cách tự do và toàn vẹn bà kêu gọi cần phải xóa bỏ định chế gia đình vì nó là một dụng cụ và là một đơn vị nền tảng của cơ chế phụ quyền. Phụ quyền không phải chỉ là những phép tắc của người nam gia trưởng chi phối tất cả con cái trong gia đình mà còn là một định chế chánh trị của đàn ông dùng để đàn áp đàn bà. Millett phản nộ kết án chế độ phụ quyền đã dùng hình thức chánh trị phái tính (sexual politics) để duy trì sự thống trị đối với phụ nữ. Chánh trị phái tính giống như sự kỳ thị chủng tộc hay chế độ phân biệt giai cấp là một hệ thống ý hệ, một kiểu sống, có ảnh hưởng lên mọi khía cạnh tâm lý và tình cảm của cuộc sống con người. Nó tạo ra một cơ cấu tâm linh bất nguồn sâu xa từ quá khứ và không ai hoặc chưa ai có thể trừ khử nó được.

Trước những bất công rõ rệt đó, Millett kêu gọi giới phụ nữ phải làm một cuộc cách mạng văn hóa để giải phóng cho mình, đặc biệt là phải làm một cuộc cách mạng ý thức. Phụ nữ phải ý thức là ý hệ phụ quyền có tánh cách toàn vẹn, có một quá trình lịch sử lâu dài và được biểu hiện trong mọi lãnh vực văn chương, huyền thoại, tôn giáo, và cả trong văn học dân gian. Nhờ đó, ý hệ phụ quyền đã thành công trong việc đàn áp phụ nữ từ bao nhiêu lâu nay. Tuy nhiên, dù khó khăn thế nào phụ nữ cũng phải làm cho được cuộc cách mạng văn hóa nhằm xóa bỏ ý hệ phụ quyền này.

Lời kêu gọi Millett đã làm nhiều phụ nữ tỉnh giấc sau bao nhiêu năm dài im lặng chịu thiệt thòi. Một trong các

42 Tin Văn

người tỉnh giấc đó là Tillie Olson. Trong tác phẩm *Silences* ấn hành năm 1972 bà cho thấy điều quan tâm của nhiều nhà phê bình nữ quyền là muốn đưa ra ánh sáng tất cả những văn bản của các nhà văn nữ bị quên lãng hay bị nền văn học nam tính đùn vào bóng tối, đồng thời tìm cách nâng đỡ các nhà văn nữ đương thời phô trương nữ tính, ghi nhận lại những kinh nghiệm và cảm quan của nữ giới mà từ trước tới nay chưa được nói tới.

Một người đáp ứng nồng nhiệt đến cực đoan khác là Shulamith Firestone. Trong quyển sách nhan đề *The Dialectic of Sex* xuất bản năm 1970, Firestone đã không những đòi xóa bỏ định chế gia đình mà còn đòi xóa bỏ luôn cả các đặc tính của cơ quan tính dục. Bà cho rằng sự sanh sản làm người phụ nữ bị nô lệ hóa và sự mang thai tạm thời làm biến đổi hình dạng của phụ nữ. Firestone cho là y học hiện đại có thể giúp chọn giống cho bào thai, hoặc sanh con bằng ống nghiệm nên vai trò của nam giới không còn quan trọng và cần thiết nữa. Phụ nữ không nên để bị lệ thuộc vào đàn ông mãi.

Một số nhà văn nữ khác thay vì sách động phụ nữ xuống đường lại muốn đưa văn chương nữ quyền lên bình diện học thuyết và đem các học thuyết này vào bên trong các khuôn viên đại học như một môn học nghiên cứu về nữ quyền. Khi nói đến vấn đề học thuyết là phải nói đến vấn đề phê bình văn chương nữ quyền và vấn đề này đưa đến nhiều vấn nạn cần được đặt ra. Trước hết, phê bình văn chương nữ quyền khác với các hình thức phê bình khác ra sao? Phê bình văn chương nữ quyền có cần phải có những mục tiêu rõ rệt không? Các nhà phê bình văn chương nữ quyền có cần phải có chung một lập trường chánh trị và cách thức phê phán không?

Cũng giống như đối với vấn đề xác định thể nào là một văn bản sáng tạo theo lối nữ quyền, vấn đề này không thể nào có được một định nghĩa chánh xác.

Có một khuynh hướng cho rằng phê bình văn chương nữ quyền phải dựa trên sự chánh xác và phải phát hiện được sự chân thực của bản chất nữ giới. Tác giả phải trung thực

với chánh mình trình bày hết sự thực không tô vẽ về các kinh nghiệm và cảm quan nữ giới. Thêm vào đó, các văn bản phải phô bày được những kinh nghiệm nữ giới có tánh cách đại biểu khiến người đọc phải thừa nhận như là những biểu trưng chánh xác của cuộc sống phụ nữ đương thời.

Cheri Register và Wendy Martin là hai nhà văn thuộc khuynh hướng này. Cheri Register tuy chủ trương là các văn bản nữ quyền phải nên biểu tỏ được các kinh nghiệm nữ giới một cách trung thực nhưng bà lại cho rằng các tác giả không nhứt thiết phải phô bày chánh xác cuộc sống của họ. Ngoài ra, bà còn thêm là vấn đề phê bình nữ quyền và chánh trị có liên hệ với nhau nhưng bà lại không khai thác thấu đáo sự liên hệ này mà chỉ đề nghị một lối phê bình võ đoán ẩn chứa trong những ngôn từ độc tài như “muốn được sự chấp nhận của phong trào nữ quyền, văn chương phải.. v.v.”. Trong khi đó Wendy Martin cho rằng văn chương phải tạo dựng nên những vai trò mẫu phản ảnh được hiện thực, và phải có những thực thể riêng không tùy thuộc vào đàn ông. Tuy nhiên, bà cũng thêm là không nên lý tưởng hóa quá đáng vượt mức khả tin.

Chủ trương này của Wendy Martin đã bị Elizabeth Wilson bài bác. Theo Wilson, sự tìm kiếm một bản ngã nữ giới chân xác, tiềm ẩn, độc lập và thống nhứt là một việc làm có vẻ cảm dỗ nhưng vô ích. Theo Wilson rất khó tìm được những người đàn bà xứng đáng làm vai trò mẫu trong đời thường cũng như trong văn chương.

Một bình luận gia khác là Elizabeth Baines cũng cho chủ trương này không giúp ích gì cho sự sáng tạo của nhà văn mà còn giới hạn và làm bí ẩn thêm thủ tục viết văn thay gì làm sáng tỏ nó. Nhiều nhà văn thú nhận là họ không hiểu những điều họ viết ra là từ đâu tới, hoặc bản văn đang viết sẽ dẫn họ đi về đâu..v.v.. Thực ra không có một thực tại chân thực nào đang chờ đợi được phô bày. Viết văn là do từ một nguồn cảm hứng không giải thích được, không thể qui củ hóa được. Viết văn là một thủ tục rất phức tạp không thể giải thích và cũng không thể trở thành dễ dàng hơn nhờ dựa vào một mục tiêu chánh trị.

Thay vì dựa vào sự viết văn chân thực, một khuynh hướng khác do Annette Kolodny chủ trương và cho phê bình văn chương nữ giới như là một cách đọc trong nhiều cách đọc, dự phần trong một cuộc đối thoại đang diễn ra để tranh phần giữa những khả hữu tiềm ẩn. Kolodny cho là từ trước đến nay chưa có ai xác định rõ ràng thế nào là “phê bình văn chương nữ quyền”. Sau khi tìm hiểu bà cho là phải xếp sự nghiên cứu các văn bản do phụ nữ sáng tác thành một môn riêng biệt vì cách viết của phụ nữ có những nét độc đáo riêng, đó là “mô thức đàn bà” (feminine mode) trái ngược với “mô thức đàn ông” (masculine mode). Trong “mô thức đàn bà” Kolodny đọc thấy được nhiều lối viết khác nhau mà hai lối viết quan trọng là lối nhận thức phản kỷ (reflexive perception) và lối đảo lộn (inversion). Lối nhận thức phản kỷ xảy ra khi một nữ nhân vật tự khám phá ra mình hay tìm thấy một số hành động của mình đã xảy ra không định trước hoặc trong tình trạng mà đương sự không hoàn toàn thấu hiểu được. Lối đảo lộn xảy ra khi các hình ảnh về người đàn bà chuẩn và truyền thống trong văn chương bị đảo ngược vì mục tiêu khôi hài hay đề phôi bày các thực tại bị dấu kín hoặc để ám chỉ những điều trái ngược lại.

Theo Kolodny phê bình văn chương nữ quyền phải tìm cho ra được các kinh nghiệm khác biệt được sử dụng bởi các nhà văn nữ để thấy được sự thực ẩn tàng trong các nhân vật hư cấu đó. Phê bình văn chương nữ quyền cũng cần thiết để thừa nhận những thành tựu của những người-nữ-như-tác-giả (woman-as-author) cũng như để giải mã một cách tận tình những người-nữ-như-biểu-hiệu (woman-as-sign). Kolodny cho rằng làm như vậy để làm nổi bật thay vì chối bỏ sức mạnh của ý hệ, của vai trò của phê bình văn chương nữ giới so chiếu với các học thuyết phê bình khác, đặc biệt các học thuyết phê bình lấy nam giới làm trọng điểm. Ngoài ra, Kolodny cũng chủ trương phải đặt các nhà văn nữ vào trong dòng chánh của các học trình đại học một cách không thiên vị, không thành kiến vì phái tính trong việc phán đoán giá trị của các tác phẩm của họ.

Elaine Showalter là người ủng hộ chủ trương này của Kolodny nhiệt thành nhất. Trong các tiểu luận nhan đề “Toward a Feminist Poetics” (1979) và “Feminist Criticism in the Wilderness” (1981) bà phủ nhận những học thuyết và những vai trò mẫu coi trọng người nam. Tất cả các học thuyết của các học giả người nam như Althusser, Barthes, Lacan đều bị Showalter phủ nhận giá trị trong việc dùng để tìm hiểu văn chương nữ quyền. Showalter đề nghị một khung chuẩn nữ giới cho việc phân tách các tác phẩm văn chương nữ quyền và tạo dựng những mẫu mực mới cho viện nghiên cứu các kinh nghiệm nữ giới. Phụ nữ đã hiện diện trong đủ các lãnh vực từ văn chương, báo chí đến lãnh vực đại học đã tạo được một căn bản vững chắc cho sự hiện diện của nữ quyền trong văn học. Căn bản đó là những kinh nghiệm nữ giới về viết và đọc đầy nét bản ngã riêng biệt. Những người viết và đọc phái nữ này phải kết hợp các giá trị, kinh nghiệm, cách ứng xử cá thể lại với nhau và tạo lập được một mô hình tiểu văn hóa (subculture) trong khung cảnh văn hóa rộng lớn của xã hội.

Showalter cũng nhận xét là từ trước đến nay phê bình văn chương nữ quyền rất bị cô lập, ít được biết đến, và thường hay bị chỉ trích gay gắt bởi những người quá khích chánh là do sự thiếu vắng một phương pháp luận rõ ràng, một sự thiếu vắng mà từ đầu giới phê bình nữ quyền đã ngần ngại không chịu dựa vào những học thuyết có sẵn. Nhưng thay vì đề nghị một học thuyết, Showalter đưa ra một phương pháp phê bình thực tiễn, và giống như Kolodny bà cũng phân loại văn chương nữ quyền ra làm hai lãnh vực là lãnh vực người nữ đọc văn (woman as reader) và lãnh vực người nữ viết văn (woman as writer).

Trong lãnh vực người nữ đọc văn, Showalter mong muốn các nữ độc giả thay đổi cách thức lãnh hội văn bản và nên thăm dò tìm kiếm các học thuyết mới liên quan đến văn học như học thuyết hủy tạo của Derrida chẳng hạn trong việc khám phá ý nghĩa của văn bản nữ giới. Showalter cũng cho văn bản chỉ là một phương tiện chuyên chở những kinh

nghiệm của người viết đến người đọc nên ý nghĩa của nó tùy thuộc vào người đọc.

Trong lãnh vực người nữ viết văn, Showalter muốn nhấn mạnh đến sự phê bình về óc sáng tạo của các nhà văn nữ và việc sử dụng ngôn ngữ trong các văn bản nữ quyền. Lãnh vực này được Showalter gọi là Bình Luận Nữ (gynocritics) là một lối phê bình trong đó những khung chuẩn nữ giới được thiết lập để dùng làm căn bản cho việc phân tách các văn bản của phụ nữ cũng như phát triển những mẫu mực nữ giới mới căn cứ trên những kinh nghiệm phụ nữ. Bình luận nữ liên hệ đến những lãnh vực nghiên cứu của nữ giới trong các ngành như lịch sử, nhân chủng học, tâm lý học, và xã hội học vì tất cả những nghiên cứu này đều có đưa ra những giả thuyết về nhóm tiểu văn hóa nữ (female subculture). Showalter cho môn Bình Luận Nữ của bà đáng tin cậy hơn sự phê bình nữ quyền (feminist critique) thông thường vì sự phê bình này còn dựa vào những nghiên cứu của kinh nghiệm nam giới được gán ép cho là những kinh nghiệm nữ giới.

Tuy nhiên, dù rất nhiệt thành với việc tạo lập một truyền thống nữ giới và những học thuyết riêng biệt cho nữ giới, Showalter cũng phải chấp nhận là chưa có đủ học thuyết làm căn bản cho việc phê bình văn chương nữ quyền. Cho nên, mặc dù bài bác các học thuyết của nam giới như Lacan, Engels, Macherey... bà lại đặc biệt ca tụng các học thuyết văn học của Edwin Ardener và Clifford Geertz là thích hợp cho môn bình luận nữ (gynocritics) do bà đề xướng.

Vì vậy Showalter cũng đã phải tỏ ra dè dặt trong việc tạo lập một truyền thống nữ giới. Thứ nhất, sự tạo lập một truyền thống nữ giới không dễ dàng vì sự phát triển của các nhà văn nữ thường không liên tục, các nhà văn nữ thường hay khi biến khi hiện nên đã tạo nên một lịch sử văn học không liên tục làm cho các nhà văn nữ đàn em phải vất vả tìm kiếm và tạo dựng lại nhiều truyền thống bị thất lạc. Mặt khác, Showalter còn cho rằng ý niệm 'sáng tạo nữ giới' cho thấy có sự khác biệt sâu xa về sự cảm nhận thế giới chung

quanh giữa hai phái nam và nữ. Sự khác biệt này là do nơi yếu tố sinh lý về phái tính hơn là do nơi yếu tố văn hóa. Do đó, sự khác biệt này rất khó vượt qua cho đến bao giờ ý niệm về sự khác biệt phái tính bất lợi cho phụ nữ còn tồn tại.

Cùng quan điểm với Showalter, Michele Barrett cũng nêu ra một vài thận trọng khác trong việc tạo dựng một truyền thống nữ giới vì khi làm như vậy các người tranh đấu cho nữ quyền từ trước tới nay vẫn tiếp tục dùng những ý niệm về mỹ học của trật tự xã hội cũ mà họ muốn đả phá. Chẳng hạn như các hệ cấp trong qui luật của dòng chánh khi phê phán các nhà văn được xếp hạng là “tuyệt”, “hay”, và “xoàng” khi sang hệ thống phê bình trong truyền thống nữ quyền thì vì một phần muốn khuyến khích các nhà văn nữ, một phần quá nhạy cảm với những lời phê bình thô bạo, các người tranh đấu nữ quyền không dùng các cấp hạng “hay” và “xoàng” nữa mà chỉ còn có một cấp là hạng “tuyệt” mà thôi. Điều này theo Michele Barrett, họ đã vướng vào một cạnh tranh vô ích với truyền thống nam giới vì họ vẫn còn dùng các tiêu mốt của truyền thống nam giới làm chuẩn để đánh giá các văn bản của phụ nữ.

Ngoài ra, Barrett cũng cho giá trị mỹ học là một điều tương đối, không có giá trị phổ quát và trường cửu, nó cũng không ẩn tàng trong văn bản. Giá trị mỹ học tùy thuộc vào môi trường văn hóa và lịch sử và phát sinh ra do nơi sự cảm nhận của người đọc. Theo bà một quyển sách được người đọc mê thích chưa hẳn đã được các tổ chức văn hóa hoặc giới phê bình văn chương đánh giá cao. Cho nên, sự thiết lập một truyền thống nữ giới song song và “cũng tốt như” truyền thống nam giới có thể dẫn đưa tới những đòi hỏi quá viễn vong mà xem nhẹ sự phán đoán và phân tích văn học đích thực cũng như làm lãng quên sự khác biệt giữa nam và nữ.

Thay vào đó Michele Barrett đề nghị nên để tâm tìm hiểu thế nào là một văn bản sáng tạo theo lối nữ quyền (feminist imaginative writing). Có thể nào xem một bản văn được viết bởi phụ nữ là một văn bản thuộc phong trào nữ quyền không? Hay một bản văn được viết bởi một nhà tranh

đấu nữ quyền là một văn bản nữ quyền? Hay một cuốn sách được nhiều nhà tranh đấu nữ quyền đọc có được xem là một văn bản nữ quyền không? Tất cả là những vấn nạn đó không dễ có một câu trả lời thỏa đáng.

Theo Rosalind Coward và Michele Barrett thì ta không thể xem bản văn viết bởi phụ nữ là văn bản nữ quyền vì tranh đấu nữ quyền là một chọn lựa quyền lợi chánh trị có người viết chấp nhận mà cũng có người không. Một quyển sách viết vì một mục tiêu chánh trị rõ rệt có thể khi đọc lại rất buồn nản và không thuyết phục. Ngược lại, có những sách viết bởi những tác giả không có thiện cảm gì rõ rệt với phong trào nữ quyền lại được rất nhiều đọc giả thuộc phong trào nữ quyền đọc và là nguồn cảm hứng phong phú cho nhiều nhà phê bình nữ quyền. Các tác phẩm của Doris Lessing là một thí dụ điển hình cho trường hợp này.

Tuy nhiên, khi nghiên cứu tìm xem các nhà văn nữ nào thuộc vào truyền thống nữ giới này các nhà phê bình văn học nữ quyền thấy đa số họ là những phụ nữ da trắng, thuộc giới trung lưu, có cuộc sống tình dục bình thường, và phần lớn sống ở Anh và ở Mỹ. Nhóm các nhà văn nữ này đã bị các nhà văn nữ đồng tính luyến ái da đen cũng như da trắng và các nhà văn nữ da màu phê bình là họ đã tạo dựng một truyền thống văn chương nữ quyền cũng tuyển chọn và giới hạn về lý tưởng gần giống như của truyền thống nam giới. Do đó, giới phê bình văn học da đen chỉ trích và không chấp nhận truyền thống nữ giới trong đó hình ảnh người phụ nữ da trắng được nổi bật như là hình ảnh phụ nữ chuẩn (female stereotype). Điều này cho thấy phong trào nữ quyền trong nội bộ cũng còn nhiều tranh cãi giữa các phe phái nên việc tìm hiểu căn kẽ hết mọi khuynh hướng là một việc làm vượt ra ngoài giới hạn của một bài tiểu luận.

Tóm lại, cuộc tranh đấu dành một chỗ đứng xứng đáng cho nữ giới trong văn học là một việc làm dài lâu và đòi hỏi nhiều cố gắng hơn nữa của phái nữ. Và dù chưa đạt được tất cả các điều mong muốn, cuộc tranh đấu cho văn chương nữ quyền tại Mỹ nói chung, và cuộc tranh đấu cho văn chương nữ quyền nói riêng cũng đã mở ra được một không gian cho

quyền uy của sự phê bình văn chương nữ quyền trong đó đòi hỏi phải thiết lập một truyền thống mới cho nữ giới để thẩm định lại toàn thể các văn bản đã viết và nói về văn chương và cuộc sống của phụ nữ.

Bên kia bờ đại dương là Anh quốc, phong trào nữ quyền trong văn chương cũng đem lại nhiều kết quả đáng kể, đặc biệt là trong lãnh vực học thuyết nhiều hơn là trong địa hạt tranh đấu chánh trị. Những phát triển học thuyết quan trọng trong phê bình văn chương nữ quyền ở Anh không giống như ở Mỹ, tất cả các học thuyết này đều phát sinh từ các phong trào tranh đấu đòi tự do cho phụ nữ bắt nguồn từ các chủ thuyết xã hội và chủ thuyết Mác.

Juliet Mitchell trong bài tiểu luận: “Women: the Longest Revolution” đăng trên tạp chí *New Left Review* vào năm 1966 và trong quyển sách nhan đề *Woman's Estate* xuất bản năm 1971 đã bàn thảo vấn đề nữ quyền phần lớn dựa trên cơ sở lý luận của Mác. Theo chủ nghĩa Mác thì sự liên hệ giữa nam giới và nữ giới trong cơ chế gia đình đã phản chiếu sự áp chế của giai cấp tư bản trên giai cấp bản cổ. Người chồng tượng trưng cho giai cấp “tư bản bóc lột” và người vợ là hình ảnh của giai cấp “bản cổ bị áp bức”. Tuy đồng ý với Mác về sự so sánh giữa chồng vợ với hai giai cấp tư bản và bản cổ, Mitchell đã chỉ trích chủ nghĩa Mác đã không có một sự phân tách duy vật biện chứng nào về sự đàn áp phụ nữ. Vấn đề này đã bị các tác giả theo chủ nghĩa xã hội xem là thứ yếu nếu không muốn nói là đã bị quên lãng. Mitchell than phiền là các học thuyết về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa Mác đã xem sự giải phóng phụ nữ chỉ là một phần phụ thuộc trong công cuộc đấu tranh giai cấp chung. Giống như Kate Millett ở Mỹ, Mitchell cũng cho phụ nữ đã bị đàn áp do nơi ý hệ phụ quyền, nhưng Mitchell còn đi xa hơn trong biện chứng duy vật khi bà cho là sự đàn áp này chỉ xảy ra trong một hoàn cảnh lịch sử nhất định. Sự đàn áp sẽ đổi thay khi cơ cấu xã hội và kinh tế thay đổi như khi trải qua một cuộc cách mạng chẳng hạn. Theo Mitchell, tình trạng của phụ nữ được xác định bởi bốn cơ cấu khác biệt nhưng trùng lặp: thứ nhất là cơ cấu sản xuất như địa vị của phụ nữ

50 Tin Văn

nơi sở làm, thứ hai là cơ cấu sinh sản như địa vị của phụ nữ trong gia đình, thứ ba là cơ cấu tính dục như xem đàn bà là một vật thể tính dục, và thứ tư là sự xã hội hóa con cái như vai trò nuôi dưỡng con cái của phụ nữ. Phong trào nữ quyền chỉ thành công khi cả bốn cơ cấu đó phải được biến đổi trong chiều hướng có lợi cho phụ nữ vì tất cả bốn cơ cấu đó có một sự liên hệ hỗ tương. Nếu chỉ biến đổi một cơ cấu thì chỉ làm thay đổi hình thức đàn áp phụ nữ mà thôi. Chẳng hạn như phong trào giải phóng tính dục trong thập niên 1960 đã làm gia tăng tánh chất vật thể tính dục của phụ nữ và chủ nghĩa tư bản chỉ chuyển đổi mục tiêu từ sản xuất sang tiêu thụ.

Một tác giả người Anh khác là Sheila Rowbotham trong quyển sách *Woman's Consciousness, Man's World* xuất bản năm 1973 cũng đã có những lập luận tương tự như của Juliet Mitchell. Rowbotham chủ trương việc nghiên cứu văn học nữ quyền phải dựa vào học thuyết chánh trị tả phái. Bà cũng luận giải cuộc cách mạng ý thức và phân tách lịch sử của sự đàn áp phụ nữ trong khung cảnh chủ nghĩa tư bản. Theo Rowbotham, sự đàn áp không phải là một tình trạng tinh thần trừu tượng mà là một kinh nghiệm xã hội và lịch sử. Khi các phương thức sản xuất và sự tương quan xã hội giữa nam và nữ, giữa nam với nam, giữa nữ với nữ thay đổi thì hình thức của sự đàn áp cũng thay đổi theo. Do đó, phụ nữ phải tranh đấu để dành quyền chi phối trong cơ cấu sản xuất và cơ cấu sinh sản. Phụ nữ phải đoàn kết thành một giai cấp công nhân phụ nữ trong công cuộc tranh đấu này. Nhưng Rowbotham nhấn mạnh vào tranh đấu cách mạng ngôn ngữ vì ngôn ngữ phản ánh tập tục xã hội, những đấu tranh lịch sử, đồng thời ngôn ngữ cũng là nơi tích tụ những kiến thức hoặc những thống trị chánh trị. Bà cho những kinh nghiệm đấu tranh của phụ nữ trong ngôn ngữ không giống các đấu tranh của các nhóm bị áp bức khác. Sự khó khăn của cuộc đấu tranh trong ngôn ngữ là phụ nữ không thể chiếm hữu các từ ngữ có sẵn để dùng trong những học thuyết nữ quyền mà phải làm thế nào để thay đổi ý nghĩa của các từ ngữ này trước khi các từ ngữ này được dùng đến.

Khi pha trộn học thuyết xã hội vào học thuyết nữ quyền, khi nhấn mạnh vào khía cạnh xã hội và vật chất của nữ tách Rowbotham muốn đặt một nền móng cho sự nghiên cứu văn học nữ quyền và đặt vấn đề tranh đấu trong một khung cảnh chánh trị mới. Bà phân tách là hình ảnh của phụ nữ trong văn học đã bị mô tả như là những yếu tố phụ thuộc vào sự “bá quyền văn học nam giới” (masculine cultural hegemony) trong đó hình ảnh phụ nữ đã bị đồng hóa với hàng hóa. Do đó, bà kêu gọi phụ nữ phải ý thức tình trạng phụ thuộc đó và đánh đổ bá quyền của đàn ông bằng cách qua văn học phải tự làm nổi rõ khu vực kinh nghiệm cuộc sống của phụ nữ mà từ trước đến nay vẫn bị vùi sâu vào trong bản ngã.

Ngoài ra, Rowbotham cũng chịu ảnh hưởng của hai nhà tranh đấu nữ quyền tiền bối là Simone de Beauvoir và Virginia Woolf để lý luận rằng các nhà nữ quyền theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa phải biết tự biến cải cái thể giới bên trong của các kinh nghiệm thân xác, tâm lý, và văn hóa cũng như cái thể giới bên ngoài của tình trạng xã hội vật chất. Cải biến cái thể giới bên ngoài ở đây Rowbotham muốn nhấn mạnh là phải tạo lập một lối sống mới trong đó phụ nữ không nhìn mình qua nhãn quan của người đàn ông nữa mà phải tự tìm lại cá tánh của bản thể đã bị đánh mất, và phải khảo sát tỉ mỉ những tư tưởng kỳ quặc (fantasy) để có thể hiểu được sự liên hệ giữa kinh nghiệm của những tư tưởng kỳ quặc, của những giấc mộng, của những đam mê ngây ngất với những kinh nghiệm chỉ có thể nhận thức được qua những sách lược chánh trị.

Vấn đề đánh đổ bá quyền của đàn ông cũng được một tác giả người Anh khác là Angela McRobbie khai thác sâu hơn trong tiểu luận “Working Class Girls and the Culture of Femininity” viết vào năm 1978. Trong tiểu luận này McRobbie phân chia làm ba loại áp chế mà giới phụ nữ công nhân phải gánh chịu. Thứ nhất là sự giới hạn về phương diện vật chất. Giới phụ nữ công nhân không có được cơ hội đồng đều như nam giới trong công việc gia đình, trong trường học cũng như trong các sinh hoạt hội đoàn. Thứ hai là những guồng máy ý hệ ẩn tàng trong gia đình, trong giáo dục, trong

52 Tin Văn

các phương tiện truyền thông... qua đó có những giới hạn về không gian và nghề nghiệp được mặc nhận dành riêng cho phụ nữ. Cuối cùng là mức độ áp chế vô hình xuất phát từ những kinh nghiệm rõ rệt về liên hệ phái tính, đó là phụ nữ phải chịu một thái độ thành kiến phái tính hung bạo của các trang lứa nam giới. Sự áp chế và sự đề kháng của những phụ nữ công nhân này không thể nào hiểu được trong những mô hình tiểu văn hóa (subcultures) do nam giới dựng lên vì trong mô hình đó hình dáng của người phụ nữ hoàn toàn thiếu vắng. Chánh cái khung văn hóa nữ tánh mà giới phụ nữ thu mình vào để lẩn tránh như một cách phản ứng lại những giới hạn vật chất đã xác định lại vị trí đàn bà của họ, một vị trí bên ngoài lịch sử, một vị trí trung tâm của văn hóa mà lại không được thừa nhận đúng mức trong chánh nền văn hóa đó.

Trong khi đó tại Pháp phong trào nữ quyền được khơi dậy với Simone de Beauvoir đã tạo nên một nền móng vững chắc cho các học thuyết nữ quyền không những tại Pháp mà còn lan tràn sang các lân bang ở Âu châu và cả Hoa kỳ nữa. Trong khi tại Anh và Mỹ, các nhà phê bình nữ quyền cho là truyền thống nữ giới đã bị chôn vùi do nơi sự đàn áp của cơ chế nam giới thì các học giả người Pháp lại cho rằng khó mà biết được người phụ nữ họ là ai. Theo như Viviane Forrester thì nữ giới là giới bị áp chế và phụ nữ chỉ hiển hiện trong những gì không nhìn thấy được, trong những gì thiếu vắng. Trong khi các nhà phê bình Anh Mỹ đi tìm nữ quyền trong lịch sử, trong các cuộc nghiên cứu thực tiễn về các hình thức áp chế phụ nữ thì các tác giả Pháp lại đi tìm người phụ nữ trong vô thức, và cho rằng nơi nào có ức chế là nơi đó có bóng dáng của phụ nữ. Trong khi các nhà nữ quyền Mỹ trong thập niên 1960 mạnh mẽ bài bác học thuyết của Freud thì các nhà văn nữ Pháp lại mặc nhiên chấp nhận môn phân tâm học của Freud và những cải biến của triết gia Pháp Lacan. Theo họ môn phân tâm học có thể giúp tạo được một học thuyết giải thoát cho cá nhân và khám phá được vô thức, những thứ đó rất cần thiết để phân tách sự đàn áp phụ nữ trong xã hội phụ quyền. Phần khác các nhà văn nữ Pháp

cũng chịu ảnh hưởng của thuyết hủy tạo của Derrida và môn ngôn ngữ luận của Levi-Strauss nên các phân tách về nữ quyền của các tác giả Pháp cũng thường dựa trên những khám phá về cơ cấu văn hóa và ngôn ngữ.

Một cách tổng quát thì lịch sử học thuyết nữ quyền tại Pháp trong những thập niên gần đây đã chịu ảnh hưởng sâu đậm của ba nhà tư tưởng chánh là Helene Cixous, Luce Irigaray và Julia Kristeva. Ba nhà văn này có rất nhiều điều khác biệt nhưng cũng có nhiều điều tương đồng trong đó một số tương đồng rõ rệt nhất là cả ba cùng chịu ảnh hưởng của môn phân tâm học của Sigmund Freud và của Jacques Lacan và cùng đề cập đến các ý niệm như chủ thể, tính dục, ngôn ngữ, và ước muốn. Do đó thiết tưởng cũng nên tìm hiểu sơ qua tư tưởng của Freud và Lacan trước khi tìm hiểu từng nhà nữ quyền văn học Pháp.

Freud cho phụ nữ là một thể giới huyền bí. Để trả lời người phụ nữ là gì Freud cho là phải căn cứ vào sự khác biệt tính dục và sự khác biệt tính dục được xác định bằng sự hiển thị (visibility). Nhờ mắt ta thấy rõ được sự khác biệt tính dục giữa nam và nữ, đàn ông có một phan sinh dục rõ ràng là dương vật trong khi đàn bà không có nó. Sự khác biệt này được Freud nhận định như là tượng trưng cho sự thiếu vắng, sự mất mát của người nữ. Ngoài ra, theo Freud trong giai đoạn phát triển nhân cách tiền Oedipe, không có sự khác biệt phái tính giữa đứa bé trai và đứa bé gái. Chỉ tới giai đoạn gọi là giai đoạn khủng hoảng Oedipe sự khác biệt phái tính mới xuất hiện. Khi đó, đứa bé trai tiếp tục coi mẹ như là đối tượng trong khi đứa bé gái lại xem cha là đối tượng thương yêu. Theo Freud, trong các biến chuyển phân tâm học của con người, giai đoạn tiền Oedipe là giai đoạn trong đó đứa bé tin tưởng nó là một phần của mẹ nó và không có một sự phân cách nào giữa nó và thế giới bên ngoài. Và hiện tượng khủng hoảng Oedipe xảy ra khi người cha tách ly tách cách đơn nhất nhị nguyên (dyadic unity) đó giữa người mẹ và con, không cho người con được hội nhập một cách siêu hình vào thân xác mẹ nữa. Freud cho biến cố do kinh nghiệm phái tính đó là hiện tượng trọng dương vật tính (phallogentrism) biểu

trung cho quyền lực và luật pháp của người cha. Hình tượng dương vật, do đó, tượng trưng cho sự chia lìa và mất mát của đứa bé. Và từ đó ước muốn của đứa bé được hội nhập về với mẹ phải bị dồn nén và sự dồn nén này bị đưa vào vô thức. Theo Freud đa số người nữ khó từ bỏ tình cảm quyến luyến tiền Oedipe để mà phát triển được một nữ tánh chín mùi và trọn vẹn.

Lacan là một đệ tử của học thuyết Freud và cũng là người đã làm cho học thuyết Freud được sáng tỏ thêm. Lacan chấp nhận những luận giải của Freud về sự phát triển nhân cách, và đặc biệt trong lãnh vực khác biệt phái tính ông cho người nam và người nữ chỉ có trong ngôn ngữ, ngôn ngữ xác định phái tính, và phái tính thì luôn luôn được cấu hợp và hủy tạo. Khi tập nói đứa bé nói ra niềm ước muốn được hợp nhứt với mẹ, đồng thời cũng phát biểu luôn sự hiện hữu của một sự thiếu vắng, đó là sự dồn nén ước muốn siêu hình được hợp nhứt với mẹ. Theo Lacan, khi đứa bé nói “tôi là” có thể phải hiểu “tôi là cái không phải là tôi” (I am that which I am not). Khi giải thích như vậy Lacan muốn nhấn mạnh là chủ thể “tôi” chỉ hiện hữu vì sự dồn nén ước muốn về người mẹ bị thất tung. Ngôn ngữ trở thành một thay thế cho người mẹ bị áp chế nói riêng và cho người đàn bà nói chung.

Theo Freud và Lacan khi đứa bé được 6 tới 8 tháng, nó đi vào giai đoạn mà phân tâm học gọi là giai đoạn nhìn gương (mirror stage). Nhiệm vụ của giai đoạn này là trao cho đứa bé hình ảnh một thân xác hợp nhứt. Tuy nhiên khi đứa bé nhìn nó trong gương, nó lại nhìn thấy có một con người khác hội nhập với nó, hay nói một cách khác, cái ngã đã tha hóa vào “cái Đó” (the Other). Cái Đó trong tư tưởng của Lacan có nhiều ý nghĩa khác nhau tùy trường hợp. Cái Đó có thể là ngôn ngữ, có thể là biểu hiệu, có thể là hình tượng dương vật. Cái Đó cũng có thể là cơ cấu đã tạo ra chủ thể. Cái Đó cũng có thể là sự khác biệt về cấu trúc của ngôn ngữ và các liên hệ xã hội đã tạo ra chủ thể.

Tất cả các nền văn hóa và các cuộc sống trong xã hội đều bị chế ngự bởi hình tượng dương vật biểu trưng ở trên và

các chủ thể dù muốn hay không đều phải bị chi phối bởi hình tượng này. Sự mất mát mà đứa bé phải gánh chịu là sự mất mát không còn được là một phần của thân xác mẹ nữa. Từ đó, niềm ước muốn được hợp nhứt với mẹ phải bị dồn nén vào vô thức. Theo Lacan, chánh sự dồn nén tạo ra vô thức. Hay nói một cách khác, vô thức là hậu quả của sự dồn nén một ước muốn, hay gọn hơn, vô thức là ước muốn. Ngoài ra, Lacan cũng cho vô thức được cấu tạo giống như ngôn ngữ vì vô thức cũng hàm chứa những thấu hiểu quan trọng về đặc tánh của ước muốn. Ước muốn cũng hành xử y hệt như ngôn ngữ, nó chuyển dịch không ngừng từ một vật thể này đến một vật thể khác, từ một biểu hiệu này đến một biểu hiệu khác và không bao giờ tìm thấy được sự thỏa mãn đầy đủ giống như nghĩa của chữ không bao giờ dừng lại. Sở dĩ học thuyết của Lacan được nhiều nhà tranh đấu nữ quyền Pháp dùng đến là vì nó nhấn mạnh vào tiến trình trong đó nghĩa của chữ được cấu thành cùng lúc với chủ thể được tạo lập và được xác định vị trí trong các liên hệ xã hội. Điều này hàm ý là phụ nữ có thể thoát được vai trò thứ yếu vốn gắn liền với sự khám phá của Freud cho là do nơi sự khác biệt phái tính.

Một trong các tác giả Pháp chịu ảnh hưởng tư tưởng của Lacan là Helene Cixous. Helene Cixous là một người vừa viết tiểu thuyết vừa là một nhà phê bình văn học. Các tác phẩm và học thuyết của bà đã là đề tài cho nhiều cuộc tranh luận ở Pháp trong thập niên 1970. Các tác phẩm chánh của bà có thể kể là *L'Exile de James Joyce ou l'Art du Remplacement*, luận án tiến sĩ đệ trình năm 1968, *Prenoms de Personne*, 1974, *Le Rire de la Meduse*, 1975, *La Jeune Née*, 1975, *La Venue a` L'écriture*, 1977....

Giống như Derrida, Cixous nhìn thế giới chỉ gồm toàn là văn bản được cấu tạo bởi những biểu hiệu hệ cấp đối kháng như văn hóa và thiên nhiên, hành động và thụ động, mặt trời và mặt trăng, ngày và đêm, nói và viết, cha và mẹ.... Những cặp từ tổ đối kháng này đã cấu tạo nên những hệ thống tư tưởng và chi phối các đường lối chánh trị của các xã hội phương tây. Trong các cặp từ tổ này từ tổ đầu bao giờ cũng được gán cho vị trí trội yếu so với từ tổ sau. Và trong

56 Tin Văn

mỗi cặp từ tố một sự tranh đấu nội tại thường diễn ra không ngừng để dành ưu thế, nhưng bao giờ phía “hành động” cũng thắng phía “thụ động”, dương bao giờ cũng hơn âm. Từ những cặp từ tố đối kháng chung đó Cixous nhắc tới những cặp từ tố đối kháng quan trọng cũng chịu sự áp chế của hệ cấp bất công là đàn ông và đàn bà, nam và nữ.

Theo Cixous sở dĩ có tình trạng như vậy là do nơi sự áp đặt của hệ cấp giá trị phụ quyền trong đó phía nữ bao giờ cũng bị xem là thứ yếu, vô quyền. Trong xã hội phụ quyền, đàn bà được coi như là cái Đó (the Other) cần cho sự xác định bản ngã của đàn ông nhưng đồng thời cũng là một đe dọa cho đàn ông. Như vậy sự khác biệt về phái tính dính liền với cơ cấu quyền lực trong đó sự khác nhau hay cái Đó chỉ được dung thứ khi được dồn nén. Truyện ‘Người Đẹp Ngủ Trong Rừng’ là một thí dụ điển hình. Người nữ được biểu trưng bằng sự ngủ mê, một chủ thể bị động cho đến khi được người nam hôn. Nụ hôn làm cho người nữ hiện hữu, nhưng lại là một sự hiện hữu trong tiến trình biến đổi năng tức khắc thành một thứ dục vọng của chàng hoàng tử hào hoa.

Để chống lại hệ cấp phụ quyền đó, chiến thuật của Cixous là khai thác sự viết văn của phụ nữ. Bà kêu gọi phụ nữ hãy viết, viết thật nhiều về phụ nữ, viết để đưa người phụ nữ bị xa cách, bị quên lãng, bị đứng ngoài rìa văn học trở lại với văn chương. Trong tiểu luận “Le Rire de la Meduse” Cixous đã nồng nàn tha thiết mời gọi phụ nữ “*phải viết để đặt người nữ vào văn bản, đồng thời cũng để đặt người nữ vào thế giới và lịch sử*”. Bà cũng nhắc nhở phụ nữ phải cảnh giác đừng để một ai cầm giữ hoặc cản trở công việc viết văn của mình, nhất là đàn ông và chính mình. Viết chính là tiếng nói của phụ nữ, tiếng nói được xem như cất lên từ dục tính chó không phải từ văn hóa, tiếng nói để tạo ra cuộc đời, tạo ra lạc thú chó không phải để tích tụ. Hay nói như Tori Moi trong sách *Sexual/Textual Politics*, phụ nữ được thể hiện trọn vẹn qua tiếng nói và viết văn chẳng qua chỉ là hình thức nối dài của diễn từ.

Theo Cixous tiếng nói của mỗi phụ nữ không phải chỉ là tiếng nói của chánh mình mà là tiếng nói được vang lên từ những tầng lớp sâu thẳm trong tâm linh. Diễn từ của người nữ là tiếng vọng của bài ca nguyên thủy mà nàng đã từng nghe qua, tiếng nói hiện thân của tình yêu đầu. Đó là tiếng nói của Mẹ, hình ảnh quyền uy đã ngự trị suốt giai đoạn tiền Oedipe của đứa bé trong tư tưởng của Lacan. Tiếng nói là Mẹ, là thân xác của Mẹ. Trái với người đàn ông luôn muốn áp chế Mẹ, người phụ nữ luôn luôn gần gũi thân cận với Mẹ, và xem Mẹ như cội nguồn của mọi sự tốt lành. Theo Cixous, tiếng nói là nguồn sữa vô tận mà người nữ tìm thấy lại được từ người Mẹ thất tung. Nguồn sữa vô tận này được phản ánh qua các văn bản của những người nữ nói/viết văn. Nhờ nguồn sữa đó nên người nữ viết văn là những người rất “mạnh” vì như bà đã khẳng định trong tiểu luận vừa dẫn là *“càng viết nhiều, càng cho nhiều thì càng mạnh thêm, và càng cho nhiều thì càng được nhiều”*. Theo Cixous, phụ nữ phải mạnh vì người đàn bà mạnh mới có thể làm được những gì nàng muốn, lúc nào cũng sẵn sàng để được dùng tới (available). Người phụ nữ mạnh sẽ không bị trói buộc vào những ràng buộc xã hội, và vào những liên hệ người với người.

Về hình thức viết văn, Cixous chủ trương một lối viết văn biểu hiện được tánh cách lưỡng tính (bisexuality) nhưng phải thể hiện được quyền lợi của phụ nữ. Trong quan điểm của Cixous sự tương quan giữa phụ nữ và thân xác của mình đã từ lâu ăn sâu trong văn hóa. Do đó, Cixous quan niệm là văn hóa phải được thiết lập khác nhau cho người nam và người nữ, và cách thức viết văn để công thức hóa nền văn hóa đó cũng rất quan trọng cho phụ nữ. Cách thức viết văn này được Cixous gọi là lối viết văn nữ (feminine practice of writing).

Lối viết văn nữ do Cixous đề nghị phủ nhận sự an toàn của những phạm trù cố định với các đặc tánh vững chắc. Ngoài ra, nó cũng không sợ tạo ra những chủ thể mới đa loại và biến đổi. Theo Cixous, lối viết văn nữ không thể xác định rõ ràng được. Tuy nhiên, lối viết văn này có một đặc tánh là

58 Tin Văn

rất gần với tiếng nói. Diễn từ được ưu thế vì nó rất gần với ca nhạc và do đó gần với vô thức. Nói là một tác động vượt lên của phụ nữ, và viết là nơi dành ưu tiên cho biến đổi.

Cixous cũng khẳng định viết và nói luôn đan kết với nhau thành một nên những sáng tạo của phụ nữ thường có liên hệ với thân xác vì khi viết cũng như nói phụ nữ vật thể hóa những điều suy nghĩ trong đầu, và biểu hiện nó với cả thân xác mình. Chúng ta thường phân chia tư tưởng và thân xác và thường có ảo tưởng là ta có thể kiểm soát được tinh thần. Nhưng làm như vậy là ta đã phải trả một giá cho sự xóa bỏ, kiểm duyệt, và cưỡng chế thân xác.

Theo Cixous ích lợi của sự quan tâm đến mối liên hệ giữa ngôn ngữ và thân xác là dẫn đưa người nữ trở về đối đầu với vô thức. Cixous thường hay dùng vừa huyền thoại vừa giấc mơ trong các văn bản của bà như là phương cách khám phá những chuyện cổ xưa và những chuyện dồn nén tình cảm, cũng như phương cách để làm đảo lộn những ảo tưởng về chủ thể tự trị và sự kiểm soát ý thức. Bà cũng muốn vượt qua lằn ranh của lý trí và nhận thức để vào lãnh vực của sáng tạo chủ quan và lãnh vực văn hóa có gốc rễ từ thân xác do sự ảnh hưởng tư tưởng của Nietzsche.

Một trong các yếu tố của huyền thoại thường được bà nhắc tới trong *Le Rire de la Meduse* là hình ảnh nước đại dương: “*chúng ta chánh là biển, là cát, là san hô, là rong biển, là bãi biển, là cơn thủy triều, là người bơi lội, là các trẻ nhỏ, là ngọn sóng...*”. Nước đối với Cixous ẩn chứa sự an toàn và sự thoái mái của nước trong bào thai bụng mẹ. Trong cái không gian đó, các chủ thể của Cixous ăn nói một cách tự do, di chuyển một cách thoái mái từ vị trí này sang vị trí khác, và hòa hợp cùng thế giới. Người nữ viết văn cũng như người nữ đọc văn trong thế giới của Cixous ngoài sức mạnh do nguồn sữa Mẹ còn được cảm thấy an toàn vì được cái bào thai trong bụng Mẹ hiền vô thức luôn luôn che chở và bao bọc trước mọi hiểm nguy. Do đó người nữ viết văn trong quan niệm của Cixous rất là tự do.

Cixous ngoài các sáng tạo về học thuyết còn sáng tác rất nhiều văn bản tiểu thuyết có giá trị. Trong các văn bản hư

cầu của bà các nhân vật thường bất định, các quan điểm thường không ổn cố, sự trong sáng của ngôn ngữ thường bị thách đố, và tánh tạm thời thường bị đảo lộn. Trong những văn bản này bà khai thác những đề tài vẫn thường được bà đề cập tới trong học thuyết và trong các bài bình luận của bà như: tánh chủ quan, nguồn gốc thể xác của ngôn ngữ, nữ tánh, sự liên hệ đến Cái Đó, và sự khả hữu về sự thay đổi trong xã hội.

Công trình của Cixous thể hiện được sự chuyển hướng sâu sắc sự hình thành một nền văn chương nữ quyền. Mặc dầu có nhiều thăng trầm trong các quan điểm được trình bày trong các văn bản của bà, viết văn đối với bà luôn luôn mang ý nghĩa của hành động hoặc vật thể dục tính. Sự liên kết văn bản với tánh cách dục tính đã mở ra một lãnh vực mới mẻ trong sự tra cứu về nữ quyền, về sự thích đáng của ước muốn trong ngôn ngữ, không những trong các văn bản viết bởi phụ nữ mà cho cả các văn bản viết bởi phái nam nữa.

Một người nữ thứ hai cũng chịu ảnh hưởng của tư tưởng Lacan là triết gia nữ quyền Luce Irigaray. Bà viết rất nhiều sách mà đáng kể là *Le Langage des Dements*, 1973, *Ce Sexe Qui N'en Est Pas Un*, 1977, *Et L'une Ne Bouge Pas Sans L'autre*, 1979, *Le Corps-à-corps avec la Mère*, 1981, *Passions Elementaires*, 1982... Các sách của bà đều làm mọi người chú ý thảo luận nhưng đặc biệt luận án tiến sĩ nhan đề *Speculum de l'autre Femme* (*Speculum of the Other Woman*) đệ trình vào năm 1974 đã gây nhiều tranh luận sôi nổi trong giới nữ quyền thời đó.

Nói chung, văn của Irigaray thường rất khó đọc vì bà thường dựa vào phân tâm học, thường qui chiếu đến các triết lý của Đức, và dùng các từ ngữ của Lacan và Derrida sau khi được bà thay đổi hoặc xác định lại ý nghĩa. Qua các sách vở của bà, Irigaray đề cập đến nhiều chủ đề nhưng ba điểm chánh mà Irigaray quan tâm nhứt là quan niệm luận lý phụ quyền trong triết học, vấn đề phân tâm học, và sự cần thiết phải tạo lập một truyền thống ngôn ngữ cho phụ nữ.

Về vấn đề luận lý phụ quyền, Irigaray khẳng định là đặc tánh thực tại của cơ thể học phụ nữ chống lại chủ nghĩa tôn

thờ dương vật. Bà cho phụ nữ là sự nối tiếp với nhịp điệu của vũ trụ và thân xác của họ có sự liên hệ không thể chối cãi được với vạn vật. Bà so sánh diễn từ nữ giới với sự cấu trúc của bộ phận sinh dục phụ nữ. Bộ phận sinh dục này gồm có hai mép môi ôm liền nhau thể hiện sự liên tục và sự chối bỏ sự phân chia và tách rời nguyên của cái ngã và cái Đó. Bà nhận xét là văn viết của phụ nữ dồi dào và đầy sáng tạo, đa dạng và tuôn trào, lòng vòng và trùng lặp; văn đó có vẻ không tương vì không diễn tả cho được hết, được đủ, và văn đó cũng phải được miễn trừ những cuộc kiểm tra thực tiễn. Nhưng đầu thế nào điều quan trọng hơn cả là văn đó từ chối áp dụng ngôn ngữ truyền thống và lối tạo hình ảnh phụ nữ theo khuôn thước đàn ông. Lối tạo hình đó là một cách thức thể hiện ước vọng của đàn ông là được phản chiếu hình ảnh của mình qua hình ảnh đàn bà. Lối viết theo ngôn ngữ truyền thống đàn ông đó cần và phải được chấm dứt vì như Janet Todd có nhận xét trong quyển sách của bà *Feminist Literary History* là “*nếu chúng ta tiếp tục nói cùng một tiếng nói như vậy thì chúng ta cũng sẽ tạo ra một lịch sử y như cũ*”.

Irigaray có một quan điểm khá cực đoan về lịch sử triết học khi cố gắng dẫn giải những gì bị áp chế và dấu kín trong truyền thống thay vì chỉ liệt kê những chứng cứ thuộc nam tính. Bà dùng học thuyết phân tâm học để phân tách và diễn giải văn bản, bà cũng khai thác những cấu kết biểu tượng của các hình ảnh và quan niệm triết học. Bà dùng những phương pháp độc đáo để lý giải những văn bản triết học kinh điển để tìm hiểu cách làm sao phụ nữ hay sự khác biệt tính dục đã bị áp chế. Irigaray cho là vì tư tưởng phụ quyền muốn trở thành phổ quát nên muốn áp chế sự khác biệt tính dục. Nhưng sự hiện hữu của các đối nghịch hay những bất ổn cố trong các văn bản triết học là những hiện tượng cho thấy sự thất bại của tư tưởng phụ quyền trong việc kiểm chế sự khác biệt tính dục.

Irigaray xếp loại luận lý là thuộc nam giới. Sự quá tin vào lý luận đưa tới sự đánh giá thấp những yếu tố không thuần lý trong suy luận của con người cũng như ý chí đối với quyền lực, đối với kiểm soát, vận dụng và tiêu diệt nhân danh luận

lý. Theo Irigaray thì văn hóa phương tây đã sai lầm khi cho nền văn hóa đó có tánh cách đơn tính dục (monosexual), trong đó người đàn bà được xem như một người đàn ông đệt (lesser man), một người đàn ông thấp kém và có tí vết (defective). Bà cũng cho là không có gì là trung dung hay thường hằng trong nền văn hóa phương tây. Cái mà ta tưởng là trung dung như khoa học và triết học chẳng hạn cũng có giống cái, giống đực và nó là diễn đàn của nam giới.

Nhiều tác giả thường dùng biểu tượng đối kháng nam-nữ để tả sự thuần lý là nam và vô thức là nữ. Nhưng làm như vậy liệu có nguy hiểm không khi xem phụ nữ như là sự không thuần lý và như là điều vô thức của văn hóa. Thực ra, điều quan trọng mà Irigaray khi xếp loại sự thuần lý là nam giới không phải là để chống đối mà cốt là đề nghị một nhận thức thỏa đáng hơn trong đó nam giới không áp chế hay tách ly hai ý niệm nữ giới/vô thức mà còn thừa nhận và hợp nhứt nó lại.

Irigaray cũng phê bình sự phân loại của Mác xít và bà cho rằng khi xem trọng sự sản xuất và mối liên hệ kinh tế là đã làm mờ đi lãnh vực liên hệ biểu tượng. Bà chủ trương là cần phải giải thích tình trạng và qui chế hiện tại của phụ nữ không phải chỉ bằng ngôn từ kinh tế mà còn bằng ngôn từ biểu tượng nữa. Cách duy nhất để qui chế của phụ nữ được thay đổi từ căn bản là sáng tạo một biểu tượng nữ giới mới có nhiều quyền uy hơn.

Sự liên hệ của Irigaray với phân tâm học thì phức tạp hơn. Bà dùng cả học thuyết của Freud và Lacan để giải thích tánh cách phân tâm học của các thành kiến trong học thuyết. Bà chỉ trích nặng nề thái độ của phân tâm học là không quan tâm đến vai trò của phụ nữ nên thành kiến có tánh cách trọng dương mới được đưa lên hàng giá trị phổ quát. Tuy nhiên, dầu chỉ trích môn phân tâm học bà cũng phải thừa nhận tiềm năng mạnh mẽ của môn phân tâm học. Bà cho việc dùng ngôn ngữ làm trợ cụ trong việc chữa bệnh có thể làm thay đổi thực tế và ảnh hưởng sâu xa đến cuộc sống của bệnh nhân. Tuy nhiên, theo bà điều quan trọng là phải suy xét và biến cải lại môn phân tâm học theo quan điểm của phụ nữ.

Và đó là điều mà bà đã làm. Công tác của bà có thể được xem như là một loại phân tâm học nền văn hóa phương tây, bà tìm hiểu xem những gì có thể được dùng để chống đỡ cho những luận lý yếu ớt và truy lùng nền văn hóa vô thức hay bị áp chế đó. Phương pháp của Irigaray là tìm kiếm những tư tưởng kỳ quặc đã ám ảnh các diễn từ triết học. Bà cho là từ trước tới nay nam giới trong nền văn hóa phương tây đã phóng chiếu cái ngã của họ lên thế giới và nó đã giúp nam giới nhìn đâu cũng thấy hình bóng của mình.

Bước kế tiếp là đi tìm người mẹ. Tuy người mẹ giúp đỡ cho tiến trình hình thành biểu tượng nam, nhưng người mẹ lại bị bỏ quên, một sự lãng quên theo bà phải xem như là tội giết mẹ. Irigaray đi tìm những sự đề kháng và chống đối đã che dấu tội giết mẹ nguyên thủy đó. Hai nguyên tắc của bà là đi tìm sự liên hệ đặc biệt và khai quật người mẹ bị chôn, sự tìm kiếm này là cơ sở nền tảng của bà để phân tách các triết gia. Bà rất quan tâm đến mối liên hệ mẹ con không được biểu tượng hóa, hay nói rõ hơn bà quan tâm đến sự thiếu vắng của biểu tượng này trong ngôn ngữ, trong xã hội, và trong văn hóa để nói lên mối liên hệ đó. Sự liên hệ mẹ con không được biểu tượng hóa đó đã làm cho việc đàn bà có một bản thể riêng tách biệt hẳn với nhiệm vụ của mẹ trở thành khó khăn. Theo bà văn hóa phương tây là một nền văn hóa độc thoại và đơn tính dục trong đó chỉ có đàn ông nói với đàn ông. Do đó, Irigaray muốn tạo lập ra một văn hóa tôn trọng chủ thể tánh nữ trong đó khi người nữ nói “tôi” là đích thực cái tôi của họ chứ không là cái tôi bắt nguồn từ cái tôi của người nam.

Irigaray cũng đề cập đến vai trò của chiếc gương của Lacan trong việc hình thành chủ thể tánh. Bà không đồng ý với Lacan khi dùng chiếc gương phẳng vì chiếc gương phẳng chỉ phản chiếu được cơ quan sinh dục của phụ nữ như chỉ là một cái lỗ, hay nói cách khác chiếc gương phẳng không phản chiếu được những nét đặc trưng tính dục của phụ nữ. Theo Irigaray để khám phá ra các nét đặc trưng này, phải cần đến một loại gương đặc biệt mới có thể khám phá được rõ ràng các nét sống động đẹp đẽ của bộ phận đó. Thay vì gương

phẳng bà cho là nên dùng gương lõm mà các y sĩ chuyên về bệnh đàn bà vẫn dùng để khám nghiệm các vùng hốc hỏ (cavities) trên người nữ bệnh nhân. Theo bà, gương lõm cho ta thấy sự vật dường như đảo lộn, gương lõm hội tụ ánh sáng vào một điểm và nhờ đó mà ánh sáng được chiếu rọi vào các bí mật của các hốc hỏ và xuyên thấu qua được những huyền nhiệm của phụ nữ.

Về vấn đề truyền thống ngôn ngữ, Irigaray muốn phụ nữ cần có một ngôn ngữ của riêng họ. Đàn ông luôn luôn tìm kiếm và xây dựng những căn nhà ngôn ngữ cho họ khắp nơi như trong các từ: động, chòi, đàn bà, thị trấn, học thuyết, quan niệm, ngôn ngữ. Đàn bà cũng cần những căn nhà ngôn ngữ như vậy. Đàn bà cần có những căn nhà để trú ngụ chứ không phải là nơi cầm tù họ, một nơi trú ngụ an toàn trong đó đàn bà được tăng trưởng và biến đổi về văn hóa. Do đó bà muốn nhấn mạnh sự khác biệt trọng yếu giữa nói *giống* đàn bà (speaking *like* a woman) và nói *như* đàn bà (speaking *as* a woman) vì “nói như” không những hàm ý về vị trí tâm lý mà còn hàm ý về vị trí xã hội nữa.

Thông thường người ta tin là khi nói và viết *giống* đàn ông là hàm ý làm chủ, nắm thể chủ động về ý nghĩa, phù hợp với chân lý, chủ quan, và kiến thức. Còn ý niệm nói và viết *giống* đàn bà là chối từ quyền làm chủ, thừa nhận ý nghĩa mơ hồ hay quanh co thay đổi, không ở thể chủ động, cũng như không nắm giữ được chân lý và kiến thức. Nói một cách khác, để được khẳng định, để được yêu sách, để được đúng “giáo lý”, nghĩa là muốn có một luận điểm, có một ý nghĩa, có một lập trường chánh trị thì phải nói ở tư thế “đàn ông” bất kể người nói đó thuộc phái tính nào. Irigaray cho là không thể tiếp tục chấp nhận một ngôn ngữ đầy bất công như vậy. Irigaray nhận thấy là sự nhận diện cá tánh nam, nữ đều có thể tìm thấy trong văn bản của cả hai phái, và đôi khi những tác giả hay triết gia nam lại viết về phụ nữ hay hơn phụ nữ nói về mình. Irigaray cho thí dụ các tác giả nam như Mallarme', Lautreamont, Joyce có lối viết nữ (feminine writing) và các triết gia như Nietzsche, Hegel, Derrida đều

quan tâm bàn thảo đến cá tánh nữ, và những đặc tánh đàn bà của họ và tất cả những công trình của họ đều rất có giá trị.

Nữ học giả Pháp thứ ba chịu ảnh hưởng của Lacan là Julia Kristeva. Bà là nhà ngôn ngữ học đồng thời là một nhà viết tiểu thuyết gốc Bulgaria, đến định cư ở Pháp từ năm 1966 để học hỏi thêm về phân tâm học. Bà bắt đầu viết về đề tài nữ quyền từ năm 1974, đặc biệt là các đề tài về ngôn ngữ và về phân tâm học liên quan đến nữ tính và dục tính. Kristeva cũng là giáo sư tại đại học Paris, Pháp quốc và đại học Columbia ở New York, Mỹ quốc. Bà còn là cây viết chánh cho tờ báo văn học Pháp tên là *Tel Quel*. Bà viết nhiều sách và tiểu luận trong đó có các sáng tác sau đây đã phản ánh nhiều nhứt các tư tưởng nữ quyền của bà như luận án tiến sĩ *La Révolution du Langage poétique*, 1974, *Des Chinoises*, 1974, *Pouvoirs de l'horreur*, 1980, *Histoires d'amour*, 1983, *Soleil Noir*, *Dépression et Mélancholie*, 1987, *Sens et Non-sens*, 1996...

Giống như Irigaray và Cixous, Kristeva chịu nhiều ảnh hưởng của các công trình nghiên cứu phân tâm học của Freud và các học thuyết của Lacan, đặc biệt là sự liên hệ mẹ con huyền nhiệm và hình thái vô thức hình thành trong giai đoạn tiền Oedipe của đứa bé tuy bị đè nén nhưng vẫn luôn ẩn tàng đã được Freud và Lacan khám phá ra. Phương pháp phân tâm học trong đó có ý niệm về giai đoạn soi gương cũng được Kristeva dùng đến như là phương pháp căn bản và là đối tượng cho các công cuộc nghiên cứu của bà. Tuy nhiên, khác với Lacan bà cho có một sự liên kết giữa giai đoạn tiền Oedipe và giai đoạn tiền soi gương. Bà cũng không đồng ý với Lacan về vấn đề áp chế vì bà cho rằng trong xã hội phụ quyền không phải người đàn bà mà chánh là tình mẫu tử (motherhood) đã bị áp chế. Và bà cũng cho là sự sáng khoái (jouissance) của phụ nữ cũng không đứng độc lập như Lacan đã quan niệm mà có liên hệ thiết yếu với việc sinh sôi nảy nở (reproduction) vì niềm vui đã giúp phụ nữ tiếp nối công việc truyền giống.

Theo Kristeva, trong giai đoạn tiền Oedipe sự khác biệt về phái tính chưa có. Sự khác biệt đó chỉ xuất hiện khi bắt

đầu vào giai đoạn soi gương. Khi nhìn thấy có sự khác biệt về cơ quan sinh dục, đứa bé có hai chọn lựa là hoặc đồng nhất hóa với biểu hiện mẹ hoặc vươn mình lên với tầm cỡ biểu tượng của cha. Trong trường hợp đầu mặc cảm tiền Oedipe liên hệ ruột thịt với mẹ đủ mạnh đã chi phối được tâm linh đứa bé và những đứa bé này được gọi là có cá-tánh-mẹ (mother-identification). Trong trường hợp sau yếu tố biểu tượng vượt trội đã thắng thế mặc cảm tiền Oedipe và xóa nhòa được hết mọi vết tích liên hệ tiềm ẩn với thân xác mẹ, những đứa bé này được gọi là có cá-tánh-cha (father-identification).

Ngoài ra, Bà cũng cải đổi hai ý niệm về ảo tượng (imaginary) và trật tự biểu tượng (symbolic order) của Lacan bằng hai ý niệm mới là ký tượng (semiotic) và biểu tượng (symbolic) và gọi sự tương tác giữa hai ý niệm này sẽ tạo nên tiến trình biểu hiện (signifying process).

Ký tượng liên hệ đến các yếu tố tiền Oedipe và các bộ phận cùng các vùng nhạy cảm. Ký tượng là những “nguyên liệu” của biểu hiện, những vấn đề dục tính cụ thể này cần phải được thuần hóa và hướng vào các qui ước xã hội vì các nỗ lực trẻ thơ này thường vô định, không rõ rệt, có thể hướng đến nhiều mục tiêu, nhiều đối tượng cùng lúc. Và Kristeva cho ký tượng có tánh cách nữ vì được hình thành trong giai đoạn còn trong thân xác mẹ.

Trái với ký tượng có tánh cách nữ, biểu tượng lại thuộc về lãnh vực của cha. Biểu tượng là lãnh vực của lập trường và dự án và là một trật tự nằm chồng lên ký tượng. Tuy nhiên, sự kiểm soát biểu tượng của nhiều tiến trình biểu hiện lại hời hợt, dễ đổ vỡ và sai sót trong những lúc quan trọng có tánh cách lịch sử, ngôn ngữ, và tâm lý cho nên ký tượng hay những gì thuộc về mẹ nhiều lúc vẫn có thể vượt trội lên. Theo Kristeva, chánh tiến trình biểu hiện vượt trội này của ký tượng đã xóa nhòa được sự khác biệt giữa nam và nữ.

Tóm lại, theo mô hình của Kristeva thì tất cả văn bản và sản phẩm văn hóa là kết quả của một tiến trình biểu hiện có tánh cách biện chứng, đó là sự tương tác giữa hai sức mạnh lịch sử ảnh hưởng biến đổi lẫn nhau. Một bên là sự thiết lập

một hệ thống điều hòa tại chỗ, hay “thống nhứt tánh” được coi là biểu tượng. Và sức mạnh kia chủ động bởi ký tượng là động tác muốn phá vỡ thống nhứt tánh đó. Trong lúc phá vỡ, canh tân, và cách mạng biểu tượng không còn có thể đủ sức mạnh để nối kết các ký tượng vào với các lễ lỗi của xã hội đã được mã hóa. Sức mạnh phá vỡ và phân tán đó nâng cao giới hạn của biểu tượng. Và tùy theo sự đe dọa của nó mạnh hay yếu sớm muộn gì rồi các ký tượng mới cũng được tái mã và tái tạo vào hệ thống biểu tượng.

Mặt khác, Kristeva cũng cho rằng nền tảng triết lý của ngôn ngữ học tân thời có tánh cách độc tài và áp chế. Bà cũng không chấp nhận quan niệm của Saussure cho ngôn ngữ là biểu hiện của nội dung văn bản nên đối tượng của ngôn ngữ là các mã hiệu. Theo bà đối tượng của ngôn ngữ học phải là chủ thể nói (speaking subject). Mỗi một phụ nữ là một chủ thể biết suy tư và nói lên lời. Với đối tượng mới này ngôn ngữ không còn là một cấu trúc nguyên khối thuần nhứt mà là một tiến trình phức hợp và đa diện. Theo Kristeva chủ thể nói được thừa nhận không những là nơi của những cấu trúc và những biến đổi lặp lại mà còn là nơi của mất mát và nơi của tiêu phí. Hơn nữa, ngôn ngữ có tánh cách sanh sôi nảy nở chứ không phải chỉ là một phản ảnh của các mối liên hệ xã hội nghĩa là ta có thể diễn đạt được nhiều ý nghĩ hơn là những ngôn từ ta dùng.

Kristeva cũng không đồng quan niệm với Cixous và Irigaray cho rằng có một lối viết nữ. Bà cho là không có một lối viết hoàn toàn theo trật tự biểu tượng mà chỉ có một lối viết phát sinh từ sự thiếu vắng, từ sự im lặng, và từ sự thiếu mạch lạc; tất cả những thứ đó có liên hệ nối kết với nhịp điệu bài tiết các hạch tuyến của phụ nữ. Bà cho là một hình thức biểu hiện nữ không bị ràng buộc bởi cấu trúc thuần lý của trật tự biểu tượng. Tuy nhiên, không giống như Cixous, bà không cho hình thức biểu hiện nữ bắt nguồn từ ẩn ức dục tính của phụ nữ mà bà cho là bắt nguồn từ một sức mạnh cách mạng tiềm tàng trong hiện tượng ngôn ngữ bị áp chế.

Ngoài ra, Kristeva cũng cho rằng không có một học thuyết nữ mà chỉ có một chiến thuật văn phong (stylistic

strategy). Do đó, hình thức biểu hiện nữ chỉ là một mô thức của ngôn ngữ có thể tìm thấy cả ở đàn ông cũng như đàn bà. Những người viết văn đàn ông cũng có thể viết theo văn phong nữ như Artaud, Lautréamont, Mallarmé..., những người này được bà gọi là những nhà văn tiên phong (avant-garde). Nhân giới của Kristeva không nhất thiết là những vấn đề nữ quyền, mà còn là một vấn đề hệ cấp của ngữ nghĩa và ngôn từ được dựa vào sự tự do diễn giải của biểu hiệu. Nói một cách khác, Kristeva mong muốn một xã hội trong đó không đặt nặng vào biểu hiệu dục tính, một xã hội trong đó sanh ra làm đàn ông hay đàn bà không còn là một điều được dùng để xác định vị thế của chủ thể đối với quyền lực nữa và cũng không căn cứ vào đó để hướng sự cải đổi của quyền lực trong mai hậu.

Một cách tóm gọn, các học thuyết về phê bình văn chương nữ quyền Pháp đã có nhiều ảnh hưởng sâu rộng đến phong trào nữ quyền Mỹ trong các thập niên gần đây đặc biệt là trong lãnh vực đại học. Ta thấy các tác giả nữ quyền nổi tiếng của Pháp đều được các đại học nổi tiếng tại Mỹ mời sang giảng dạy. Do đó, không lạ gì khi thấy có nhiều điểm tương đồng giữa phong trào nữ quyền Pháp và các nhà nữ quyền Mỹ. Cả hai bên đều muốn viết lại chuyện tích tây phương, một về tánh cách thân thoại, một về phương diện phân tâm học, và cả hai cũng mơ tưởng đến thiết lập một thứ ngôn ngữ riêng cho phụ nữ. Cả hai cũng đều ước muốn hủy bỏ sự đối kháng nhị nguyên trong đó có cặp đối kháng nam và nữ. Cả hai cũng đều thừa nhận căn bản về chủ thể tánh giới tính là dục tánh, sự khác biệt và sự áp chế chứ không phải là sự đàn áp vật chất và các trói buộc về xã hội và văn hóa như các phong trào nữ quyền Anh dựa theo chủ thuyết Mác và xã hội đã tuyên xưng. Và cả hai cùng đánh giá cao các mối quan hệ giữa nữ giới.

Tánh cách thiên về lý thuyết của phong trào nữ quyền Pháp đã để lại nhiều ấn tượng sâu sắc cho phong trào nữ quyền Mỹ. Những cột trụ về triết học, về phân tâm học, về sự quả quyết trí thức, về tánh cách đa dụng của ngôn ngữ tất cả đều mới lạ cho những nhà tranh đấu nữ quyền thực dụng chỉ

quen với sự bình phẩm văn bản và những phương pháp phân tách có tánh cách lịch sử. So với phong trào văn chương nữ quyền Pháp, phong trào văn chương nữ quyền Mỹ bị coi có phần nào hạn hẹp và chậm tiến.

Tuy nhiên, dù được nhiệt thành chấp nhận trong lãnh vực đại học, nhiều giới phê bình văn học Mỹ ngoài các vòng rào đại học lại không cho vai trò của học thuyết nữ quyền là cần thiết vì các học thuyết nữ quyền của Pháp đã huyền bí hóa người phụ nữ và theo họ đó là một chướng ngại hơn là giúp giải phóng người phụ nữ. Hơn nữa, ngôn ngữ dùng để diễn giải các học thuyết này nhiều lúc lại vang vang những lời lảm nhảm phân tâm học mù mờ. Do đó, nhóm này chống lại chuyện du nhập các học thuyết của Pháp dù đó là học thuyết về nữ quyền, về phân tâm học hay về hủy tạo.

Một nhóm khác gồm các nữ tác giả Mỹ trẻ lại có một lập trường dung hợp hơn. Nhóm này muốn kết nạp hình thức luận với phân tâm học và lịch sử, chủ thuyết Mác với nữ quyền luận, lối bình luận nữ (gynocritics) của Showalter với lối phê bình nữ quyền thông thường. Nhóm này cũng muốn xem xét văn chương và văn hóa như là nguồn gốc của sự đàn áp và sự phân tán nữ tánh. Theo họ, sự liên hệ nữ giới với văn hóa cần được đưa lên đầu và quan niệm về giống đực cái được thay thế cho quan niệm về nữ tánh. Ngoài ra, thay vì hướng về sự phân tách tâm lý của tác giả sau khi qua đời như lối phê bình tâm lý cổ điển, họ nhấn mạnh vào sự phân tách lối viết văn và sự liên hệ của lối viết văn với tánh cách cưỡng chế của giống đực cái trong văn hóa. Mục đích của nhóm phê bình mới này ngoài sự chú trọng vào văn bản và ý hệ của hình thức luận còn muốn vượt qua hình thức luận để chứng minh là vấn đề nội tại và ngoại tại, văn bản và văn cảnh rồi ra đều hội tụ. Làm như vậy họ hi vọng là thống hợp được những quan tâm về hình thức và về chánh trị xã hội cũng như tránh được sự hiểm nguy của những phân tách hủy tạo phi lịch sử và những quan điểm ngây thơ về sự phê bình trung dung thực tiễn.

Tóm lại, phong trào nữ quyền sẽ còn tiếp diễn cho đến bao giờ một nửa nhân số của nhân loại này thỏa mãn mới thôi mà

ngày đó chắc còn xa lắm. Do đó, các học thuyết văn chương nữ quyền cũng sẽ không thôi phát triển và chắc chắn là mỗi ngày mỗi phong phú và uyên bác hơn.

Bàn về học thuyết văn chương nữ quyền, giống như đặc tính nữ giới là một việc làm không thể kết thúc dễ dàng vì vấn đề này luôn luôn phức tạp và đa dạng. Hơn nữa số nữ lưu tham gia nói lên tiếng nói của mình cũng rất đông đảo. Do đó, dù cố gắng hết sức người viết cũng không thể thỏa mãn được tất cả nên chỉ có thể đề cập và tìm hiểu một số giới hạn các nữ lưu này mà thôi. Đúng như Simone de Beauvoir và Betty Friedan có nói phụ nữ là một thế giới huyền bí cho nên trình bày cái thế giới huyền bí ấy một cách rõ ràng và đầy đủ là một việc làm rất khó khăn. Vì vậy, nếu bài này có giúp soi rọi được chút ít ánh sáng nào vào cái thế giới huyền bí đó thì đó là một việc may mắn và được vậy người viết cũng đủ lấy làm mãn nguyện rồi.

Nguyễn Minh Triết

TÀI LIỆU THAM KHẢO.

- 1/- Mary Eagleton, *Feminist Literary Theory, A Reader* (UK, Oxford: Basil Blackwell, 1986.
- 2/- Madan Sarup, *An Introductory Guide to Post Structuralism and Post-Modernism*, Athens: The University of Georgia Press, 2nd ed., 1993.
- 3/- M. Shiach, *Helene Cixous: A Politics of Writing*, London: Routledge, 1991.
- 4/- Janet Todd, *Feminist Literary History*, New York: Routledge, 1988.
- 5/- Toril Moi, *Sexual/Textual Politics*, London and New York: Methuen, 1985.
- 6/- Sue Thornham, *Feminist Theory and Cultural Studies*, London: Arnold, 2000.



Cao Trúc Giang

THƠ MẸ NHÂN LỄ HIỀN MẪU

2019

Mẹ Việt Nam thiêng liêng ơi!
Đàn con của mẹ bên trời lưu vong
Quê hương thấp thoáng trong lòng
Tuổi thơ con lớn bên sông Văn Hà.

Bao mùa Xuân, Hạ, Thu qua,
Hằn trong ký ức xót xa não lòng
chập chờn sống những ngày không
Quê hương máu lệ trên dòng tang thương.

Mẹ con ơi! luống đoạn trường
Nuôi con ngày ấy máu xương ngút ngàn
Non sông phủ xuống màu tang
Chiến tranh tàn phá hoa tàn cảnh xuân.

Hiệp Định Geneva tạm dừng
Máu xương ngưng chảy mùa xuân chập chờn
Miền Nam tô điểm giang sơn
Chín năm lạc nghiệp tiếng đàn ngân nga.

Xây nền Đệ Nhất Cộng Hoà
Ngờ đâu mắt mẹ lệ sa ngậm ngùi
Thù ngoài, giặc trong khôn nguôi
mùa xuân chết đi vào thiên thu.@

Cao Trúc Giang



***tình trong
ý ngoài***

***mỹ nhung
lê kính
đào lê
songthy
minh xuân 538
tuyết hồng
nguyễn an bình
trần việt cường
phượng vĩ
hoàng Dũng***



Mỹ Nhung ***Chuyện người ta***

Chị hứa sẽ về cùng em ăn tết
Nhưng sao lần nữa mãi không thôi ..
Chị không ngại đường xa, tốn kém...
Mà nỗi buồn ray rứt khôn nguôi!...

Em bảo chị “Người sao nhạy cảm,
Chuyện người ta để ý làm chi!”
Chính sử không còn – Thông tin bung bít
Tội nghiệp em tôi chẳng hiểu gì!

“Người ta” đó một thời đô hộ
Dân Việt mình nô lệ ngàn năm!
“Người ta” đó bây giờ trở lại
Hung hãn, ngang tàng...tái xâm lăng..!

“Người ta” đó : Đỉnh cao trí tuệ
Mà khôn nhà đại chợ em ơi!
“Người ta” đó: Đánh dân, cướp đất....
Trước giặc thù khúm núm vâng lời...! ?

Cũng người ta: triệu lòng uất ức
Chống giặc Tàu: Trọng tội đó em!
Dũng sĩ, trung ngôn là tội phạm
Lũ côn đồ: áo mao vênh vang !...

Chị hứa cùng em chị sẽ về
Bao giờ thành thị tới thôn quê
Rợp cờ ba sọc vàng muôn lối...
Ngày ấy em ơi! Chị ắt về!!...



Lê Kính
Hoàng hôn thần thờ

Chiều trôi xuôi tiếc nắng ngày
Hoàng hôn lịm tắt giăng đầy ánh sao
Chân mây khóa chặt lối vào
Mênh mông một cõi đường nào mơ hoa.

Hè đi thu lại bước qua
Lối mòn kim cổ trắng già vén mây
Chân khuya bám hạt sương gầy
Mỏi mòn năm tháng đông đầy hư không.

Cho ta gởi trọn tấm lòng
Với bao bút ý thầm mong đến người
Dòng thơ lục bát thơm đời
Chân thành xin tặng những lời yêu thương.

Còn đâu dấu cũ in đường
Nhớ thời hoa mộng vẫn vương giọt buồn
Âm thầm ôm trọn cô đơn
Chiều đi lặng lẽ hoàng hôn thần thờ.



Đào Lê
Lối một cung đàn

Tôi là hạt bụi dưới đường
Gió lay tôi dậy bụi vương vai nàng
Ngỡ mình hạnh phúc đời ban
Ngờ đâu bụi nát bay hoang phím chùng
Cung đàn lỡ nhịp tim rung
Theo cơn gió loạn lạnh lòng tuyết sương

Son môi má thoảng mùi hương
Bay theo cơn gió quyến đường em đi
Ân tình còn nói năng chi
Mình tôi ở lại thị phi mấy lời
Tĩnh ra mộng đã ơi hời
Tìm đâu đâu nữa lời mời ngày xưa

Đường đời trải lấm nắng mưa
Tìm yêu yêu mãi cho vừa lòng nhau
Cuối đời lận đận lao đao
Ngỡ em sửa lại hư hao chuyện tình
Thôi thì trong cuộc ba sinh
Không duyên không nợ đôi mình dở dang



Tình đã thay mùa

Người đến cho đời bớt quạnh hiu
Người đi cả thế giới tiêu điều
Cho tôi gửi nửa hồn theo với
Để được bên nàng ru tiếng yêu

Ngọt lịm môi hôn buổi nắng chiều
Một nửa hồn tôi biết ở đâu?
Tóc nhớ áo chờ, đôi mắt liếc
Bàn tay vừa chạm, tim xôn xao

Ước hẹn tình chung nghĩa phu thê
Tiếng em âm vọng lúc đêm về
Thuyền trăng ghé bến sông thương nhớ
Còn biết làm sao thoát cõi mê?

Tha thiết buổi đầu lắm mộng mơ
Bây giờ còn lại thoáng bơ vơ
Lặng lẽ quê nhà em trở lại
Đi hieu đất khách đêm mong chờ!?

Tim héo úa, tình đã thay mùa
Mây chùng gió giật những ngày mưa
Nước cay, trái đắng, hoa đang rụng
Sợ nửa đời sau sống cũng thừa!

Đào Lê 7/2019



Songthy
Tự ru em ngủ

Tự ru em ngủ hằng đêm
Giấc mơ đầu muộn cũng mềm êm sâu
Hai đầu côi nhớ nhiệm màu
Em cười ngỡ có anh đầu, cuối canh

Ngắm em dáng liễu bên màn
Nụ hôn chưa chạm ngọt lành đã tan
Còn đây môi mắt nồng nàn
Còn đây khóe hạnh nụ giòn hoa thơ

Mà sao cứ ngỡ như mơ
Bóng chim tăm cá mịt mờ chân mây
Đời người ly biệt sum vầy
Thật chân kiếp sống vui đầy yêu thương

Tình, đời... phiền lụy, vẩn vương
Vui buồn nhờ gió vô thường cuốn bay
Tự ru em ngủ đêm ngày
Đêm sâu đầu muộn, giấc say mơ đời...



Minh Xuân 538
Phượng xưa

Ngôi trường cũ hàng phượng già trở giấc
Những chùm hoa đỏ rực giữa mùa hè
Tôi sẽ gọi bầy ve ngừng than khóc
Đừng rũ buồn bên gốc phượng ngày xưa

Tôi đứng lặng nhìn sân trường im vắng
Tiếng guốc khua vang nay đã không còn
Tà áo trắng vờn bay thời hoa bướm
Đã lạc nhau rồi giữa những nghiệt oan...

Tôi rất nhớ Em...một thời yêu dấu
Những buổi tan trường chờ Em dưới mưa
Tay trong tay dưới ô dù hạnh phúc
Đã phủ mờ lớp lớp bụi thời gian...

Tôi sẽ về thăm lại mái trường xưa
Để hoài niệm một thời yêu dấu ấy
Dù phượng hồng đã héo dần...tàn rũ...
Hỏi nhỏ sân trường...người cũ về đâu???



Tuyết Hồng
Chỉ vì anh

Em muốn hái sao trời
Muốn vui sống mỗi ngày
Và đổi thay thế giới
Chỉ vì cho anh thôi

Nhân loại quá đảo điên
Dối trá đã thành nền
Anh chính là sự thật
Nguồn cội của bình yên

Mỗi khi nghe lời giảng
Em tìm được tâm an
Dù chân trời góc bể
Kiếp sống đầy gian nan

Dù gần hay rất xa
Anh chính là tất cả
Tìm em là ngọn nến
Lửa anh, xua đêm mờ.



Trần Việt Cường
Chiều cũng qua mau

Chuông gọi vang vang công phu sáng sớm
Lớp muối sương còn đọng mái xanh rêu
Tôi mắt mở, mà sao như vẫn nhắm
Vì kính độ dày đã vỡ hôm qua.

Kính vỡ mắt mờ, tình rơi thẳm lặng
Sao tiếng chuông ngân còn đục liên hồi
Những chuỗi kinh cầu, thường xuyên lạc đoạn
Chữ nam mô là tiếng nấc nghẹn lời

Mắt nhắm mở, nên tâm chia trí loạn
Vải đạo bào khó gói hết tham sân
Tôi tự trách tôi thân còn vọng ngã
Và thương tôi chưa xả hết tâm trần

Tôi muốn cởi phăng áo lam thu ảo
Tôi muốn mau mau dài tóc, trắng da
Tôi muốn, nhưng mà, lý đời nghịch đảo
Nắng chiều đã loang màu khói sương pha.

Xin trả lại người đêm xưa kỳ tuyệt
Đành tự giam mình sau cổng chùa xiêu
Biết đâu chừng, thân tâm thường lạc
Kính công phu sẽ cầu phúc cho người.



Phượng Vĩ
Tháng bảy nhớ Phượng*

Xứ người nắng gió vào thơ
Tìm đâu tháng bảy phượng chờ năm xưa
Ở đây hoa tím đường mưa
Con ve mấy thuở hát trưa chào hè

Ngày nào Cô Giáo dù che
Bây giờ phơi nắng đi về một thân
Nhớ trường mưa phượng đầy sân
Thầy cô giáo, học trò vang tiếng cười

Tuổi vào Đại học đôi mươi
Sân trường, cửa lớp một thời mộng mơ
Xuân sang áo lụa, quần tơ
Nắng vương nón lá, lững lờ áo mây

Chùng như màu phượng ai thay
Rợp khung trời tím lưu đầy tâm ta
Chùng như lỡ cuộc tình xa
Quê hương bỏ lại, mùa hoa phai tàn

Còn nguyên kỷ niệm cưu mang
Lòng như tháng bảy phượng đang đỏ cành
Ép vào “Lưu Bút Ngày Xanh”
Tình thơ mực tím, để dành mai sau...

Phượng Vĩ / Houston, Hè 2019

****tặng các bạn ĐHSP Sài Gòn/Ban Việt văn***



Hoàng Dũng ***Hạ tương tư***

Tiếng gió reo như tiếc tình tan vỡ
Lá trên cành xoay xở muốn thờ than
Đường tình xưa phủ kín ánh nắng vàng
Những gợn mây, bay ngang như đón Hạ

Con đường xưa, nay giống như xa lạ
Nư tình buồn ngày ta đã phân ly
Mùa Hạ nào, có lần tiễn nhau đi
Ta bên nhau, hứa gì em có nhớ?

Tình đôi mình, chẳng nợ để se duyên
Ta yêu nhau, bất chấp những ưu phiền
Bao mộng ước, giữ riêng, từ thuở trước
Hạ lại về, ta ước, nhưng chẳng được

Dòng sông xưa, con nước, chuyển dòng đưa
Gợn sóng buồn lựa thưa giữa con nắng
Ta một mình lang thang trong trưa vắng
Mượn chuyển dòng cố gắng đi tìm em

Mơ chi nhiều, chỉ mang lại buồn thêm
Tương tư Hạ, vì em, đêm sâu nhớ
Mỗi tình thơ như lá Phượng bơ vơ
Anh vẫn cất, làm kỷ niệm đẹp nhất

Hạ làm ta tương tư tình đã mất
Lối ngõ xưa, chỉ còn lại dấu chân
Ta cố gắng bước qua cảnh tình trần
Ngày nào đó, tương tư, thả theo gió.



Phạm Ngũ Yên

THỊ TRẤN

NĂM GIỮA HAI NGỌN NÚI

Có người hỏi tôi, kết thúc một chuyện tình cảm, có bao nhiêu đau lòng?

Tôi nói, tôi chỉ đau lòng khi tôi chưa từng cố gắng để đuổi theo tình yêu đến hết đường.

Tôi không biết phải nói ra sự muộn phiền hay lời cảm ơn về một khoảnh khắc mà cuộc đời đã ném đến cho tôi hay cuộc đời hiến tặng? Người ta thường nói về định mệnh và tại sao chỉ ước ao một đời duy nhất, trong khi có rất nhiều...

Tôi 60 tuổi và tháng giêng này sẽ là ngày sinh nhật của tôi. Sinh nhật của một người đàn ông vừa sắp sửa ly hôn, dĩ nhiên không có hoa và ly rượu ấm áp đi kèm. Hoài Hương thì khác. Nàng đang bình an trong ngôi nhà của đứa con gái. Mỗi ngày bông ảm hôn hít đứa cháu ngoại vừa một tuổi và nghe tiếng cười của nó để rồi lim dim dựa lưng vào hạnh phúc.

Tôi không còn thói quen thức dậy sáng sớm để pha cà phê cho hai người. Không còn thức dậy giữa đêm sâu để đưa cánh tay cho nàng gối đầu và nghe tiếng nàng ngái ngủ hỏi mấy giờ rồi. Câu trả lời luôn là “còn sớm, ngủ tiếp đi”. Cũng lâu, tôi không còn làm những câu thơ của một mùa không ngủ. Lời thơ trẻ bông bột trượt lên gối chăn. Những trang báo địa phương cũng dần dà thiếu vắng tên tôi. Mùa đông nghe đã lạnh bên đời.

Có nhiều giấc mơ đậm nhạt và chập chờn như cánh chim. Tôi đã quên không buộc chặt cánh chim - giống như ngày thơ dại - để nó vượt bay khỏi một khúc sông. Biến mất sau một góc rừng... Giá mà chạm tay được với quá khứ, nơi những tình xanh mang trên lưng những cánh lá chưa đổi màu. Giá mà tôi trở lại thời gian làm những tia nắng đậu xuống vai nàng? Nhưng có cần thiết hay không nếu thế giới chung quanh lao xao điều thương tổn? Trước sân nhà, chiếc ghế xích đu dành cho hai người ngồi đã lâu không sửa sang

Tin Văn 83

lại cho thơm tất. Bụi bám trên lớp vải nệm và tay vịn hai bên. Xác lá bẹp gí như chứng tích một thời nông nổi. Dầu biết rằng hai người yêu nhau bằng một tình yêu không thể nhưng khi chạm vào tan vỡ vẫn tiếc nuối.

Hoài Hương nhỏ hơn tôi 10 tuổi. Người phụ nữ thực sự không có chỗ về từ một ngày rời nhà thương. Chiếc gối đỏ hình trái tim ôm theo và đôi mắt nhìn xoáy vào tôi, đau buốt. Tôi không biết nàng đã ngã bóng mình xuống tôi hay tôi chết trên vụn vỡ đời mình trước nàng. Mùa đông cách đây ba năm, Hoài Hương ngăn nỗi buồn chấp chới và ném cô độc từng ngày. Một chỗ tựa vững chắc và một tình vợ chồng vừa vắng biệt đàng sau một nghĩa trang. Và những vòng bánh xe lăn như vòng đời chóng mặt. Có những người can đảm đứng lên sau một rạn vỡ. Nàng đã từng như vậy. Cho đến một ngày... nàng ngã xuống... tôi thấy lòng chao nghiêng khi đi ngang qua ai đó đang... cần giúp đỡ...

Vì yêu cầu nghề nghiệp khiến tôi phải về Việt Nam mỗi năm ba tuần. Đó là vào dịp cuối Tháng Mười Hai hoặc bước qua tuần lễ đầu Dương Lịch. Một điều không dễ dàng khi bạn đang đụng đến những ngày không biết đầu là khởi đầu và đâu là kết thúc. Những ngày bình yên mênh mông. Vì rõ ràng là tôi đang có những ngày như vậy với Hoài Hương. Đó là thời gian trước khi tôi nghe thừa dằn những tiếng chân đêm của nàng trong phòng. Trước khi Hoài Hương coi những ngày lái xe chạy về nhà thăm cháu là niềm vui không thể thay thế.

Công việc của tôi là bảo trì máy khoan cho một hãng dầu tại Houston có chi nhánh tại Vũng Tàu. Ngày trước thuộc công ty Dầu Khí liên doanh với Liên Xô. Sau khi Liên Xô rút đi Việt Nam hợp tác với vài công ty nước ngoài, trong đó có Hoa Kỳ. Có nhiều nhân viên ngoại quốc đến rồi đi. Đa phần họ làm việc ngoài khơi nơi đặt các giàn khoan. Thời gian trở lại đất liền là để nghỉ ngơi, hoặc chờ ngày trở về lại nơi chốn mà họ xuất phát. Thường là một tuần hay mười ngày mới có chuyến bay...

Ngày cuối cùng ở Vũng Tàu tôi xuống phòng tiếp tân làm thủ tục trả phòng.

Khi tôi nhìn lui về khung kính nơi cầu thang máy, người đàn bà đã khuất. Trước đó, bên bức thềm nóng hổi tiếng kêu sôi của ve sầu, tôi thấy vạt áo đầm của nàng rõ hình những hoa sứ. Gió từ biển thổi về mang mùi của muối, của quá khứ đầm đìa tức tưởi cơ hàn. Biển như nổi buồn bao la nếu không nói là đậm màu bất trắc có khả năng nhấn chìm mọi cánh buồn nào ra khơi.

Chỉ vài phút ít oi để tôi nghe nàng nói:

“Chúc ông đi bình an.”

“Cô cũng vậy... ở lại bình an.”

Tôi thu gom một vài tài liệu quan trọng trong hộp thư có mã số dành riêng khi mượn phòng. Ký xuống vội vàng những mẫu giấy mà nếu ở Mỹ nó sẽ không nói lên một giá trị nào hết. Trong đó, có bản xác nhận không đụng đến những thức uống có sẵn trong tủ lạnh - một phạm vi dành cho những khách hàng làm biếng không muốn xuống uống ở quầy bar - Ai cũng biết những món đồ này có giá tiền gấp đôi với giá ngoài. Trong khi chờ tài xế của khách sạn đến rước, tôi loay quanh trong phòng và cũng kịp rót một ly cà phê từ chiếc bình cà phê pha sẵn. Kịp gọi phone cho Hoài Hương nói với nàng là tôi đang chờ xe đưa ra phi trường và sẽ về kịp ngày hôm sau... Mãi đến khi đứng trước quầy *check in* nơi phòng vé tôi mới biết mình đã làm rơi đầu đó bằng lái xe của Mỹ - không biết từ lúc nào - Dĩ nhiên là tôi bị từ chối làm thủ tục và nói theo cách nói của thời đại, là tôi đã bị loại ngay từ vòng “gởi xe”. Tôi kêu xe chạy gấp trở lại khách sạn, lòng nguyên rủa những con đường và những dòng người xuôi ngược. Những ngọn đèn xanh đỏ vô cảm từ những ngã tư. Và thù ghét vô cùng cái khách sạn mà tôi trú ngụ hơn tuần qua. Tôi thù ghét luôn cả nàng.

“Ông làm rơi lúc rời khỏi đây hồi sáng sớm, mãi đến trưa nhân viên dọn dẹp mới nhìn thấy. Nhưng không biết làm sao đuổi theo ông để trao lại. Mà nếu đuổi theo kịp thì ông cũng... lỡ chuyến bay.”

Nàng cười, nụ cười khiến tôi ghim con giận không để lộ ra. “Biết ông thế nào cũng trở lại,” nàng nói mà cây viết trần trổ trong bàn tay như một người làm xiếc. Bàn tay có những ngón trau chuốt dễ chừng chưa từng đụng đến bếp núc, soong chảo, khiến người ta liên tưởng đến điều khác.

Tôi nhớ khi ấy nàng nói:

“Ông già từ một nơi chốn từng nán nã suốt một thời gian dài mà không có gì hết? Cả một nụ hôn, hay một cái nắm tay, cũng không có... thử hỏi có dành lòng hay không?”

Tôi không từng đón nhận những câu nói hàm chứa sự mơ hồ. Nó giống như một lời thoại chỉ có từ các phim ướt át ngôn tình và người ta sẽ dễ ngã vào nhau sau những điều như vậy. Tôi cảm giác như mình đang trong một thế giới nào đó, tụt hậu không theo kịp với một trào lưu mới và sự hổ thẹn ủa về làm trái tim đau điếng.

Tôi không biết mình có đỏ mặt hay không nhưng trước mặt tôi, ngực áo trái của nàng đang phập phồng bằng mica ghi rõ tên và chức vụ. Nó tượng trưng sự nghiêm túc và dễ chừng tôi nghe cả tiếng thở của tôi đang bị hơi thở của nàng nghiền nát. “MĂNG MAI, Manager.” Chiếc áo sơ mi màu trắng có tay và nút gài tinh khôi như tên của nàng. Đôi khi cuộc đời là một kịch bản và chúng ta làm tốt vai trò như thể không cách nào làm khác hơn.

“Chắc những điều mà cô nói nó chỉ là trong giấc mơ.”

“Chỉ là giấc mơ thôi sao?”

“Còn điều gì khác? Nhưng hiện tại tôi phải tiếp tục ở đây cho đến tuần tới mới có chuyến bay. Có một giá nào “bèo” nhất để cho một người nghèo túng như tôi trú ngụ không vậy?”

Nàng đưa tôi một tờ giấy và giải thích:

“Policy của khách sạn cho phép khách được ở lại thêm vài ngày mà không tính phí. Nếu lỗi không hoàn toàn từ khách.”

“Tôi bắt cần để rơi giấy tờ tùy thân, lỗi ở tôi mà.”

“Vẫn là của chúng tôi một phần, coi như đền bù lại chuyện ông trễ chuyến bay.”

Giọng nói giống như cả hai đều muốn dành phần lỗi về mình. Ngộ chưa?

Đó là lý do tôi biết nàng.

Vũng Tàu không thiếu những khách sạn hàng đầu và những quán ăn sang trọng. Nhưng nếu nói về sự riêng tư, thì Nhà Hàng Nổi là một địa chỉ luôn đông khách với nét đặc trưng của riêng mình. Ngày trước gọi tên là quán Tím vì nó sơn màu tím. Lợi thế của quán là nằm trên một triền đá thoai thoải với mặt biển chạy dài về phía Ô Quấn, nhìn xuống một mặt đường lát bằng đá hoa cương - Và một phần vì chủ nhân là một dân Vũng Tàu thứ thiệt, từng có thời mài mòn đũng quần ở trường. Quán vừa là khách sạn mini, vừa nhà hàng có bán cà phê. Từ ghế ngồi sát ban công khách có thể nhìn xuống mặt biển trước mặt. Phía bên phải con đường chạy dài đến Dinh Ông Thượng và Núi Lớn. Nhìn về phía trái là đường chạy ra Bãi Sau. Nhìn về phía nào cũng thấy biển.

Khách khứa bắt đầu một ngày mới với buổi tập Yoga ngoài trời, sau đó là một ly cà phê pha chế theo phong cách Ý. Từ các bàn tròn đặt dưới bóng mát của các cây cọ mới trồng nhưng những cây bàng thì có tuổi đời mấy chục năm, người ta nghe được những trải nghiệm cuộc đời, là những gì cho đi, sẽ không thể lấy về.

Buổi trưa, nắng sẽ nằm lại đâu đó trên các ngách cửa sổ của phòng ngủ vì chiếc màn sẽ ngăn chúng lại không cho lọt vào phòng

Chiều tối, là các món nếm tại hành lang, những món hải sản hấp dẫn. Nếu chúng ta thấy tận mắt những con tôm hùm, những con sò đang đổi đời như thế nào trên các lò nướng than, chúng ta sẽ khó từ chối sự chọn lựa nào khác ngoài một món mỗi chỉ có từ biển cả. Mùi thơm của món ăn tươi cộng với mùi cháy khét lan tỏa trong khoảng không gian chật. Sau đó, lấy một chai Cabernet Sauvignon ra ngồi ở hiên quán, và tiếp đó chậm rãi đưa ly rượu lên mũi thưởng thức mùi vị của nó, nghe tiếng vải bạt che đang phàn phật trên đầu... tiếng chim giành chỗ ngủ với nhau trên một hốc đá màu chiều... Tiếng của xe hai bánh vụt qua. Tiếng người bán rong bằng xe đạp rao hàng. Giọng cao và chát không phải người miền Nam, giống như một ngụm rượu khai vị vừa

uống vào không đúng lúc. Còn gì nữa? Dĩ nhiên là tiếng của những viên đá bỏ vào ly.

Tối qua, tôi có một đêm cùng với nàng trong một tiệc mời mà cả tôi và nàng đều là khách. Đúng hơn, tôi là một khách mời ăn theo. Tôi và nàng không ai nói với nhau về thân phận của mình. Tôi không nói tôi là dân Vũng Tàu, và nàng cũng vậy. Buổi trưa trước khi xuống ca trực, nàng tìm tôi đột ngột:

“Có một buổi hội ngộ nhóm học sinh già của trường, mấy chục năm mới gặp lại, họ mời em... Họ đặt tiệc tại nhà hàng này, anh có định đi không?”

“Anh cũng người Vũng Tàu đây?”

“Vậy sao? Anh học thời gian nào vậy?”

“Không nhớ. Nhưng thời anh học trường chưa xây lầu. Có một sân bóng chuyên ngay cạnh cổng vào. Và anh biết có những cây điệp mà nếu nó còn, tuổi đời dễ chừng đã 60 năm.”

“Anh học trước em,” nàng nói. Chiếc cổng mà anh nói, là cổng cũ.”

“Cổng cũ, dành cho những học trò cũ... Bao nhiêu hào kiệt anh thư từ nơi đó bước ra để đi xuống cuộc đời.”

“Cuối cùng anh có chịu đi với em không vậy? Chắc mọi người sẽ ngạc nhiên?”

“Nếu anh nói không đi thì người ta tưởng anh còn trẻ. Mà đi bên cạnh em, người ta tưởng anh già.”

“Đừng nói chuyện khùng với em.”

Tôi không biết có bao nhiêu người nhớ đến mình, vì thời gian làm trí nhớ con người bị mòn. Nhưng với Măng Mai, người ta không thể nào quên và lầm lẫn với ai được.

Trong khi nàng dáo dác kiếm chỗ ngồi và tôi cũng phân vân ngại len lỏi giữa những bàn ghế cùng những sắc màu da thịt, tôi nghe tiếng người hướng dẫn chương trình đang hét vào micro:

“Chúng ta có một người bạn mới vừa bước vào. Người này chắc không ai mà không biết. Vì chị là một trong những người học trò rất đặc biệt của trường. Chị thuộc niên khóa

1968- 1975. Một niên khóa ghi dấu cả hai biến cố. Đó là chị Măng Mai. Chúng ta có nên cho chị một tràng pháo tay không vậy?”

Những gương mặt chưa gì đỏ au vì bia rượu chợt quay về phía nàng. Dĩ nhiên là người ta không dè sẻn những tiếng vỗ tay.

Nội bao nhiêu đó thôi đủ làm nàng luống cuống... Sự dạn dĩ trong dáng điệu của một người Quản Lý đã trôi biến để rồi tôi nghe hơi ẩm bàn tay nàng lan tỏa trong tay tôi từ lúc nào không nhớ. Những bàn tay chưa từng già đi cùng nhau nhưng cũng chưa từng son trẻ.

Đêm vắng ngắt để nghe rõ ràng những bản tình ca. Nhắc mọi người về một tiền kiếp khôn nguôi. Cùng lúc tiếng biển vọng về, gần gũi...

“Mai muốn ra khỏi đây. Hít thở và ngắm trời đêm.”

“Ngay lúc này? Sớm vậy?”

“Uh. Họ nhìn chúng ta dữ quá. Coi chừng lát nữa họ bắt em lên đứng trên đó...”

Tôi nghe nàng. Đứng lên và không quên cầm theo ly rượu. Ra đến tận ngoài, tôi nghe rõ tiếng biển như cái thời trẻ trung tôi đi dưới đêm nghe hồn liêu xiêu vì lạc gió. Cái thời mà nàng còn ngồi ở trường, cũng là lúc tôi vào lính. Nên biển trong tôi vẫn là của nàng, vẫn muôn đời quen thuộc nghìn trùng, nhưng thành phố đã đổi thay.

“Đâu có ai uống rượu mà bỏ đá?” Măng Mai nói.

“Để làm bớt đi những hình ảnh huyền hoặc kể từ khi nghe người ta nói về em.”

“Em trừu tượng vậy sao?”

“Em giống như một người đàn bà đến từ giấc mơ của anh... Nó bất chợt và không thường xuyên.”

“Vậy người trong giấc mơ của anh đẹp hay xấu?”

“Không nhớ. Nhưng chắc chắn có những cá tính. Đủ để ngạc nhiên và tiếc rẻ khi tỉnh dậy, nghĩ rằng tại sao giấc mơ lại không thể kéo dài?”

“Từng tuổi này chắc em không đại dột để tin những gì đàn ông nói ra.”

“Em không đại dột nhưng phải tự tin chứ?”

“Tin điều gì?”

“Là em đủ đẹp để làm dừng một bước chân.”

“Không chắc. Rõ ràng là... một tai nạn.”

Màu đêm trên vai nàng có lúc xô lệch, có lúc im ắng, mỗi khi nàng hất mái tóc về phía sau. Nơi hai cánh vai, gần xương quai xanh mờ nhạt vết sáng của dây áo ngực vì nắng ngày không chạm đến. Có thể nàng từng có những buổi sáng nằm đâu đó phơi cơ thể mình để nghe tiếng gió réo gọi một lời tình hay ngã sóng soài trên một kinh nghiệm tàn khốc?

“Anh vẫn còn giận em khi em làm anh trễ một chuyến bay?”

Nàng nói với tôi bằng một giọng pha lẫn sự tiếc nuối thực sự, dù cho đến giờ phút này điều đó không cần thiết. Tôi đang cảm ơn những rủi ro nhiều hơn là trách cứ.

“Đúng ra là lúc trở lại khách sạn anh rất giận. Mà người gặp đầu tiên là em,” tôi nói.

“Anh không căm ghét em chứ?”

“Về chuyện gì?”

“Vì em đang rù quên anh.”

“Đề coi, nếu em nói cho anh nghe về một tình yêu từng là đẹp nhất...”

“Sẽ không phải tình yêu đâu... Nhưng để bắt đầu, em muốn uống thêm một ly *cocktail* pha với cà phê...”

Một ly cà phê như vậy đem ra từ *bartender* nhưng nàng vẫn chưa nói.

“Anh muốn nghe tình yêu dài hay ngắn?”

“Có nhiều tình yêu quá vậy sao?”

“Không thể biết bao nhiêu là đủ,” nàng cười và kéo tôi đến ngồi một chỗ có ít ánh đèn.

“Đề khỏi ai nhìn thấy,” nàng nói.

Tôi không biết đêm có khuya lắm không vì khách khứa đã rời phòng *bar* để ra ngoài nhìn biển đêm. Họ ngồi trên những ghế bô vải nghe gió nhào lộn, tung tãi.

Sợi giây chuyền trên cổ nàng rung rúc giống như những ngôi sao đi lạc giữa hai bầu ngực um vúp mà nắng sáng làm hồng. Tôi không ngại ngừng nhìn vào đó, trong khi nàng không tránh né. Ngọn hải đăng nằm đâu đó trên cao, sau lưng nhà

hàng. Nếu ban ngày người ta sẽ thấy một tòa tháp trắng nằm yên trên đỉnh núi, nhỏ nhoi.

Ngày nào còn trẻ dại, dưới ngọn đèn pha ngọn ngọn ánh sáng như một chiếc xe đêm lao vào trong thình lặn, tôi đã đánh mất tuổi học trò của mình. Từng cơ hàn theo gió đêm bay vào trong miên viễn.

Trong khoảnh khắc đó, tôi chẳng thể nào nói cho nàng hiểu được. Căn nhà, dưới chân ngọn núi, mùa mưa nước cuốn theo rác rến từ trên cao chảy xuống. Tôi cố ngăn mình không bước vào nỗi buồn của nàng.

Một người nào đó đi qua chỗ chúng tôi, hỏi trống không:

“Bạn đang có hẹn à?”

Mãng Mai nhìn cô gái hình như bạn học ngày trước, rồi quay về tôi:

“Họ đang muốn tìm hiểu anh là ai?”

“Có đáng bỏ công nhiều vậy không?”

“Mỗi người đều có câu chuyện để nói... Mọi thứ đều có câu chuyện để kể...”

“Anh không quen như vậy.”

“Đó là chuyện bình thường trong thị trấn nhỏ này... Người ta rảnh nên ít có công việc gì để làm... Nhưng với em, nó không bình thường. Em là một quản lý khách sạn nhưng đêm nay em lột bỏ lớp phấn son nghiêm nghị để trở nên một nhân vật đường phố.”

“Trong câu chuyện tình yêu?” Tôi nói.

Mãng Mai hớp một ngụm từ chiếc ống hút. Như để làm dịu cơn mệt vì một câu nói dài. Ánh đèn chìm khuất, trôi giạt dưới một nhánh cây không biết tên, tôi thấy gương mặt nàng duỗi.

“Anh muốn uống thêm gì không?”

“Anh không uống quá hai ly rượu trong một đêm.”

“Một thói quen tốt,” nàng gật gù. “Còn em, cả phê thả giàn, từ sáng đến tối.”

Một vài phút im lặng. Rồi nàng nói tiếp:

“Một ngày nào đó em sẽ viết về anh.”

“Anh chưa từng biết như vậy. Em viết văn à?”

“Uh. Viết chơi thôi, không dám nhận mình là văn sĩ.”

“Sao vậy?”

“Em chưa từng thấy tốt khi làm công việc đó.”

“Miễn có người đồng cảm là được.”

“Anh nhen?”

Nàng cười như say.

Còn tôi, khi kẻ sát gương mặt nàng, tôi nghe mơ hồ mùi nước hoa từ chân tóc nàng, nhưng màu son trên môi lúc nào cũng đỏ là một sự thật. Nó khiến người ta vực dậy một cảm xúc và thấy lòng mình mây bay.

“Lần đầu tiên gặp, đã thấy anh tia nhìn rất buồn. Em tự hỏi sao anh lại đau khổ như vậy?”

“Vì chắc hai ta không dành cho nhau rồi!”

“Chắc vậy.”

Khi đó, Măng Mai cũng vừa nhận ra một miếng hôn vừa phớt qua trên má. Không lâu, nhưng đủ làm nàng rung động.

“Sao anh hôn em?”

“Vì em làm phiền anh.”

“Anh có thể chạm vào ngực em được mà?”

Một lúc lâu, tôi không nghe nàng nói gì.

“Em ồ không?”

“Ồn.”

“Sao em khóc?”

“Chỉ khóc thôi, không có gì buồn...”

Đàn bà từng trải khi đàn trải lòng mình chỉ vồn vện như vậy. Bởi qua rồi. Và hơn bao giờ hết, người đàn bà chỉ nói về mình khi cảm giác có người biết lắng nghe. Và đàn bà khi yêu cũng như buồn đều giống nhau.

“Bên đó anh sống với ai?”

“Anh đã kết hôn nhưng hiện sống một mình.”

“Có một hôm anh đi đâu vắng, có tiếng phone từ Mỹ gọi về phòng tiếp tân và một giọng nói đàn bà...” Nghe giọng nói, biết người của anh rất đẹp.”

“Nhưng không đẹp và không nổi tiếng bằng em.”

“Vậy tôi nay anh có muốn ở lại nhà với gương mặt nổi tiếng không?”

Nàng nói và hôn tôi.

“Coi chừng. Những ông bà già Vững Tàu vẫn chưa rời khỏi hết đây.” Nàng lùi ra xa tôi và cười. “Em chỉ giỡn thôi mà.”

Khi tôi rời khỏi ngôi nhà nàng, người phụ nữ ấy vẫn còn say ngủ. Nàng không quay mặt về phía tôi nhưng tôi vẫn hình dung nụ cười mơ màng cùng hai mắt nhắm kín. Tôi để lại cho nàng vài chữ viết vội vàng. Ngoài bờ vai, khuôn ngực nàng ra, tôi chỉ có thể viết xuống được cho nàng vài dòng. Những câu văn không có dấu chấm câu, không có chỗ dừng. Như tình yêu không có ngày báo hi. *“Anh ra phố tìm mua một món quà nào đó để đánh dấu một tình yêu, rồi trở lại khách sạn gia hạn phòng. Em đợi anh về ăn sáng.”*

Lúc tôi trở về, tôi nhận lại một tờ giấy khác, cùng những gì nàng viết ào ạt như sóng biển bên ngoài:

“Ông già của em. Người học trên em cả chục lớp...”

Chúng ta không ngủ kể từ một ngày? Hai ngày? Một tuần...? Mỗi người đều có câu chuyện để nói... Hôm qua em nói với anh như vậy.

Em vẫn thường lắng nghe những chuyện từng chiếc lá kể. Những ngày mưa, những ngày nắng và ngọn gió nào đã thổi qua các cuống lá? Em lắng nghe các câu chuyện về những hành trình của nó. Kể cả tiếng mưa. Mọi thứ đều có câu chuyện để kể. Đó là lý do, tôi qua ngọn gió đã thổi qua sân vườn nhà em. Lúc đó anh đã ngủ. Không có một ánh trăng như ngày chúng ta còn thơ dại. Không có cả một vì sao đêm để thấp sáng một giấc mơ. Chỉ có màu đèn xanh băng khuâng từ bàn phấn dội vào mắt anh, như một màu biển, như muốn nói với em - về nụ cười của anh - đó là lý do anh tỏa sáng. Chúng ta được sinh ra trên cuộc đời này để nhìn và nghe những gì đang hiện hữu, nên chúng ta không thể trở thành ai khác. Mỗi chúng ta đều có ý nghĩa riêng cho cuộc đời mình. Nhưng không biết sao, khi gặp anh đang giận dỗi trước quầy tiếp tân, em thấy dường như em đã thuộc về anh. Lúc đó anh giống như một đứa trẻ. Em chưa kể câu chuyện tình yêu của em cho anh như đã hứa (mà anh cũng quên hỏi) Thôi hãy để nó nằm yên, đừng khuấy động, như anh và em đã khuấy động lại một công trường. Cũng đừng mua gì cho em. Đám cưới và trăng mật là hai danh từ mà người ta nói

hiều nhất. Anh và em từng chạm tay vào đó, từng vì nó mà hạnh phúc hay khổ đau. Không biết anh thì sao, nhưng với em thì không cần.

Anh sẽ hỏi tại sao? Cái giọng nói qua *phone* nơi quầy tiếp tân gọi từ Mỹ về cho anh. Nó không hẳn là người ta muốn ly hôn như anh nói. Em muốn nói với anh, là đừng biến bản thân mình thành kẻ thứ ba, đừng yêu một người chỉ coi mình là bản sao nháp của ai đó, trong khi mình xứng đáng là cả bầu trời của người khác.

Em cũng có con cái và có cả một gia đình để khi vui buồn em vẫn có thể quay về. Rồi anh sẽ kinh nghiệm những gì anh đã kinh nghiệm với người trước đó. Và anh sẽ chán nản đến chừng nào. Nhưng anh sẽ dừng lại tại đó, trong khi đàn bà, dù hạnh phúc hay khổ đau họ cũng sẽ trở về sau tất cả. Còn những nụ hôn mà chúng ta trót gởi cho nhau, coi như kỷ niệm. Em sẽ rất buồn khi không còn muốn hôn một ai đó nữa. Và đôi khi nỗi buồn sẽ không quá tệ. Nó sẽ làm cho em sống tốt hơn...”

Từ nơi một thị trấn nằm giữa hai ngọn núi, tôi đã kết thúc mối tình của tôi như vậy.

Con bão đang đi vào thành phố trong những ngày tới, tháng mười hai. Nó mạnh tương đương cấp 5, từ Thái Bình Dương tiến vào đất liền với sức gió hai trăm mười dặm một giờ.

Ngày xưa, tôi không hiểu tại sao thành phố lại có thể bình an trụ được dù bao nhiêu bão giông? Nhưng bây giờ thì tôi hiểu. Ít ra là lúc này.

Tôi muốn nói rằng, hãy yêu như là ta muốn yêu, đừng yêu như xã hội nói. Bởi vui hay buồn, tự mình sẽ gánh chịu. Khi còn trẻ chia tay một mối tình cảm thấy chết đi sống lại, nhưng khi già rồi, mới hiểu bắt đầu hay kết thúc, đều luôn đi chung trên một hướng đường.

PNY



trần tuấn kiệt lạc đạo thi 3

Hôm qua song thoại mà chơi
Ngày nay hội ngộ với đời làm vui
Kìa em chan chứa nụ đời
Mắt nhìn hoa nở bên trời vong nhân
Thiên nhiên gió bão xoay vần
Bụi mờ nhân ảnh phân vân làm gì
Êm đêm khúc lạc cầm thi
Mùi hương huyền hỏa bủa vây quanh hồn
Nghe thầm bước vội em lên
Triều sông biển tụng phiên buồn tịch liêu
Lạc thi ngâm ngợi giữa chiều
Buổi hoàng hôn xuống càng yêu bóng tà
Em cùng nhât nguyệt hòa ca
Bỏ quên hố thẳm phồn hoa hôm nào
Bóng gầy vóc hạc chiêm bao
Mấy xuân thu để lệ dào dạt bay
Lời đi gió động bờ cây
Vai nghiêng nón nhỏ hao gầy vì thu
Cờ ai vàng võ trong mù
Khói sương che phủ mặt mờ tàn quân
Nỗi buồn khói tỏa thu không
Ánh sao định mệnh phiêu bồng với thơ



Diệp Mỹ Linh

TRĂNG TRÊN ĐỈNH Mt. JUNEAU

Truyện ngắn

Chiều nào cũng vậy, sau khi dùng cơm tại phòng *Romeo and Juliet*, Kiều-Lam cũng thích đợi ánh hoàng hôn về để lên phòng *Windjammer Café* nơi tầng 9 của du thuyền *Legend of the Seas* nghe anh chàng người Gia-Nã-Đại độc tấu Tây-Ban-Cầm – dù du thuyền có ba khu vực khác nữa để các nghệ sĩ luân phiên trình diễn mỗi đêm.

Tối nay trong phòng *Windjammer Café* này chỉ còn lác đác vài người và Kiều-Lam; vì đa số du khách đã đi bờ, (danh từ của Hải-Quân, có nghĩa là rời tàu, rời đơn vị để đi phố) từ sau khi du thuyền cập bến. Vậy mà anh chàng *Canadian* vẫn không để ý, chỉ say sưa đàn, thỉnh thoảng lại tự tạo những biến âm rất lạ, dễ cuốn hút người hiểu nhạc.

Vì ít người, thừa bàn, Kiều-Lam chọn chiếc bàn nơi góc, gần chỗ người nhạc công tài hoa đang ngồi, để nhìn mái tóc dài màu cát vàng của anh lóng lánh dưới ánh đèn *spotlights*. Anh vẫn ngồi trên bục gỗ cao. Đầu anh nghiêng nghiêng, mắt nhìn vào phím đàn nơi bàn tay trái và mái tóc anh lay động nhẹ theo từng chuỗi âm thanh. Thỉnh thoảng đôi kính mắt của anh lóe lên vì ánh đèn phản chiếu lúc anh ngẩng lên để hất nhẹ mái tóc ra phía sau. Đôi khi vai anh cũng lắc nhẹ theo những cung đàn vui. Khi dạo những đoạn khúc buồn, đầu anh hơi cúi xuống để ánh đèn nhạt nhòa từ trên trần cao tạo nên những nét khắc khổ, rã rời trên khuôn mặt hơi dài của anh. Nếu màu tóc của anh đậm hơn một tý, Kiều-Lam nghĩ, nàng sẽ nhầm anh với John Lennon – một thiên tài về âm nhạc của The Beatles.

Nhân lúc anh bồi bàn đến mời dùng thức uống, Kiều-Lam nhờ anh yêu cầu anh chàng *Canadian* độc tấu nhạc khúc *La Cumparsita*⁽¹⁾.

Kiều-Lam lắng nghe, tưởng như tiếng đàn quyện với hồn nàng. Và trong thoáng chốc, nàng cảm thấy hồn nàng vượt cao, cao hơn hẳn mọi phù phàng và tẻ bạc mà đời đã vùi dập nàng bấy lâu nay. Kiều-Lam vui và lòng thanh thản như ngày bé thơ, thường lắng nghe người anh họ – Phạm-Đình-Phê – đệm đàn tập cho nàng hát. Bây giờ nàng không hát được cho nên nàng chỉ gật gật nhẹ nhẹ theo điệu *Tango* rộn rã.

Khi bản nhạc sắp dứt, Kiều-Lam nhìn anh chàng *Canadian*. Lúc anh ngẩng lên, vô tình hướng về phía nàng, nàng khẽ cúi đầu, mỉm cười và đưa bàn tay hơi cao hơn bình hoa *Pansy* trên bàn một tý, rồi vẫy nhẹ để tỏ dấu cảm ơn. Anh cũng mỉm cười, nhấp nháy mắt tỏ dấu nhận hiểu. Sau đó anh chuyển sang điệu *Moderato* với tình khúc *Second Piano Concerto*⁽²⁾. Từ bản nhạc này anh tiếp luôn bản khác một cách liên tục và tài tình cho đến nỗi phải đến vài phân đoạn Kiều-Lam mới nhận ra được đó là đoạn khúc *Melody In F*⁽³⁾. Anh cứ tiếp tục đàn những bản quen cho nên Kiều-Lam vừa “ngân nga” theo rất nhỏ, chỉ đủ một mình nàng nghe, vừa lơ đãng nhìn ngọn núi Mt. Juneau sừng sững ngang tầm mắt.

Trong thoáng chốc, dáng vẻ hùng vĩ của Mt. Juneau và những ngọn núi xa xa chìm vào màn đêm; chỉ còn những vùng tuyết ẩn hiện lơ mờ trên đỉnh núi cao, từ xa trông như những áng mây không di động. Dưới xa, sát chân núi Mt. Juneau là nhà hàng và cửa hàng bán quà kỷ niệm. Du khách nhàn tản bước dọc theo những cửa hàng bán quà kỷ niệm. Kiều-Lam nghĩ, nếu không có ánh đèn từ các cửa hàng và cửa những trụ đèn đường soi rõ con đường nhựa duy nhất và bãi đậu xe nhỏ nhắn chia cách khu phố và du thuyền thì nàng khó có thể phân biệt được bên nào là biển và bên nào là núi Mt. Juneau.

Từ sau khi rời tảng băng Hubbard Glacier cho đến bây giờ, Kiều-Lam không thể nhớ được du thuyền đã len lỏi qua bao nhiêu chân núi. Nhưng không hiểu tại sao nơi chân núi này, với khu phố hẹp mang tên Juneau, nàng lại cảm thấy bồi hồi như

nàng vừa đánh mất hoặc là vừa tìm lại được cái gì rất thân thương, rất gần gũi.

Trong khi Kiều-Lam chưa phân tích được tâm trạng của mình thì nàng chợt nhận ra tiếng Tây-Ban-Cầm của anh chàng *Canadian* lại chuyển sang điệu *Tango*. Nghe quen lắm, nhưng nàng không nhớ được tựa đề của bản nhạc. Mãi đến lúc anh ngừng lên, mái tóc vàng lay động hơi dòn dập và nét mặt anh phẳng phất niềm vui như nét mặt của một người vừa trở về sau một chuyến viễn du, Kiều-Lam mới nhớ ra, đó là nhạc khúc *La Paloma* ⁽⁴⁾.

Nhạc khúc này, khu phố hẹp và mặt nước lóng lánh ánh đèn dưới xa như gọi lại trong hồn Kiều-Lam một vùng biển xưa; nơi đó nàng đã để lại những ngày thơ ấu êm đềm, những mối tình một chiều, một mối tình câm – mà sau này vô tình nàng mới hiểu được – và chỉ mang theo được một cuộc tình nhiều đắng cay!

Những ngày thơ ấu nơi vùng biển xưa đó, cuối tuần, nhóm bạn cùng lứa thường rủ Kiều-Lam đạp xe đạp xuống một khu phố hẹp sát chân núi, bên kia con dốc nhỏ, cuối con đường sát bờ biển để ngắm những chú cá âm thầm bơi lội trong tủ kính của Hải Học Viện. Nhiều khi các bạn và nàng đạp xe xuống khu phố đó không phải để ngắm cá trong Hải Học Viện mà chỉ để đi “cà-rô” dưới mấy cây bàng cần cỗi dọc theo con đường nhựa duy nhất chia cách dãy phố buồn hiu và những ghềnh đá chơ vơ của một vùng biển nghèo – mang tên là Cầu-Đá.

Một chiều nọ, tại Cầu-Đá, trong lúc cùng nhóm bạn lựa mua cái kẹp bằng đồi mồi nơi cửa hàng bán quà kỷ niệm, Kiều-Lam nghe một giọng nam rất êm ái:

-Cô ơi, cô! Xin lỗi, cô làm ơn cho tôi hỏi thăm.

Cả nhóm vội ngừng lên, vì không biết ông ấy hỏi đũa nào. Kiều-Lam nhận ra đây là một thanh niên cao, đeo kính cận, dáng vẻ rất chững chạc. Thanh niên nhìn Kiều-Lam, tiếp:

-Có phải cô là người có tấm ảnh chung trong tủ kính nơi hiệu ảnh Mai-Ngôn hay không?

Kiều-Lam thoáng bối rối, chưa biết nên nhận hay nên chối; nếu nhận thì hơi mắc cỡ mà chối thì khó quá, vì không quen nói dối. Các bạn đều biết tính Kiêu-Lam nhút nhát, bây giờ thấy rõ nàng đang lúng túng cho nên vài đứa đáp hộ:

-Dạ, nó đó. Nó đó. Nó là... thủ phạm đó.

Nói xong mấy đứa bạn tựa vai nhau, cười một cách thích thú. Thanh niên cũng cười. Kiêu-Lam chưa kịp làm mặt giận với các bạn thì bà chủ cửa hàng bán quà kỷ niệm từ ngoài bước vào. Thấy thanh niên đang cười vui với mấy cô học sinh, bà vồn vác:

-Trời, Vũ! Sao con không mời các cô ấy vào trong nhà mà chuyện trò? Ở ngoài khách khứa ồn ào lắm, con.

Các cô nhìn nhau, không biết thoái thác bằng cách nào. Thanh niên cũng nhìn các cô rồi cười chứ chưa biết phải đáp lời Mẹ như thế nào. Xoay sang các cô, bà tiếp, giọng rất hãnh diện:

-Con thứ hai của tôi đây. Anh ấy học ở Saigon, thỉnh thoảng về thăm Mẹ vài hôm rồi lại trở vào Saigon học. Anh ấy hiền, ít nói mà lại chăm học lắm nên chẳng quen biết nhiều. Quen được với các cô là quý lắm đó.

Bà quay sang Vũ, tiếp:

-Con mời các cô ấy vào trong xơi nước đi con.

Vũ mời nhóm bạn của Kiêu-Lam và nàng vào phòng khách, ngay sau bức rèm cửa được làm bằng giấy của những tấm vé số kiến thiết vo tròn và xâu thành chuỗi. Kiêu-Lam không hiểu vô tình hay cố ý, Vũ ngồi cạnh nàng.

Sau khi mọi người tự giới thiệu, Kiêu-Lam mới biết Vũ đang theo học Y-Khoa, năm thứ tư. Các bạn “láu cá” của nàng hỏi Vũ về sự khác biệt giữa đại học Saigon, Huế và Dalat; về những phân khoa nào thích hợp cho con gái; về một Saigon mà các cô luôn luôn ước mơ sẽ có ngày được đặt chân tới. Vũ giải đáp rất tường tận và từ tốn. Thấy Kiêu-Lam không nói gì, Vũ hỏi:

-Còn Kiêu-Lam? Sao không nói gì hết vậy?

Vũ hỏi hơi bất ngờ khiến nàng mất bình tĩnh. Để che dấu sự mất bình tĩnh và sự nhút nhát của mình, Kiêu-Lam chỉ *guitar* trong bọc vải, treo trên tường và hỏi một câu rất lặt vặt:

-Ai chơi guitar vậy, anh?

Vũ cười rất hiền hòa:

-Tôi, nhưng còn non lắm.

Chỉ vậy, rồi Kiều-Lam lại ngồi im để các bạn trở tài ngoại giao. Một lúc sau Vũ lại nói với Kiều-Lam:

-Từ khi gặp Kiều-Lam tôi mới biết tôi không phải là người ít nói như bà cụ của tôi thường bảo.

Trong khi Kiều-Lam chỉ cười một cách e thẹn thì nhóm bạn nhao nhao lên phá:

-Nó để dành hơi để hát đó.

Vũ cười, nhìn Kiều-Lam. Nàng nhìn xuống đôi guốc Dakao màu trắng, tay vân vè quai nón màu hồng nhạt.

Khi tiễn các cô ra chỗ dựng xe đạp, Vũ nói nhỏ với

Kiều-Lam trong khi nàng đang loay hoay mở khóa xe:

-Ước gì tôi được nghe Kiều-Lam hát, dù chỉ một câu thôi.

Kiều-Lam chỉ biết cười và lý nhí cảm ơn.

Trên đường về, nhóm bạn gái chia tay nhau trước Grand Hotel. Kiều-Lam đạp xe chậm chậm dọc con đường sát bờ biển để nhìn những cụm thông im lìm, để thấy lá bàng bay bay, để nghe tiếng sóng thì thầm hoà với tiếng *guitar* độc tấu phát ra từ những máy khuếch đại âm thanh do đài phát thanh gắn trên mỗi cây bàng. Máy khuếch đại âm thanh này thường bị rè nên đã làm giảm đi rất nhiều giá trị nghệ thuật. Nhưng không hề gì. Đối với Kiều-Lam, lúc đó, giá trị nghệ thuật không cần thiết; nàng chỉ muốn, cùng một lúc, được nhìn lá bàng bay, được nghe tiếng sóng rì rào để tiếng Tây-Ban-Cầm-không-đôi-thủ của Phạm-Đình-Phê trong những nhạc khúc ngoại quốc, dẫn dắt hồn nàng đến những bến bờ xa xăm mà khối óc đầy mơ mộng của nàng cứ nghĩ trong đời có lẽ không bao giờ nàng có thể đến được.

Không ngờ, sau khi đến được những bến bờ mà ngày xưa nàng từng mơ ước thì Kiều-Lam mới ý thức được rằng chỉ có một nơi không thể nào nàng tìm lại được, đó là bến xưa!

Vì muốn tìm lại bến xưa, Kiều-Lam đã trở về chốn cũ, nhưng không còn gì; có còn chăng là một eo biển vắng với những gốc cây bàng sần sùi cố bám rễ vào con đường nhựa lở lói trước một dãy phố lụp xụp, tiêu điều.

Juneau ơi! Kiều-Lam tự nhủ, nếu Juneau có được vài cây bàng, nếu ngọn núi mà Juneau tựa lưng vào hơi nhỏ hơn một tý và nét kiến trúc của Juneau bớt diêm dúa đi thì nàng sẽ quyến luyến Juneau biết đường nào; vì Juneau mang được rất nhiều nét thân thương của một bến xưa mà hồn nàng luôn luôn trân quý!

Dòng ý tưởng của nàng vừa đến đây, Kiều-Lam chợt nghe một âm điệu rất thiết tha, rất dạt dào và rồi tiếng hát hơi khàn và đục của anh chàng *Canadian*: “*Feelings, nothing more than feelings, trying to forget my feelings of love...*” ⁽⁵⁾ Đây là tình khúc Kiều-Lam đã yêu cầu anh chàng *Canadian* độc tấu ngay đêm đầu tiên khi du thuyền vừa rời hải cảng Seward.

Đêm đó chàng *Canadian* chỉ đàn. Đêm nay anh vừa đàn vừa hát. Lời ca quyến với tiếng đàn khiến hồn Kiều-Lam chơi vơi trong dòng kỷ niệm ngựa ru phiên.

Tự dưng Kiều-Lam thẳng thốt nhận ra trạng thái tình cảm này dường như cũng đã đến với nàng, nhưng không nhớ vào thời điểm nào. Phải một lúc khá lâu Kiều-Lam mới nhớ được, đó là một buổi chiều chủ nhật, khi nàng đang treo máy sưởi trong nhà thơm lan. Lúc treo xong cái máy sưởi cuối cùng, trong khi nàng đang nhìn khoảng cách từ máy sưởi đến giò *Dendrobium* gần nhất để lượng định ảnh hưởng của hơi nóng từ máy sưởi đến giò lan thì chợt nghe tiếng hát trong suốt, ngọt ngào vắng vắng trong không gian im vắng: “...*Đêm nghe tiếng thờ dài. Đêm nghe những ngậm ngùi...*” Kiều-Lam đứng lặng, nhìn ra khoảng sân rộng với cối lòng rung rúc như cối lòng của người vợ trẻ, ngày xưa, thường lên sân thượng, nhìn về phương trời xa mong chờ bóng dáng một người...

Tiếng hát của cô gái vẫn êm ái mượt mà nhưng hồn Kiều-Lam lại giao động từng hồi. Sau này vô tình Kiều-Lam mới biết người hát tình khúc đó là ca sĩ Diễm-Liên, nhưng Kiều-Lam không nhớ tựa đề của bản nhạc.

Kiều-Lam không nhớ chiều hôm đó nàng có đủ can đảm nghe Diễm-Liên hát hết ca khúc ấy hay là nàng phải đóng cửa vườn lan để khỏi bị tiếng hát khơi lại nỗi đau xưa. Nhưng bây giờ, trong trạng thái tình cảm này, nàng muốn nghe lại tiếng hát ấy

để tìm lại chút dư vị đắng cay mà nàng không hiểu nghị lực nào đã giúp nàng chịu đựng được suốt mấy mươi năm dài!

Trở về phòng, trong khi tìm *cassette*, *earphone* và những cuộn băng có Diễm-Liên hát, Kiều-Lam thầm nghĩ đến các con, dâu và rể của nàng – những người đã không những tặng nàng vé du lịch mỗi năm mà còn sắp sẵn vào va-li những gì nàng cần và những gì nàng thích.

Vừa rời thang máy Kiều-Lam vừa nghĩ, trời lạnh lạnh, đi lang thang trên vùng đất mang nhiều nét thân thương của một vùng biển xưa và lắng nghe giọng ca tha thiết của Diễm-Liên sẽ là niềm thú vị vô biên. Bằng lòng với niềm vui nhỏ nhoi đó, nàng gắn *earphone* vào tai, mở nút “on” nơi *cassette* rồi cho *cassette* và hai tay vào túi áo lạnh.

Chưa kịp đặt chân lên tấm thảm đỏ dẫn ra cầu thang, Kiều-Lam nghe ai nói gì đó rồi một cánh tay lực lưỡng, màu nâu sậm, chặn nàng lại. Kiều-Lam vội lấy *earphone* ra, nhìn người đã chặn nàng:

- Xin lỗi, ông nói gì?

Anh chàng Mỹ đen cười vui, chỉ vào cái máy kiểm soát, pha trò:

- Có lẽ bà đang thưởng thức một đoạn nhạc tuyệt vời cho nên bà quên cho thẻ an ninh của bà vào máy trước khi bà rời du thuyền.

Không bận tâm về tính đáng trí của mình, Kiều-Lam lý nhí lời xin lỗi rồi làm theo lời nhân viên kiểm soát an ninh.

Xoay người ra cầu thang, bước ngược chiều với những du khách trở về, Kiều-Lam nghe loáng thoáng lời chúc của anh chàng kiểm soát an ninh: “*Hãy có một buổi tối tuyệt đẹp*” mà không biết anh chúc nàng và những người rời du thuyền hay là anh chúc những người vừa “đi bờ” về.

Trong khi du khách đi dần về hướng phố thì Kiều-Lam đi dọc theo cầu tàu, nơi du thuyền đang cập, để được thoáng một mình, lắng hồn vào tiếng hát, lời ca.

Kiều-Lam đến bên chiếc cầu gỗ dẫn xuống bến tàu; nơi đó vài chiếc du thuyền nhỏ và mấy chiếc *canoes* đang nhấp nhô như đọt thùy triều dâng. Kiều-Lam nhìn lại hướng chiếc *Legend of*

the Seas và thấy cả vùng ánh sáng rực rỡ trên du thuyền phản chiếu trên mặt nước xanh thẳm. Tự dung nàng cảm thấy nặng nơi lồng ngực và như có điều gì rung rúc trong hồn nàng!

Phải một lúc sau Kiều-Lam mới nhận biết được rằng chính vùng ánh sáng trên du thuyền phản chiếu lung linh trên mặt nước đã gọi nơi hồn nàng nổi cô đơn vô tận của những đêm lang thang một mình trên bến Bạch-Đằng!

Những đêm cô đơn đó, Kiều-Lam thấy ánh đèn từ cầu-lạc-bộ-nổi của Hải-Quân, từ những chiến hạm đang cập trước Bộ Tư Lệnh Hải-Quân và từ nhà hàng Mỹ-Cảnh, cũng phản chiếu lung linh trong dòng nước lặng lẽ. Trong khi từng cặp, từng cặp sánh bước bên nhau trên bến Bạch-Đằng thì Kiều-Lam lang thang một mình để gặm nhấm nỗi đau riêng!

Bây giờ, nỗi đau đã rơi vào trạng thái bão hòa, nhưng tiếng hát thiết tha và giọng ngân êm ái của Diễm-Liên vẫn gọi lại trong lòng Kiều-Lam nhiều nỗi xót xa: “...*Đêm từng đêm thức trắng nhớ thương cuộc tình chìm trong hoang vắng. Ôi! Tình yêu bay xa vẫn chưa phai nhòa ...*” ⁽⁶⁾ Kiều-Lam không còn gì để nuôi tiếc về một cuộc tình đầy giông bão ấy nữa; nhưng không hiểu tại sao khi nghe đoạn nhạc này nàng vẫn không nén được tiếng thở dài!

Kiều-Lam ngồi lên phiến đá nhỏ cạnh chiếc cầu gỗ. Trong trạng thái vô thức, nàng đưa tay mơn man khóm *fireweeds* màu hồng nhạt mọc quanh phiến đá. Kiều-Lam hơi ngạc nhiên, tại sao nàng có thể nhận ra màu hồng nhạt của *fireweeds* khi mà nàng đã đi xa du thuyền, xa khu phố và mấy ngọn đèn đường? Nhìn quanh, nàng cũng ngạc nhiên khi thấy được, xa xa, vùng nước xanh mà lúc sáng chiếc du thuyền nhỏ đưa du khách đi tìm xem cá voi, hải cầu và gấu. Khi nhìn lên bầu trời trong vắt, Kiều-Lam mới nhận ra là trăng đã lên.

Nhìn ánh trăng tự dung Kiều-Lam nhớ đến ánh trăng của đêm họp mặt tại nhà Vũ. Tối hôm đó, ánh trăng soi rõ khoảng sân rộng có cây ngọc lan và mấy cây mai tứ quý trong chậu kiển. Vũ hái mấy đoá ngọc lan và trao tận tay nhóm bạn của Kiều-Lam. Khi Vũ đến cạnh, Kiều-Lam cũng xòe bàn tay sẵn sàng đón nhận đoá ngọc lan, nhưng Vũ không để đoá hoa vào lòng bàn tay của nàng mà Vũ lại gắn lên cái kẹp trên mái tóc nàng.

Nhóm bạn hay phá phách của kiều-Lam “ồ” lên cùng một lúc. Vũ chỉ tủm tỉm cười. Kiều-Lam mắc cỡ quá, chỉ biết ngồi im, cúi mặt, cười.

Đến phần văn nghệ, nhóm bạn của Vũ đàn và hát rất sôi nổi khiến nhóm bạn của Kiều-Lam buộc nàng phải “đổi phó” để khỏi bị...quê! Sau khi Kiều-Lam miễn cưỡng nhận lời, mọi người bảo Vũ thiên vị khi tặng hoa, bây giờ phạt Vũ, buộc Vũ phải đàn cho Kiều-Lam hát. Vũ ôm đàn, nhìn nàng, cười cười, chờ đợi. Kiều-Lam nói nhỏ:

-Dạ, anh dạy cho Do Majeur, slow.

Kiều-Lam hát tình khúc Trăng-Lạnh của Diệp-Linh: *“Trăng lã lướt, biết bao thu mùa ru lá rụng. Chiếc lá vàng rơi trong tối mênh mang. Cùng thời gian lắng trong tiếng thu tàn. Nhớ lại chẳng đêm nào chiếc lá rơi. Người ơi! Nhẹ bước. Lạnh lùng thân chiếc lá vàng khô rơi không tiếng vang...”* Khi nghe Vũ đệm cho nàng hát Kiều-Lam mới biết Vũ là người rất thành thật khi xác nhận chàng không có ngón đàn Tây-Ban-Cầm điêu luyện. Và sau đó Kiều-Lam cũng hiểu Vũ rất thành thật khi chàng đột ngột và vụng về tỏ tình với nàng. Kiều-Lam chỉ cúi đầu, câm lặng.

Mấy mươi năm qua Kiều-Lam vẫn không hiểu nguyên nhân nào nàng câm lặng. mấy mươi năm qua Kiều-Lam cũng vẫn không thể hiểu được tại sao nàng không yêu Vũ! Và cũng mấy mươi năm qua, không biết bao nhiêu lần Kiều-Lam đã niệm và đã nghe niệm *“Gate Gate Paragate, Parasamgate. Bodhi Svaha...”* (Hãy qua, hãy qua bên bờ bên kia...) nhưng nàng cũng không hiểu tại sao nàng vẫn mãi hoài ngụp lặn trong vũng sâu! Dù chìm ngập trong vũng sâu, Kiều-Lam cũng không hiểu tại sao chưa bao giờ nàng hối tiếc là nàng đã câm lặng và đã không yêu Vũ mà nàng chỉ hối tiếc là nàng đã gửi thiệp thành hôn của nàng đến cho Vũ!

Bây giờ, cả vùng không gian miền Bắc bán cầu này nhuốm lạnh trong ánh trăng mờ thì trong hồn Kiều-Lam niềm hối tiếc về hành động ngây ngô, thiếu suy nghĩ của nàng ngày xưa cũng ngập tràn! Kiều-Lam thở dài ngẩng nhìn những phiến băng trên đỉnh Mt. Juneau lấp lánh ánh trắng.

Ánh trắng soi rõ những phiến đá dị hình chia cách những khe núi thâm u. Ánh trắng soi rõ những vạt sương mong manh ẩn hiện trong rừng thông bạt ngàn. Ánh trắng soi rõ những tòa *buildings* nơi vùng thị tứ của Juneau, ở phía xa. Ánh trắng soi rõ mặt nước xanh thẳm của Gastineau Channel. Ánh trắng soi rõ từng lượn sóng nhấp nhô quanh mấy chiếc *Canoes* và du thuyền nhỏ. Ánh trắng soi rõ bóng Kiều-Lam trải nghiêng trên khóm cỏ *fireweeds* đầm sương. Ánh trắng cũng soi rõ niềm cô đơn trong hồn Kiều-Lam.

Kiều-Lam thoáng rùng mình, không hiểu vì lạnh hay là vì sợ hãi niềm cô đơn. Khi nàng đứng lên, muốn trở lại du thuyền để bớt lẻ loi thì giọng ca suốt ruột của Diễm-Liên đang nức nở ở đoạn: “...*Lặng lẽ đi tìm dấu em đêm dài, nhịp nào gõ hồn tôi, cơn mưa dạt dào, vỗ về. Nhiều khi, tôi tìm trong ký ức muôn phiến bóng hình ai đã tan vào cõi huyền không...*”⁽⁷⁾ Kiều-Lam lại thở dài, nhìn bóng nàng soải dài trên nền xi-măng lạnh lẽo như nhìn vào quá khứ xa xăm để tìm xem tìm nàng đã lỗi nhịp ở phân đoạn nào!

Kiều-Lam bước đi, chiếc bóng cam lạng của nàng cũng bước theo; từ đó Kiều-Lam hiểu rằng dù tìm nàng phải chịu thương tổn đến ngần nào đi nữa thì nàng cũng không thể tách rời cuộc đời còn lại của nàng ra khỏi một dĩ vãng nặng trĩu ưu phiền!

Kiều-Lam nhìn lên triền núi Mt. Juneau. Trong vùng không gian tĩnh mịch, nàng tưởng như tiếng hát mượt mà, óng chuốt của Diễm-Liên vang xa và trở nên long lanh như những giọt sương bịn rịn trên cành thông dịu dàng...

ĐIỆP-MỸ-LINH / <http://www.diepmylinh.com>

- 1.- Của G.H. Matos Rodriguez.
- 2.- Của S. Rachmaninoff
- 3.- Của A. Rubinstein.
- 4.- Của Sebastian Yradier.
- 5.- Feelings của Morris Albert
- 6.- Kỷ Niệm Buồn, cassette không ghi tên tác giả.
- 7.- Vàng Tóc Rối của Mai-Anh-Việt



Cao Trúc Giang
NHỚ NHỮNG MÙA XƯA

Nhớ về cố quốc muôn yêu dấu,
Nhớ những mùa hè cánh phượng rơi.
Tôi với người yêu đi lững thững,
Trên đường nắng nhẹ buổi chiều rơi.

Gió thu tha thướt ru cành liễu,
Yêu điệu hồn thu đáng hững hờ.
Lãng mạn đàn tình xanh lá biếc
Cơ hồ như tiếc nhớ bơ vơ.

Bâng khuâng tôi nhớ người trong mộng,
Bỗng thấy người yêu siết chặt tay
Nàng hỏi “làm sao tôi ngớ ngẩn”?
Giật mình ăm ớ nói bâng quơ.

Người yêu tôi, sao quá tình khôn,
Cứ thế tấn công đến dập dồn.
Bí lỗi tôi vờ con “ngáo ộp”,
Ôm nàng siết chặt, nụ môi hôn.

Mùa xưa thân ái đẹp như thơ,
Ký ức trôi về những giấc mơ
Đã chết trong hồn khi nước mắt,
Hẹn ngày tìm lại bóng nàng thơ.@



Phạm Tương Như

BÊN NHAU TÌNH LẠI BẮT ĐẦU

Trời sắp sửa sang thu, những cơn gió se sắt lạnh thường xuyên về, mang theo nỗi buồn thiên cổ. Cơn mưa dai dẳng từ giữa khuya vẫn rải những hạt sầu lên ngàn cây cỏ. Cõi nhớ của Ngàn Thông cũng bị ngoại cảnh làm ngập lụt tâm hồn! Sáng nay Ngàn Thông có cuộc hẹn lúc gần giữa trưa ở bên kia phố thị, nơi chàng thường hẹn cùng Ân Hoa cà phê trưa hay cơm tối. Không kịp giờ lái xe tới sở trước khi đến hẹn. Ngàn Thông lái xe đi trong vô thức và dừng lại nơi quán cà phê La Madeleine quen thuộc. Ủa sao ta lại đến đây? Nhìn đồng hồ, mới 10 giờ sáng! Ân Hoa hình như lúc nào cũng có chuyến đi xa nên lòng chàng thường xuyên rơi vào lối mòn trống vắng!? *Đường đời bao la lòng ta trống trải/ Lối qua nhà ai trái nhớ rụng đây...*

Ân Hoa và Ngàn Thông là bạn Việt Vãn, đọc và viết thơ văn chữ Việt như một nhu cầu tâm lý tự bộc bạch với chính mình. Họ hợp ý nhau nhờ sự bén nhạy, đa cảm và kín đáo. Mỗi người có hoàn cảnh gia đình riêng. Công việc thường nhật hoàn toàn khác biệt. Ngàn Thông chuyên về kỹ thuật, nghề nghiệp hình như không liên quan gì đến văn chương chữ nghĩa. Ân Hoa chuyên về xã hội, giao tiếp và chăm lo việc nhà nên thật sành sỏi về tâm lý đời sống, mắt quan sát tinh tế, không câu nệ chuyện giúp đỡ người khác. Họ gặp nhau chỉ để nói chuyện “*trên trời dưới đất và những ẩn dụ lưng chừng*”, có khi nghe Ân Hoa cười giòn nắc, hoặc sụt mướt mưa rơi khi có chuyện vui lòng!

Hai tâm hồn có cùng tầng số văn nghệ nên dễ cảm thông và đối thoại dễ dàng trên nhiều đề tài. Từ văn học nghệ thuật, tình hình đất nước, cộng đồng hải ngoại, chính trị, văn hóa, xã hội v-v... Điều quan trọng có thể không phải ở hương vị cà phê, không gian quán xá nhìn người ta vui vẻ, đầm ấm với nhau, mà chính là họ có thời gian bên nhau! Được nhìn nhau

và nghe lại tiếng nói. Lại bắt đầu nhịp sống có ý nghĩa... Sáng mở cửa đã thấy nắng tìm về thăm cỏ, gió về ru cây, gió đàn lá hát vi vu. Đôi cu ngói bên nhau gọi nắng trên cành. Cùng bay sà và đáp trên bãi đậu xe, ăn những mảnh bánh mì vụn. Ngàn Thông nhìn chúng, mỉm cười:

- Chào đôi tình nhân buổi sáng!

Đôi chim nghe tiếng động, cùng vỗ cánh bay, đậu sát bên nhau, hong nắng trên hàng dây điện... Hai con bướm vàng nhớn nhोर quanh những chùm hoa vàng. Mấy con ong cánh nhỏ say sưa tìm mật trên những nhụy đài hoa. Mà những cánh hoa đang nhẹ lay, lẳng lơ cùng gió, tẩy trần với nắng sớm ban mai. A ha! Ngàn Thông chợt nhớ mấy câu thơ của Xuân Quỳnh:

Những mùa sen, mùa phượng đã xa/ Trên khắp nẻo lại bắt đầu mùa cúc

Rồi hoa đào lại tươi hồng nô nức.....

Lại bắt đầu từ những trang giấy trắng/ Lại ngọn đèn, màu mực những câu thơ

Lại nhịp đập bắt đầu, tìm rạo rức/ Trước biết bao nao nức với mong chờ

.....

Vì mỗi sáng khi mặt trời hiển hiện/ Là một ngày tôi lại bắt đầu yêu (Lại Bắt Đầu, thơ Xuân Quỳnh)

Ấn Hoa và Ngàn Thông sinh ra và lớn lên trong cùng thời kỳ chiến tranh tàn phá đất nước. Họ được hưởng một nền giáo dục đầy nhân bản, lấy tình người và truyền thống văn hóa dân tộc làm căn bản trong cuộc sống xã hội Việt Nam Cộng Hòa. Tuổi tác cách nhau một thập niên. Khi Ngàn Thông hoàn tất Trung Học thì Ấn Hoa chưa xong bậc Tiểu Học nên hai người không biết nhau bên Việt Nam.

Chàng sống ở Mỹ lâu năm nên không biết nhiều về xã hội chủ nghĩa. Nàng làm việc, va chạm, chứng kiến biết bao khổ cực, bất công... sau 30 Tháng Tư 1975 với chế độ cộng sản Việt Nam trước khi sang định cư ở Houston. Nếu cho rằng xã hội tạo tính nết con người thì Ấn Hoa và Ngàn Thông phải ở hai bên bức màn sắt. Nếp sống Đông, Tây khó thân

thiết, đồng cảm. Họ phải tự tìm về gỗ cửa trái tim, đi qua những lối cỏ hoa lãng mạn, khám phá nét đẹp đích thật trong giao tiếp tình người.

Nhạc Sĩ Phạm Duy về Việt Nam để được sống và chết trên quê hương cũng phải than rằng: *“Trước kia người Việt sống duy tâm. Sau đó người ta duy vật. Bây giờ cả một dân tộc đang sống duy lợi vì đã mất hết niềm tin! Thiên chức của Nghệ sĩ hôm nay là phải tạo lại niềm tin cho người dân ”* Như vậy Phạm Duy hoàn toàn thất vọng vì Việt Nam Việt Nam vẫn còn hai hệ tư tưởng đối nghịch quốc cộng. Xã hội Việt Nam không có giá trị tâm linh, đạo đức cao cả nào để Phạm Duy muốn *“Bên Nhau”* sống đến cuối cuộc đời!

Thi sĩ Hoa Văn đã viết xong 4 thi tập với trên 500 bài thơ cho người tình Hương Hoài Điệp, một nữ lưu ông chưa hề gặp gỡ. Chưa một lần *“bên nhau”*, dù chỉ chung bàn cà phê! *(Bên nhau chia hương vị cà phê/ Son môi biết cười trên miệng ly/ Cặp mắt kiếng liếc ngang tình tứ/ Tim rộn ràng chưa khỏi cơn mê)*. Hương Hoài Điệp là nghệ sĩ diễn ngâm, hát nhạc phổ thơ Hoa Văn và trình làng qua youtube.

Thi sĩ Thy Lan Thảo (cựu Sĩ Quan Tâm Lý Chiến) cư ngụ ở Houston có tập thơ in chung với người yêu Sương Đêm sống bên Thụy Sĩ (ngành Y Sĩ). Đọc văn thơ “Ứng Sắc Mây Hồng” để biết tình yêu là có thật. Có thể họ đến với nhau bằng tình nghệ sĩ. Các phương tiện liên lạc hiện đại làm nhịp cầu gắn kết đôi tâm hồn và trái tim họ với nhau. Tình tri kỷ trở thành tình yêu nam nữ?! Sợi tơ óng mượt, mớ tóc đơm hương chưa bao giờ chạm cánh vai ân tình! Chưa cùng nằm giường cỏ chiều trắng, chờ sương giăng choàng tay ôm ấp! Cũng chưa từng *“chân trần đồng cỏ đi hoang, hái bông hoa dại cài lên tóc nàng”*.

Trường hợp của Ân Hoa và Ngàn Thông có khác. Họ từng chung bàn cà phê, cùng thăm viếng khu giải trí, bãi biển... cùng sánh vai qua vùng nắng gió, mưa phùn... Và dĩ nhiên chàng có dịp ngắm cô nàng bước qua sân cỏ. *(Chiều vương trên ngọn cỏ xanh/ Ngang qua bãi quanh bước chân ngập ngừng/ Ngõ yêu xa thẳm là rừng/ Lối mê phù phiếm tưởng chừng quẩn quanh. Nghiêng đầu tựa chỗ vai anh/*

Giấc mơ hương lửa dẫu dành mai sau/ Người đi đã vẫy tay chào/ Ta còn lại những ngọt ngào vu vơ. Dòng đời trái lựu vườn thơ/ Đôi chân vấp bóng thần thờ nhớ ai?).

Như vậy cái “*bên nhau*” của người nghệ sĩ không giống cái hội ngộ của những thành viên trong gia đình. Càng khác xa cái “*reunion*” của những người chung trường, cùng đơn vị hay binh chủng... Họ níu tay nghìn trùng cùng đi về hướng tri kỷ, tri âm... “*Để nghìn xưa lơ lửng với nghìn sau*” (Thơ Hồ Dzếnh).

- Hù! Huynh Thông đến sớm thế? Hi Hi Hi...
- Nghe muối cười giòn như bánh tráng nướng
- Muối rắng nhịn cười vì sợ nắng vỡ, mưa sa làm khô thiên hạ. Huynh order món gì chưa?
- Uống hết mấy ly cà phê nhớ và bao nhiêu bánh đợi rồi nè!
- Tưởng gì chớ chiến đó đến với muối hăng ngày
- Thì ra vậy. Tưởng gần mà xa. Tuy xa mà gần.
- Ngõ gần có thể níu tay. Mà xa vạn dặm tình phai lâu rồi...
- Giá mà có người níu chân thì tình chẳng đi đâu được. Phải không? - Huynh đang làm gì với cái laptop. Viết bài hi?
- Ngồi đây với im lặng lớn. Đang thả hồn bắt bóng thì muối tới... - Rồi có bắt được bóng nào không?
- Tóm được người, cái bóng chạy mất tiêu!
- Huynh đừng có tham lam. Viết gì thế?
- Thì cô đơn giữa bao la im lặng lớn. Muốn có cái “*bên nhau*” làm bằng chứng hiện hữu vậy mà!
- Được rồi! Huynh đi lấy cà phê và thức ăn nhẹ như thường lệ. Muối sẽ đọc xem sáng nay hồn thơ Huynh lụy tình ra sao. Sau đó muối kể huynh nghe “*tâm sự loài cua biển*” nhen!
- Cua biển này bò càng hay bò ngang?
- Nó đang kẹp trái tim muối đem ngâm nước muối. Nhức nhối lắm...
- Huynh đã bảo rồi. “*Mỗi ngày lại bắt đầu. Hôm qua là quá khứ. Cởi bỏ mọi sầu đau. Đón chào niềm vui tới...*”
- “*Chẳng ai chờ ai đợi. Toàn tượng đá cô đơn*”... hi? Ân Hoa vừa cười vừa nhại lại hai câu thơ của Ptn để ghẹo Ngàn Thông.

- Ai cũng cần giây phút cô đơn. Trong bài “Ta Về” Tô Thùy Yên có câu “*Thế giới vui vì mỗi lẻ loi*” mà !

- Laptop đây. Muội đọc đi! Vẫn cà phê, trà xanh, almond croissants, salad, soup nấm rơm, bánh mì brown, bơ, bơ và bơ... Cả hai người cùng cười.

Ân Hoa biết Ngân Thông làm thơ như người ta trở bàn tay. Nhiều khi nàng điện thoại tâm sự đôi điều. Năm mươi phút sau là nhận được bài thơ 16, 20 câu với nỗi lòng riêng mình, cộng thêm tình tiết buồn phát khóc! Nàng chỉnh lại thể ngũ để nhớ có ứ a lệ khi đọc thơ, không ai nhìn thấy. Nàng bắt đầu ngâm khe khẽ 4 câu đầu:

Bên Nhau

Ngày nắng mới choàng vai ngàn cây cỏ

Gợn sóng lòng em bối rối bên anh

Chẳng nghĩ gì vĩnh viễn ở chung quanh

Ngoài hiện tại và tình yêu đang lửa

Ưa chà! Em nào...”bối rối bên anh đây”? Nghi quá! Rồi nàng đọc tiếp:

Ve nhớ phượng, cúc vàng bên khung cửa

Dòng đời trôi qua nửa cuộc xưa, sau

Không điều gì quý giá hơn bên nhau

Chung bước thời gian, lối vào tình sử

Nhờ ánh mắt, nụ cười làm ngôn ngữ

Thơ không lời, giấy trắng... mực chưa pha

Như chưa bao giờ có những tàn phai

Tay đan tay điệu tình thơ phổ nhạc

Trời mới chớm sang thu, sao những chiếc lá xanh phải lìa cành? Có phải mùa nào lá cũng rơi vì mưa tuôn gió cuốn và “có hoa nào không tàn, có trời nào không mây, có tình nào không phai...” (nhạc Ngô Thụy Miên)

Cà phê hện thơm lòng từng khao khát

Ngát hương yêu vị ngọt lời tâm tình

Mùa ái ân hoa bướm chỉ riêng mình

Mặc thế sự đời nghiêng nhiều bão nổi

Sống đơn giản, hạnh phúc về mở hội

Quá khứ, tương lai con dốc lở bồi

Đời bên nhau nghe thời khắc lên ngôi

Sông đưa nước theo dòng trôi bất tận

Ăn Hoa liếc về hướng Nhã Thông và nhận ra hình bóng chàng như đang trong tranh vẽ. Mỗi người có thể đi vào cõi thơ và trở ra với ý nghĩ khác màu. Nắng ngoài khung cửa đang ủ ám bước chân người. Nhã Thông đang trộn lẫn theo dòng người nhiều sắc tộc, vẫn hiển hiện nét Á đông, Việt Nam qua cách duy tâm và sinh hoạt thường nhật.

Chút nữa đây Nàng sẽ đặt bàn tay nhỏ của mình lên bàn tay mềm nghệ sĩ của chàng thay bài thơ không lời nơi trang giấy trắng..."*Có hoa nào không màu, có trời nào không xanh, có tim nào không yêu...*" Nàng mỉm cười qua ý nghĩ ngộ ngộ. Nhưng ánh sáng con đom đóm bay ngang trong đêm trừ tịch như sợi chỉ mong manh không kéo nổi một cánh diều bay trong nghịch cảnh.

Ngày, tháng, năm... tình người không thần thánh

Mỗi lần bên nhau là một nhiệm mầu

Mỗi lẻ loi là thế kỷ lòng đau

Mỗi ngày mới lại bắt đầu vui sống... (thơ Ptn)

Ăn Hoa đọc xong bài thơ và trầm nghĩ:

Phải rồi! Mỗi ngày lại bắt đầu! Bắt đầu cho đến một chấm dứt! *Phận người cũng nhỏ nhoi như cây cỏ. Thảo mộc vô ưu, mặc kệ tình đời. Con người chất chứa quá nhiều buồn vui. Danh lợi, sân si, tình yêu, ganh ghét.*

Rồi nàng tự hỏi: Không hiểu sau trên cõi đời này có quá nhiều người khó tính, trong cách cư xử với mọi người chung quanh. Rắc rối với cả thành viên trong gia đình?!

Có được một tri kỷ cũng là niềm vui lớn. Mà tri kỷ đến tình nhân cách nhau bao xa? Bước tới hay bước lui vậy cả? Ăn Hoa mỉm cười với ý nghĩ bất chợt vừa lóe thành đóm lửa...

Nàng chợt nhận ra mùi cà phê thơm lừng đang lan tỏa khắp phòng thực khách. Các cô cậu bồi bàn ăn mặc kiểu Tây, nói năng rất lịch sự với mọi người như khách quen gia đình. Ở mỗi bàn người ta đang "bên nhau" nói cười thân thiện. Ánh mắt nụ cười hiền hòa như cố chia niềm vui cho nhau. Bên ngoài hành lang thực khách hay đùa giỡn, chụp hình, tận hưởng chút không khí mát mẻ lúc thay mùa.

Mỗi chúng ta đã từng tốn bao nhiêu công sức, tiền của để được “*bên nhau*”. Xin hãy quý trọng thời gian khi ta có chung không gian và đối xử với nhau thâm thía tình người! Để mỗi gặp gỡ là hạnh phúc chung...

Phạm Tương Như
Sang thu 2019

CHÂU TRẦN GẶP NHAU DƯỚI MƯA

Người qua cầu ván trượt
Chân bước thấp bước cao
Gánh trần ai vai nặng
Mưa dội gió thét gào

Tôi qua cầu ván mục
Nặng gổ mòn thấp cao
Từng bước lê trần tục
Giữa tiếng đời xôn xao

Người và tôi chung phận
Cũng phàm phu đời thường
Chỉ khác nhau một bước
Trước và sau vô thường

Gặp nhau trên cầu mưa
Người thiếu tay đỡ gánh
Tôi một chân thương tật
Trên đường đời vô danh

Gặp rồi hay chưa gặp
Cũng là duyên mong manh.



Túy Hà ĐỪNG YÊU NGƯỜI LÀM THƠ

*Nếu một mai chúng ta không còn nữa
Thơ sẽ theo người về cõi trăm năm.
@Hãy Yêu Người Làm Thơ (nttd)*

1

Đừng yêu tôi, người vẫn đang làm thơ
Dù thơ tôi trả nợ đời chưa đủ
Gia tài Mẹ cho bay như cánh gió
Vốn cạn rồi mà lời vẫn thất thu.

2

Cứ trách tôi người làm thơ lắm chuyện
Thường vu vơ và mãi mãi ngu ngơ
Tình đi qua vết lằn trên đường máu
Hồn thơ tôi hoại huyết lết theo người

3

Thơ tôi viết chữ lẩn không tròn ý
Giữa đời thường khó giữ trọn ước thề
Nên trong thơ có vượt rào ước lệ
Và nhờ rơi xin đừng nhặt bộn bề

4

Đừng yêu tôi, người vẫn đang làm thơ
Hơn nửa đời gieo ý vẫn phân liệt
Vẫn nhập nhằng giữa mưa vay nắng mượn
Nên thơ tôi không khác biệt thực hư

5

Thơ tôi thường ngợi ca điều không thật
Và vô tâm trước định luật tự nhiên
Điều không thật là mộng mơ chất ngất
Thiên thu vàng ai ngăn được lá rơi

6

Đừng yêu tôi người làm thơ xa lắc
Giữa núi rừng mà ngõ trùng khơi
Biển mênh mông sông ngồn ngộn chảy
Về đâu khi thơ vẫn ngược dòng bơi

7

Tôi khánh kiệt gia tài như mây khói
Ý vốn tan hoang tình thơ ngộp thở
Ngước mặt nhìn lên thơ thành sao lạc
Nhìn xuống thôi đất đá cũng hững hờ

8

Tôi không thể tặng người thơ mới viết
Vì mực còn nhỏ máu chiết tự tình
Tình yêu đẹp là trái ngang dang dở
Nên yêu thơ nhưng đừng vội yêu người

@

Vì chữ yêu vốn có mầm không thật
Nên thơ tôi đành thủy táng biển khơi.

ĐUÔI GIÓ

Ngọn gió nào đi qua
Vừa hôn lằm tóc rối
Cánh hải âu nào mới
Bay theo mây chiều trôi

Biển bạc đầu thương nhớ
Dìm tình tôi mớ côi
Gió đi và gió đến
Tôi thả tôi hồn trôi

Chiều qua bao nông nổi
Cuối cùng là phần vôi.

Túy hà



Thu Hương Seattle

ĐÔI TÍM SA PA

- *Chào cô! Trời đẹp quá thừa cô. Cô tìm được gì trong vườn hồng sáng nay?*

- *It nhiều kỷ niệm và chút niềm vui, thưa ông.*

Sau chuyến xe lửa dài mười tiếng đồng hồ, thiếu ngủ thêm bụng cứ sôi ùng ục vì món cua luộc trưa qua làm Amber khó chịu. Thêm vào là đoạn đường ngoằn ngoèo bốn mươi cây số lơ lửng sương mù từ trạm xe lửa Lào Cai đến Sa Pa làm cô mệt lử. Sau cùng Amber, cô bạn gái Mộc Lan và nhóm du khách ngoại quốc được thả xuống trước sân một toà nhà cao, rộng, nơi tiếp khách của trung tâm nghỉ mát Hoa Hồng, nằm trên một triền đồi thoải thoải, bên cạnh con lộ có tên Mường Hoa. Giữa vườn hồng, các căn nhà nghỉ mát kiểu mái nhà người thượng(Chalet) với mái nhọn và các cột khói từ lò sưởi đang uốn lượn trong không khí lạnh. Bên kia đồi vài căn nhà nhỏ đơn sơ ẩn sau các khóm tre um tùm. Trên triền đồi nằm ngoan hiền các thửa ruộng còn trơ gốc rạ, uốn éo bên nhau như các bậc thang khổng lồ đang ngủ say trong sương mù dày đặc

Vừa vào phòng trọ, Amber mở máy sưởi thật cao cho phòng mau ấm, leo lên giường phủ cái chăn dày nhồi lông thiên nga lên mình, cô co người vì lạnh. Trái với Amber, Mộc Lan thay bộ cánh mới, áo len cashmere màu rượu chát, mũ be rê và khăn quàng cùng màu, quần Guess Jean ôm sát đôi chân dài, tóc tết kiểu Pháp ngang vai. Trông cô duyên dáng lạ. Cô mở va li lấy mấy gói trà quế bỏ vào bình thủy nước nóng trên bàn, và dúm vào tay Amber lọ dầu con hổ. Amber quá mệt, thềm ngủ, chỉ muốn yên thân vẫy tay cho bạn rời phòng. Mộc Lan đi rồi, Amber chồm chắn qua đầu ngủ bù.

Ngủ chẳng được bao lâu, nắng sớm lên vào phòng. Cô thức giấc, vươn tay vươn chân nhìn nắng qua khe hở màn cửa.

Như chưa vừa ý, Amber hất chân sang một bên, nhảy ba bước, kéo tấm màn cửa cho nắng ủa vào phòng. Bên kia triền đồi nắng đến êm đềm trên mái nhà, trên các khóm tre lá loi, trên thảm cỏ xanh màu mạ mới. Cô choàng áo ấm, bước xuống thang lầu, nắng chan hoà đó đây. Quanh cô các nụ hồng đang từ từ nở, rung rinh trong gió nhẹ, hương thơm thoảng nhẹ trong không.

Cô thơ thẩn từ vườn hồng trắng qua vườn hồng nhung, ngắm nhìn các cánh hồng còn ướt đầm sương đêm, ngửi đóa này, vin đóa khác, nhẩn nhẩn mũi vì mùi thơm quá nồng. Cô không yêu hồng nhung và ghét nhất khi cánh hoa nở đầy, màu hoa giống như màu máu. Cô không nhớ đã thơ thẩn bao lâu nhưng cô cảm thấy đói, định quay về phòng uống một tách trà nóng cho ấm bụng, và sẽ gọi nhà bếp mang cho cô một tô cháo gà. Nghĩ đến tô cháo bốc hơi nghi ngút, các đốm xanh của hành hoa thái mỏng, cô cười lên tiếng vì tính háu ăn của mình.

Đột nhiên có tiếng người chào cô, tiếng một người đàn ông; cô thầm nghĩ có lẽ vì các luống hồng quá cao, hay vì cái tội lơ đãng, cô không thấy ai trong vườn. Cô quay về hướng tiếng nói, một anh chàng gầy gầy, mặt rám đen vì nắng, vành nón ka ki che khuất mắt, đang đứng nhìn cô. Cô thò tay vào túi áo cho ấm, cố lấy bình tĩnh, trả lời. Không hiểu sao má cô nóng ran, ngượng nghịu như ngày còn nhỏ bị bắt quả tang đang ăn vụng. Cô nghĩ, khi cô thơ thẩn trong vườn có lúc ngắm hồng, có lúc ngược nhìn trời trong xanh lơ, có lúc đọc thầm một câu thơ cổ. Cô nghĩ cô đang có những giây phút nên thơ, chỉ mình cô và đất trời, chỉ mình cô và hoa cỏ, chỉ mình cô và niềm suy tư. Không ngờ có người thứ hai trong vườn mà lại là một người đàn ông, người đang thờ không khí như cô đang thờ, và bắt được giây phút lãng mạn của cô. Giọng anh chàng ân cần như người thân khi cô lại gần, anh nói chuyện nghe quen quen bên tai cô. Trong tiềm thức cô, có chút gì nao nao, không hiểu được. Mỗi lần gặp người đàn ông gầy gầy, cô vẫn có cảm giác là lạ và hy vọng người đó sẽ là người cô đã một lần yêu, một thời say đắm.

- Chào cô. Cô tìm thấy gì trong vườn sáng nay.

- Cảm ơn ông. Tôi tìm được chút hạnh phúc và ít nhiều kỷ niệm.

- Cô về thăm lại quê hương, thưa cô.

- Thưa vâng. Sao ông đoán tôi từ nước ngoài về.

Amber trả lời, giọng cô hơi khó chịu. Cô nghĩ mắc mớ gì người lạ hỏi cô câu đó. Tuy sống xa quê hơn hai mươi năm có bao giờ cô quên tiếng Việt, và quên cô là người Việt đâu.

- Xin lỗi cô. Cô nói tiếng Việt rất thạo. Ý tôi muốn nói những người sống lâu ở hải ngoại có chút gì là lạ, họ có vẻ yêu đời, vô tư, họ có ánh mắt thân quen, và họ hay nói, hay cười. Thoáng nhìn cũng biết họ là những người sống trong hạnh phúc. Còn chúng tôi như cô thấy đó, chúng tôi ít khi cười thành tiếng, ít khi nhìn người lạ với ánh mắt ưu ái. Có lẽ vì chúng tôi có bao nhiêu bất hạnh trong đời, chúng tôi như những người gỗ không có trái tim. Tiếng người đàn ông từ tốn vang đến tai nàng.

- Tôi thật có lỗi đã làm phiền ông, Amber ân hận xin lỗi.

- Cô đừng nghĩ thế, sáng nay nhìn cô thơ thẩn ngắm hoa, hình ảnh đơn sơ này gợi cho tôi một trời dĩ vãng. Cô cho tôi niềm vui thì đúng hơn. Giọng người lạ nói nhanh như sợ cô không hiểu ý ông.

Amber cảm thấy an tâm hơn, bước lại gần người đàn ông lạ. Ông trông nho nhã trong chiếc quần Ka ki còn mới và áo sơ mi màu đỏ bò quân, tay đang đeo găng tay làm vườn và một tay cầm kéo cắt hoa, trông ông không phải là một người làm vườn chuyên nghiệp. Người đàn ông vừa đi đến gần Amber vừa trò chuyện. Cô ngược mắt nhìn vào mắt người đối diện, cô nghĩ mắt là cửa sổ tâm hồn con người, mắt cô ngừng trên một vết sẹo nhỏ nằm trên đuôi lông mày bên tay trái người lạ. Tim cô nhói đau, tái mặt. Mặt đất hình như chuyển động, cô lao đảo, tay đưa ra đằng trước như muốn ôm choàng người đàn ông. Người lạ ngừng nói, đưa tay đỡ vai cô, lo âu: “Cô trúng gió rồi, để tôi đưa cô về phòng nghỉ.”

Amber khoác tay như không cần, cô đứng lặng người cổ lấy bình tĩnh, nhưng sao cô thấy thân mình cô lạnh quá, cô run rẩy, hai chân không đứng vững. Cô ráng mở to mắt như tìm

lối ra khỏi vườn nhưng chỉ thấy một màu đen thăm thẳm như cô đang trong một giấc mơ nào đó.

Người đàn ông kiên nhẫn đứng bên cô, ưu tư, trán cau lại như đang suy nghĩ một điều gì quan trọng lắm, anh lắc lắc đầu, tay anh giờ ra đằng trước như muốn ôm cô. Anh nói to cho cô hiểu rằng anh đang lo lắng cho sức khỏe của cô: “Tay tôi đây. Cô để tôi giúp cô.” Amber nắm chặt cánh tay người lạ, để anh dẫn cô về nhà trọ.

Tiếng người đàn ông khi gần khi xa bên tai Amber. Cô lão đảo, siêu vẹo bước theo. Sau cùng người đàn ông dìu Amber lên được thang lầu, đặt cô lên giường, rót cho cô một tách trà và bắt cô uống ngay cho ấm. Amber run rẩy, lấy đầu con hổ xoa lên hai thái dương, đưa lại gần mũi người.

- Thật là phiền ông quá. Tôi tên Amber. Cảm ơn ông đã có lòng.

- Cô không nên bận tâm. Cô nên giữ mình cho ấm và không nên tiêu hao sức khỏe quá nhiều. Nhiều người về đây không chịu được cái lạnh lẽo, ẩm ướt, bị cảm rồi chạy về Hà Nội, đâu thấy cái đẹp của Sa Pa trong những ngày có nắng.

Cô làm tôi lo quá: “À quên, tên tôi là Ba,” anh cười êm đềm nói. Amber cho Ba biết cô không ăn từ trưa qua tại Hà Nội, bỏ bữa ăn sáng vì đang bị vi trùng đường ruột hành hạ, có lẽ Amber uống hai viên trụ sinh trước khi nàng dạo vườn trong khi đói bụng cho nên bị xây xẩm chóng mặt. Amber nhìn đồng hồ rồi nhìn Ba.

- Gần 12:00 giờ trưa rồi ông Ba. Có lẽ tới giờ ăn trưa, thưa ông. Cô bạn tôi sáng nay hứa về ăn trưa với tôi. Hơn thế nữa tôi cảm thấy khỏe hơn. Thành thật cảm ơn ông.

Amber mỉm cười như mèo, rồi cô nhìn ra cửa như mời Ba ra khỏi phòng.

- Cô đừng ngại. 12:00 giờ trưa rồi mà bạn cô chưa về. Cô còn yếu. Để tôi gọi nhà bếp mang cháo lên phòng cho cô.

Không đợi cô trả lời, Ba quay điện thoại gọi nhà bếp mang thêm nước nóng vào bình thủy, và hai tô cháo nóng trước khi anh rời phòng. Ba có vẻ nôn nóng lưu luyến như muốn hỏi cô điều gì đó, anh cứ nhìn Amber hoài, rồi lại thôi. Anh cho cô biết chiều nay anh có buổi họp quan trọng nhưng nếu cô

không khá hơn thì cứ gọi cho anh, ngay cả khi anh đang trong phòng họp. Anh cho Amber số phân tay, rồi rào ra khỏi phòng. Anh đi như chạy xuống thang lầu.

Ba đi rồi, Amber oà khóc. Cô nghĩ có thể nào Sơn, chồng cô, người cùng cô chôn gói mận nồng gần hai năm, không nhận ra cô. Cô thay đổi đến thế sao? Hay Sơn có vợ rồi, chỉ có Amber còn nhớ tới tình xưa. Đang khóc, đang buồn, Mộc Lan, cô bạn thân, mở cửa bước vào như nắng gắt, cười toe toét, nói to: “Đi chợ vui ời là vui, tha hồ trả giá, biết mua hớ mà vẫn mua vì tính ra đô la đâu có là bao. Amber khỏe không. Sao vậy. Mắt đỏ hoe thế kia.”

Mộc Lan ngạc nhiên vút gói hàng đang cầm trong tay trên giường, đến ngồi bên Amber, cầm tay cô lo lắng. Amber đưa tay áo thấm nước mắt, nắm chặt tay Mộc Lan, nhìn vào mắt bạn giọng nghẹn ngào.

- “Mộc Lan ơi! Anh Sơn quên Amber rồi. Anh mới rời phòng này. Anh bên mình hơn ba mươi phút mà không nhận ra Amber,” mũi lòng cô khóc nức nở.

- “Điên rồi! Amber điên rồi! Không khóc nữa. Bình tĩnh kể cho Lan nghe từ đầu chí cuối. Không thiếu một chi tiết. Nào, nói đi,” Mộc Lan hoảng quá khi nghe tên Sơn, cô hét to như để tự trấn tĩnh cô.

Tim cô như muốn nhảy ra khỏi buồng ngực. Trời ơi! Có thể nào Sơn còn sống sót để Amber nhận ra anh. Cô nghĩ nếu là cô trong giây phút đó. Cô sẽ không như Amber. Cô sẽ ôm choàng lấy Sơn, kêu tên Sơn cho Sơn nhận ra cô. Cô chắc mình sẽ khóc trước mặt Sơn, mừng tủi mặc anh nghĩ gì thì nghĩ, cho dù Sơn có vợ có con đùm đê. Ôm bạn vào lòng, tim cô bồi hồi. Lạ chưa nghe tin chồng bạn mà cô mừng như gặp lại tình nhân, mắt cô ứa lệ nghĩ tới người xưa. Nước mắt cô rơi trên tóc bạn lúc nào cô không hay. Hai cô bạn gái ôm nhau tim cùng nghĩ đến một người.

Tin Amber gặp lại Sơn, người chồng cũ hơn hai mươi năm trước, làm Mộc Lan sững sốt. Cô đã từng yêu thầm Sơn từ năm cô mười lăm tuổi, từ ngày thầy me hai nhà làm hàng xóm ở Đà Lạt. Hai gia đình từ Ngọc Hà, Hà nội di cư vào Đà Lạt

và tiếp tục nghề trồng hoa sinh sống. Mỗi tình đầu ngây dại của cô. Riêng Sơn chỉ thương Lan như một em gái bé nhỏ để anh nuôi chiều. Mộc Lan âm thầm đau khổ khi biết Sơn yêu say mê Amber, bạn thân nhất của cô. Cuộc tình Sơn và Amber đẹp như mơ, cho đến biến cố tháng tư 1975.

Amber và Mộc Lan cùng gia đình thoát nạn đến sứ Mỹ. Họ mất Sơn nhưng có nhau trong giòng đời lưu lạc. Chính Mộc Lan khuyên Amber bước thêm bước nữa sau hơn tám năm đợi chờ. Biết bạn mình xinh đẹp, duyên dáng, đã cô đơn nhiều năm, hai cô bạn gái thường khuyên nhau nên có mái gia đình cho đời yên ổn và tự nguyện sẽ quên dĩ vãng mình. Để quên dĩ vãng và không muốn có người đàn ông khác trong đời thay thế hình ảnh người chồng cũ của mình, Amber chọn một người bạn cùng học một lớp, một anh chàng Mỹ trẻ có màu mắt xanh da trời, mái tóc vàng như tơ. Đầu đó tim cô còn phảng phất chút tình cho người cũ những lúc bất chợt nghe một bản nhạc Việt, bất chợt gặp dáng một người đàn ông Việt bằng ngang lộ hay đi bộ trên đường, cô thầm ước giá người đó là Sơn. Cô vẫn hằng cầu nguyện cho Sơn được bình an.

Amber bơi trong những tháng ngày hạnh phúc mới với Davis, người bạn đời không cùng ngôn ngữ, không cùng văn hóa. Tình yêu Davis cho vợ lúc nào cũng nồng ấm, lúc nào cũng tràn đầy. Davis muốn đưa Amber về thăm quê nhưng cô vẫn không muốn về. Anh hiểu sự đau khổ của vợ anh và những nham hiểm, luật rừng của chính quyền Cộng Sản Việt Nam, anh chưa an tâm để Amber thăm quê hương một mình. Năm nay 1998, Amber và Mộc rủ nhau về thăm quê hương. Không hiểu sao, có gì hồi thúc, cô muốn về Việt Nam và cô phải về một mình.

Còn Mộc Lan, đời vẫn còn lênh đênh. Những năm đầu sống trên đất người lạ lẫm cô quá nghèo, cô không dám yêu ai. Cô nhủ lòng phải có công ăn việc làm, phải tự lập, phải can đảm, phải có một đời sống ổn định. Thời gian trôi nhanh như giòng đời người di tản, ngoảnh đi ngoảnh lại những người yêu cô đều lập gia đình. Mộc Lan có lẽ chưa yêu ai nhiều như Amber yêu Sơn hay Davis để có thể quẳng đi cái riêng tư của cô vào trong trách nhiệm và bổn phận. Cô thường nghĩ, hạnh phúc

nào cũng có cái giá phải trả mà cô là người chưa muốn vứt bỏ tự do của mình để đi vào hạnh phúc lứa đôi. Chung quanh cô, bạn bè, chị em xa gần đều có con bông con bế. Cô thích có một bờ vai rộng chở che cô trong những lúc cô cần. Cô biết, sẽ có một ngày trong đời, cô yêu một người nào đó, yêu tha thiết với trái tim người nữ đi tìm nửa kia của mình. Người đó và cô sẽ tay trong tay quay tròn một bản luân vũ thật tình giữa vườn hồng một đêm trăng huyền ảo. Lúc đó, người đó sẽ là người cô chung sống đến trọn đời.

- Người giống người là thường. Hơn hai mươi năm, nếu còn sống Sơn cũng thay đổi nhiều lắm, hậu quả những năm trong các trại cải tạo. Sơn có lẽ có vợ con đùm đê rồi. Mộc Lan ôm Amber vào lòng, tay soa lưng cô nhẹ nhẹ, an ủi bạn như an ủi chính mình.

Amber đang dựa đầu trên vai Lan sụt sùi. Có tiếng gõ cửa, một cô gái mang hai tô cháo gà nóng, bình thủy nước nóng kèm theo một miếng giấy nhỏ viết ngắn gọn...tôi cho người mang cháo gà cho cô và bạn, hy vọng cô khoẻ hơn. Ba...

Mộc Lan ngẩn người nhìn hàng chữ đánh máy, mắt nhìn Amber như dò hỏi, Ba là ai?

Cò lẽ nhờ tô cháo gà nóng, Amber khoẻ hơn. Cô và Mộc Lan quyết tâm tìm cho ra tung tích của Ba. Cô quên cả bệnh, rủ bạn lên phòng nhân viên xin gặp quản lý nhưng hẫng lại vắng mặt. Amber nói với nhân viên văn phòng rằng cô là em bà con, muốn tìm Ba vì cô và bạn vừa từ Hà Nội lên Sapa sáng nay. Anh nhân viên chỉ tay qua đồi và cho biết căn nhà nhỏ nhoi lẻ loi là nhà Ba. Mười phút sau, hai cô bạn gái rào bước vào vườn hồng rồi leo lên đồi.

Nhà Ba, căn nhà tre mong manh trên đỉnh đồi, kế cửa sổ một chiếc bàn cũ kỹ với vài cuốn sách, giường tre kê một góc phòng, giữa nhà, một bếp lửa sưởi than đã tàn. Góc nhà bên trái một lu nước còn đầy và giá vo gạo, rổ treo trên vách nan kế bếp lửa. Ba không khoá cửa cho nên hai cô lén vào dễ dàng, họ chẳng tìm được dấu vết gì của Sơn trong nhà, ngoại trừ một tủ đầy sách về hồng.

Thất vọng hai cô trở về phòng. Amber chạy lại trước gương vừa khóc to vừa trách cô đã sửa sắc đẹp, lên ký, cắt tóc ngắn, nhổ mất cái răng khểnh và đổi tên là Amber làm sao Sơn nhận ra cô. Lan đang buồn nhìn bạn ngắm gương than phiền cũng phải phì cười.

Về phần Ba, sau khi từ già Amber, tim anh bồi rối, bàng hoàng. Hình ảnh Amber choán ngợp trong anh. Người đàn bà trẻ duyên dáng ấy sao làm tim anh điên đảo bồi hồi. Cái chớp chớp mắt điều điều của Amber làm tim anh mừng vui nhưng trong những dáng nét thân thương ấy, người đàn bà này khác vợ anh nhiều quá. Anh vào phòng họp nhưng tâm trí rối loạn, hình ảnh Amber đọng đầy tim anh và kỷ niệm cũ tràn về. Sau mười mười lăm phút, Ba rời phòng họp, cáo lỗi không khoẻ để về nhà sớm.

Về nhà, Ba nhóm lửa cho nhà ấm và nấu một ấm trà nụ vối cho mình. Không khí trong nhà lạnh ngắt, Ba trùm chăn ngồi đợi nước sôi, anh mừng tượng Thủy Tiên, vợ anh hơn hai mươi năm về trước. Anh chép miệng nghĩ thời gian qua nhanh, thấm thoát anh và vợ xa nhau gần một phần tư thế kỷ. Thủy Tiên của Sơn, gầy gầy thanh tao, mắt hay chớp khi nói chuyện với người khác phái, miệng cười răng khểnh rất duyên dáng. Còn người đàn bà có cái tên Mỹ đặc, anh gặp trong vườn hồng sáng nay, người làm tim anh nhói đau khi anh bắt gặp cô người hoa ngắm hoa. Amber khi nói chuyện với anh mắt cô cũng chớp chớp, nếu không vì mái tóc cắt ngắn, hai cái má lúm đồng tiền và người hơi nặng ký, có lẽ Ba sẽ ôm choàng cô ngay trong phút đầu anh nhìn ra cô. Amber có vẻ tự tin và đầy nhựa sống hoàn toàn khác hẳn Thủy Tiên hiền lành nhút nhát của anh. Nghĩ tới nghĩ lui, Ba vẫn có cảm tưởng Amber là Thủy Tiên. Ba bồi rối đi qua đi lại trong phòng suy nghĩ. Bất chợt anh lấy cái gương treo trên liếp soi mặt mình trong gương, anh thấy một anh chàng nào đó, mặt đen rạm, quầng mắt to như thiếu ăn lâu ngày, tóc sợi trắng sợi đen. Anh thảng thốt kêu thảm: “Trời ơi! Mình thay đổi đến thế này ư.” Anh tự hỏi, có thể nào Thủy Tiên thay đổi thành Amber không? Ba gục đầu lên đầu gối để mặc ấm nước đang

réo sôi. Anh nghĩ, nếu không thấy Amber, chỉ nghe cô cười nói và mùi thơm của cô, Ba có thể tưởng cô là Thủy Tiên.

Đang gục đầu suy tư, chợt nghĩ ra điều gì quan trọng, mắt Ba sáng hẳn, anh nhắc ấm nước để bên cạnh bếp, đứng bật dậy, hối hả đeo đôi bao tay làm vườn, tay cầm kéo, tay cầm giỏ, anh quên cả mặc áo ấm, đi như chạy ra vườn sau. Cây hồng tím có khoảng hơn mười nụ hàm tiếu và hai ba đóa mãn khai đang rung rinh trong nắng chiều. Anh cắt tất cả hoa và nụ. Mùi thơm của hoa cho anh thêm can đảm, trực giác bén nhạy như thúc dục anh. Ba vút kéo và bao tay bên cạnh gốc hồng, chạy bay xuống đồi, thoáng lát anh thấy mình đứng trước phòng Amber.

Anh không thể chần chờ một giây phút nào nữa, anh lấy hết can đảm đến gặp cô. Những đóa hồng tím này chỉ có Ba và Thủy Tiên biết. Những đóa hồng vườn sau nhà chính tay anh trồng trước cửa sổ phòng ngủ hai vợ chồng. Bụi hồng và Ba có bao giờ xa nhau trừ những tháng năm dài trong các trại tù Cộng Sản. Anh mất tất cả chỉ còn chút kỉ niệm trong cây hồng tím và mùi thơm của nó. Những buổi chiều sương rơi nhẹ, anh hay cắt hồng cho bán sáng ngày sau. Anh thường khóc một mình bên những đóa hoa tươi tắn. Cho đến khi anh xin được việc làm trong trung tâm nghỉ mát, anh mang cây hồng tím tới Sapa.

Sau hơn mười năm trong trại cải tạo, anh chỉ còn da bọc xương, như một người chết hiện về trước thềm nhà mẹ. Mẹ anh trong tuổi xế chiều lại săn sóc anh như ngày còn nhỏ. Trong cảnh túng thiếu, mẹ anh sức khoẻ yếu dần, và vì nghèo anh giúp chị săn sóc mẹ và các con nhỏ của chị. Lúc mới thôn tính Việt Nam, đàn ông vào cải tạo chết mòn, đàn bà con nít đi kinh tế mới chết khá nhiều. May mẹ và chị anh ở títt Đà Lạt có mảnh vườn sinh sống nên không phải đi kinh tế mới. Cả nước đói nghèo thê thảm, nghề duy nhất anh có thể làm nuôi thân thì anh lại không có sức khoẻ, nghề làm xích lô. Bận bè anh đũa còn đũa mất hay còn đang bị đầy đọa trong các trại cải tạo chưa về hoặc chạy ra biển tháng tư 1975. Việc đầu

tiên, anh lại căn nhà cũ nơi anh và vợ ở trong hai năm, mọi người đều xa lạ ngay cả hàng xóm.

Biết con trai còn yêu người vợ cũ nên trước khi mất, mẹ đưa cho anh bức thư đã ngã vàng của một người bà con ở Mỹ gửi về cho biết Thuỷ Tiên đã lập gia đình sau tám năm chờ đợi. Mẹ khuyên anh nên lấy vợ cho có đôi và lập cuộc đời mới. Những năm tháng tù đầy anh đã bao lần cầu nguyện cho vợ có một cuộc sống thanh thản. Anh chỉ mong có ngày gặp lại người xưa một lần và biết được vợ hạnh phúc là anh mãn nguyện. Anh không muốn đi Mỹ để được săn sóc mẹ lúc tuổi già bệnh tật và giúp chị săn sóc vườn tược cho tới ngày anh đến Sapa ba năm trước. Một người bạn thân ngày còn học ban triết, làm quản lý trung tâm Hoa Hồng biết anh cần việc làm, nên viết thư mời anh làm phụ tá cho ông ta. Ngoài công việc coi sóc nhân viên trồng hoa and làm bất cứ việc gì viên quản lý cần. Tên Sơn thành anh Ba từ ngày Sơn đến Sapa

Còn đang ngồi thư suy nghĩ bên cạnh tách trà đã nguội, Amber nghe tiếng chân chạy lên cầu thang, có linh cảm Ba đến tìm cô. Amber đưa tách trà lên miệng hớp một ngụm hết tách trà, mắt trợn tròn, tay cầu nhẹ vào má cho tỉnh. Nghe tiếng gõ cửa cấp bách, Amber vội mở cửa, thấy cô, Ba luống cuống đưa những đoá hồng màu tím, có mùi thơm thật nhẹ trước mặt cô. Amber run rẩy ôm hoa đưa lên mũi ngửi, mắt cô nhòa lệ, không thốt lên lời.

- Amber, tôi mang cho cô mấy đoá hồng tôi vừa cắt, những nụ hồng tím... rồi Ba và cô cùng thì thầm ...□ hồng có mùi thơm em thích... Amber dang tay ôm chầm lấy Ba, gục đầu lên ngực anh nức nở.

- Anh, em tưởng anh quên em. Em nhận ra anh ngay vì vết sẹo trên lông mày và giọng nói”

Cô đưa tay soa nhẹ mặt anh, mắt anh, nắm bóp tay anh người anh. Mắt cô vẫn nhắm, nước mắt dần dụa thấm ngực áo anh. Cô ôm anh thật chặt như thể anh giống như mây sẽ thoát ra khỏi phòng cô.

- Sơn ơi, anh đừng bỏ em chứ.

- Em ơi, em ơi. Em đang trong tay anh đây.

Son ôm Amber, thôn thức, bàng hoàng, không ngờ những gì anh mơ ước mong mỗi bây giờ là đây. Định mệnh thật quái ác, chia cách anh và vợ những ngày anh còn son trẻ, đầy tương lai.

- Anh gây và thay đổi nhiều quá.

- Làm sao quên em, Thủy Tiên. Em đẹp và duyên dáng hơn xưa nhiều, hơn hai mươi năm em có thay đổi nhưng miệng cười, mắt em và dáng đi, anh làm sao quên. Nhắm mắt anh cũng nhận ra em, còn anh, anh không giống ai cả. Anh già nua, tiêu tụy đâu còn là anh của những năm chúng mình có nhau.

Thời gian như ngừng trôi, không gian tĩnh lặng, nắng chiều không còn gay gắt, diu diu nhàn nhạt cũng đang reo vui ngoài khung cửa. Mắt Amber long lanh ngời sáng, cô gợn ngón tay trở lên môi Sơn không cho nói.

Cả hai có muôn triệu điều muốn nói nhưng những giây phút gặp lại nhau, ngồi bên nhau, cầm tay nhau như đang trong mơ, cho đến khi Mộc Lan mở cửa vào phòng, nhìn Sơn và Amber đang yên lặng bên nhau, không dấu được niềm vui gặp lại người xưa. Mộc Lan oà khóc, ôm choàng cả hai.

- Tìm được tung tích anh Ba, mừng quá chạy bay về phòng, không ngờ gặp cả hai. Em mừng quá. Mộc Lan vừa nói vừa khóc.

Hàn huyền mười phút, lấy có có truyện cần phải đi ra chợ mua vài món quà tặng, Mộc Lan có ý muốn để Sơn và Amber có thời giờ tâm sự.

- Hai đứa này muốn gây lò sưởi, gọi nhà bếp mang com chiều với rượu ngon cho chúng mình. Amber muốn chúng ta có thời giờ ngược giọng dĩ vãng nghe Mộc Lan, giọng cô nghèn nghèn như năn nỉ bạn. Cô nói tiếp:

- Cuộc đời hai đứa mình từ tháng tư 1975 anh Sơn có lẽ muốn biết, và hai chúng ta cũng muốn nghe, muốn biết những tháng ngày gian nan của anh, Mộc Lan như thế có được không?'

Mộc Lan bối rối nhìn Amber như không hiểu, rồi quay sang nhìn Sơn như thăm hỏi, anh cần thời gian nói chuyện với

Amber phải không? Sơn thấy Mộc Lan lúng túng, anh phá vỡ không khí nặng nề: “Cô không nên đi chợ nữa, nghe lời Amber đi.”

Tối hôm đó trăng tròn và trong chiếu lấp lánh trên mái nhà, trên vườn hồng. Ba người sau bữa cơm chiều ngồi gần nhau to nhỏ truyện trò. Có lúc Amber và Lan ôm mặt nức nở. Lại có khi Sơn gục đầu trên đầu gối dẫu mặt, vai rung rung. Họ thì thầm bên tiếng nổ lách tách, bụi đỏ bay cao trong lò sưởi.

Sơn âu yếm nhìn Amber, cơn xúc động òa vỡ. Anh xót xa nhìn vợ như ngày họ đang yêu nhau say đắm.

Amber thường bị anh em trong nhà gọi là mít ướt cho nên cô khóc nhiều những đau đớn thể chất và tinh thần của Sơn. Amber nhìn Sơn với ánh mắt âu yếm, ngay giây phút này cô thấy cô yêu Sơn, yêu nhiều hơn ngày cũ. Cô thầm nghĩ cô sẽ xây một biệt thự thật đẹp trên một đỉnh đồi nào đó, triền đồi sẽ trồng toàn hồng tím. Sơn đọc sách nghe nhạc còn cô viết truyện làm thơ

Mộc Lan bàng hoàng nhìn mắt hai người tình cũ. Trong lòng cô, một trời bão nổi. Cô có cảm tưởng mỗi tình ngây dại xưa hình như đang cuộn cuộn trở về.

Không gian, thời gian, những giờong lệ nóng, những tiếng sụt sùi, những bờ vai rung rung, những ánh mắt chân tình và tâm hồn họ, những con người không may sinh và trưởng trong chiến tranh. Được ngồi bên nhau, được khóc bên nhau, được nhìn sâu trong mắt nhau và tình người hiện hữu trong không gian nồng ấm.

Ba năm sau, một ngày thu có nắng hanh vàng, Sơn tay cầm kéo tay sách giỏ dạo quanh vườn hồng, một thói quen hằng hữu và những phút riêng tư. Đồi hồng đang rực rỡ trong nắng sớm. Sơn nhìn lên biệt thự chàng đang ở, đẹp và hiền hoà làm sao. Biệt thự xây trên đỉnh đồi nhìn xuống thung lũng mù sương, xa xa các nương bản người Dao người Hmong. Ngay cả những ngày sương mù lẫn vẩn che khuất thành phố, biệt thự vẫn nổi bật trong nắng. Sơn hít thở không khí ban mai vào phổi thêm một lần nữa trước khi tháo giày ủng bước vào bếp. Vợ Sơn đang ngồi viết lách bên cạnh vài phong thơ

đã mở. Anh nghĩ anh là người có điểm phúc, có một người vợ yêu anh và tôn trọng dĩ vãng của anh.

- Em, trời đẹp quá.

- Anh! Anh có lạnh không. Em đang viết thơ cho vài người bạn.

- Anh cắt hồng cho phòng ăn em ạ. Hồng năm nay được mùa vì nắng ấm. Sơn mang hồng vào nhà bếp vừa đi vừa nói.

- Anh nhớ gầy lò sưởi cho em nhé. Anh không đi đâu ngày hôm nay chứ. Em sẽ pha trà ngon rồi ngồi bên đọc sách.

- Để anh cho hồng vào bình đã, rồi gầy lò lửa.

Vợ Sơn chạy lại gần Sơn, hôn lên đôi môi còn lạnh rồi trở lại bàn viết.

Sa Pa những ngày có nắng hanh...

Amber thương,

Sáng nay dậy sớm, nhớ Amber kinh khủng nên viết thơ cho Amber ngay.

Không biết giờ này Amber đang làm gì, nghỉ gì, còn nhớ tới mình không. Mình đang nhớ Amber đến điên người. Muốn có Amber ở bên để thì thầm bên nhau, để hít hà cái hơi lạnh thơm mùi hồng tím, để được nhìn mắt bạn chớp chớp làm dáng và nhìn miệng cười của bạn. Nhớ Amber làm sao trong căn nhà hai đứa mình thường ao ước cùng xây và về Sa Pa nghỉ mát hằng năm. Mình đang đợi Amber đây.

Amber biết không, mấy hôm nay kỷ niệm xưa trở về đọng đầy tim mình: những ngày thơ dại, những ngày bỏ nước đón đau, những ngày nhìn nhau ruột gan tím bầm vì mất tất mọi thứ trên đời, và những lần hai đứa ngồi nhìn nhau khóc cho thân phận những người lính miền Nam Việt Nam.

Ai có thể ngờ rằng ba chúng mình gặp nhau ba năm trước ở Sa Pa. Làm sao quên được giây phút huyền nhiệm chúng mình khóc cùng nhau bên bếp lửa hồng. Ngoài hương thơm hồng tím, mùi hương dĩ vãng, mình tìm lại nhau trên mảnh đất hai đứa mình chưa bao giờ đặt chân. Bây giờ mình ở Sa Pa

và Amber còn đang đâu đó trên bao đoạn đường mới.. Nhớ gửi thư cho mình, bởi vì những lá thư từ khắp nơi gửi về đây với tem dấu mỗi nơi Amber đến, mình có cảm tưởng đang gần Amber.

Amber thương, trời Sapa mấy ngày nay sương mù lẫn vẩn quanh thành phố, nắng hanh rộn rã trên các đồi cao, và mình đang nhớ Amber. Amber của mình đang ở đâu bây giờ nhỉ? Mình đoán Amber và Davis đang leo một triền đồi lạ ngắm hoàng hôn, đạp xe dọc theo bờ biển miền tây, dùng chân Monterey, Pacific Grove, Camel nhìn biển sóng cuồn cuộn. Hay bạn đang đọc sách trên một tảng đá ẩm ngoài sa mạc, hoặc dùng com chiều trên một nhà hàng nào đó trên triền núi nhìn ra khơi

Bao giờ Amber về lại Sa Pa, thăm đồi hồng tím của ba đứa mình? Amber ơi. hoàng hôn, sương mù, nắng hanh ở Sa Pa có đẹp như những nơi Amber sẽ tới?

Nên nhớ nơi đây còn có hai đứa mình, mỗi lần không gian phảng phất mùi hoa quí, mỗi chiều nhìn hoàng hôn, những đêm ngắm trăng uống trà, nhớ rằng trên đồi hồng tím Sa Pa, có hai đứa đang nghĩ tới Amber.

Nhớ Amber rất nhiều! Nhớ Amber rất nhiều!

Bao giờ ngựa nắn chân bon hả Amber? Bao giờ bạn về đây? Mình vẫn ao ước một ngày không xa, bốn đứa mình ngồi thâu đêm kể truyện thần tiên bên lò sưởi hồng như những trẻ thơ.

Thương,
Mộc Lan

Thu Hương Seattle



Lưu Nguyễn Từ Thức
GIỌNG NGÂM LIÊU TRAI

Giọng em ngâm diu dặt chơi vơi
Như trời xứ Huế chiều mưa rơi
Ngự Bình xa mờ trong màn lệ
Dòng sông Hương đỏ vắng lặng trôi.

Văng vặc cao giọng em áo nảo
Lời thơ sâu lắng đọng hồn ta
Thiên Mụ chợ vợ mây bâng lảng
Hoàng cung phẳng phất nét kiêu sa.

Thơ buồn quá mắt em rung rung
Cuộc tình ôi sao quá đau thương
Tỏ cảm thông giọng em trầm ấm
U hoài như lắng tằm quân vương.

Em ngắt ngảy theo dòng cảm xúc
Giọng liêu trai mê hoặc người nghe
Ta chơi với giữa trời thương nhớ
Huế thân thương với mái tóc thề.

Lời thơ buồn say đắm giọng ngâm
Khe khẽ ru như tiếng thì thầm
Lững lơ trôi đỏ xuôi thôn Vỹ
Tiếng hò khoan thoang thoảng xa xăm.

Người nghiêng nghiêng mắt em đắm chiều
Thơ và em hóa thành âm điệu
Thăm thẳm trời xa cao cánh hạc
Vi vu hồn lạc chốn tịch liêu.

Thơ là em hay em là thơ
Sao giọng em thồn thức vô bờ
Trời trong xanh mây vàng mây trắng
Hồn phách ta lơ lửng trời mơ.



Lê Thị Hoài Niệm

BÊN ĐỜI

Vượt cả một đại dương mệnh mông để trở về nhà. Về nhà! Nghe sao thương yêu trong từng kỷ niệm. Ngày trước cứ nói đi đâu rồi cũng phải trở về nhà, dù rằng cuộc ra đi với muôn ngàn điều kiện tốt đẹp như một cuộc du lịch xa, ở hotel hạng năm bảy sao, tới những tòa biệt thự sang trọng, nhưng vẫn không phải của mình, vẫn mong trở về nhà. “No place like home”! người phương Tây cũng đã có cùng quan điểm đó.

Nhà nào bằng nơi chốn mình được sinh ra và lớn lên với muôn vạn kỷ niệm. Đi và về, cái vòng lẩn quẩn quanh trong cuộc sống. Có những người rất muốn quay về nhưng đã không còn cơ hội, không còn những thân tình để tìm lại chút thương yêu, và căn nhà xưa đã không phải của mình nữa rồi.

Và tôi đã trở về, về để thăm lại mẹ cha với thân xác đã nằm yên trong lòng đất lạnh, khi những đứa con đang ở xa ngút ngàn, cũng vì hoàn cảnh của thời thế. Thương cho ba má tôi, suốt cả một đời lo lắng, nuôi nấng, dạy dỗ cả một đàn con, khi đám con trưởng thành, lại cuơ mang cơm nước cả một bầy bè bạn của con, những người trai mặc quần áo lính từ quân trường Lam sơn- Dục Mỹ, hy sinh tất cả cho con, nhưng những ngày cuối đời, đến cận kề bờ tử sinh, ngay khi trút hơi thở cuối cùng, bên cạnh chẳng còn ai

Buổi chiều, sau khi cúng cơm cho Ba tôi sau 49 ngày người mất, người mất vào chiều mùng hai tết, những nén nhang chưa tàn, và những người thân trong gia đình còn tụ tập bên bàn nói chuyện về người đã mất, thì có tiếng gõ cửa. Khách đến.

Người đàn ông bước vào không có chút gì ngỡ ngàng, như có gì quen thuộc và biết trước mọi việc đang xảy ra, ông xin được thắp nén nhang để cầu nguyện cho người đã khuất sớm được siêu thoát.

Chị tôi chào đón ông và ngỏ lời cảm ơn đã vì người quá cố mà đến. Không phải vì tò mò, nhưng lịch sự tối thiểu cũng

phải biết tên để cảm ơn. Bỗng ông quay lại nhìn tôi cười cười và hỏi trống: quên rồi sao?

Tôi khựng người- quên! Làm sao quên được. Người đó sao? Đã hơn ba mươi năm rồi, từ ngày tan đàn xẻ nghé, tôi gặp người lần cuối cùng trên bước đường di tản, người đi theo đoàn xe của trung tâm huấn luyện Lam Sơn, còn tôi, trên chiếc Honda 2 bánh chạy về trại trong Suối Dầu để trốn tránh những người tù vừa thoát khỏi những trại tù ở Nha Trang. Gặp nhau trong bất ngờ, nên chỉ biết cầm tay, khóc chào từ giã, biết nói gì khi hoàn cảnh đẩy đưa, người đang làm nhiệm vụ người Lính chưa mất đơn vị, và Dục Mỹ-Nha Trang quá cách trở trong những ngày chộn rộn, làm sao người có thể về thăm một lần cuối...

Và chúng tôi xa nhau từ đó, đến khi tôi vượt biển vẫn không có tin tức của nhau, mãi đến hôm nay.

Từ khi chọn nhiệm sở là trường Phong ấp- Ninh Hoà, tôi bỗng dựng thành một “tay chơi vũ cầu” thật xuất sắc. Thường thường mỗi buổi sáng, chúng tôi đến trường sớm hơn thường lệ, chỉ thỉnh thoảng xe đồ bị hư gì đó mới đến trễ, tôi và Thầy M, dạy cùng trường, nguyên là một vận động viên thể thao của vùng hai duyên hải, Thầy rất giỏi các môn thể dục thể thao, thể là Thầy làm “huấn luyện viên” môn vũ cầu cho tôi, tôi chỉ có việc cột hai vạt áo dài lên, và vói...chân đất tha hồ chạy đỡ banh, mặc cho mồ hôi đầm ướt áo, tính sau. Có khi đến giờ học trò làm bài tập, chúng tôi cũng chạy được ngoài sân.

Ông Trời chơi khăm, buổi sáng đó, trong khi tôi đang cột vạt áo và đang chạy ướt đầm mồ hôi, thì có mấy chiếc xe Honda chạy vào sân trường, và mang theo xe là những người Lính. Họ đến từ quân trường Lam sơn-Dục Mỹ và tìm cô giáo T, họ là bạn của anh trai tôi. Trời đất quỷ thần ơi! Cái cô giáo đang vắt ngang vạt áo dài, quần thì ống xăn ống xổ, người thì ướt đầm mồ hôi mà đi tiếp khách sao trời? Nhưng đành phó mặc, ra sao thì ra.

Vậy mà người Lính đó đã để ý đến cô giáo quái gỡ, thích chơi thể thao kia mới chết chứ. Để rồi sau đó, hình như đoạn

đường Dục Mỹ- Ninh Hoà được thâm ngấn hay sao đó, mà người cứ xuất hiện ở trường tôi hoài, đến nỗi thầy hiệu trưởng Ng. cứ than vui “trường mình có ...lính canh!”

Cũng bởi tôi có máu văn nghệ trong người. Từ năm học đệ thất, má tôi đã cho tôi học đàn măng-đô-lin, rồi sau đó lại học guitar, nhưng cứ bị ..thầy gõ tay hoài, nên tôi đã bỏ ngang xương, dù mới biết có chút chút. Nhưng máu văn nghệ vẫn còn tiềm ẩn, khó mà dứt bỏ, nên chỉ khi người Lính biểu diễn ngón đàn thật là lướt, với giọng hát thật truyền cảm, truyền qua ánh mắt biết cười, chỉ có ...nữ tu may ra không xao xuyến, chứ đứa con gái mới lớn bình thường như tôi bị ...hút là chuyện đương nhiên..



Tôi có dịp đi Dục Mỹ nhiều lần sau đó, con đường bỗng nên thơ, trữ tình chi lạ. Với đám đông các người sĩ quan huấn luyện viên quân trường, có cả anh tôi, tôi đã là “hành khách” trên chiếc xe Lambretta của người

Lính, nên dù nắng có gắt, gió có thổi hắt vào người từ những đám bụi của con trời buổi xế trưa vừa cuốn qua, tôi vẫn không cảm thấy phiền hà, khó chịu vì tình cảm dành cho người Lính đã vượt qua những gió cát của đoạn đường.

Má tôi thương bạn của con thật đó, nhưng để cho con gái bà về “nâng khăn sửa túi” cho mấy ..chàng lãng tử, coi bộ bà không vừa ý mấy. Bà vẫn dạy rằng “ con mà lấy nó, cái thằng ăn chơi, đờn địch ca hát kia, mai một có đường...bóc mắm mà ăn con ạ!”...

Từ khi đổi về lại Nha trang, con đường Ninh hoà - Dục Mỹ đã không còn thường xuyên đón bước chân tôi, hoạ hoằn lắm mới cùng các bạn tôi đổ đường về thăm lại, khi phải làm “hướng dẫn viên” cho một cô bạn nào đó đi thăm chàng “Sĩ quan huấn luyện” mới quen. Con đường có xa hun hút nhưng tình cảm của tôi dành cho người Lính năm nào vẫn níu chặt bên đời, dù má tôi có ý cản ngăn, mãi đến khi

Bây giờ người xuất hiện nơi đây, vẫn ánh mắt biết cười dù thời gian và hoàn cảnh sống có làm người già đi, nhưng không đến nỗi. Đã có một bức màn vô hình ngăn cản, nên chúng tôi chỉ nhìn nhau và hỏi chuyện băng quơ về đời sống của mỗi người sau ngần ấy năm dài không gặp lại, và lý do người đến hôm nay.

-Đã có lần anh trở lại Dục Mỹ, muốn về thăm lại căn nhà trọ năm xưa, quân trường thì đã xóa sổ rồi, muốn nhìn con suối nhỏ chảy róc rách sau hiên nhà..., nơi có quá nhiều kỷ niệm của cả một đám bạn, và em..., nhưng tất cả đã không còn nữa. Anh về qua đó thấy buồn đến nẫu người ra. Không còn một người quen, không có căn nhà nhỏ, dĩ nhiên không có cả tiếng cười, tiếng đàn, giọng hát. Bây giờ tất cả đều xa lạ, có cả những căn nhà lầu chắn ngang tầm mắt, dòng suối thì xác xơ, dơ bẩn, cuộc sống ồn ào, người người hối hả....Lần đó anh đã ngồi ngang cầu mà khóc, thiên hạ nhìn chắc nghĩ anh là “ông già điên”. Anh gỡ bức hình mình chụp với nhau năm xưa, bức hình anh mang theo mãi bên cạnh cuộc đời anh, anh ngắm nhìn mãi và cứ tiếc ngẩn tiếc ngơ, nhưng biết là chẳng bao giờ mình có lại được những ngày vui ấy nữa....

Anh ngồi kể chuyện đời anh sau những tháng ngày nghiệt ngã, khiến chị em tôi cứ mãi sụt sùi. Bỗng chị tôi phán một câu làm chúng tôi chung hửng: “À cậu Ph. đây phải không? May quá, hồi xưa má chị hay la: con T. mà lấy nó chỉ có nước bốc mắm mà ăn! T à, em ...may lắm, nên không phải ăn mắm đều đều!” khiến cả nhà cười vang, chắc Ba tôi cũng đang nhìn xuống chúng tôi ngạc nhiên tự hỏi: sao chúng nó vừa khóc vừa cười?

Người Lính năm xưa chào từ giã ra về, không quên cho tôi xem lại bức hình năm cũ. Dù tôi có ngỡ ý xin làm kỷ niệm, nhưng người Lính đã ngần ngừ và cuối cùng từ chối thẳng: anh đã giữ nó trong ngần ấy năm dài, hãy để anh giữ mãi bên đời, đến khi xuôi tay nhắm mắt. Em còn có một gia đình êm ấm, hãy giữ lấy gia đình của mình, đừng nghĩ gì đến bức hình cũ năm xưa.....

Lê thị hoài Niệm.



Huỳnh Công Ánh

THƯA

Thưa người, xin dâng tôi hôm nay
Cả xác thân và cả óc tim này
Thân xác, óc tim khởi từ nòi giống
Nguyễn góp phần xanh, phân bón tương lai

Thưa người, tôi hiểu tôi từ đâu
Từ cát bụi tro, từ tiếng khóc chào đời
Từ buồng nhau của Mẹ hiền muôn thuở
Từ chất chiu, bú mớm thuở nằm nôi

Thưa người, thưa em, thưa quê hương
Tôi lớn lên và quyết chọn con đường
Yêu mẹ cha, yêu người yêu, yêu em, yêu tổ quốc
Quyết một lòng thề chết cho quê hương

Thưa người, tôi hiểu tôi mai sau
Về bụi tro, từ tro bụi khởi đầu
Quay theo vòng quay loạn hồi muôn thuở
Nhân quả, tôi ngẩng mặt cúi đầu

Thưa người, xin cho tôi hôm nay
Kết quả những ngày qua rèn luyện miệt mài
Khát vọng yêu thương, chân thành dâng hiến
Lợi ích đời này cho Tổ Quốc tương lai.



Linh Vang

LUNG LINH GIỌT NẮNG

- Ra đây, ra đây, phải khai hết từ đầu tới cuối, không giấu chỗ nào hết ghen con.

Kim bắt tôi làm một màn tự thú. Tôi cười, ngồi thu gọn trong chiếc ghế đầu, rồi từ từ kể. Có gì đâu, tôi chỉ mới gặp Huân một lần tại cái ghế đá trước Whitney Hall, nói chuyện băng quơ trời đất hôm sinh nhật của Khoa. Lúc già từ, Huân tình queo giúi tấm danh thiếp có số phôn của chàng vào xách tay của tôi, nói nếu thích cứ gọi vì khi chàng hỏi số phôn của tôi, tôi không cho; nhưng tôi không gọi; rồi một hôm không hiểu ở đâu ra Huân biết số phôn của tôi và gọi xin cuối tuần được đến chơi. Câu chuyện ngắn ngủi chỉ có thế, muốn khai dài dòng cũng chẳng biết khai chi...

Thứ Bảy, chuông cửa reng. Kim ồn ào bảo tôi:

- Mày cứ thông thả sửa soạn cho đẹp, để bà làm con ở ra mở cửa mời khách cho.

Tôi vừa sấy tóc xong, mái tóc còn nghe thơm thơm mùi trái dâu tây của thuốc gội đầu, hình như tôi có hơi cẩn thận hơn mọi bận, cứ mân mê mái tóc dài óng mượt phân vân không biết mình nên rẽ tóc về hướng nào. Mắng thầm, “Rõ lẩn thẩn”.

Tiếng Kim oang oang từ bên ngoài:

- Trời ơi! Điều thế! Đến chơi còn đem hoa hồng nữa chứ. Nay nói thật, ăn trộm vườn nhà ai, phải không?

Giọng Huân vui vẻ tự nhiên:

- Sao chị rành quá vậy! Thì hồng trước cửa nhà *manager* của chị chứ đâu.

- Trời! Bộ anh muốn hại tội này thiệt à? Ông quý mấy bụi hồng đó lắm, ông mà thấy, ông đuổi tội này liền hà... Xin tự giới thiệu tôi là Kim, bạn chung nhà với Bích Chuyên.

- Huân, Vũ Minh Huân. Rất hân hạnh được biết chị.

- Cũng hân hạnh được biết anh. Xin mời anh ngồi, cứ tự nhiên như trong nhà.

Đợi cho hai người giới thiệu xong thì tôi mới bước ra phòng khách. Kim hỏi ngay:

Sao Hạnh, cắm hoa nơi bàn để mọi người cùng ngắm được chứ?

Huân có vẻ ngạc nhiên với cái tên mà Kim mới gọi tôi. Chắc tưởng tôi nói xạo tên Bích Chuyên với chàng chăng? Nhưng trong thoáng giây chàng cười, “À, nickname.” Tôi bối rối gật đầu chào Huân - mà sao lại bối rối chứ (?) - rồi trả lời Kim: Chỗ đó tốt rồi.

Huân đang dựa lưng trên ghế xa-lông, vẫn với vẻ thoải mái như bữa đó tôi đã gặp chàng; còn Kim thì loay hoay rót nước. Lâu ngày nhỉ? Huân chỉ nói thế rồi thôi. Tôi lại không biết nói gì, rồi lúng túng không biết phải làm gì, chẳng lẽ lại giành Kim rót nước? May quá, Huân vừa nhìn thấy mấy tờ báo Văn ở dưới bàn, chàng hỏi liền, vừa hỏi vừa khom người xuống, lấy một tờ báo:

Ồ! Mấy cô cũng đọc báo Văn hả?

Kim cười giải thích:

- Của một người bạn mua tặng Kim mà Kim không đọc, chữ nghĩa chẳng chịt, in lại nhỏ như con kiến. Không có kiên nhẫn. Tặng cả năm rồi. Cũng may là còn có người đọc, không thì phí cái tình của người ta.

Người đọc là tôi. Thích đọc, cứ thấy sách báo là ngấu nghiến đọc quên ngủ quên ăn. Chữ Mỹ có, chữ Việt có, từ chính trị, kinh tế, biên khảo, triết lý khô khan... đến tình cảm ướm át, éo le, gossip bình dân, lá cải... tôi đọc tưới hột sen. Tờ báo đó do Vinh mua tặng. Kim và tôi đã cười một trận. Rõ là anh chàng vì mới theo đuổi người đẹp nên chưa biết tính của Kim, con nhỏ chỉ thích đi xi-nê, bát phở, đi biển, và ăn tiệm. Nó cười muốn bể bụng. Trời ơi! Bà đâu phải thứ dân đó. "Dân đó" là dân nào? Là dân lúc đi học thì cứ chúi đầu vào mấy đồng sách, bây giờ ra đời thì lúc nào cũng có mấy cuốn sách báo kê kê bên cạnh. Là dân hay chữ, nhưng thả vào đời thì vụng về hết sức. Tôi cãi lại. Chưa chắc nghe bạn! Chỉ vì bạn không có cái thú đọc sách nên bạn ganh tị đấy thôi, tìm kiếm đi, ở cái xã hội máy móc chạy đua này có cái thú nào làm ta thanh thần, thoải mái bằng thú đọc sách, đâu đã

già mà vui thú chăm sóc cây cỏ, làm vườn. Diễm Châu, bạn hồi University of Washington, cùng nhóm với Kim và tôi, đi làm về chỉ vui với mảnh vườn nhỏ, không bạn bè, không bồ bịch, không có cả một cô bạn gái thân thiết để mà tán dóc. Nghe kể Diễm Châu nhất quyết không lấy chồng; bà mẹ thấy con ở vậy một mình thì lo, thờ ngắn thờ dài, nhưng biết sao đây, xứ này đâu có cảnh ép mỡ ép duyên, trói buộc ai được! Nhưng chuyện này không phải là lý do chính khi biện luận với Kim về sở thích, thú vui của từng người nên tôi không nhắc cho Kim nhớ - Kim bĩu môi chê, “Nhưng mà dân văn chương chữ nghĩa thường không thực tế, sống xa với đời.” Tôi giải thích, tại họ trọng đời sống tinh thần hơn vật chất. Kim cứ kêu trời ơi, có tiền đi shopping, đi ăn nhà hàng cũng thú vậy. Tôi cười ừ, “...mà làm thân trâu ngựa kéo cày trả nợ cho ba cái thứ vật chất, xa xỉ phẩm cũng khổ.” Rồi tôi đi xa thực tế khi nói cảnh đôi tình nhân đi bên nhau, vừa đi vừa tâm sự, một đoạn đường dưới ánh trăng vàng, cũng đủ hạnh phúc vậy. Kim tiếp lời châm biếm, một túp lều tranh, hai trái tim vàng, uống nước lã mà yêu nhau... thì... hạnh phúc nhất. Bữa đó, khi bàn cãi đến đây là tôi biết tôi vừa trật đường rầy! Huân lật lật, đọc những trang báo. Kim lém lỉnh nhìn tôi: Hạnh à, có người giống Hạnh kia. Thế là có đồng minh rồi, thích nhé!

Huân vô tình không nhìn thấy cái nhìn của Kim nên nói:

- Tôi mê sách báo từ nhỏ. Qua bên này thích nhất là hệ thống thư viện, muốn đọc gì cũng có, muốn khiêng mượn về nhà bao nhiêu cũng được, mỗi lần tới trăm cuốn, sợ không có sức đọc thôi. Chỗ tôi ở không có cộng đồng Việt, thành phố nhỏ nên không đi câu cá thì tôi vào thư viện đọc sách... sống luôn trong thư viện cũng được! Ngoài ra, tôi cũng rất thích đi câu cá.

Kim nghe mà hết hồn. Lại câu cá nữa! Mấy cái mực này Kim không ham. Là bạn thân của nó khá lâu, tôi biết rõ con nhỏ này. Nó cười hỏi ngay Huân:

- Chắc là anh thích đi câu lắm. Chớ trời ở tiểu bang này lạnh thấy mồ, lại phải dậy sớm lạnh lẽo, hay ngồi suốt đêm, ngồi

kiên nhẫn chờ cá cắn câu, co ro khổ sở. Kim chỉ thích đi ở chỗ đông đảo, phố xá chợ quán nhộn nhịp; cứ tưởng tượng chung quanh hoang vắng, chỉ thấy sông nước là đủ thấy sợ rồi. Ra siêu thị câu cho khỏe đi, anh Huân à! Nói đại chứ... nhỡ rớt xuống sông. Mới năm ngoài đây nè, có một cô đứng xớ rớ làm sao trượt chân ngã xuống sông, ông bò nhảy xuống cứu rồi mất tiêu luôn. Cả hai cho đến bây giờ vẫn chưa tìm thấy xác. Dòng sông Columbia nước chảy xiết lắm!

Huân ra trường từ Washington State University, dĩ nhiên chàng lạ gì về dòng sông này:

- Nó nằm trên đường đi Pullman, ở ngã ba quẹo nam đi Pullman, quẹo bắc đi Spokane, cảnh trí thật là hùng vĩ, có đập Grand-Coulee, đèo cao quanh co, thung lũng, đồng bằng. Dòng sông nổi tiếng có nhiều cá sturgeon, loại cá vừa giống catfish vừa giống cá mập, miệng nằm dưới bụng, nấu canh chua ăn hết sây, xương cá ăn như ăn gân, sụn. Mới nhìn qua tưởng dòng sông hiền hòa êm ả chảy, nước lấp lánh dưới ánh mặt trời, ai ngờ đã cướp đi mất hai người đồng hương của tôi.

"Đồng hương", đã lâu lắm rồi tôi mới nghe lại cái danh từ này; chàng nói với một giọng rất tha thiết, chân tình. Chỗ Huân ở vắng bóng người Việt nên chàng thêm thấy người Việt cũng như thêm ăn nước mắm.

Bây giờ tôi chỉ câu ở hồ, hồ nhỏ, cho đỡ buồn.

Kim còn chọc chàng một câu:

Cũng như Khương Thái Công câu cá chờ thời?

Chàng chỉ cười, rồi quay sang tôi hỏi:

Bích Chuyên có thích câu cá không?

Tôi lắc đầu. Tôi muốn chàng vui, cũng mong là có cùng một sở thích với chàng, nhưng thật ra giống Kim, tôi cũng không thích câu cá, tuy tôi cũng ít ăn đồ biển nữa còn nói chi chuyện câu cá. Con nhỏ Kim mỗi lần về nhà bố mẹ nó, đi ngang qua bàn ăn thấy mẹ dọn cá là kêu, cơm chẳng có gì ăn, rồi ra ngoài ăn *hamburger* với *french fries*... để sau đó nghe bà già chửi hoài, "Tụi bay Mỹ hết đi!" Tụi tôi "Mỹ" là tại những năm tháng ở nội trú nhiều quá, chứ đâu phải mấy bà mẹ không nấu cho ăn đồ ăn Việt Nam.

Chàng đến rủ bọn tôi đi ăn sáng. Kim cứ nằng nặc đòi đãi Huân món điểm tâm Tây phương với *ham*, *bacon*, trứng, nó vừa mới học được. Nhưng Huân lại muốn đi tiệm, món của Kim đành để dành dịp khác. “Thôi vậy càng khoẻ,” Kim làm bộ lảm bảm.

Chắc chắn là Kim với Bích Chuyên rảnh đường sá và tiệm quán ở đây hơn tôi.

Kim cười trả lời:

- Thật ra, Port Angeles chỉ cách đây 3 giờ lái xe chứ đâu xa. Biết bọn Kim rồi thì cứ weekend hay lễ lộc thì về đây chơi chứ nằm tu những nơi vắng vẻ như thế coi chừng quên tiếng Việt đó.

Tôi cười trong bụng, con nhỏ khéo lo chuyện thiên hạ, mình cũng bí chữ hoài, có khi vài ngày sau thì cái chữ mình bí đó bỗng dưng xuất hiện. Nụ cười nhẹ tôi nghĩ là kín đáo cũng không qua mắt Huân. Chàng nhìn tôi thắc mắc hỏi. Tôi phải giải thích:

- Kim nói cho chính cô ả nghe đây. Nó là đứa quên tiếng Việt nhiều nhất, Hạnh phải để cuốn tự điển Việt ngay xalông đây. Mới đầu Hạnh còn sửa sai nó, giờ thì chính Hạnh cũng quên, cả ngày 8 tiếng tiếp xúc với Mỹ mà. Chữ đang dở, công việc đang dở mà nó dám viết là gian dở, gian của chữ ăn gian, thế thì có chết không. Ngày xưa đường đường là dân ban C.

- Thôi cứ phiên phiên qua đi, viết sao chả được, miễn là người ta hiểu được cái ý mình chuyển đạt là tốt rồi - Kim lý luận.

Tôi cãi:

Nhưng nếu mình dùng chữ sai, sao người ta hiểu được?

Ở nhà hàng Tàu ăn “Tím Sấm” vừa ăn vừa tiếp tục bàn cãi tiếng Việt. Mỗi khi thức ăn được đẩy qua, Huân hay nhìn tôi hỏi ý kiến. Vì mới quen hay tôi có hân hạnh được sự chiều chuộng đó? Dù sao cũng cho tôi cái cảm giác là được chăm sóc, làm ấm lòng. Tôi vẫn hay cảm động vì những chuyện lảm cẩm như thế...

Nhà hàng đông khách rộn rịp. Mỗi chiếc xe đẩy qua một vòng là hết sạch, rồi phải đợi đợt sau nếu mình chần chừ, nên món nào, Huân cũng nhìn tôi hay Kim hỏi thử không. Kim cười đùa, ăn không hết đem về, được không? Tôi có thói quen ăn thật chậm, lối ăn cầm khách, luôn luôn là người sau cùng đứng lên nhưng thật ra nói về lượng thì chẳng có bao nhiêu. Phải để ý thì mới biết, không thì tưởng tôi ăn nhiều vì vẫn còn ăn cho tới cuối bữa. Lối ăn sẽ hiệu nghiệm cho dân muốn giữ eo, kiêng cử, mà tôi có kiêng cử chi đâu. Huân có vẻ chú ý đến tôi vì chàng vừa nhận xét:

Bích Chuyên ăn chậm quá nhỉ!

Kim gật đầu đồng ý:

Nữ thực như miêu mà.

Có lần ăn cơm nhà bác Sắc, thấy tôi ăn uống nhỏ nhẹ, bác Sắc hỏi:

Bích Chuyên tuổi con mèo phải không?

Tôi đã ngây thơ nghiêm trang trả lời:

Không, cháu con dê, bác ạ.

Sáng Thứ Bảy trời đẹp, nắng nhẹ lung linh trên những hàng cây bên kia đường. Phố xá tấp nập người đi bộ. Chuyến xe buýt nào đi ngang qua cũng đầy nhóc những người. Xứ này, mưa nhiều, được dịp nắng là thiên hạ tủa ra đường, cứ như chim chóc, đến mùa lạnh thì biến mất. Cảnh này làm tôi nhớ tới Ngân, thư Ngân từ Cali gửi về, “Mùa hè không đâu đẹp bằng Washington của mình, khí hậu ôn hòa, cây cỏ xanh tươi. Khoảng Tháng Năm thì Scotchbroom đại nở vàng ngập hai bên xa lộ, cái thứ bụi cỏ vào mùa đông thì trần trụi xám xịt xấu xí chỉ làm vùng Tây Bắc thêm âm đạm, thê lương nhưng cuối xuân thì dễ thương vô cùng, và với nắng chiều, trên đường đi làm về... thấy một vùng hoa vàng bát ngát, trời ơi, cũng đủ cho tâm hồn thơ thối, nhớ không Hạnh? Từ ngày xuống đây, hình như tao chỉ nhớ có 2 thứ về Washington: hoa đào nở khắp đường phố vào những ngày đầu xuân và Scotchbroom của những ngày Tháng Năm, là tháng sinh nhật của tao. Washington cũng có những cánh đồng với hoa Uất kim hương, Daffodils nổi tiếng vào Tháng Tư... Nhưng nói cho cùng... vẫn còn sợ những ngày mưa của Washington!”

Năm ngoái, cô nàng đã đính hôn với một anh chàng dân Cali, như vậy là đóng rong mọc rễ ở dưới đó rồi, tiểu bang này lại mất đi một đứa con gái. Hồi nó được giỗ dưới đó, tụi tôi đã cười bảo là Washington sắp mất một đứa con, thì nó khăng khăng, “Không đâu, tao đi làm vài năm có kinh nghiệm rồi tao trở về.” Bây giờ, Cali được thêm một nàng dâu.

Ở tiệm HongKong ra, chúng tôi thả bộ dọc theo phố chính, hòa vào đám đông đang ngược xuôi tấp nập, đôi khi đụng vào nhau. Kim vui vẻ ồn ào, tung tăng theo làn sóng người:

Trời ơi! Trời đẹp quá hả?

Có thể mà hần cũng trời ơi làm tôi tưởng có chuyện gì quan trọng. Tôi cũng có niềm rạo rức với nắng ấm với đám đông như Kim. Kim nói tiếp:

Đi vòng vòng ngắm tiệm quán chơi.

Huân cười dễ dãi:

Được chứ, mà Bích Chuyên có thích không?

Tôi cũng cười nhẹ nhàng, gật đầu. Kim đi sát bên tôi, tinh nghịch nói nhỏ:

- Đáng lẽ phải để anh chị đi với nhau, đương không tao lại xía vô thêm dư, mà tại mi tử tế mời chị.

Tôi đánh nhẹ vào vai Kim:

- Bày đặt!

- Em xin lỗi!

Lỗi phải gì! Chắc hần con nhỏ lại rơi vào những ngày lắm cảm?

Qua tiệm hột xoàn, tôi chỉ cho nhỏ Kim chiếc vòng cảm thạch mà tôi rất thích và định một ngày nào đó sẽ mua. Tôi nói:

- Chắc mẹ tao sẽ bằng lòng.

- Sao mẹ mi phải bằng lòng?

- Mua cho mẹ tao mà. Bà thích cảm thạch.

- Cỡ tuổi mình đeo cũng đẹp vậy, trông thanh tao.

Tôi lắc đầu nói:

- Hơi nặng, lại không biết giữ gìn, dễ bể, uống tiền.

- Mi thật là...

- Chứ không phải sao, đồng tiền xứ này đâu dễ kiếm. Ê Kim, nhìn chiếc nhẫn này xem, xinh xắn quá hả?

- Emerald đó! Tao chỉ thích những viên sáng ngời kia thôi, chắc phải kiếm chồng giàu. Mà ở đây biết ai giàu! Kỹ sư Boeing (luong) thì cũng chỉ đủ trả tiền nhà, nuôi vợ nuôi con... Mà không có mới ham, chừng có sẽ hết ham, đời sẽ chán đi.

Tôi cười:

Không có gì? Kim cương hay chồng giàu?

Nhỏ Kim hôm nay lại triết lý nữa chứ, ở đó mà chán, sẽ quay sang ham thứ khác chứ, và hạnh phúc là khi mình muốn cái gì thì được cái nấy, khi mình không muốn, không thích mà có thì cũng chẳng thú gì. Tôi nói tiếp:

Sợ không có mà đeo chứ ở đó mà nói chán.

Hai đứa tôi cứ thế mà tranh luận chuyện nữ trang, chuyện... đời, bỏ mặc Huân lững thững một mình, lúc tôi chợt nhớ mới ngó quanh quần tìm chàng thì thấy chàng đang ngắm khi biểu diễn trò hề trên hè phố. À, thì ra ít nhất cũng có gì cho chàng giải trí trong lúc đợi chờ. Chợt Kim nhìn chăm chăm vào mặt tôi rồi la nhỏ:

- Trông mi có vẻ mệt mỏi quá vậy Hạnh?

- Tối qua không ngủ được!

- Tại cái hẹn ngày hôm nay, phải không?

- Đâu phải! Cũng chẳng hiểu tại sao mấy hôm rày thức giấc luôn!

- Hay tại mi còn nghĩ đến cái chết của chị Loan với anh Thành?

- Cũng hết nghĩ rồi, thỉnh thoảng có nhớ nhưng không còn bận tâm như trước. Người nó làm sao ấy, chán chán, chẳng biết nữa!

- Đôi khi đời sống quá trầm lặng cũng làm mình mệt mỏi nữa.

- Trầm lặng cái gì, cũng lo đủ thứ.

Khi nói chuyện này thì tôi đang nghĩ đến việc nghỉ dưỡng sức vài ngày cuối tuần ở cái *cabin* trên đảo Bainbridge của bố mẹ Thy; tuần trước bất ngờ một tối Thy điện thoại hỏi chừng nào Kim với tôi rảnh ba đứa họp mặt ở căn nhà gỗ nâu

nướng ăn uống nói chuyện tầm phào chơi. Sẵn hôm nay tôi nhắc Kim chuyện đó. Kim nói, “Thay đổi không khí ở chơi vài ngày thì được, ở luôn chắc tao chịu không thấu, không ưa thành phố nhỏ, yên tĩnh làm tao sợ.” Nó còn nói nếu nửa đêm nhớ thêm *chicken soup* thì không biết mò đâu ra.

Hai đứa mãi mê nói chuyện mà quên Huân. Kim kêu:

- Trời ơi, tao có quên thì mày cũng nhớ chứ, sao bỏ anh chàng một mình ngắm phố, còn mình đứng miết ở đây - “Ở đây” là trước cửa tiệm nữ trang Jade - đừng thấy người ta hiền mà mình bất lịch sự không được đâu đó.

Kim và tôi nhìn quanh quẩn một hồi mới thấy được Huân trong đám đông, hai đứa đến xin lỗi rồi rít. Chàng chỉ cười cười:

- Sao? Cô nào sắp lên xe hoa mà lựa nhẫn kỹ thế?

Chàng nói lựa mà không nói mua. Kim lắc đầu:

- Ngắm chơi chứ làm gì có tiền mà mua với lựa! À mà chừng nào anh lấy vợ, tụi này đi xem chọn giúp cho.

Tôi cười mắng yêu con nhỏ:

- Bộ người đẹp của anh không biết lựa sao mà nhờ đến bọn mình?

- Ừ nhì! Kim cũng cười.

Tôi nghĩ bụng. Với lại việc đi chọn nhẫn là một việc hết sức riêng tư, chỉ giữa hai người, mỗi lần nhìn cảnh hai người sắp lấy nhau dẫn nhau đi chọn nhẫn, chú rể nào trông cũng có vẻ dễ dãi, chiều vợ sắp cưới với thái độ sao cũng được, cứ nghe anh chàng nói "tùy em..." là con tim tôi cứ bồi hồi, cảm động, chuyện người ta mà mình cảm động.

Ở Carnival, Kim chơi những trò chơi thả vòng, bắn nước rồi đi *spider roller coaster*, xong đi xe lửa. Đi vòng vòng tôi đã thấy một nên ngồi nghỉ trên ghế đá, theo dõi Kim. Tóc của nó phất phơ trong gió, mặt nó xanh lè khi xe lửa xuống dốc, miệng thì la hét, hét khúc quanh co lại cười toe toét. Vậy mà chưa ngán, còn đi lần thứ hai. Trong khi có nhiều tên con trai mặt không còn tí máu! Những lần đi hội chợ, tôi cũng chỉ chơi được những trò chơi nhẹ thôi.

Huân mua nước và *french fries* đến cho tôi. Chàng nói chàng thấy tôi ngồi dựa ghế đá, chàng nghĩ tới bữa đầu chàng và tôi cũng gặp nhau ở ghế đá, chàng thắc mắc hình như lúc nào tôi cũng chọn được cô đơn, cô đơn giữa đám đông, chứ không phải cô đơn thật cô đơn.

- Coi bộ cô Kim nhiều “*energy*” hơn Bích Chuyên hả?

Tôi cảm lấy ly coke, gạt đầu đồng ý:

- Anh nhận xét đúng đấy. Kim không thuộc loại ngồi không, khi làm, làm không biết mệt, khi chơi, chơi hết mình, sợ nhiều ông không khỏe bằng nó, nó làm cái gì cũng giỏi.

Thật ra, nó còn ham chơi hơn ham làm, từng nói, chỉ thích đi chơi thôi, ra ngoài ăn uống, có quen anh chàng nào thì cũng phải có mục này. Có lẽ sống như thế mà đời nó ít chán hơn đời tôi, “*live a full life*” hơn? Hay cũng có những nỗi buồn bên trong? Mà con khi ấy có buồn gì lâu!

- “Hạnh thì chuyên chậm chạp”, tôi lặp lại nguyên văn câu con nhỏ vẫn thương hại tôi, “chẳng làm ăn gì được”, rồi tôi tiếp, nhiều khi chạy theo hấn muốn hụt hơi. Hai đứa Hạnh ví như con thỏ với con rùa, Kim là con thỏ mà Hạnh là con rùa.

Huân bóp nhẹ vai tôi, chàng nói, giọng thật ấm:

- Rồi con rùa tới đích trước mà.

- Thật không? Đáng lẽ hai đứa là con thỏ với con rùa hiện đại, trong câu chuyện mới này, con thỏ vẫn tới trước vì tuy nó có rong chơi nhưng nó cũng ma lanh hơn biết dùng đường tắt hay bám vào một phương tiện nào khác để đạt tới mục đích; còn con rùa vẫn chậm, vẫn bị bỏ sau lưng, bị những con thỏ chạy qua gạt rớt xuống mương, cuối cùng có đến nơi thì cũng là kẻ đến sau, chỉ thấy chợ đã tan và trong cuộc thi đã có những mục tiêu mới.

Huân cười:

- Tôi không nghĩ như vậy.

Tôi không cười, vẫn thản nhiên nói tiếp:

- Thật mà, nhưng Hạnh sẽ không rán chạy theo đâu, vẫn giữ với tốc độ của mình thôi, chỉ tránh đừng để bị những con thỏ khác đạp chết đẹp là được, cứ tà tà, để còn nhìn đời nữa chứ, bon chen cho lắm cũng thế thôi.

Sao tôi lại dùng chữ bon chen, với ám chỉ gì?

Những câu nói khó hiểu, Huân chẳng bao giờ hiểu được. Huân vẫn là một người lạ, dù tôi đã tự cho, là Huân có thể là bạn của Kim và tôi được, chàng có nụ cười hiền lành, chàng có giọng nói âm chân thật và tiếng cười trong trẻo vô tư. Tôi vẫn không giải thích gì thêm, đứng lên, đi chọn một trò chơi. Huân lững thững bước theo, chàng cũng không nói gì. Tôi nhẹ nhàng như bước chân mèo, đẩy nhẹ cái thanh sắt mỏng sao cho nó di chuyển để hất dần những đồng 25 xu về phía cuối cho chúng lọt xuống, để ăn những đồng 25 xu này, hay thế tiền bằng con gấu nhồi bông hay con búp bê xinh xinh. Tôi nín thở đẩy nhẹ. Đồng bạc các vẫn nằm một chỗ. Tôi làm lại. Đồng bạc các vẫn không nhúc nhích. Tôi thử một cái mạnh, rồi làm nữa. Lần này có tiếng rớt lộp độp, một đồng rồi hai đồng. Gặp lúc hên, tôi ăn đủ những đồng 25 xu để đổi được hai con gấu.

Theo dõi tôi chơi, Huân nói:

- Coi bộ Bích Chuyên cũng kiên nhẫn dữ hả!
- Ồ há! Ít nhất thì tôi cũng có đặc tính này, kiên nhẫn thì tôi có thừa. Tôi đổi thế dựa cho khỏi mỏi, mắt vẫn chăm chú vào thanh sắt:
- Cũng hao bộn tiền mới luyện được cái tính ấy chứ bộ! Còn anh, cứ tưởng tượng anh ngồi câu cá giờ này qua giờ khác cũng... phi thường vậy! Nè, muốn thử cái trò chơi này không?

Huân kêu tôi chơi được thì chàng chơi cũng được, nhưng một phút sau là Huân đầu hàng, tay chàng quá dư thừa cho trò chơi tỉ mỉ, khéo léo này.

Nhỏ Kim đã trở lại, nó cười khi khi rồi trêu Huân:

- Gì mà dở thế! Rồi lên giọng an ủi, đừng "tủi thân", cái thứ này bày ra chỉ cho nhỏ Hạnh chơi thôi.

Tôi cười thích thú:

- Rửa à, buồn ghê hí.

Thấy tay Huân ôm hai con gấu nhỏ, Kim la lên khi Huân bảo tôi đã "ăn" được:

- Trời ơi, rồi chắt ở đâu đây? Cái apartment thì nhỏ, dọn không hết, còn "tha" về nữa!

Nó làm tôi như mèo, hay tha xương cá về nhà, mà không công nhận những thứ này là thành quả xuất sắc của tôi; đồng ý là tôi có bày chật nhà thật, nhưng tôi hay tiếc, không biết liệng cái nào giữ lại cái nào. May là nhỏ chưa méc việc tôi còn đặt tên cho những con gấu mà tôi ưa thích nữa, rồi tôi cũng hay ôm gấu vừa xem TV, chẳng lẽ chuyện gì cũng đi méc hết sao, rồi chàng sẽ cười vì tôi quá trẻ con, nhưng sao tôi nghi quá, không sớm thì muộn đó thôi.

Buổi chiều, nắng vẫn dịu dàng. Trời Tháng Năm, xứ này bao giờ cũng đẹp. Công viên đông người. Chúng tôi thả bộ theo bờ vịnh. Gió thổi ngược làm tóc tôi tung bay. Một thanh niên đang ngồi bên giá vẽ, sửa vài nét chấm phá cảnh núi non biển nước trước mặt. Kim khen chàng họa sĩ vẽ đẹp; chàng ngẩng đầu mỉm cười rồi nói chàng chỉ là họa sĩ tài tử thôi. Huân bảo ngày Trung học chàng cũng chọn hội họa cho môn nhiệm ý, điểm lúc nào cũng tâm thường vì không có khiếu. Kim vui miệng cũng nói hồi nhỏ nó thích nhất là vẽ những đám mây, có khi vẽ nhiều đám mây nhỏ rời rạc mà nghĩ là những hạt bắp rang. Á chà! Tôi chưa bao giờ nghe nó thổ lộ chuyện này. Nó cười chum chim, thuở mới lớn mà, thứ gì cũng thích... Thuở đó, Thế mê hội họa. Tôi tập tành học cách thường thức nghệ thuật... có lẽ vì chàng? Nghĩ tới đây, tôi thấy ngực mình đau nhói - Thế vẫn còn có khả năng làm tôi đau nhói... sau bao ngày tháng lòng bảo lòng tôi phải quên chàng.

Huân ở lại ăn cơm tối với Kim và tôi. Heo quay ăn với bánh hỏi, đó là ý kiến của Kim. Heo quay mua ở tiệm Việt nằm trên đường King. Thy cho địa chỉ, vì con heo mua ở tiệm này hôm lễ hội của nó ăn thật ngon. Bánh hỏi tự làm lấy ở nhà, luộc bún nhỏ, xếp thành những mảnh bún nhỏ thoa bột năng rồi đem hấp nhẹ, xong bôi mỡ hành. Thật dễ, mà trông cũng ngon lành như ở tiệm. Ăn lạ miệng nên Huân khen ngon. Thấy thịt đậm ngán, tôi chỉ ăn một ít bánh hỏi với nước mắm chanh. Kim cười cho là tôi sợ ăn mỡ nhiều làm nghẽn mạch máu, nên lựa ra cho tôi những cục thịt nạc. Nhìn những miếng có mỡ dính cũng ghê quá chứ, ăn ngày qua ngày biết đâu lại chẳng làm nghẹt mạch máu?

Huân có duyên kể chuyện lời cuốn người nghe. Chẳng hay do đâu mà câu chuyện lại hướng sang chuyện ma, và nhờ vậy mà tôi biết được tài kể chuyện ma của chàng...

Đêm đã khuya. Ngoài kia trăng lên sáng vằng vặc, qua cửa sổ rọi vào nhà. Tôi băng khuâng nghĩ, Rằm rồi phải không?

Rồi tôi lại buồn. Tôi dễ buồn. Sao tôi lại nghĩ đến chuyện ngày mai, có thể mỗi đứa mỗi nơi. Huân, Kim và tôi. Tôi đã trải qua những lần chia tay, nên chỉ nghĩ là đã thấy buồn thắm. Tôi phải tự mắng mình, sống ngày nào vui ngày đó.

Tiền Huân ra về rồi, tôi vào nhà trở nên trầm lặng. Kim chọc tôi để tôi cười hời, hôn chàng chưa, hay chàng hôn mi chưa? Chúng tôi vẫn chưa hôn nhau... có còn sớm quá chăng? Tình cảm chỉ mới là giọt nắng lung linh đầu mùa.

Linh Vang

tuôn huy thiên thu

Đâu phải cứ Thu về là gió lộng
Là lá thay màu tóc rồi hoàng hôn
Đâu phải cứ thu về là nguyệt động
Là thuyền trăng khuyết tạt cũng ra khơi
Thu chỉ là nét vẽ tay phác họa
Báo động Đông về chuyển tiếp thời gian
Để cho những que đan nhanh hơn nữa
Kết len màu ủ ám sắc sầu đông
Nên thu vẫn là mơ hồ khái niệm
Là thước đo dài ngắn một đoạn đời
Là khoảng cách của cuối đường phải đến
Trong vòng tròn khó cưỡng sức ly tâm

Nên thu đến vàng xanh hay đỏ lá
Vẫn là vòng xoay hai chữ thiên thu.

**Albany chớm thu*



Mây Ngàn
ÔM MỘNG

Sau bảy mươi lăm dài giấc mộng đời
Em còn đó tưởng chừng như đã mất
Dòng sông buồn xanh biếc lững lờ trôi
Sao trắng, mây gió cùng trời cuối đất

Em kiên tâm miên man trong cảm lạnh
Muôn vạn nẻo anh ray rức kiếp người
Quay quắc nhớ quê hương xa ngàn dặm
Biển Thái Bình hờn giận sóng xô bờ

Đàn chim Việt mỗi cánh rã rời bay
Em bên “nó” anh bên ”nì” ôm mộng
Giấc mơ dài bao giờ gặp nhau đây?
Tình đầy tim, đất trời thì quá rộng

Đâu thiên đường, đâu địa ngục trần gian
Tháng tư đen ai đi, ai khổ lụy
Kiếp nhân sinh sỏi đá cũng ngậm hờn
Mất nhau rồi lòng đau muôn thế kỷ!



Dương Thượng Trúc NỤ HÔN CUỐI CÙNG

LTS: Thưa quý độc giả!

Vào những ngày cuối tháng sáu cách nay 44 năm, là thời hạn cuối cùng cho quân nhân, công chức cấp thấp của Việt Nam Cộng Hòa đến trình diện ban quân quản để đi vào chốn lao tù khổ sai, dưới chiêu bài "học tập cải tạo".

Thông báo họ yêu cầu mang theo mười ngày lương thực, khiến ai cũng tưởng lầm rằng mười ngày sau sẽ được thả về. Thật ra đó chỉ là mảnh khốe lừa gạt của bên thắng cuộc đối với những người thất trận.

Cũng từ những ngày ấy, biết bao nghiệt oan đã diễn ra, biết bao mái ấm gia đình đã tan nát, biết bao cuộc tình đã chia phôi, bởi họ là những người tù không bản án.

Đoạn văn "Nụ Hôn Cuối Cùng" của người lính Dương Thượng Trúc mà chúng tôi giới thiệu đến với quý độc giả hôm nay là một câu chuyện điển hình về thời điểm tang thương ấy.

Mời quý vị theo dõi để chia sẻ và cảm thương cho những nghiệt ngã của tuổi trẻ Việt Nam khi quê hương lâm cảnh điêu linh.

Nụ hôn cuối cùng

Nhớ mãi nụ hôn thuở xưa.

Nụ hôn mặn đắng dưới mưa ngày nào

Hóa công cay nghiệt làm sao...

Kẻ trong gối chiếc, người vào lao lung

Dương Thượng Trúc

*Tháng sáu trời mưa, trời mưa không dứt,
Trời không mưa, anh cũng lạy trời mưa... **

Bây giờ là cuối tháng sáu, Thụy không lạy trời mưa, thế mà trời vẫn chẳng ngừng mưa.

Những cơn mưa không nặng hạt, chẳng xối xả, mà trĩu nặng trong tâm hồn Thụy.

Bầu trời xám xịt, mây đen vần vũ, nhưng mưa chỉ lác đác, nhỏ giọt, như những ngấn lệ, lúc nào cũng long lanh trên khóe mắt Vân.

-Em làm gì mà lúc nào cũng sụt sùi như thế Vân?

-Em ...em có khóc đâu...

-Không khóc mà mắt đỏ hoe thế kia à?

-À! Chắc bụi vào đấy thôi! Bộ quần áo này, anh có cần đem theo không?

-Cái bộ mà em mới may cho anh ấy hả?

-Vâng ạ!

-Không cần, đem theo làm gì nặng, học tập có mười ngày rồi về thôi mà...

-Ngộ nhớ có chuyện gì... họ chưa cho về, thì lấy gì mà thay đổi...

-Sao lại nhớ với nhàn ở đây...

-Thì mình cần tắc vô ưu mà anh...

-Mười ngày là mười ngày, đám hạ sĩ quan binh sĩ họ bảo học có ba ngày, là được về, có gì nhớ nhàn đâu...

-Anh sao dễ tin người quá đi thôi.

Thụy bước ra ngoài hàng hiên, móc gói thuốc Vàm Cỏ, còn một điều duy nhất.

Điều thuốc thô ráp méo mó, nhăn nheo như cuộc đời của anh hiện nay.

Không hiểu các loại thuốc lá thông dụng trong miền nam trước đây biến đi đâu mất cả.

Chỉ mới hơn một tháng đổi đời, mà tìm một gói Pallmall giữa Sài Gòn hoa lệ ngày xưa như mò kim đáy biển.

Anh bật lửa, châm điều Vàm Cỏ thuốc khét lẹt, kéo một hơi thật mạnh, như cố dồn nén những gì định nói xuống tận đáy lòng.

Thụy không muốn đôi co thêm với Vân nữa, vì biết rằng chỉ còn những khoảnh khắc ngắn ngủi này là được ở gần bên nhau. Một lát nữa thôi. Và sau đó, chẳng biết đến bao giờ mới gặp lại.

Tất cả những điều anh nói để phủ nhận suy nghĩ của nàng thật ra chỉ là ngụy biện.

Anh thừa biết sự tráo trở và trơ trẽn của bên thắng cuộc.

Những tháng năm lẫn lộn ngoài chiến trường, khi va chạm với họ, đã cho anh nhiều bài học xương máu.

Mùa hè đỏ lửa, đại đội anh có nhiệm vụ bảo vệ một trung đội pháo binh tại vùng Tam Quan mới, thuộc tỉnh Bình Định.

Quá nửa đêm, bọn đặc công mò vào, quăng bê ta, phá hủy một khẩu 105 ly, và gây thiệt hại cho ban chỉ huy một Trung đội. Nhưng chúng cũng phơi xác ngoài hàng rào mây tên.

Gần sáng, anh dẫn toán xung kích truy đuổi đám tàn quân đang tháo chạy.

Đến bìa làng, một khinh binh đi đầu phát giác tên oắt con, chỉ độ mười lăm mười sáu tuổi, không mảnh che thân ngoài cái quần tà lòn phong phanh, khẳng khiu như cây sậy, xanh mướt tợ tàu lá, đang run rẩy trong ụ rơm.

Gã khinh binh có người bạn thân vừa bị bê ta sát hại, hùng hổ chĩa khẩu AR.15 vào đầu tên giặc, quát:

-Mả mẹ mày, ra đây tao cho một phát vào đầu, đi châu tiền tổ cho rồi...

Thụy chạy vội lên quát to:

-Bura, không được làm bậy...

Gã khinh binh tên Bura ngoái lại nhìn cấp chỉ huy, mà mũi súng vẫn không rời khỏi đầu tên địch:

-Bắn chết mẹ nó đi Tango. Đem về bộ chỉ huy, sẽ gặp nhiều rắc rối đó.

-Không được, phải đem về khai thác tin tức. Hơn nữa nó là tù binh chiến tranh, mày bắn nó là vi phạm công ước quốc tế...

-Nửa đêm, nửa hôm nó cắt kềm gai, chui vào doanh trại, quăng lựu đạn giết hại những thằng bạn em, nó có tôn trọng cái công ước khi khô đó không?

-Chúng ta khác bọn chúng là ở chỗ đó...

Tên giặc cỏ thấy có người bảo vệ thì lết bằng hai đầu gối đến trước mặt Thụy, van nài với giọng miền ngoài rất khó nghe:

-Con lạy ông, con bị chúng nó bắt đưa vào đây, chả biết gì sất cả, xin tha mạng cho con...

Hắn vừa nói, vừa đập đầu lạy như té sao.

Hòa, tiểu đội trưởng xung kích chen vào:

-Mày còn đồng bọn nào ở đây không?

-Dạ, chỉ còn mình con, chúng nó bị bắn chết hết trên đường rút lui rồi ạ!

Nhìn tên nhóc run lập cập trong sương mai, Thụy ra lệnh:

-Hòa coi có anh em nào mang theo jacket, lấy đưa cho hắn mặc đỡ, rồi lục soát quanh đây xem sao.

-Đối với mấy thằng chó đẻ này, Tango đâu cần phải nhân từ quá đáng như vậy.

Nói thì nói vậy, trung sĩ Hòa cũng lột được chiếc áo khoác ngoài của một thằng em, trùm lên người tên địch. Phải nói đúng là trùm theo nghĩa đen, vì chiếc jacket quá khổ, so với thân hình mong manh của hắn.

Chiến lợi phẩm mà bọn chàng mang về bộ chỉ huy Tiểu Đoàn chỉ là mấy trái mìn nội hóa và thằng oắt con không mảnh vải che thân.

Đã được báo trước, nên khi Thụy đưa tên tù binh về đến cổng căn cứ, đã thấy có mặt đầy đủ các ban ngành. Một điều làm cho anh chung hửng, vì khi vừa nhìn thấy có người cổ vắn Mỹ đứng bên cạnh vị Tiểu đoàn trưởng, tên oắt con trở mặt, chỉ thẳng tay vào mặt trung sĩ Hòa la lớn:

-Thằng khốn nạn này, lúc nãy nó chửi tôi là đồ chó đẻ đó.

Quay về hướng Bura, hắn sùng sộ:

-Còn thằng khát máu kia, nó cứ đòi bắn tôi, dù tôi đã đầu hàng...

Thụy đứng ngăn người ra cả phút trước sự trơ tráo của thằng oắt con. Anh bàng hoàng hơn khi hắn cởi phăng cái jacket đang khoác trên người quăng xuống đất, nêu đòi hỏi:

-Tôi đang bị rét, các ông mau lấy quần áo cho tôi mặc, từ nãy đến giờ trùm cái giẻ rách này hôi quá.

Thụy lắc đầu ngán ngẩm, bảo trung sĩ Hòa giao tên vẹm cho ban hai rồi trở về đại đội.

Trên đường đi, Hòa cười tủm tỉm:

-Tango thấy lời thằng Bura nói đúng chưa. Mang nó về thêm tức.

-Tao không ngờ nó tráo trở nhanh vậy. Nhưng trách nhiệm của mình không cho phép làm khác hơn được.

Bầu trời Sài Gòn hôm nay mang một sắc ảm đạm chưa từng thấy.

Những đám mây xám giăng thật thấp, là đà trên các cao ốc, đem theo những cơn mưa bất chợt.

Có phải từ xưa đến giờ thành phố này không có những ngày đầy mây, cùng với cơn mưa đồng đánh như thế đâu.

Sao hôm nay Thụy lại thấy Sài Gòn buồn thê thiết đến vậy.

Buồn trên bầu trời, buồn cả từng con phố nhỏ.

Chuyến xe buýt từ Ngã Tư Bà Quẹo đến Lăng Ông Bà Chiểu đưa anh qua những con đường thân quen suốt cả một thời hoa niên.

Thế mà sao nay lạ lẫm đến không ngờ.

Tất cả như lột xác, thay đổi một cách đáng thương.

Các hè phố dập dìu tà áo dài đủ màu sắc nay thay bằng những vạt áo nâu bạc màu hòa với màu xanh phân ngựa của những bộ Kaki không đúng kích thước và những chiếc nón cối thô kệch, khiến phố phường đã hắt hiu càng thêm vẻ hiu hắt.

-Anh à!

Tiếng Vân khe khẽ vang lên bên tai, khi chiếc xe dừng lại ngay Ngã Tư Bảy Hiền cho hành khách lên xuống. Thụy quay sang nhìn vợ:

-Gi thế em!

-Hôm nay là ngày 26 tháng 6 như thế, nếu đúng như họ nói, anh sẽ được về nhà vào ngày mùng 6 tháng bảy đấy nhỉ?

Một lần nữa, anh lại nói dối vợ:

-Chắc chắn là như thế rồi. Em ở nhà giữ gìn sức khỏe và lo cho con. Đợi anh về sẽ tính toán chuyện tương lai.

Thụy vuốt nhẹ lên gò má phúng phính của cô con gái chưa tròn một năm tuổi mà nghe xót xa trong lòng.

"...Ngày ba trở về, biết con có nhận ra ba không?"

Từ lúc lên xe đến giờ, Thụy không dám nhìn thẳng vào mặt Vân.

Anh thấy hổ thẹn vì sự thiếu thành thật của mình.

Và anh sợ những giọt nước mắt của cô.

Bao nhiêu năm anh lặn lội rừng sâu núi thẳm, có bao giờ trước lúc anh lên đường, cô tỏ ra bi lụy như thế đâu.

Có những cuộc hành quân kéo dài hai ba tháng trời, cô cũng lặn lội đến tận tiền cứ để mong được gặp anh. Dù gian nan thế, thần thái cô vẫn rất tươi tắn chứ không eo sèo như hôm nay.

Đường như cô cũng linh cảm được một tương lai mờ mịt đang chờ đợi phía trước.

Dù rằng cố tự tạo niềm tin để sống. Nhưng không có gì đau khổ bằng mình phải tự đánh lừa chính mình.

Nhưng nếu không thế thì sẽ làm sao đây? Nước mắt nhà tan mà.

Qua khỏi Ngã tư Võ Duy Nguy một đoạn, con đường Chi Lăng hôm nay chợt đông đảo xe cộ một cách bất ngờ.

Những chuyến xe Lambro, xe buýt, xe gắn máy đổ dồn về hướng Lăng Ông Bà Chiêu, nơi có ngôi trường Trung học to lớn, người ta dùng làm địa điểm ghi danh cho quân nhân công chức chế độ cũ chuẩn bị đi "Học tập cải tạo".

Thụy đứng dậy, bế con bé Vi Vi từ trên tay Vân, khi xe đã ngừng lăn bánh.

Mưa vẫn lất phất bay, mờ mờ cả khung trời hoàng hôn.

Đeo cái balô cũ trên lưng, Thụy một tay bế con, một tay ôm ngang lưng vợ, nếu phía trước cổng trường trung học Lê Quang Định không có những tên nón cối lăm lăm mấy khẩu AK với khuôn mặt đặng đặng sát khí, thì có lẽ họ là một đôi vợ chồng đang hạnh phúc đi bước nhau dạo phố dưới mưa.

Đường như Vân cố tình đi chậm lại. Anh quay sang hỏi vợ:

-Em sao vậy?

-Dạ, em không sao...

-Đi chậm thế...

-Em muốn... kéo dài giây phút chúng mình ở bên nhau.
-Có mười ngày thôi mà.
-Nhưng em vẫn thấy trong lòng bồn chồn sao sao ấy...
Thụy dùng hẳn bước chân, hai người đang đứng dưới một gốc cây cổ thụ. Anh rút khăn tay, chấm nhẹ vài hạt nước mưa đọng trên mái tóc cô, và thấm dần xuống những giọt lệ long lanh trên đôi mắt bồ câu đen láy.
Thụy đặt nhanh một nụ hôn lên đôi môi héo hắt của vợ.
Anh nghe vị mặn mặn của nước mắt nơi đầu lưỡi.
-Thôi em đưa con về đi, kéo lát nữa mưa lớn thì ướt hết.
-Em muốn được đứng đây với anh thêm chút nữa.
Vân thút thít nói, Thụy nhìn về hướng đặt cái bàn ghi danh, tập nập những khuôn mặt âu lo, thắc thỏm bước đến để tự đưa chân mình vào gông cùm.
Chỉ phía sau cánh cổng kia thôi, đã là hai phương trời cách biệt.
-Xe đến rồi, em đưa con lên xe về đi, trước sau gì cũng phải chia tay mà...
Vân áp cái nón lá vào ngực để che mưa cho con, bước giật lùi về hướng trạm xe buýt nơi hai người vừa xuống.
Đợi cho vợ lên xe xong, Thụy cắm cúi bước đến chỗ mấy tên bộ đội.
Thủ tục diễn ra chỉ trong vòng một phút, anh bước hẳn vào phía sau cánh cổng sắt, ngoái cổ nhìn theo chuyến xe đang xa dần mà bàn tay của Vân vẫn vung vẩy trong mưa như nói lời giã từ.
Vị mặn từ những giọt nước mắt của cô dường như còn đọng ở đầu lưỡi anh.
Đó là nụ hôn cuối cùng họ trao nhau, như dấu chấm hết cho tháng ngày hạnh phúc ngắn ngủi của một cô nữ sinh bé bỏng và người lính thất trận.

Dương Thuỵ Trúc

26/06/1975

**Tháng Sáu Trời Mưa*

Thơ: Nguyễn Sa / Nhạc: Hoàng Thanh Tâm

thơ mộc huy

**gửi Thi sĩ Phạm Tương Như*

1- Lần sau

Lần sau trả lại kiếp người
Làm thân một nhỏ...gậm lời thể nhân
Đục mòn giấy mỏng từng trang
Học thêm chữ nghĩa “khuôn vàng thước mây”
Núp cánh thư tình buổi mai
Trộm nhìn khoe hạnh, chiều say điệp hồn.

2- Hương xưa

“Mười năm tình cũ”...chuyện người
Môi em mới héo nụ cười hôm qua
Mắt buồn đôi nắng chiều xa
Hơi sương đầu cỏ theo tà dương bay
Tháng năm nuôi tiếng thở dài
Nhớ thương quặn thắt...hồn say ngất hồn...
Hương thè tái nhợt màu son
Mắt em lệ nhỏ...thấm đường phố hoa...

3- Cho tình yên ngủ

Tôi đi những bước chậm buồn
Bỗng dừng hơi thở dậy nguồn suối thơ
Hồn đơn- rộng nóng- đang chờ...
Lời ca tình ái hững hờ bên xa
Vội tay nâng giọt sương hoa
Long lanh châu ngọc đơm tà áo ai
Đường trần bụi gió hốt bay
Gọi cho lay tỉnh cơn say bẽ bàng
Đốt gầy mấy ngón tay đan
Ngỡ luồng hơi ấm huyền lân tóc em
Tôi về dỗ giấc cô miên
Cho tình yên ngủ dưới triền sông xô!!!



Thu Nga MỘT CHÚT SUY TƯ

Mỗi một năm mới về, lại già thêm một tuổi và nỗi buồn cũng gặm nhấm nhiều hơn vì người đời thường thường khi về già hay nhớ lại quá khứ, vì chuyện quá khứ thì nhớ mà chuyện hiện tại lại hay quên. Cái quên quái ác này ngày càng nặng theo tỉ lệ tuổi. Nhất là những đêm không ngủ được, hay giấc ngủ chập chờn, thì bao nhiêu hình ảnh trong quá khứ đều hiện về rõ mồn một.

Kìa là ngôi trường tiểu học Quân Dân Chính nằm trên con đường trước nhà của ba mẹ ở gần Tiểu khu Phú Yên. Ngôi trường tôi đã trải qua thời thơ ấu dưới mái gia đình. Quần áo học trò giản dị, con gái bận áo trắng, quần trắng, tóc dài, phần nhiều tóc cột đuôi ngựa, hay để ngắn ngắn ngang vai, có đứa kẹp tóc bằng cây kẹp ba lá. Con trai bận quần xanh, áo trắng, tóc húi cua.

Mỗi ngày nghe tiếng trống báo hiệu giờ vào lớp, tiếng trống ròn rã làm nhịp chân của học sinh cũng nồn nao hơn. Học sinh tiểu học thời bấy giờ rất thích được cô giáo sai những công việc lật vật như ôm giấy tờ, xách dùm cặp, phụ sắp xếp bài vở khi thầy cô chấm điểm... Lớp Nhì, lớp Nhất có nhiều cô lớn tuổi hơn đã biết làm duyên vì cũng có nhiều nam sinh, khi bắt đầu đi học, cũng đã lớn tuổi hơn đám bạn cùng lớp, nên tới lớp nhất thì cũng lớn hơn. Trong tuổi mới lớn này, nào ai để ý câu “thời gian như bóng câu qua cửa sổ”? Đã vậy còn ngây ngô mong sao mau lớn để có thể làm những việc mà người lớn mới làm được, như làm cô giáo- vì hình ảnh cô giáo là một hình ảnh tuyệt vời, như bà tiên, trong trí óc non nớt của học trò. Và khi chơi búp bê, hay khi nấu ăn trong những chiếc song nồi nhỏ xíu thì muốn mau lớn để làm mẹ một cách vô tư, không hề vương bận câu hỏi làm sao có thể trở thành một bà mẹ! Chỉ mong làm mẹ để săn sóc em bé, như săn sóc búp bê.

Nhiều đêm nhớ về quá khứ nhiều quá, tâm hồn lơ lửng không phân biệt được mộng hay thực trong giấc ngủ không sâu. Có lúc tôi thấy rõ ràng mẹ ngồi ở chân giường gọi tôi đi học. Kia là cả nhà đang chuẩn bị ngồi xuống ghế, trên bàn là mâm cơm bốc khói. Anh Quang vội xin tiền để đến đầu ngõ mua nước đá về uống. Lúc bấy giờ nước đá được các chủ hàng quán mua từng cây dài ở xưởng sản xuất nước đá. Dem về bán, họ phải dùng trấu bọc lại bỏ vào thùng lớn để nước đá không bị tan. Khi có người mua, người chủ quán lấy dao phay, gạt ngang mặt trấu, rồi chặt thành từng miếng nhỏ, tùy theo số tiền mua. Mua về dùng, phải dội nước cho trôi sạch trấu, xong, bỏ thỏi đá vào trong một chiếc khăn trắng, dùng lưng chiếc dao phay, đập đập cho cục đá bể ra bằng khoảng đốt ngón tay trở, nhiều cục bị nát vụn- bỏ vào ly nước lạnh. Uống nước có đá cục là một cái thú lúc bấy giờ. Trong bữa cơm ba mẹ tôi không uống nước, mà ăn xong mới uống nước trà, chỉ có hai anh em uống nước đá lạnh và đã trở thành một thói quen; nên trước bữa ăn ba lúc nào cũng giục anh Quang đi mua mua nước đá về cho “em” ăn cơm cho ngon.

Nhớ những ánh đèn măng xông toả ánh sáng màu xanh để hai anh em ngồi học bài ở căn giữa và cũng nơi đó mỗi đêm sau khi anh em làm bài xong, ba đem kinh Phật ra đọc. Tôi là Phật Tử, đi chùa sinh hoạt với đoàn Phật Tử mỗi tuần nên kinh kệ cũng thuộc nhiều. Khi nào cảm thấy siêng năng, tôi cùng tụng kinh với ba. Mẹ hay ngồi ăn trà bên song cửa sổ màu xanh. Cửa sổ nhìn ra khu vườn có giàn hoa lý xanh um. Những chum hoa màu xanh hơi vàng nặng trĩu lơ lửng trong gió. Hoa nở thật nhiều, mùi thơm ngào ngạt. Thế nào mẹ cũng nấu một tô canh bông lý với thịt nạc. Bên góc vườn trước là cây chùm ruột, trái xanh lè ăn chát lưỡi, nhưng nếu ăn với muối ớt thì con gái nào cũng rất thích. Trái chùm ruột khi chín đổi ra màu vàng. Trước Tết vài ngày mẹ hái một rổ làm mứt chùm ruột dẻo kẹo, vừa chua, vừa ngọt, ngon tuyệt.

Trước vườn nhà là cây ổi xum xuê. Những đứa trẻ trong xóm chờ nhà đi vắng, leo lên ngồi vắt vẻo hái ổi ăn. Ba bắt gặp hay la “tụi bây không thấy cái trang thờ dưới cây hay rằng mà leo lên ngồi trên vô phép rứa?”. Mà quả thật vậy, dưới cái

trang thờ ở trước, mà cho tới bây giờ tôi cũng không biết là thờ ai?! Hình như chỉ thờ đất đai gì đó để trong nhà được bình an, được sơn màu đỏ chói. Mỗi lần đi ngang cái trang thờ, đứa nào cũng cảm thấy sợ sợ như thể có con mắt vô hình đang nhìn theo. Muốn hái ổi chín, ba tôi đã làm một cái cù neo, có móc gắn ở đầu cây tre dài nên có thể với tới những trái chín trở thành màu vàng vàng ở trên cao.

Nhưng thật ra cái trang thờ ở trước không làm cho tôi sợ bằng buổi tối âm u ở sau hè với tàng cây hột gà che kín mái. Tôi chưa bao giờ thấy được trái hột gà ở Mỹ. Sở dĩ gọi tên trái hột gà vì trong ruột có màu vàng đậm, đặc đặc như lòng đỏ trứng gà, vị rất ngọt khi chín. Sự âm u làm cho tôi liên tưởng có ma. Nhất là sau hè, bên trái cũng có gia đình có người chết, sau lưng cũng vậy. Buổi tối ra sau lúc nào tôi cũng nhờ mạ đi ra với tôi. Nhiều khi làm gan ra sau một mình, nghe tiếng lá rụng là ba chân, bốn cẳng tôi chạy vào nhà ngay. Sợ ma nhưng lại thích nghe chuyện ma. Mạ hay kể chuyện ở Huế có ma rã, hay ma da ở dưới song hay những chuyện ma đầu người vô bụi tre, bụi dứa. Anh Quang hay dùng những con ma đó để dọa cho tôi sợ chơi.

Cũng có tiếng cười ròn rã của tụi con trai cùng trang lứa trong xóm với trò chơi đánh bi, đánh đáo, đá kiện, đá dế, trong tiếng chân đi như chạy của thím Năm gánh nước mướn. Chú Năm có hai vợ, thím Năm là bà vợ lớn kiếm tiền bằng cách gánh nước mướn cho bà con trong xóm. Người trong xóm gọi thím là “Thiểm Năm Đồi Nước” vì người ta kỵ nói “bán nước”. Còn bà nhỏ được hàng xóm gọi cô Bảy Lý Ngọng. Vì cô bị Ngọng. Cô kiếm tiền bằng nghề đánh tứ sắc. Nghề này nghe ra thấy thật lạ, nhưng nghe mạ tôi nói “đánh bạc cơm gạo”, có nghĩa cô đánh đâu thắng đó! Thỉnh thoảng hai bà cũng gấu ó ghen tương nhau làm hàng xóm phải mất công chạy tới can gián. Cô Ba Lý đeo vàng ngọc sáng chói, đầu cổ, đầy tay chắc đánh bài thắng nhiều lắm. Những lúc không đi đánh bài, cô ngồi đan áo. Tôi thường nhìn đôi tay cô thoăn thoắt hai mũi kim châu vào nhau, ngón út cong cong với những vòng len thật điệu nghệ. Tôi nghĩ thầm phải học theo

để đan áo như cô mới được. Và sau đó, được học đan, móc ở trường tôi cũng đan khá nhiều áo- khi lên tới trung học. Tuổi thơ trong xóm nhỏ êm đềm trôi nào có biết thời gian trôi nhanh và không bao giờ trở lại.

Ngày đi thi vô trung học gọi là thi Đệ Thất, tôi đậu được vào trường Nguyễn Huệ. Ngôi trường công duy nhất ở Tuy Hòa. Và không như ở Mỹ, trường công tốt hơn trường tư, nên thời bấy giờ vô được là giỏi lắm. Thi đệ thất rớt là phải đi học trường Bồ Đề của Phật Giáo hay trường Đặng Đức Tuấn của Công Giáo. Tôi được mẹ dẫn đi ra phố mua sắm đủ thứ, chuẩn bị đi học.

Lần đầu tiên được mặc áo dài tới trường. Ngày thường mặc áo dài trắng, quần trắng, thứ Hai phải bận màu xanh da trời. Được vào lớp đệ thất, tự mình thấy đã lớn lớn đôi chút, cũng biết mơ mộng băng quơ. Thơ tiền chiến chép đầy cặp, những bản nhạc hay, mua xếp từng chồng. Tung tăng chân sáo, ôm cặp sách tới trường. Đây là thời kỳ được gọi “tuổi ô mai” đẹp nhất của mỗi đời người. Những giờ ra chơi, cột áo dài nhảy dây, nhảy ô, đánh thẻ. Chán, đi mua quà vặt, phần đông là chè đậu đen, đá nhận tại căn lầu của bác phụ trường, mà nam sinh gọi đùa là “chè quần lãnh” vì màu sắc đen lánh của ly che đậu.

Lên tới lớp đệ ngũ, những trang lưu bút đã có những giòng chữ thấm thiết hơn, ngụ ý nhiều hơn. Cũng có những ánh mắt e thẹn sau vành nón lá, đã có những buổi hẹn hò lén lút được báo với mẹ là “đi chép bài” ở nhà bạn. Những giây phút hồi hộp nhưng thích thú, tuy rằng cũng có vài giọt nước mắt giận hờn, nhưng rất đẹp và chưa hề mấy may nghĩ rằng “thời gian như bóng câu qua cửa sổ” sẽ có một ngày mình khôn lớn và chia xa và già!

*

Thế mà thoát chốc mình đã có mặt ở xứ người hơn bốn mươi năm. Trong hàng thập niên lưu lạc xứ người, biết bao nhiêu kỷ niệm vui buồn. Khi qua khỏi tuổi năm mươi vẫn chưa có gì phải giạt mình lắm. Nhưng cho tới khi bước vào tuổi sáu mươi, mới thật sự nhận thức được rằng con đường đi vào hoàng hôn quá cận kề. Nhất là mỗi khi có một người bạn

thân không nói lời từ già mà lại vĩnh viễn sẽ không bao giờ còn trông thấy nữa. Và thời gian đã cướp đi thời son trẻ và thời gian cũng lặng lẽ cướp đi bao nhiêu đời sống khi sinh lực không còn. Bốn cái khổ “sinh, lão, bệnh, tử” không chừa một ai.

Mỗi buổi sáng thức giấc, đã có biết bao nhiêu người không thấy người bạn đời bên cạnh. Khi tuổi về chiều, đàn ông đàn bà gì cũng thay đổi tính tình, ta có câu “gái đeo hoa, già đeo tật” không sai. Hai vợ chồng già hay gấu ó, cãi lầy nhau, ông không chịu bà, bà không chịu ông nên hay tự ví von là “hai con khi già”. Nhiều khi giận hờn không muốn nhìn mặt. Thế nhưng khi con khi mất người bạn đồng hành mới thấy nỗi cô đơn thâm thiết. Điều này đã được vợ một người bạn cùng khóa đã chia sẻ, sau khi anh C. đã ra đi. Chị nói cái cô đơn khi không thấy bóng dáng anh trong nhà là một điều khủng khiếp. Chị nói, mặc dù khi anh còn sống, anh đi làm việc cộng đồng có khi suốt ngày, nhưng biết anh vẫn còn đó, sẽ về nhà ăn cơm, chuyện vãn. Nào là những lúc đi chợ, đi thăm con cháu, biết bao nhiêu giây phút đầm ấm bên nhau. Nay đi, về thui thủi một mình và nhận ra rằng anh không còn về nhà nữa. Rồi nhớ cả những giây phút cãi nhằn hay hờn giận nhau. Mỗi lần nhắc tới anh, chị khóc sụt sùi. Chị nói khi anh bệnh, không đi đứng nhiều được nữa, chị chăm sóc cực nhọc nhưng vẫn an tâm khi anh vẫn còn đó. Nay thì nhìn nơi nào cũng nhớ tới anh.

Với những người bạn thân đang mất đi một phần đời của mình mà không tái giá, làm tôi chợt nhớ đến bài thơ “Đôi Dép” của Nguyễn Trung Kiên. Nếu ngày nào một chiếc dép mất đi, thay vào một chiếc mới thì làm sao đi không khập khiễng?!. Có lẽ lý do đó mà những người bạn của tôi vẫn sống cu kỳ dầu người bạn đời đã khuất năm bảy núi “Giống nhau lắm nhưng người đời sẽ biết, hai chiếc này chẳng phải một đôi đâu, cũng như mình trong những lúc vắng nhau, bước hụt hẫng cứ nghiêng về một phía, dầu bên cạnh đã có người thay thế, mà trong lòng nổi nhớ cứ chênh vênh...”

Cuộc đời không có gì buồn thảm bằng khi bị chênh vênh. Tôi bùi ngùi thấy hoàn cảnh của bạn mà chạnh nghĩ rằng ai cũng sẽ đi đến điểm cuối cùng đó mà thôi. Và khi thức giấc, chỉ thấy còn một mình mình, mới cô độc làm sao!

Tôi cũng đọc được một truyện ngắn dịch, không rõ tác giả- nói về một đôi vợ chồng già vẫn yêu nhau thắm thiết. Mỗi sáng thức giậy ông đều nấu cháo cho bà ăn và cùng cầm tay nhau đi bộ. Tới một ngày khi ông biết ông bệnh nặng sẽ phải xa bà; tuy nhiên, ông không muốn bà bị sốc, nếu mất ông một cách quá đột ngột, nên mỗi sáng sau đó, ông không đánh thức bà giậy, mà lại ra ngoài một mình mua thức ăn cho bà- mục đích là để bà tập làm quen khi thức giậy không thấy ông bên cạnh. Và tới một ngày, bà thức giậy và không thấy ông vĩnh viễn. Trong câu chuyện cảm động này, ông đã để lại một lá thư mà con của họ đã tìm ra khi bà theo ông về bên kia thế giới “Nếu khi thức giấc không thấy tôi, mình đừng khóc”!

Tới bây giờ, nhóm bạn bè tuổi đời đã trên sáu, bảy bó, có người gần tám bó, đã biết bao nhiêu người khi thức giấc không thấy người bạn đời bên cạnh, trong nhà, ngoài sân tìm hoài không thấy bóng! Chắc chắn hiu quạnh lắm, cô đơn lắm! và chắc chắn không thể nào ngăn được giọng lệ tuôn trào! Trong cuộc sống xa xứ này nỗi đau chắc chắn còn sâu thẳm hơn!

Đã hơn bốn mươi năm trôi qua, nếu Cộng Sản không được Nga Tàu yểm trợ, cướp miền Nam thì những người Việt đâu có lưu lạc mãi tận phương trời này và đã biết bao nhiêu người mơ ước được trở về gởi nắm xương tàn nơi quê cha đất tổ mà không thực hiện được. Bỏ lại chơ vơ một chiếc dép!. Lời dặn dò của ông cụ với vợ trong lá thư “Nếu khi thức giấc, không thấy tôi mình đừng khóc. Khi không có tôi bên cạnh, mình vẫn phải chăm sóc bản thân và sống vui vẻ”. Câu kết thúc thật thắm thía làm sao!

Tôi chợt nghĩ tới chính mình- Nếu Hân ra đi trước, tôi sẽ phải làm gì? Cầu mong ngày đó không bao giờ tới!

Thu Nga
(Trích Hồi Ký 40 Năm Nhìn Lại)



Huỳnh Công Anh
NHỊN NHỤC

Không ai nhìn ai, buồn đau mở cửa
Cùng bước vào lần nữa cõi tan hoang
Không ai nhường ai, dốc đèo trường nhớ
Vực sâu lao vào, tất cả vỡ tan

Đành làm quen rẽ ghé, tan đàn
Và quen với nỗi đau như cơm bữa
Lòng cùng ta, ta với lòng thề hứa
Yên tĩnh làm ngơ mong thoát khỏi ưu phiền

Có làm có chịu, không đổ thừa nhân duyên
Không đổ thừa số kiếp, tại, bởi vì kẻ khác
Ta bởi ta, lỗi từ ta lắm lạc
Đề đòi nhau hạnh phúc đục ngầu

Đừng tưởng hể cười là che xóa nỗi đau
Đừng tưởng nỗi sầu sẽ tan theo lệ nhỏ
Đừng tưởng cách mặt là xa dần nỗi nhớ
Đừng tưởng bỏ đi quên được bóng ân tình

Đêm ngồi đây đếm cô độc một mình
Bãi nhân thế sao học hoài không thuộc
Ngộ lẽ mai đây mình xa nhau thật
Nỗi đau này vô tận đến muôn sau.



Yên Sơn

HẠ-VY, ELLIE VU, I LOVE YOU



Hôm nay, sau những bận rộn trong ngày nghỉ, ông ngồi nhớ tới Hạ-Vy của ông. Viết vài hàng cho cháu cưng như một mốc thời gian để làm kỷ niệm cho cháu sau này.

Bây giờ đã là tuần lễ thứ hai của tháng 7/2019, có nghĩa là còn đúng 1 tháng 22 ngày nữa Hạ-Vy sẽ tròn 2 tuổi.

Hạ-Vy Ellie Vũ sinh đúng lúc cơn bão Harvey tạt ngang qua

Houston, tốc độ gió lên tới cấp 4 buổi sáng sớm, ngày 27 tháng 8 năm 2017. Sau khi bé chào đời, một ngẫu nhiên vô tình, cơn bão hạ xuống cấp 1 rồi tan đi vào ngày hôm sau.

Tính tới hôm nay, Bé Hạ-Vy là cháu đầu tiên và duy nhất của cả hai gia đình nội ngoại của nó; vì thế, con bé tận hưởng mọi sự thương yêu và nuông chiều của đại gia đình hai bên. “Đẻ bọc điều” là đây.

“Ngày xưa ngày xưa...,” khi bạn bè, hết người này nói “bạn giữ cháu nội” đến người khác “bạn giữ cháu ngoại”, không thể đi chơi đâu được! Chúng tôi chỉ cười không tin; có lẽ họ chỉ viện lý do để khước từ những cuộc họp bạn. Thấy tình cảnh đó, tôi nhớ có lần nói với nhà tôi, “Em chuẩn bị tinh thần đi, mai một có cháu cũng sẽ bạn như người ta thôi.” Nhà tôi nói, “Cái vụ đó không có em, vì em vẫn còn phải đi làm để nuôi chồng.” “Đừng nói trước em ơi! Khi có cháu chắc sẽ quên luôn chồng như mấy người vợ bạn anh.” Nhà tôi mỉm cười, có vẻ không tin.

Kịp khi con gái đi sinh mà mẹ nó không đến được vì các ngã đường đều bị nước ngập; điện thoại cũng không liên lạc được, chỉ còn biết nghe radio để biết tin tức thời tiết. Thấy nàng cứ than vãn, thờ dãi, đi ra rồi lại đi vào làm cho tôi càng

sốt ruột thêm. Đến khi liên lạc được điện thoại thì cứ phải căng mắt ngó vào màn hình Facetime.

Khi con bão ra đi, khi những con lộ đã được khai thông từ từ, có lẽ chúng tôi là một trong những người đầu tiên của thành phố này chạy trên đường tìm đến thăm con, thăm cháu. Có lẽ tình cảnh của ông bà nội của nó cũng chẳng khác gì, nên khi chúng tôi đến nơi đã thấy ông bà nội nó ngồi ở đó cười toe rồi.

Hạ-Vy là con vàng con bạc, là hạt kim cương quý giá nên mỗi hoạt động của nó đều được hai bên nội ngoại đón nhận, vui mừng. Từ cái cười mỉm trẻ thơ cho đến lúc nó mở mắt ngó quanh đầu tiên, đến tiếng ọ ọ đòi ăn, đòi bú sữa đều là niềm hạnh phúc của hai gia đình. Rồi nó biết lật, biết bò, biết đứng lên, biết chập chững đi, rồi... chạy đều là những màu nhiệm, là việc trọng đại, đều là nỗi háo hức, trông chờ của mọi người.

Sau ba tháng được ở nhà nuôi con, mẹ nó phải trở lại sở làm trong khi ông bà nội nó bận chăm sóc cho hai bà cố Nội và cố Ngoại bên đó, chỉ có thể giữ được mỗi một ngày Thứ Sáu và ông bà ngoại cũng bận làm việc toàn thời gian, chỉ rảnh cuối tuần, nên cháu đã phải gửi nhà trẻ 4 ngày còn lại. Gửi nhà trẻ là một chọn lựa duy nhất cho cha mẹ nó. Kể từ lúc gửi nhà trẻ, bé bắt đầu bị bệnh lắc nhắc hoài; bên nào cũng thương quá nhưng không thể làm sao khác hơn được.

Bà ngoại rất vui lòng giữ cháu cuối tuần... nhưng không được sự thuận của cha mẹ nó. Mẹ nó nói, “Con chỉ có cuối tuần với con thôi mà mẹ!” Thế nên, chúng tôi chỉ có thể thăm viếng chứ cơ hội được giữ bé thì rất khó, trừ phi ba mẹ nó bận việc đi đâu mà không tiện mang nó theo. Nhà tôi cứ hỏi con gái, “Cuối tuần này con có bận đi đâu, mẹ giữ em bé cho;” Hoặc, “Bao giờ con có cần đi chơi đâu, cho mẹ biết mẹ giữ em bé cho;” “Con đi chỗ đó mang em bé đi bất tiện, để mẹ giữ nó nha?”; v.v...

Dẫu nhà chúng tôi chỉ cách nhà con, cháu có 30 phút chạy vù vù trên xa lộ thôi, nhưng đâu phải cuối tuần muốn tới thăm nó là cứ “tự nhiên như người Hà Nội” đâu! Phải có hẹn à ghen! Không hẹn trước thì có thể chúng nó đi đâu không có

nhà thì hoài công; hoặc chúng nó đang cần ngủ nghỉ trong thời gian eo hẹp cuối tuần. Ban đầu tôi có hơi quạu nhưng nhà tôi khuyên là chúng nó hoàn toàn có lý nên đành xuôi theo... thời đại!

Nhớ lần đầu tiên vợ chồng con gái cần đi xa nhiều ngày, hỏi mẹ giúp con được không. Nhà tôi mừng quá sá, nói, “Mẹ có nhiều ngày nghỉ lắm, mẹ xin nghỉ ở nhà năm ba ngày không sao.” Mà nhà tôi nói đúng. Khi nào cần nghỉ thì nhà tôi nghỉ liền vì có lẽ sau mấy chục năm dài làm việc cũng đã thấm mệt; đã tới lúc “take it easy” rồi. Chỉ là tôi còn bận rộn với lũ học trò mỗi ngày mà chưa có người thay thế được nên đôi khi cũng vướng bận. Dù tôi có không làm gì cũng không đủ kiên nhẫn, chi ly lo cho con bé như bà ngoại nó được. Nhà tôi cứ hay phàn nàn tính tôi lơ đãng, hay nghĩ chuyện trên trời nên không thể chăm sóc con nít bé xíu được. Cái mục này thì nàng hoàn toàn đúng, tôi chưa hề biết thay tã cho 3 đứa con của tôi.

Nhớ lần đầu tiên chúng nó có công việc ở xa lắm, báo cho chúng tôi biết sẽ “được” giữ em bé nhiều ngày. Nhà tôi mừng quá là mừng, lảng xãng lo đủ thứ cuốn tôi lo theo. Số là nhà cô em út của tôi có cái giường ngủ của em bé (như cái nôi) còn mới toanh, đã gỡ ra gói cất cẩn thận trong nhà để xe. Nghe chúng tôi sắp giữ em bé mấy ngày nên đánh tiếng cho anh chị. Tôi xem sản phẩm và vui mừng mang về liền, ráp đặt trong phòng ngủ sát bên phía nhà tôi nằm, tốn cả ngày trời mà trong lòng vui ới là vui. Xong đâu đấy, chụp hình gửi khoe với con là chúng tôi đã có cái nôi rất an toàn, xinh đẹp cho cô bé.

Trước ngày chúng nó lên đường, thẳng rể mang cả một xe pick up đủ loại tuế nhuyển – cho một đứa bé – lên chất hết một góc lớn phòng khách của tôi! Nhìn đồng đồ nó chất tôi phát ngợp! Kể từ lần đó, mỗi khi chúng nó đi xa nhiều ngày là nhà tôi tới ở luôn tại nhà chúng nó để lo cho con bé. Thế là việc... tôi mất vợ mạnh nha từ đây. Nhưng trước khi “mất vợ” tôi đã phải ngủ phòng riêng mấy lần vì... ông ngoại “kéo gối” lớn quá sợ làm em bé giật mình.

Có một hôm tôi trực nhớ lời “tiên đoán” của tôi ở mấy năm trước, “Hồi xưa anh nói với em rồi, đợi khi có cháu sẽ biết.” Nhà tôi nói tỉnh bơ, “Em nói hồi nào!”

Không phải chỉ có nhà tôi mới mê cháu mà tôi cũng chẳng làm sao khác hơn. Chưa nói tới ông bà nội của nó cũng chẳng khác gì. Chỉ là ông bà nội nó có nhiều thời gian, nhiều cơ hội hơn chúng tôi vì ông bà đã hoàn toàn nghỉ hưu; ít nhất mỗi tuần họ chắc chắn giữ được nó ngày Thứ Sáu.

Những năm trước, trên Facebook, trên email thường thấy bạn bè khoe hình cháu nội ngoại đầy rẫy. Có lần tôi làm bầm, “Đứa bé chẳng thấy gì đặc biệt mà cứ khoe nặng lên!” Tôi tự hứa với lòng là sẽ không làm bận lòng người khác nhiều như vậy. Nhưng đến bây giờ mới nghiệm ra, hình ảnh nào của cháu mình cũng hay cũng đẹp, rất muốn chia sẻ niềm hạnh phúc với bạn bè. Và bây giờ, tôi viết điều này thay cho lời xin lỗi ai đó đã có lần bị tôi làm bầm. Ra ngoài đường, thấy đứa bé gái nào cũng nhớ tới cháu mình. Thấy mấy đứa bé gái nắm tay người lớn chạy lúp xúp ở shopping mall, ở chợ quán cũng mơ tới một ngày nào đó ông cháu tôi cũng làm được như vậy. Trường tôi có mấy nhóc con gái mới 5 tuổi ghi tên học võ, tôi cũng cung quý vì nghĩ tới lúc cháu tôi cũng sẽ ở tuổi này, cũng... nhưng lần đốt tay tính toán rồi buồn... Đến khi nó được 5 tuổi thì ông nó đã là một ông già hết gân rồi!

Còn một chuyện vui nữa.

Sau ba tháng, mẹ bé đã cho bé ngủ phòng riêng nhưng gắn camera để theo dõi hoạt động của nó trong đêm. Và khi nhà tôi có dịp giữ bé qua đêm thì cũng được dặn dò kỹ lưỡng, không được cho cháu ngủ chung và cũng phải cài cái Ứng Dụng cho camera vào phone như ba mẹ nó vậy. Không biết cho tới lúc này, chúng nó có biết là chúng tôi có thể theo dõi con bé hằng đêm bằng ứng dụng này ở xa hay không nữa.

Cách nay cũng nhiều tháng rồi, tôi bị hãng internet gửi cho một cái bill nợ mấy trăm đồng. Nợ internet hoặc bất cứ món nợ nào tôi cũng trả tự động và ít khi dò hỏi. Nhưng tự nhiên, rất bất ngờ, bị gửi giấy nợ thêm mấy trăm đồng? Tôi tìm tới hãng internet hỏi thì họ cho biết là dataline của tôi đã sử dụng quá mức quy định trong hợp đồng khá nhiều. Tôi nói với họ là từ ngày ký hợp đồng với họ cho tới nay, mỗi ngày chúng tôi đều dùng như thường, không thêm bất cứ một máy móc nào

thì tại sao có việc đó xảy ra? Họ nói là không biết nguyên nhân nhưng thấy dataline của chúng tôi đã bắt đầu tăng lên kể từ ngày xyz... tôi gãi đầu, bứt tai vẫn không biết nguyên nhân nào. Lúc đó thằng lính vẫn còn ở chung với chúng tôi nên tôi gọi hỏi, được nó cho biết cũng chẳng có gì khác hơn từ xưa tới giờ. Sau vài tuần tôi vẫn không tìm ra nguyên nhân và tới lúc phải trả nợ. Hãng thấy tôi cứ hỏi đi hỏi lại, họ mở máy chỉ cho tôi biết giờ cao điểm sử dụng dataline là thời gian buổi tối và cuối tuần! Suy đi nghĩ lại tôi chắc là phải có liên quan tới cái Ứng Dụng theo dõi con bé trên điện thoại của nhà tôi, vì hãng cho tôi thấy giờ giấc thì quả nhiên y chang giờ chúng tôi dùng Ứng Dụng đó. Khi đã biết chắc như vậy tôi nói với hãng tôi sẽ không sử dụng nó nữa vì không thể trả tiền quá nhiều hàng tháng như vậy được. Hãng nói với tôi nếu cái Ứng Dụng đó cần thiết thì không nên bỏ. Họ sẽ bớt cho tôi một phần ba số nợ và nếu tôi chịu trả thêm \$10 mỗi tháng thì được dùng tự do, không giới hạn. Nghe vậy tôi mừng quá, chịu liền.

Niềm vui của chúng tôi là mỗi đêm canh chừng ba mẹ bé cho bé đi ngủ. Ba mẹ nó thường chơi đùa, đọc sách cho nó trước khi bỏ vào giường ngủ. Nhìn hình ảnh đó cũng đỡ nhớ rất nhiều. Mà con bé này ngộ ghê. Dù vừa chơi đùa nghịch ngợm với mẹ nó cách nào đi nữa nhưng hề bỏ nó vào giường ngủ thì nằm ngủ tỉnh bơ. Thường thì buổi sáng nhà tôi đi làm sớm nên chỉ xem hoạt cảnh của con bé vào những sáng cuối tuần hoặc ngày nghỉ.

Mỗi sáng nó thức dậy, nằm chơi với mấy con thú nhồi bông hàng giờ mới ý á lên tiếng cho ba mẹ nó biết. Nhiều lúc thấy khá trễ mà vẫn không thấy ba mẹ nó cho nó dậy chúng tôi thấy thương con bé vô cùng, chỉ sợ ba mẹ nó ngủ quên, nhưng không dám gọi đánh thức ba mẹ nó vì sợ... bẻ mảnh rồi chúng nó bắt xoá bỏ cái Ứng Dụng thì buồn chết. Thế nhưng cũng đã có vài lần cuối tuần, thấy đã gần 9g sáng mà con bé vẫn cựa quậy một mình trong nôi, xót ruột quá nên gọi, vờ như chỉ để hỏi thăm thường lệ hoặc rủ vợ chồng nó đi ăn sáng dưới phố vậy.

Cái Ứng Dụng này có thể nói được nhưng nhà tôi nhất định không cho tôi lên tiếng vì sợ ba mẹ nó biết chúng tôi vẫn

theo dõi con bé. Vì một hai lần thấy con bé khó ngủ cứ đứng lên, nằm xuống nhiều lần, nghe mẹ nó bảo “Ellie! Go to sleep,” thì thấy nó nằm vật xuống ngay và cố làm như đã ngủ...

Có một điều làm chúng tôi có hơi bận tâm là cháu sắp được hai tuổi vẫn chưa nói được ngoại trừ mấy tiếng baba, mama, bé, ạ... Tuy vậy, biết rất nhiều, vì ở trường Montessori người ta dạy con nít sign language, dọn dẹp ngăn nắp, vẽ hình trên giấy, nhận biết được vài chữ abc và những hình vẽ vuông tròn. Biết chọc phá làm lơ với ông bà rồi toét miệng cười, thích coi video của chính mình trong phone, thích nghe nhạc, thích nghe đọc sách, thích hình ảnh thú vật trên computer, trên phone nhưng rất ít chịu ngồi yên một chỗ lâu, rất năng động như con trai, và chạy nhiều hơn đi... trừ lúc chuẩn bị đi ngủ.

Chúng tôi vẫn trông mong đến cuối tuần có cơ hội tới chơi với bé Hạ-Vy dù biết rằng không phải cuối tuần nào cũng được. Đôi khi chúng tôi lỡ bị sổ mũi, ho hen cũng không thể tới thăm nó được; vì sợ lây bệnh thì khổ cho thân nó lẫn ba mẹ nó. Lâu rồi thành quen, khi nào thăm được nó chúng tôi cũng hạnh phúc vô cùng. Bé khá thông minh, xinh đẹp nhưng chưa có vẻ cao lớn như ba mẹ cháu. Hy vọng cháu mau biết nói và được ẩn tàng cái gene cao lớn và thông minh của ba mẹ nó.

Cháu của ông sắp được 2 tuổi rồi. Ông ngoại chúc lành cho cháu. Chóng lớn để chạy loanh quanh với ông bà ngoại một thời gian trước khi vào trường học. Cháu nên nhớ, Hạ-Vy là tên ông ngoại đặt cho cháu, được bà ngoại và đại gia đình bên ngoại rất yêu thích, dùng đến dù trên giấy tờ, ba mẹ cháu đã chọn là Ellington Hương Vũ, gọi tắt là Ellie Vũ nghe na ná như I Love You cũng hay và ý nghĩa vô cùng... Nhưng dù thế nào, cháu vẫn là Hạ-Vy, là Ellie Vũ, we all love you.

Yên Sơn / Rừng Vua 5/7/2019
(Viết cho bé Hạ-Vy, sắp sinh nhật 2 tuổi)

nguyễn an bình theo sông đồng nai

Đưa ta qua sông Đồng Nai
Chuyến phà chồng chành sóng dữ
Thượng nguồn một đám mưa dày
Rừng vừa quét ngang cơn lũ.

Àm ào nước đổ về xuôi
Cuốn dòng phù sa ngầu đỏ
Nhìn theo củ đập dềnh trôi
Mênh mông lòng chừng bạt gió.

Đưa ta qua sông Đồng Nai
Một ngày mùa thu tháng tám
Dừng chân bên nước sông đầy
Mất em một trời xanh thắm.

Một ngày được sống gần nhau
Mới yêu nhịp rừng đang thở
Trăng soi đứng ở trên đầu
Dấu nai còn in trắng cỏ.

Người về còn thương cây lá
Rừng neo giữ mãi nỗi lòng
Cát Tiên một màu nắng lạ
Tình còn gởi lại bên sông.

Rừng Cát Tiên, 10/8/2018



Thiên Lý BÀI LUẬN VĂN ĐẦU TIÊN

Tôi đã thích môn viết văn từ lúc bắt đầu viết những bài tập làm văn ở lớp tiểu học. Sự yêu thích đó không bắt nguồn từ một năng khiếu bẩm sinh, hay một thích thú nhất thời, mà là từ một cảm xúc chân thật rất non trẻ.

Khi tôi lên lớp 6, tôi được làm quen với hai phần trong môn viết văn: kim văn và cổ văn. Một điều đã luôn gọi cho tôi những cảm xúc tràn đầy từ những bài thơ văn cổ cũng như kim; là nhờ ở phần giảng giải vô cùng thú vị của thầy giáo dạy viết văn. Thầy tôi năm đó hãy còn trẻ, nhưng trông thầy rất đạo mạo trong bộ áo vest, thắt cà vạt và cặp kính cận trắng, gọng đen, đã làm cho vóc dáng thầy nhìn thêm nghiêm khắc. Thầy rất giỏi chữ Hán, mỗi khi giảng về một bài thơ cổ, thầy luôn ví dụ những dòng thơ chữ Hán để chứng minh cho phần giảng của mình. Có một lần, tôi bắt chước đưa bạn ngồi cạnh bên nói thầy hay “*xổ nho chùm*”, nó khôn hơn tôi nói nhỏ xiu, còn tôi tài ngu nói to hơn để làm thầy giận và đuổi tôi ra khỏi lớp. Đứng ngoài cửa lớp tôi hối hận khóc.

Từ sau ngày đó, hình như tôi đã làm mất cảm tình của thầy, lại thêm cái tội nhiều chuyện trong lớp. Không hiểu tại sao hồi ấy tôi cứ thích nói chuyện trong giờ học. Những lúc thầy gọi trả bài là lúc bọn con gái chúng tôi tha hồ tâm sự, mà nói nhiều và to hơn ai hết là tôi. Vì vậy mỗi khi lớp quá ồn thầy nhìn xuống lớp là tên tôi luôn bị xướng lên cảnh cáo phải im lặng. Rồi chỉ im được vài giây; con ma nói trong tôi lại thúc giục tôi lên tiếng, để cho thầy phải bực mình chọi phần về phía tôi liên tục.

Một ngày, thầy cho cả lớp tập làm luận văn với hai đề tài: Tả chiếc xe đạp và tả người chiến sĩ. Thầy gọi bốn học sinh lên bảng và chia bảng ra làm bốn cột, hai học sinh một đề. Khi bốn học sinh đó làm xong nhập đề thì thầy gọi bốn

học sinh khác lên làm thân đề. Tôi thấy cách làm này hơi lạ lùng, vì ý và lời của đưa làm nhập đề rất khó cho học sinh thứ hai tiếp tục làm thân đề. Tôi đã không biết thầy cố ý làm như thế để giúp học sinh chúng tôi tập suy nghĩ, tưởng tượng rồi đặt câu sao cho xuôi và hợp lý với ý của người bạn mình. Tôi cố trốn tránh ánh mắt thầy để khỏi bị kêu lên bảng làm tiếp phần thân đề. Song, số tôi xui vẫn hoàn xui, đúng vào lúc tôi vừa thủ thi than phiền với nhỏ bạn bên cạnh về kiểu bắt làm luận văn kỳ cục của thầy, thì cũng là lúc tới phiên tôi phải lên bảng. Tim tôi đập loạn xạ ngẫu, tôi run rẩy bước lên bục với cái đầu rỗng tuếch. Tôi bỗng thấy may mắn cho đưa nào làm nhập đề và kết luận. Tôi bị đứng vào cột tả người chiến sĩ, thật là khó quá! Bên cạnh tôi, con nhỏ bạn cũng đang bị kẹt ý cho phần thân đề tiếp nối cái xe đạp. Bỗng dưng tôi và nó cùng nhìn nhau lắc đầu rồi tôi buột miệng nói với nó:

“Cái đầu của tao có rồi mà cái thân tao nặn chưa ra...” Sau câu nói đó hai đưa tôi cùng cười khúc khích. Tôi nghe tiếng thầy nạt lớn: Lên đây làm bài hay là giỡn...

Tôi giật mình run tay viết hai chữ thân đề méo mó. Bỗng, tiếng chuông reo hết giờ như một cứu tinh. Tôi và đưa bạn gái mừng rỡ quăng phấn chạy liền về chỗ, miệng còn la lớn: Hết giờ rồi, hết giờ rồi.

Cả lớp ồn lên sau tiếng chuông, thầy gõ thước đồng dục ra lệnh: -Im lặng, nghe tôi nói, các em về nhà làm tiếp bài luận văn tả cái xe đạp hoặc người lính chiến tùy ở các em chọn, ngày mốt nộp.

Có vài tiếng xì xào lặp lại “mốt nộp, mốt nộp”. Rồi đột nhiên thầy hướng mắt về phía tôi nói lớn:

-Riêng trò Hà, ngày mai phải nộp liền cho tôi bài luận tả người chiến sĩ vì cái tội lảm chuyện, lo ra trong lớp.

Tôi giật mình, vừa mắc cỡ với bạn bè, nhất là tiếng cười của lũ con trai nhãi ranh phía sau, vừa sợ, vừa tức thầy sao bắt công đã không cho tôi cái quyền lựa chọn đề. Tôi sững người nhìn thầy trân trối, cho đến khi đưa bạn bên cạnh thúc cùi chỏ vào tôi nhắc nhở, “Ê! Mặt mày đỏ như trái cà chua rồi đó!” tôi mới ngượng ngùng gục đầu xuống bàn. Tôi cảm thấy

ghét ông thầy Việt văn làm sao, rõ ràng là thầy cũng ghét tôi mà! Tôi lo sợ nếu tình trạng “bị ghét” này kéo dài đến cuối năm, chắc là tôi đứng chót lớp về môn việt văn quá. Trời ơi, con gái dốt toán thì còn tha thứ được, chứ dốt việt văn thì “quê” biết chừng nào. Tôi tự trách mình đúng là “thần khẩu hại xác phàm”, ai kêu già chuyện làm chi cho khổ thân, rồi tôi lại trách thầy quá thiên vị. Đứa nào cũng nói chuyện rân trời trong lớp chứ đâu phải mình tôi nói; nhờ Thanh Phương một cây tán phét về tài bắt bướm, hái hoa của nó. Có một cuốn tập ép mấy cành hoa tím khô và vài cánh bướm vàng, cứ khoe tới, khoe lui. Con Ngọc Linh thì đánh đá, suốt ngày kể chuyện mấy bà làm vườn cải lộn. Còn Hồng Ái thì mơ màng toàn những tuồng tích Hồ Quảng, cải lương nói mấy ngày chưa hết... Thế mà không đứa nào bị thầy chiếu “đèn pin” như tôi cả...

Về nhà tôi cứ lo lắng cho bài luận văn, tôi định bụng sẽ hỏi cha tôi về những công việc của người lính để tôi có thêm ý mà tả. Không may cho tôi, hôm đó cha tôi lại đi dạy ngoài giờ nên về rất trễ. Tôi phải lặng lẽ ngồi nặn óc suy nghĩ một mình về hình ảnh người lính mà tôi chưa hề biết rõ qua. Hình ảnh đầu tiên liên quan đến người lính hiện ra trong trí nhớ của tôi là những ngày tháng hãi hùng, chạy loạn của người dân Sài Gòn năm Mậu Thân. Lúc ấy tôi chỉ là một đứa bé 8 tuổi, đang vui sướng trong bộ quần áo mới trắng nếp, với bao lì xì đỏ trên tay. Tôi lảng xảng chạy quanh nhà miệng ngêu ngao hát, “xuân đã đến rồi gieo rắc ngàn hồn hoa xuống đời...” Rồi lại chạy ra sân xem cha tôi gắn phong pháo dài lên cánh cổng để đốt. Tôi vừa bịt tai chuẩn bị nghe pháo nổ thì đã nghe một tiếng nổ lớn vang trời làm rung chuyển nhà cửa. Sau đó là vài tiếng nổ lẻ tẻ, tôi thấy một đám khói đen từ xa, và tiếng cha tôi hét lớn, “chạy vào nhà nằm xuống ngay, tiếng súng đấy.”

Súng tiếp tục nổ, có tiếng la hét bên ngoài lẫn tiếng khóc, cả tiếng chân người chạy mỗi lúc một nhiều. Tôi sợ hãi chẳng biết gì cũng khóc mỗi khi nghe có tiếng động lớn. Cả ngày hôm đó, gia đình tôi cứ nằm dưới gầm ván. Chỉ có mỗi

cha tôi là không nằm, cha cứ đi qua đi lại trông rất lo lắng. Sau đó, cha tôi bàn với mẹ là cho cả nhà tạm lánh nạn ở trường Quốc Gia Nghĩa Tử, nơi cha tôi đang làm Hiệu Trưởng. Ở đây gần khu trại gia binh, và có nhiều đồn lính canh gác rất an toàn.

Khi gia đình tôi di tản đến đó, tôi đã thấy những chú lính rất bận rộn, tất tả chạy ngược xuôi với khẩu súng dài trong tay. Trên khuôn mặt người nào cũng hiện ra sự khắc khổ, chịu đựng, đầy vẻ nghiêm nghị đến độ luôn thiếu vắng nụ cười. Ngày ngày tôi hay bế em ra gần khu canh gác chơi, chính những khuôn mặt nghiêm nghị của các chú lính kia lại thường cho tôi nụ cười âm ập, vui tươi. Họ thay phiên nhau bế em giúp tôi, để tôi được rảnh tay chơi lò cò với đám bạn nhỏ. Đôi lúc, các chú lính ấy cũng hay hỏi chuyện học hành và chơi đồ cừu chương với lũ trẻ chúng tôi... Tôi nghĩ những người lính ấy rất thương trẻ con... Nhớ đến đây, tôi ghi liền vào giấy đức tính “rất yêu trẻ con” của người chiến sĩ.

Tôi nhớ đến chú lính tài xế của cha tôi tên là Tô, mà tên thêu trên túi áo lại không có dấu ô, nên chúng tôi cứ gọi chú là chú To, chú vẫn cười hiền hậu không hề bất lỗi. Chú hay giúp cha tôi nhổ cỏ khu vườn phía sau nhà, chú bỏ củi cho mẹ, và thường xuyên lau chùi chiếc xe Jeep. Tôi lại nghĩ đến cha tôi trong bộ quân phục. Ồ, không biết cha tôi có phải là lính hay không, mà sao tôi chưa bao giờ thấy cha mang súng như những người lính khác. Tôi chạy lại hỏi mẹ tôi:

-Mẹ ơi, bố cũng là lính hả mẹ? Ừ!

-Sao bố không đeo súng lục bên hông hả mẹ?

-Tại bố không ra mặt trận.

-Tại sao bố là lính mà không ra mặt trận?

-Tại bố mày được biệt phái về ngành dạy học.

-Biệt phái là gì hả mẹ?

Mẹ tôi bực mình:-Hỏi lắm lắm nhiều thế. Chờ bố mày về mà hỏi.

Tôi tiu nghỉu: - Con đang làm bài luận văn tả người lính chiến đây nè, con tả bố được không?

Mẹ tôi dịu giọng lại:-Thì cứ việc tả, đòi lính khổ lắm, phải thuyền chuyển luôn, như bố mày đó hết chuyển từ Sài Gòn lên Đà Lạt mấy lần, dọn nhà đến ốm cả người.

Tôi thấy hơi lúng túng với câu nói của mẹ; rồi tôi nghĩ à, tôi có được một ý nữa, đòi lính thật khổ, còn phải thuyền chuyển luôn. Tôi hí hửng ngồi vào bàn viết, để diễn tả lại một bức tượng người lính oai hùng, gan dạ; tôi tập trung suy nghĩ đến hình ảnh của cha tôi, chú lính tài xế, và những chú lính tôi gặp năm Mậu Thân, không nề hà gian khổ khi di chuyển từ chỗ này đến chỗ khác. Tôi vẽ vờ hình ảnh người lính vào bài y như một bản tường trình, rồi kết luận bằng câu:

“Em thấy nơi nào có bóng dáng người lính là nơi đó có sự chiến đấu khốc liệt, đồng thời cũng có sự bình yên và che chở. Người lính mãi là một hình ảnh đẹp và hào hùng trong lòng em.” Chấm hết! Đọc đi đọc lại bài luận văn của mình, tôi tạm yên lòng vì đã xong để kịp nộp ngày mai.

Giờ Cổ Văn là giờ đầu trong ngày, thầy giáo xuất hiện vẫn với bộ mặt nghiêm trang, đôi mắt không bao giờ biết cười sau cặp kính cận dày. Sau cái ngoắc tay cho cả lớp ngồi xuống, thầy không quên nhắc tôi nộp bài luận. Tôi đem bài luận lên cho thầy mà lòng không khỏi hồi hộp. Thầy gọi học sinh trả bài một lúc. Hôm ấy trông thầy rất thờ ơ với việc đọc bài của từng đứa, thầy như đang chăm chú đọc một cái gì đó trên bàn của thầy.

Giây phút kiểm bài đã xong, thầy bước xuống bục với bài luận của tôi trong tay, tôi giật mình đến thót khi nghe thầy cất tiếng:- Các em im lặng, nghe tôi đọc bài luận của trò Hà đây.

Tôi sợ hãi đến muốn khóc, “chết rồi! Sao quả tạ chiếu vào tôi rồi.” Tội bạn sẽ cười tôi, sẽ giễu cợt những lời viết của tôi...

Thầy bắt đầu thông thả đọc, cả lớp im phăng phắc nghe, tôi đang chờ đợi những lời chê trách, cùng những tràng cười kếp tiếp... Tôi cứ cúi gằm mặt xuống không dám nhìn thầy, cho đến khi thầy đọc xong bài luận và nói:

-Các em có thấy không, đây là một bài luận hay, lời lẽ của Hà diễn tả mạch lạc, chân thật. Đọc bài này tôi có thể hình dung ra được hình ảnh của người lính ngay trước mặt mình. Khá lắm, tôi cho em trọn số điểm 20.

Tiếng xì xào vang lên, tôi cảm thấy tai mình lùng bùng như không tin được điều tôi vừa nghe, Thanh Phương húc cùi chỏ vào tôi:

-Sướng nhe, được 20 điểm Luận Văn.

Ngọc Linh tru tréo hỏi:

-Ê, sao bữa nay mày trở thành “thiên tài” đột xuất dzậy? Có ai làm giùm mày phải hôn?

Hồng Ái trề môi:

Chắc là chép ở đâu rồi, tao không tin mày làm được một bài như vậy.

Thùy Minh chen vào:

-Khai thiệt đi, chép trong báo Quân Đội phải hôn?

Tôi tức tối la lên:

-Ừ, thì tao chép đó, làm gì tao.

Cả ba cái miệng nhao nhao:

-Ui trời ơi, bây giờ mới khai, đồ ăn cắp “dzăng”, nhục hơn ăn cắp tiền nghe mày. Nói cho thầy biết đi.

Tôi nhìn những khuôn mặt bạn bè hàng ngày vẫn tán chuyện với tôi, giờ chỉ có con số điểm 20 mà đã muốn đổi bạn thành thù rồi. Tôi tự ái nói:

-Mày khỏi cần nói, tao lên nói với thầy liền.

Tôi vừa quay đi thì đã thấy thầy đứng sau lưng hỏi:

Chuyện gì?

Tôi chưa kịp nói, thì Hồng Ái và Ngọc Linh cùng lên tiếng:

Bài Luận của Hà là nó chép trong sách đó thầy. Nó mới khai với tụi em.

Tôi tức giận, nước mắt tự nhiên trào ra. Hồi đó, tôi cũng hay bị bạn bè chọc là đồ “mít ướt”. Thầy nhìn tôi với ánh mắt dịu dàng:

-Tôi không tin là bài luận này em chép. Theo tôi, nếu em chép từ văn của một nhà văn nào đó, thì đây là một bài văn rất dở với lời lẽ ngây ngô, nhưng tôi lại tin đây là bài luận hay của một học sinh lớp 6 như em.

Rồi thầy quay qua học sinh và nói:

-Tôi tin chắc rằng bài của trò Hà là tự bạn ấy viết, các em nên học lấy cách tả trung thực bằng cảm xúc, rõ ràng mạch lạc, chứ không nên dùng sáo ngữ, mơ hồ khiến cho người đọc khó hiểu.

Trước khi bước đi, thầy xoa đầu tôi nói:

-Thôi nín đi, thầy tin em là được rồi.

Câu nói của thầy như một thần dược xoa dịu ngay nỗi uất ức của tôi. Thầy không ghét tôi như tôi đã tưởng, thầy cũng chẳng bắt công hay thiên vị gì hết. Tôi chớp mắt nhìn thầy cảm động, tôi nghĩ, từ nay tôi sẽ bớt nói chuyện với cái đám bạn hay ganh tị kia. Mấy ngày sau, thầy nhìn tôi với ánh mắt thiện cảm hơn, thầy đã không còn chọi phần về phía tôi, hoặc kêu tên tôi những lần tôi nói chuyện. Tôi vẫn không ngờ bài luận đầu tiên đã làm thay đổi tình thầy trò một cách lạ lùng... Và cũng bắt đầu từ ngày đó, tôi càng thấy yêu thích môn viết văn nhiều hơn.

Vài tháng sau đó, thầy thông báo sẽ nghỉ dạy; tôi nghe nói thầy đi nhập ngũ. Ngày cuối cùng với thầy, chúng tôi học bài “Cô Gái Sơn Tây”, thầy giảng bài này rất vui làm cả lớp có một trận cười ra nước mắt. Hết giờ, thầy nói vài câu tạm biệt với cả lớp:

-Tuần tới các em sẽ có thầy giáo mới thế chỗ tôi. Tôi mong rằng các em sẽ học chăm chỉ hơn, học văn là học về tâm hồn con người. Các em đừng nghĩ đây là môn phụ mà xao lãng nhé.

Tiếng một đứa con trai hỏi:

-Thầy đi dạy trường khác hả thầy?

-Không, thầy đi lính... Ngừng một chút, thầy hướng mắt về phía tôi tiếp:

-Đi lính là bổn phận của người trai tráng với đất nước, thầy cũng muốn có một hình ảnh đẹp, và hào hùng trong lòng các em như trò Hà đã tả về người lính.

Hôm đó, lần đầu tiên tôi thấy đôi mắt của thầy biết cười sau cặp kính dày.

Ba mươi tám năm sau...

Khi tôi bắt đầu tập tành viết lách, một người bạn rủ tôi tham gia một cuộc thi viết về người lính do báo Đa Hiệu tổ chức năm 2009. Tôi ngại ngừng nghĩ, chà, đề tài không dễ chút nào!

Tôi cảm tưởng như đây là một bài luận khó. Cái khó là tôi đã bị kẹt lại trong chế độ CS những hai mươi năm, đã bị nhồi nhét bởi nền giáo dục đầy tính chất chính trị, với phương châm, “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”. Đất nước lúc đó đã bị cô lập với mọi thông tin bên ngoài, sự trung thực của lịch sử đã bị bóp méo. Tôi đã “bị học” những điều dối trá, tuyên truyền và nhục mạ về người lính VNCH... Vậy thì làm sao tôi có thể viết về người lính một cách tường tận được. Tôi mơ hồ nhớ lại bài luận văn của mấy chục năm trước, tôi đã tả hình ảnh người lính theo cảm tính của một học sinh lớp 6. Sự thiếu sót hay sai lạc vào lúc đó có thể châm chế được, vì người chấm bài chỉ có mỗi một mình thầy giáo thôi. Bây giờ tôi đã lớn tuổi, tôi không thể viết về người lính mà không có một kinh nghiệm hay hiểu biết gì về đời lính cả. Hơn thế nữa, khi viết ra, tôi sẽ có hàng trăm giám khảo là những độc giả của báo lướt mắt qua, trong số những người đọc đó, chắc chắn cũng có nhiều người đã là chiến sĩ năm xưa... Càng nghĩ, tôi càng thấy e ngại không muốn viết... Nhưng rồi, do sự yêu thích viết lách đã nhen nhúm trong tôi vài ý nghĩ về một bài viết với nội dung sao cho có ý nghĩa để dự thi.

Tôi tìm đọc thêm những chuyện về đời lính trên các trang web để học hỏi. Qua những bài viết về đời lính chiến đủ mọi binh chủng trên các báo đài ở hải ngoại, tôi đã cảm nhận được dư âm của cuộc chiến tranh Nam, Bắc tương tàn dù đã chấm dứt hơn ba mươi năm nay rồi, nó vẫn như đóm lửa âm ỷ trong lòng biết bao nhiêu người lính VNCH. Sự âm ỷ đó mỗi năm lại bùng lên ngọn lửa phẫn uất, buồn tủi vào ngày Quốc Hận tháng 4 đen. Ngày mà ở quê hương đang tung bừng chào mừng chiến thắng “vĩ đại” thì trên nửa vòng trái đất, những nơi có cộng đồng người Việt lưu vong, lại ngậm ngùi hồi tưởng về sự mất mát của miền Nam trong muôn vàn nghịch cảnh khác nhau. Sinh mạng của hàng triệu

người đã bỏ mình trên biển cả trong những chuyến đi tìm tự do. Số phận tù đầy của biết bao nhiêu người lính còn bị kẹt lại. Sự bạc đãi tàn ác của kẻ chiến thắng đối với trăm ngàn vạn người thương binh cũ. Đời sống dân lành đói khổ, lầm than. Và trong ngày Quốc Hận đó, hình tượng người lính luôn đứng chung bên lá cờ vàng phát phới, đã là một biểu tượng cho sự hy sinh vì tự do, nhân ái mà tất cả những người Việt khắp nơi trên thế giới đang trân trọng gìn giữ và vinh danh.

Trong nhiều năm qua, đề tài về người lính tuy đã cũ mà vẫn gọi cho tôi lòng tò mò muốn biết. Thế nên tôi đang cố gắng tận dụng mọi hiểu biết mà tôi đã nghe, đã đọc để diễn tả lại hình ảnh người lính. Nhưng sao cố gắng hoài tôi vẫn thấy thông tin hình như chưa đầy đủ dù tôi chưa hề trải qua cuộc đời chinh chiến. Những khi đọc chuyện đánh nhau trong chiến tranh, chuyện tù đầy khổ cực trăm bề, tôi hay bị xúc động và thường không thể đọc hết nổi những phần đau thương còn lại.

Từ những cảm xúc xót xa đó, tôi đã bạo dạn tham dự một bài viết về tình yêu đối với số phận của người lính VNCH sau chiến tranh, đã phải chịu đựng bao nhiêu sự khốn khổ, tủi nhục về tinh thần lẫn thể xác trong lao tù CS. Cảm xúc thì nhiều, nhưng vì không có kinh nghiệm tiếp xúc với những người đã từng là lính, nên tôi chỉ biết tạo một nhân vật lính với những đặc trưng cao quý theo cảm nhận của riêng mình. Tôi mang những chữ *kiêu hùng trong chiến thắng lẫn chiến bại; kiên quyết, bao dung và sẵn sàng xả thân* đặt vào hình ảnh người lính tôi yêu. Tuy có mấy chữ đó thôi, tôi tin rằng ý nghĩa đã nói lên nhiều hơn tất cả.

Bài luận đầu tiên sau 38 năm của tôi về người lính đã được kết luận bằng câu, “Cám ơn các anh, cám ơn một quá khứ oai hùng của đời lính đầy hy sinh gian khổ.” May mắn thay, nó đã được đa số giám khảo chấp nhận cho tôi được giải.

Thiên Lý



Như Phong

MỘT CUỘC RONG CHƠI

Cuộc rong chơi
trăm năm qua rất vội
những ngậm ngùi nhân thế chợt phù vân
mãi lãng du giữa chốn đường trần
được mất/hơn thua
nhục vinh/thành bại
cũng phù du sau ba vạn sáu ngàn ngày
quay quắt một đời vay trả, trả vay
cũng mãi quẩn quanh với sân si ái nộ
đêm qua đóa Quỳnh Lan nở rộ
sáng nay hoa không thấy mặt trời
đến thế gian làm một cuộc rong chơi
thuyền trôi dạt vào biển mê, sông ái
bến giác bên kia ai người lèo lái
tiếng thét gào vang vọng giữa nhân gian
nước mắt em rơi
tình còn kia sao chợt bể bàng
phút chốc phù du tan trong sương khói
bỗng thấy nhọc nhằn trên bờ mi em ngoan
ánh mắt rủ buồn như rất xa xăm
cứ ngỡ đời trăm năm
giữa nhân gian làm khách
mai về nơi lòng đất
người khóc người ngàn năm
còn lại lời kinh sông
trên tháp buồn nhỏ lệ
và còn người si tình
ngồi tụng lời đam mê
đường trần gian một cõi đi về
đường tình yêu sao vẫn mãi si mê.....!



Lan Cao

RÓT HỒN THEO THƠ NHƯ PHONG

Tập thơ vồn vện 21 bài. Tác giả đã gieo hết hạt sâu trên mảnh đất da thịt, sinh hoa buồn rêu đá, trái chín tương tư một đời ru giấc tình yêu muộn màng.

Thú thực, tôi đã viết rất nhiều thơ trữ tình và đặc ý với những cảm xúc lãng mạn. Nhưng khi đọc tập thơ của Như Phong mang tên: Ru em lời tình muộn: Tôi cảm thấy mình thèn thẹn và chệnh choáng với lối ý rất lạ, chữ nghĩa rất mới của Anh.

Tôi biết Anh đang nổi tiếng về **Thư Pháp**, cùng trường phái với danh họa Vũ Hối, bậc Thầy của Thư Họa.,

Như Phong vốn sinh trưởng ở Huế, sông Hương là một dòng thơ bất tận, tĩnh lặng thấm vào hồn bao nhiêu Thi sĩ đất Thần Kinh và chắc hẳn Anh cũng có phần thừa hưởng.

Hai mươi một bài thơ là ngọn nến soi, mở toang lồng ngực, cho con tim sâu muộn tương tư. Đi tìm người tình muộn, trăm năm vô vọng, mà khát vọng đã trở thành gã cuồng si lang thang rêu đá phong trần.

Trên đỉnh đời gió hú / Leoắt lửa ma trôi

Đề rồi

Ôm nỗi buồn hóa đá

Hình ảnh của thiếu phụ chờ chồng trên bờ biển mặn, nhớ nhung, hy vọng để mất hút thân phận làm người mà hóa đá thiên thu.

Với Như Phong,

Anh ném vào thơ chữ tình sâu, chữ tình ấy đọng đưa cả ngàn năm, mà cuộc đời mình nào đếm được thời gian ấy.

ru em lời tình muộn/ trên đông đưa ngàn năm

Tình muộn là cái gì, đó là tình mộng, mà mộng thực lại khác nhau, nên:

Vòng tay ôm tuyệt vọng / Đau vết chân địa đàng

Địa đàng là nơi hoang lạc của kiếp sau, mà tác giả vẫn mang nỗi đau của từng vết chân. Vì hình như tâm hồn Anh còn quay quắt cái:

Lời tình yêu như gió / Đưa hồn ta đi hoang
Vội xa xăm, vội xưa cũ, hồn đã thành đá ngậm ngùi, đã thành hồn trắng phiêu tử, để trong đêm mưa tiếng khóc:

*Tim ta nhỏ giọt thì thấm / Giọt tương tư cũng trâm
ngâm vỡ òa / Tiếng lòng réo rắt hương xưa / Đường trắng năm
cũ cũng vừa vỡ đôi*

Lục bát như thế là hay lắm, chữ **vỡ** làm mạnh thêm cái ý, vỡ từng giọt tương tư, vỡ cả vàng trắng để lòng thấm nhớ cái hương xưa không còn nữa.

Hương xưa phải chăng là mối tình cũ hay quê hương chừ ngàn dặm xa vời.

Lối thơ ngũ ngôn, thất ngôn, lục bát và tự do, đều rất minh bạch, không pha lộn nghệ thuật, trái lại rất nghệ thuật chữ và nghĩa.

Tác giả thường dùng lối tỷ phú để so sánh làm cho ý thêm mạnh, tứ thêm sâu.

*Em đi tìm tia nắng/ về sưởi ấm đôi môi/ ta đi tìm hạt
đắng/ về uơm mầm tương tư...!*

Hay là

*Em như lời kinh buồn/ Trong tiếng chuông trầm buồn
Ta như người xa đời./ ngời tưng nót câu kinh*

Như Phong từng lên sân khấu, với dáng dấp một nghệ sĩ để diễn ngâm thơ bạn hữu. Và Như Phong đã viết **Thư Pháp** những câu thơ hay để tặng anh em, phong cách rất thân ái.

Nhưng tôi đã không khỏi giật mình khi đọc bài :

“say đi kiêu ngạo với đời”

*Lão Lý si tình ôm trăng mà chết.../ Lão Hàn say rạo bán trăng
chơi/ Ta ngốc nghếch mời trăng uống rượu.../ Rượu với trăng
là bạn muôn đời.../ Đập bỏ đi nào lâu Hoàng Hạc.../ Có quái
gì mà ôm trăng chết...*

Quả là một Như Phong nông, Như Phong điên và Như Phong say, dám coi khinh Lý Bạch, Thôi Hiệu, Hàn Mặc Tử và tự cho mình:

Lão Y già gạt ta nói phét / Hay ghen tài thơ chẳng bằng ta....!
Ôi Như Phong, lão thể là cùng, nông nghênh thể là cùng....!
Nhưng xét về tứ thơ thì rất thú vị.
Rồi tác giả đã tỏ ra là một thứ hiện sinh:

*Hãy tìm về trên cánh đồng da thịt
Để cho nhau cuồng nhiệt sóng yêu đương.*

Một con người như cuồng loạn với tình, đam mê với tình, tương tư với tình, một cuộc tình muộn màng khó hiểu nhưng làm bán loạn con người cả giấc mơ lẫn hiện thực.

Không, Như Phong là một Phật tử, một người nghiên cứu Kinh Phật, nên trong thơ anh thường gói tâm thức vào lời Kinh, Anh như người hành giả đi tìm lại tiền thân của mình.....!

Một mặt của chữ tình tuyệt vọng, nhưng không chịu chấm hết mà cứ yêu không, cứ mơ không, cứ đi tìm cho bằng được. Một mặt anh lại yêu vì ngộ Phật:

*Em như lời kinh buồn / Trong tiếng chuông trầm buồn...
Ta như người xa đời / ngồi tụng nốt câu kinh...
Mai thân hoàn thổ về cát bụi / tình em gọi lại chốn vô thường
và*

*Hôm qua ta chưa sinh /ta là ai...không biết...!
hôm nay ta được sinh / không biếtta là ai...!
trăm năm đời... đi mãi / đi mãi...đời trăm năm
quay về ngồi kiến tánh / thấy Phật...ngay trong Tâm
Đề rồi một hôm,
Ngẩng đầu cười về chốn Phật đài...!*

Xin chúc mừng Như Phong và tập thơ: **“Ru em lời tình muộn”** với hy vọng sẽ làm say mê người thường lẫn.
Cảm ý thay cho lời giới thiệu.

Lan Cao

ngô nguyên nghiêm
uống rượu bên quán núi
có vách nghiêng lơ lửng bài thơ cổ

Góc núi, quán chiều ly rượu trắng
Khách mời mây gió cổ nhân về
Trăm năm giới tuyến đau hồn phách
Lửa chiến tranh tàn, xương cốt khô...

Chủ quán đã quen đời thiếu phụ
Trải bao thương hải, cuộc ly phân
Về đây, khoác áo người sơn dã
Quán nhỏ đìu hiu cạnh mộ phần

Khách dựa gốc tre già, ghé đá
Ngó quanh cô độc khóm tường vi
Vách nghiêng lơ lửng bài thơ cổ
Chinh chiến người đi mấy hẹn về?

Bàn vong, hờ hững chiếc giày trần
Có nén hương bay một nỗi sầu
Câm lặng giữa từng hàng đá rặng
Hình như, u uẩn còn chôn sâu!

Cô hàng cứ rót tràn ly rượu
Đãi khách nhạt nhòa giữa tiếng chim
Lặng lẽ, nắng chiều nghiêng mái tóc
Vàng bay theo vó ngựa xuyên hồn

Rượu cạn, lại đầy trong trống vắng
Lạc loài tu hú gọi bên kênh
Núi cao, hồn vẫn cao hơn núi
Nặng gánh giang sơn, bất phục hoàn!

Thì ra, giữa khói chiều hiu hắt
Sương phụ chờ nghe tiếng ngựa về
Trăng đã nghiêng bên hồn tháp cổ
Bàn vong giày trận chột hoang sơ....

Khách cũng lặng cầm theo chủ quán
Hình như, u uẩn cùng chôn sâu
Vách nghiêng lơ lửng bài thơ cổ
Chất chứa thiên thu, vạn nỗi sầu!

NGÔ NGUYỄN NGHIỆM

Thư trang Quang Hạnh

Trưa 29/07/2019



Nguyễn Mạnh An Dân

LAN MAN

với Họa Sĩ Dương Phước Luyện
về Hội Họa Và giấc mơ:
Dòng Sông Quê Hương”

Nguyễn Mạnh An Dân: Xin chào họa sĩ Dương Phước Luyện.

Thưa anh, hầu hết độc giả Tin Văn đều là văn hữu hoặc thân hữu đã lâu dài gắn bó với Văn Bút, có lẽ tất cả đều quen mặt hoặc ít ra cũng biết tên anh. Tuy nhiên dường như với một số người, đôi khi vẫn thấy hơi lạ lùng, thắc mắc trước những đóng góp quá đa dạng của anh trong sinh hoạt văn học, nghệ thuật: Dương Phước Luyện là ai? Là kiến trúc sư, họa sĩ, giảng viên thư họa hay còn là một cái gì khác. Xin anh ngắn gọn đôi điều về mình để giải tỏa những “lấn cấn” nếu có và để gần thêm với những văn hữu, thân hữu của chúng ta?

Dương Phước Luyện: Thưa anh, rất đơn giản, tôi là một con dân xứ Huế, sinh năm 1946 và cũng giống như mọi thanh niên Việt Nam cùng thế hệ, tôi được hưởng những năm tháng tươi vui, hạnh phúc đầy ước mơ và hy vọng dưới những mái trường trung học ở Huế, đại học ở Sài Gòn, rồi tiếp đó theo tiếng gọi của núi sông đổ mồ hôi trên đồi Tăng Nhơn Phú, ra trường phục vụ đúng ngành chuyên môn trong binh chủng Công Binh và cuối cùng theo vận nước trở thành một mảnh hổ sa cơ, “học” làm tù 4 năm ở trại Trắng Lớn, Tây Ninh, và Trảng Táo Long Khánh

Về những sinh hoạt mà tôi gắn bó, thoạt trông có vẻ như hơi nhiều sự, lăm nhề nhưng suy cho cùng, tất cả đều xuất phát từ lòng đam mê nghệ thuật và tính gần gũi, gắn bó mà các sinh hoạt này có với nhau. Đối với một kiến trúc sư, một công trình xây dựng không phải là một tác phẩm nghệ thuật hay sao? và đối với một người đam mê thư họa, một mẫu chữ, một áng văn thơ rỗng bay phượng múa có khác nào là một bức tranh kỳ ảo. Tóm lại tôi là một người đam mê và theo đuổi con đường nghệ thuật, dù con đường đó có thể có nhiều ngã rẽ khác nhau nhưng rất gần gũi với nhau. Đại khái vậy!

NMAD: Được biết anh xuất thân từ trường Đại Học Kiến Trúc Sài Gòn và chưa bao giờ chính thức bước chân đến bất cứ một trường Cao Đẳng Mỹ Thuật nào, vậy việc theo đuổi sinh hoạt hội họa của anh chỉ xuất phát từ niềm đam mê cá nhân và do năng khiếu bẩm sinh hay có một sự liên quan, gắn bó nào trong chương trình đào tạo giữa hai lĩnh vực kiến trúc và hội họa giúp anh vững tin cầm cọ từ kiến thức “kiến trúc” của mình?

DPL: Con đường hội họa mà tôi theo đuổi, trước hết, chắc chắn là do lòng đam mê đã có từ thuở thiếu thời và đã theo tôi dai dẳng cho đến hôm nay. Tuy nhiên nếu nói chỉ nhờ vào lòng đam mê và những năng khiếu bẩm sinh thì có lẽ không đủ. Tôi xin phép được trình bày hai điều, một có liên quan đến những nỗ lực cá nhân và một là mục tiêu và phương thức đào tạo của ngành kiến trúc giúp chúng ta hiểu rõ hơn vì sao có hiện tượng nhiều người chỉ xuất thân từ trường kiến trúc lại trở thành những họa sĩ chuyên nghiệp lừng danh.

Như tôi đã trình bày, niềm đam mê hội họa của tôi đã thấm trong máu từ ngày còn là một cậu bé mới chập chững bước chân vào bậc trung học, và mặc dù đúng là “chưa bao giờ chính thức bước vào bất cứ một trường mỹ thuật cấp cao đẳng nào” nhưng ngay từ bé tôi đã tìm đến nhưng khóa hội họa cấp tốc của nhiều giáo sư lừng danh ở Huế và tôi cũng tiếp tục làm như vậy trong suốt những năm dài là sinh viên

kiến trúc ở Sài Gòn. Nói chung là từ lòng đam mê, tôi đã âm thầm tự chuẩn bị để hy vọng một ngày nào có thể biến niềm đam mê của mình thành hiện thực.

Về mục tiêu và phương thức đào tạo của Đại Học Kiến Trúc Sài Gòn, vốn là hậu thân của trường Cao Đẳng Hội Hoa Paris, được đặt nền tảng trên sự kết hợp giữa kỹ thuật xây dựng và nghệ thuật tạo hình. Nói như giáo sư Ngô Viết Thụ, một kiến trúc sư bậc thầy thì một kiến trúc sư giỏi phải am tường về hội họa và phải chuyên nghiệp trong việc phát họa những đồ án. Vì mục tiêu này, chương trình đào tạo của trường kiến trúc bao giờ cũng đặt nặng giờ mỹ thuật, do các giáo sư từ trường cao đẳng mỹ thuật đến hướng dẫn. Những sinh viên kiến trúc được dạy hội họa, dạy điêu khắc từ đơn giản đến phức tạp và mặc dù không chuyên ngành nhưng tất cả sinh viên kiến trúc khi tốt nghiệp đều có một căn bản vững chắc về mỹ thuật để phát huy nghề nghiệp chuyên môn đồng thời cũng để theo đuổi những đam mê nghệ thuật của mình nếu muốn. Tôi may mắn được đào tạo trong một nền giáo dục như thế.

NMAD: Thưa anh, hội họa có nhiều trường phái, và cho dù theo đuổi trường phái nào, mỗi họa sĩ dường như đều muốn chọn lựa những đề tài riêng, một hướng đi riêng để thể hiện, để gói gắm trong tác phẩm của mình. Vậy họa sĩ Dương Phước Luyện thuộc trường phái nào và tác phẩm thường muốn thể hiện, muốn gói gắm điều gì?

DPL: Thưa anh, khi đề cập đến hội họa, người ta thường có những danh xưng, những từ ngữ thoát nghe có vẻ như quá phức tạp, quá cao siêu. Nhưng theo thiên ý riêng, tôi nghĩ khi mới bước chân vào hội họa không ai có thể- và có lẽ cũng không cần thiết - để tự bó buộc mình, tự chọn trước cho mình một trường phái để theo đuổi, một thể loại để thuộc về hay một nội dung cứng ngắc nào đó để dằn trải. Đừng bao giờ nghĩ trường phái này cao cấp hơn trường phái khác, kỹ thuật này tân kỳ hơn kỹ thuật nọ. Có lẽ người cầm cọ nào cũng nên bắt đầu từ cơ bản đến phức tạp, nên thử nghiệm qua nhiều phương tiện sáng tác và phương thức thể hiện. Với tôi không bao giờ nên tự bó buộc mình, mà nói

nghư danh họa Salvador Dali “là họa sĩ thì hãy vẽ đi” hãy lắng nghe cảm xúc của mình và hãy gởi gắm cảm xúc vào tác phẩm và chính điều này sẽ tạo nên cái hồn, yếu tố chính để một tác phẩm thành công, có giá trị. Tôi nghĩ như vậy!

NMAD: Anh không lựa chọn theo đuổi ngành hội họa từ đầu qua việc đào tạo trường lớp nhưng đã dần thân vào con đường cầm cọ khá lâu, đã miệt mài làm việc và đã nhiệt tình tham dự trong nhiều sinh hoạt hội họa ở nhiều lúc, nhiều nơi. Hôm nay, vừa như một cách ôn lại những kỷ niệm riêng, vừa như một cơ hội chia sẻ chung xin anh cho biết nguyên nhân nào đã đưa anh đến gần và ở lại lâu dài trong sinh hoạt hội họa.

DPL: Tôi ra tù năm 1979 và có việc làm ngay trong ngành xây dựng. Điều này, thoát nghe thì có vẻ như tôi đã được may mắn, được ổn định. Tuy nhiên, như chúng ta đều biết vào thời điểm khó khăn này, với lý lịch của một công dân hạng hai mới vừa được ra tù như tôi, đời sống cá nhân vừa vật chất vừa tinh thần, chắc chắn là không sáng sủa gì, nếu không muốn nói là quá tồi tệ. Trong những giờ phút đen tối đó, bằng một thôi thúc mãnh liệt, vừa vì chút tự tin chủ quan, vừa vì những may mắn khách quan, tôi đã có cơ hội để chính thức bước vào sinh hoạt hội họa. Tôi gọi là tự tin chủ quan vì thật tình cho đến giờ phút đó, ngoại việc cầm bút, cầm cọ, tôi không có bất cứ một nghề nghiệp chuyên môn nào khác và việc cầm cọ có lẽ là hy vọng duy nhất giúp tôi trang trải gánh nặng áo cơm cho bản thân và gia đình. Tuy nhiên chút hy vọng mong manh này chắc chắn cũng chỉ là một viễn mơ khó thực hiện nếu tôi không có được hai điều kiện khách quan thuận lợi khác. Thứ nhất là tình thân thiết gắn bó với các anh em, bè bạn trong hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam như Đinh Cường, Trịnh Cung, Hồ Hữu Thủ, Đỗ Quang Em và nhiều nữa, những anh em này có cùng hoàn cảnh như tôi nên mỗi sáng bên ly cà phê vỉa hè đường Tự Đức Sài Gòn thường khuyến khích, ủng hộ nhau. Tạo điều kiện cho nhau cùng sáng tác, cùng phổ biến tác phẩm. Lại nữa vào thời điểm này, dù không nhiều nhưng đã có một số du khách

ngoại quốc đến thăm Việt Nam và họ rất cần những tác phẩm nghệ thuật như chút quà kỷ niệm về xứ sở mà họ đang muốn tìm hiểu vì thế việc tiêu thụ các họa phẩm, tác phẩm điêu khắc hay sơn mài khá dễ dàng, tạo thu nhập kha khá cho các nghệ sĩ sáng tác. Tôi lẫn xả vào sinh hoạt mang tính trào lưu thời đại này vừa như một phương thức mưu sinh, vừa thỏa mãn được đam mê của mình và đã tạo được một số thành quả đáng lạc quan. Cụ thể là có một lần triển lãm cá nhân, phòng tranh của tôi được đánh giá là có số tiêu thụ kỷ lục - 26 trên 30 tác phẩm trưng bày có người tiếp nhận. Điều này đã giúp tôi tự tin hơn, đồng thời giúp tôi có nhiều quan hệ mật thiết hơn với nhiều nghệ sĩ ở khắp nơi, và cũng giúp tôi có được nhiều thuận lợi khi đến định cư ở Hoa Kỳ.

NMAD: Anh đến Hoa Kỳ lúc nào, và tâm trạng u uẩn của một kẻ ly hương ngõ ngàng nơi xứ lạ cùng những tất bật áo cơm không trách khỏi của một “người di tản buồn” có gây trở ngại gì cho việc theo đuổi đam mê hội họa của anh hay không? Anh bắt đầu tiếp tục cầm cọ khi nào và đã có những đóng góp gì đáng ghi nhớ?

DPL: Thưa anh: “U uẩn chiều lưu lạc, buồn viển xứ khôn khuây” (Thơ Quang Dũng) và tay trắng ngõ ngàng nơi xứ lạ quê người là tâm trạng và cũng là thực tế chung mà mỗi người tỵ nạn đều phải trải qua và tôi cũng không ngoại lệ. Tuy nhiên, như đã trình bày ở trên, niềm đam mê hội họa, chút khởi đầu thuận lợi nơi quê nhà và mối giao tình gắn bó với nhiều bằng hữu ở khắp nơi là những vốn quý giúp tôi bớt lẻ loi, bớt lạc lõng mất định hướng và an tâm theo đuổi ước mơ của mình.

Liên tục trong gần ba mươi năm ở Hoa Kỳ, tôi đã di chuyển làm việc và sinh hoạt ở nhiều thành phố khác nhau, và ở mỗi nơi tôi đều may mắn có những duyên lành bất chợt, giúp tôi có điều kiện theo đuổi những sinh hoạt nghệ thuật phù hợp với mong ước của mình. Tôi rất ngại khi phải nói về mình, tuy nhiên, bằng tình thân, anh đã hỏi và tôi đã nhận lời nói chuyện cùng anh và độc giả Tin Văn, tôi xin phép được ngắn gọn lướt qua nhưng hy vọng không thiếu sót mấy về những đóng góp khiêm tốn của mình để

không phụ lòng mong đợi của anh và quý độc giả. Xin thông cảm cho những khó xử tế nhị của tôi, và xin coi đây không phải là bản “liệt kê thành tích” mà chỉ là những tâm tình chân thật giữa những bằng hữu thân quen để hiểu nhau, để được gần nhau hơn, vậy thôi!

Trước hết, thủ đô tỵ nạn Nam California là nơi dừng chân đầu tiên của tôi khi đến Hoa Kỳ vào năm 1992. Tại đây đồng hương và thân hữu đã mở rộng vòng tay đón tiếp tôi bằng một tình cảm thật ấm lòng. Tuần lễ đầu tiên khi đến quận Cam, nhật báo Người Việt đã có một bài giới thiệu dài với nhiều khích lệ nồng nhiệt về những đóng góp tôi đã có trong sinh hoạt hội họa ở quê nhà. Món quà tinh thần này, cùng với sự thúc đẩy đầy tình thân ái của nhiều thân hữu là những động lực giúp tôi an tâm làm việc để chỉ sáu tháng sau ngày đến vùng đất mới này tôi đã có cuộc triển lãm đầu tiên của riêng mình. Nói thật lòng, tôi rất vui và đã tự cho phép hài lòng một chút về chính mình qua cuộc triển lãm sớm sửa này, một thành tựu tuy không lớn nhưng chắc cũng không dễ có với những ai có cùng hoàn cảnh như tôi.

Sau một năm sinh hoạt với giới văn nghệ sĩ và báo chí của Nam Cali. Tôi may mắn được người em là Kiến Trúc Sư giới thiệu và được nhận làm việc với BLD (Bilky LLinass Design), một hãng kiến trúc lớn ở Hoa Kỳ. Đây là thời vàng son của một người tị nạn. Trong suốt 10 năm ở Palm Beach, một thành phố lớn của giới triệu phú, trong đó có gia đình của Kenedy và sau này là Donald Trump, hình ảnh của một con người sáng ra xe với cả vật chỉnh tề, ngồi trong văn phòng nhìn xuống đại dương xanh thẳm với hàng trăm du thuyền ngang dọc, chiều chạy xe ra biển bơi lội trước khi về nhà, rồi cuối tuần với giá vẽ, màu, cọ lang thang ghi lại những con đường, góc phố của thành phố xinh đẹp này. Thời gian này tôi đã sáng tác thật sung mãn trong cả hai chất liệu: màu nước và giấy Dó, một chất liệu rất đặc trưng của Việt Nam và cả sơn dầu trên bố. Trong suốt 10 năm ở xứ biển này, hình ảnh một nghệ sĩ mang nét lãng tử với giá vẽ tại nhiều danh lam thắng cảnh đã trở thành quen thuộc với

người bản xứ và đã từng nhiều lần được báo chí, truyền thông dòng chính đề cập đến, nhờ vậy, trong suốt nhiều năm, gallery thường trực của tôi luôn có nhiều khách thưởng lãm tìm đến. Năm 1995, để ghi dấu một đoạn đường, tôi đã cùng 4 thân hữu cầm cọ khác tổ chức cuộc triển lãm khá qui mô và nhiều ấn tượng mang chủ đề 20 Năm Họa Sĩ Lưu Vong. Chẳng dùng chân thứ hai trên xứ người của tôi là vậy cho đến ngày tôi tìm đến xứ Hữu Tâm (Houston) của chúng ta.

Năm 2002, từ ước vọng tìm tòi, khai phá bẩm sinh, cộng với mỹ cảm về vùng đất nắng ấm tình nồng với một cộng đồng người Việt được đánh giá là “hữu tâm” của chúng ta, lại nữa với sự khuyến khích của các thân hữu như họa sĩ Võ Đình, thi sĩ Ngu Yên nhất là với bào huynh cũng là một người đang sinh hoạt hội họa Dương Phước Tấn, là những động lực khiến tôi không ngần ngại trở thành dân Houston. Tại đây, hình ảnh cổ hương trong trí nhớ và phong cảnh nhiều xuyên xao của quê hương mới đã ngập tràn trong các bản vẽ, giúp tôi có đủ tác phẩm cho một phòng tranh được tổ chức tại phòng hội của đài phát thanh Saigon Houston, cũng như đủ cho nhiều cuộc triển lãm cùng với thân hữu ở nhiều tiểu ban và quốc gia khác như Washington DC, San Francisco của Mỹ, Giwell ở Anh hoặc Paris xứ Pháp.

NMAD: Xin nói thật lòng, khoan nhắc đến chuyện lượng định về giá trị mỹ thuật của tác phẩm, chỉ riêng quyết tâm kiên trì làm việc trong điều kiện sức khỏe đôi khi không mấy khả quan của anh với mục đích cống hiến cho đời những đóa hoa màu cũng đủ để đáng được trân trọng. Anh vẽ liền tay như vậy thế thì giờ đâu và cơ duyên nào đưa anh đến với thư họa?

DPL: Thừa anh, thư họa là một đam mê, đồng thời đó cũng là một niềm tự hào, hãnh diện của tôi về một bộ môn nghệ thuật mang tính văn hóa truyền thống của dân tộc mình. Tuy nhiên ngoài những dịp hiếm hoi được giới thiệu trong các lễ hội của các cơ sở tôn giáo tôi không có cơ hội hay điều kiện để đưa sinh hoạt văn hóa này bay cao, đi xa vào sinh hoạt của cộng đồng bản địa. Mọi việc chắc sẽ dừng lại ở đó nếu tôi không may mắn có được một gặp gỡ bất ngờ

Tin Văn 193

hiều ý nghĩa. Nhiều năm trước, chị Nancy Bùi thuộc Hội Bảo Tồn Văn Hóa Việt Nam có mời tôi triển lãm về thư họa tại Đại Học UT ở Austin. Buổi triển lãm gây được tiếng vang tốt, rồi từ các thân hữu có nhiều sinh hoạt chung với chị Nancy và có ảnh hưởng trong các đại học của tiểu bang, tôi được mời đảm trách một lớp thư họa tại đại học và cũng từ đó thư họa đã có cơ hội đến với Trung Tâm Văn Hóa Á Châu và một số tổ chức văn hóa khác. Con đường giúp tôi cơ hội đưa thư họa, nét đặc thù của văn hóa Việt Nam chúng ta đến với công đồng bản địa ngắn gọn là vậy. Tôi không nghĩ đây là niềm vui hay sự hãnh diện của riêng cá nhân tôi mà có lẽ đây là món quà chung, một niềm vui chung cho tất cả chúng ta.

NMAD: Thưa anh, lần nào đến thăm chúng tôi cũng thấy anh đang mãi mê làm việc, và đi đâu cũng phải e dè luồn lách, tránh né để không đụng ngã rùng tranh tràn ngập từ trong ra ngoài phòng vẽ của anh. Xin anh cho biết anh đang có kế hoạch gì trong những ngày sắp tới và có hoài bão gì ấp ủ cho một tương lai xa hơn?.

DPL: Tất cả tác phẩm anh thấy trong phòng tranh này đều là những bản vẽ mới, chưa từng được giới thiệu và nếu để ý, anh sẽ thấy nội dung hầu hết các tác phẩm này đều là những hình ảnh đầy ấn tượng, tiêu biểu cho cả hai quê hương cũ, mới. Tôi đang chuẩn bị cho một phòng tranh mang chủ đề Việt Mỹ, Quê Hương Trong Hội Họa Dương Phước Luyện. Đây là một nỗ lực vừa như một cách lắng lòng tưởng nhớ về quê xưa ngày cũ, vừa như một cách thể hiện sự biết ơn quê hương thứ hai đã cứu mang chúng ta qua bao ngày tháng thăng trầm. Công việc chuẩn bị cho phòng tranh khá qui mô này đã tạm coi như hoàn chỉnh nhưng riêng tôi, tôi vẫn chưa thể tự cho phép mình dừng lại. Tôi muốn mượn cơ hội này để chia sẻ về một ước mơ đã đeo đẳng mình suốt nhiều năm dài và vẫn luôn thôi thúc tôi nỗ lực để thực hiện như một tâm nguyện để đời. Là một người Việt ly hương, quê hương luôn sống trong tim và là một người con xứ Huế, với tôi dòng sông Hương được hiểu như một hình ảnh tiêu

biểu và đậm nét nhất của quê hương mình. Tôi muốn lưu lại một Dòng Sông Quê Hương, ghi lại tất cả hình ảnh vừa là những di tích lịch sử, vừa là những thắng cảnh đặc thù của xứ thần kinh thơ mộng, trải dài trên 60 km, từ thượng nguồn, qua vùng các lăng tẩm, đổ về kinh thành, với đôi Vọng Cảnh, chùa Thiên Mu kéo dài đến cửa Thuận An. Tôi đã làm, đang làm và ngày nào còn làm việc được, sẽ làm cho đến khi ước mơ không còn là mơ ước nữa. Tôi hy vọng và cầu mong như vậy.

NMAD: Trước khi trở thành một cái gì khác, mỗi chúng ta đều là con dân của tổ quốc Việt Nam, và là những đứa con ly hương luôn u uẩn buồn đau hướng lòng về tổ quốc, về đồng bào bất hạnh của mình, vậy theo anh, mỗi người trong chúng ta, ngoài những nỗ lực vươn lên trong cuộc sống đời thường và những đam mê theo đuổi các ước vọng riêng chúng ta còn cần phải làm gì để không hổ thẹn với tổ quốc và với chính chúng ta,?

DPL: Giống như mọi con dân nước Việt cùng thời đại, tôi đã sinh ra, lớn lên trong một giai đoạn có nhiều biến cố phức tạp nhất của lịch sử dân tộc. Là một người Huế, từ bé tôi đã nghe kể và ngưỡng mộ về những năm dài vì nước quên mình của cụ Phan Bội Châu, tôi đã say mê tìm đọc Hải Ngoại Huyết Lệ Thư của cụ hay Hình Trình Nhật Ký của Phạm Quỳnh để yêu thương và hãnh diện về tổ quốc mình. Lớn lên, bằng những kiến thức thụ hưởng được từ một nền giáo dục mang tính dân tộc, nhân bản và khai phóng tôi gia nhập quân đội và luôn coi Tổ Quốc - Danh Dự - Trách Nhiệm không phải là một khẩu hiệu truyền truyền mà là một mẫu mực sống đáng tự hào của mỗi người lính, người dân Việt Nam tự do. Bây giờ sau hơn 40 năm mất nước, cái sai, điều đúng, người thiện kẻ ác điều đã quá rõ ràng không thể lừa mị được ai. Mỗi người phải làm hết mình vì tự do, dân chủ, nhân quyền cho tổ quốc và đồng bào mình. Phần mình, vì tuổi tác không còn trẻ nữa, và sức lực đã quá tiêu mòn vì tội tù và năm tháng nhưng trong lòng tôi luôn nghe văng vẳng đâu đây lời nhắc nhở “dù nơi xứ người lựa là phủ thân, nào hơn quê ta muôn đời hoa gấm, nam nhi bầy thước tay

Tin Văn 195

súng với tay cờ, lời nguyện xưa vang trong tim ta rục rữa”(Nhạc đầu tranh - không rõ tác giả) và tôi sẽ làm tất cả những gì có thể làm được. Tôi luôn giữ trong tim tiếng gọi của núi sông “công dân ơi mau hiến thân dưới cờ” và tôi luôn tự hứa với chính mình: Có mặt.

NMAD: Xin cảm ơn họa sĩ Dương Phước Luyện đã cung cấp cho chúng tôi những thông tin hữu ích về sinh hoạt hội họa và những chia sẻ chân tình về hướng sống hữu ích của một nghệ sĩ đúng nghĩa. Xin cầu chúc anh luôn khỏe cả tinh thần lẫn thể chất để có thể luôn “có mặt” trong mọi sinh hoạt nhiều ý nghĩa cho người, cho đời.

DPL: Tôi cũng xin cảm ơn những cảm tình sâu đậm của anh Nguyễn Mạnh An Dân và sự ưu ái của Tập san Tin Văn đã cho tôi cơ hội tâm tình, chia sẻ đôi điều với độc giả và thân hữu. Rất mong chúng ta luôn bên nhau cùng “có mặt”.

Nguyễn Mạnh An Dân



Giờ nghỉ trưa Tranh giấy Dó Dương Phước Luyện



Vô Tình
TÌNH BẠN
LƯU BÌNH DƯƠNG LỄ

Lưu Bình Dương Lễ bạn anh em
Dương Lễ học hành đồ trạng nguyên
Chúc ước giàu sang dân kính nể
Lưu Bình nghèo khổ đến xin tiên

Giả vờ bạc đãi – trong im lặng..
Dương Lễ cho người trợ giúp riêng
Khuyên giải học hành thi đỗ đạt
Lưu Bình - thán phục kể thần tiên.?

CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT
TẠI HOUSTON

Lâu nay người Việt tại Houston
Củng cố thơm danh tiếng Cộng Đồng
Bảo vệ yên bình trong cuộc sống
Chu toan hạnh phúc dễ dàng hơn

Cháu con học hỏi - nền tân tiến :
Kỹ thuật văn minh nước phú cường
Dân Chủ quê nhà – cần thể hiện
Ta về xây dựng lại quê hương.?

VÔ TÌNH
Mén tặng Cộng Đồng người Việt tại Houston
Houston – Ngày 14 - 7 - 2019



Vô Tình
BẢN TUYÊN NGÔN TÌNH ÁI

Chuông khởi lễ nhà thờ vang gióng giả
Giục anh về vội vã rước em đi
Cửa thiên đường rộng mở đón vu quy
Anh trân trọng đưa em vào hạnh phúc.

Rất giản dị - không có chi phức tạp
Cha nhà thờ vầng vật ánh trăng xưa
Vị thiên thần chứng giám các sao thưa
Kính cầu nguyện là lời thơ tình tự.

Giáo đường nghiêm minh đi vào lịch sử
Bằng gục đầu – bằng hơi thở tương giao
Bằng tung bùng lóng lánh các vì sao
Bằng hoa bướm xôn xao vầy chúc tụng’

Anh sung sướng trông em niềm xúc động
Và mọi người bằng phúc lễ mang ơn
Em em ơi - mặn nồng - mặn nồng hơn
Ta khế bảo - ta mừng ơn Thiên Chúa.

Rồi anh sẽ đưa em về đất Hứa..?
Sống một đời giản dị rất bình yên
Tình yêu ta bền vững mối tơ duyên
Và hạnh phúc tuyệt vời trên trần thế.

VÔ TÌNH



Phạm Tương Như

HOÀNG THỊ THANH NGA:

Thơ Văn Như Ký Úc

Không Đồng Điều

Hoàng Thị Thanh Nga dùng tên thật làm bút hiệu viết văn xuôi. Làm thơ ký bút hiệu Hoàng Thị Nguyệt Khuyết. Trước 1975 còn có bút hiệu Lam Hà. Hiện định cư tại tiểu bang Georgia. Là thành viên Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Thanh Nga viết rất đều tay. Năm 2007 Thanh Nga sang định cư tại Georgia, Hoa Kỳ đến nay đã in ấn ba tác phẩm:

Tuyển tập thi văn Hoa Nữ Muộn (2012). Truyện dài Mây Ngang Trời (2013), và tuyển tập văn thơ Đường Chân Trời Xa Lắc.

Tôi quen HTTN qua sự giới thiệu của anh bạn nổi khổ thời Trung học đang có cơ sở thương mại tại Atlanta, GA. Tôi đọc văn HTTN trên báo Trẻ Magazine, Rạng Đông trước khi diện kiến Cô. Năm 2012 HTTN gửi tặng tôi quyển Hoa Nữ Muộn. Thanh Nga tánh tình ngay thẳng, bộc trực. Cô khiêm nhường nhưng biết mình có khả năng viết và sở hữu nhan sắc dễ nhìn nên giữ sự tự tin. Dù cô khiêm nhường “Thuở Trung học em ngổ lăm”. Thời Đệ nhị cấp ở Trung học Trương Vương, Thanh Nga có thơ và tùy bút đăng trên Bán nguyệt san Tuổi Hoa của Linh Mục Chân Tín. (Lúc đó tôi đang là phi công trong Tân Sơn Nhất, thích làm thơ học trò và viết vài truyện ngắn tình học trò thanh khiết, cao thượng trên giấy tập. Thỉnh thoảng tôi đến Tòa Soạn Báo Tuổi Hoa trên đường Kỳ Đồng để giao bản thảo. Tôi rất tâm đắc chủ trương của báo với các bài viết về tuổi trẻ, trẻ bụi đời của Duyên Anh, tranh Vi Vi Võ Hùng Kiệt...))

Có thể gọi HTTN là Nhà văn hơn là nhà thơ. Không phải vì thơ HTTN không hay. Tôi có cảm tưởng HTTN nghĩ ra cốt truyện trong đầu, ghi bố cục cần thiết. Khi ngồi trước máy vi tính thì mạch văn tuôn trào thành dòng chảy cho đến cuối truyện ngắn. Mạch thơ của Cô tuy xúc tích, lãng mạn...Tất tiếc Cô không viết nhiều.

Mai Thảo cho rằng người đeo nghiệp văn chương phải là người giàu- giàu chữ nghĩa. Hoàng Thị Thanh Nga giàu chữ nghĩa, cô thuộc nhiều thơ, thành ngữ, ca dao...thậm chí tiếng lóng dân gian. Có khác chăng là cách Cô chen chúng vào câu văn, có khi thêm tiếp vĩ ngữ tạo dí dỏm, khiến người đọc vui đọc. Rất nhiều truyện ngắn của Thanh Nga là tự truyện. Truyện Cô học trò 17 tuổi xinh đẹp, có nhiều thanh niên trồng cây si. Bỗng nhiên lấy chồng “đại”. Đến năm 22 tuổi đã 3 con, chồng đi tù cải tạo. Người đàn bà trẻ, có chút nhan sắc phải lăn lóc làm đủ thứ ngành nghề trong một xã hội nhiều nhượng đầy bất trật. Có lúc phải gửi bớt con về bên Nội cho đỡ miệng ăn....Cũng chính người đàn bà cô quanh một thân, ở vậy lo cho các con cho đến lúc trưởng thành. Khoảng đời dài bốn thập niên với nhiều buồn, ít vui. Niềm vui lớn nhất của tác giả là các con...Khi các con khôn lớn, có đời sống và suy nghĩ riêng. Người đàn bà trở nên đơn độc, tâm tư chất ngất nỗi niềm. Tất cả được tác giả Hoàng Thị Thanh Nga bọc bạch thành bức tranh xã hội, nét vẽ cuộc đời trong hoàn cảnh nước mất nhà tan, gia đình ly tán, bốn ba nơi xứ người!

Đọc văn Hoàng Thị Thanh Nga, chúng ta không thấy những hận thù kẻ đã gieo rắc khổ đau cho gia đình, hàng xóm, đồng bào của Cô. Dù trong hoàn cảnh cực kỳ vất vả, mệt mỏi thể xác, đau đớn trong tâm hồn, Cô vẫn nhận ra cái nghịch lý tức cười, cái ngổ ngáo của sự việc và cười khan một mình, hay cười ra nước mắt. Phải chăng tính vị tha, khoan dung này giúp Cô vượt qua những khó khăn tưởng như bế tắc trong đời sống và giữ cho mình nét nhìn tươi mát ngỡ là trời ban cho...HTTN không nghĩ mình là nhà văn. Mục đích chính của các truyện ngắn là lời gửi gắm chân

thành từ lòng thương yêu con vô bờ bến của Cô. HTTN mong các con đọc và hiểu tình cảm cũng như tình cảnh gia đình sau tháng tư năm 1975 của một người Mẹ, lấy sự an vui của các con làm lẽ sống cao cả nhất cho chính mình. Chúng ta hãy nghe HTTN tâm sự:

“Những chuyện đời, chuyện tình trong tập sách không chỉ là chuyện. Là kỷ niệm. Là hồi ức một thời của một đời người. Là tiếng lòng tâm tình, giải bày trên trang giấy những nỗi niềm khép kín, đơn độc. Đi gần cuối cuộc đời tôi mới ngộ ra một điều. Cuộc đời như chiếc vòng tròn, khuyết một góc, khắp khểnh lặn qua đường dài. Lặn qua những con dốc thẳng trảm. Chậm chạp đón nhận biết bao điều không trọn vẹn. Trải qua cay đắng xót xa, lẫn ngọt ngào hoa mộng...

Tôi viết như nghiệp dĩ cư mang, để các con hiểu được tâm lòng yêu thương vô bờ của tôi và nỗi tiếc nuối day dứt vô cùng trong quãng đời thơ ấu cơ cực, thiếu thốn sự gần gũi, vuốt ve của tôi cho các con. Viết để tưởng nhớ người Mẹ vô vàn kính yêu. Suốt đời sống cho con, cháu. Cuối đời phải sống trong hoàn cảnh xã hội sau 1975 vô cùng buồn bã, thống khổ.

Viết cho những ước mơ, hoài bão từ sâu thẳm tâm hồn...”

Tôi đọc những truyện ngắn “Chim sa xuống đất”, “Chiếc giày trên sàn nhảy CLB Huỳnh Hữu Bạc”, “Tình có như không” là những truyện tình với phi công Không quân thật dí dỏm, ứng biến dễ thương mà thần kỳ, vô ý nhưng bí hiểm...Rất “con gái nói có là không”, “nhút quỉ, nhì ma thứ ba học trò”. Chừng như tôi đang dựng xe, chờ ai đó trước cổng trường Gia Long hay Trưng Vương khung cửa mùa Thu năm nào!

Miên Trầm Du có những nhận xét như sau:

“Điều cảm nhận đầu tiên là sức cuốn hút trong những dòng văn của HTTN. Thấp thoáng đâu đó là sự tiếc nuối những điều không trọn trong quá khứ, với cuộc đời, với tình riêng...Cách diễn đạt của Thanh Nga dí dỏm mà sâu lắng, ẩn chứa nỗi buồn...như những lời thì thầm lặng lẽ. Những nỗi sầu man mác, những hạnh phúc mong manh bất chợt. Có

khi là sự pha trộn giữa niềm vui thật hồn nhiên và nỗi buồn thật thấm thía. Mạch văn HTTN lôi cuốn, tràn ngập cảm xúc và đầy quyến rũ.

Có thể nói bằng chính niềm tin và nghị lực phi thường của người phụ nữ. Vừa viết văn, làm thơ, vừa phải vật lộn với mưu sinh...Tác giả đến với văn thơ bằng tấm lòng, bằng tâm hồn đa cảm thi nhân, thiên lương của người dân hiền...Độc HTTN ta sẽ phải thực sự khâm phục ý chí vượt qua những gian truân, trở ngại trong đời thật của tác giả”

Độc văn HTTN mà không đề cập đến thơ Hoàng Thị Nguyệt Khuyết (Vàng trắng đời tròn, khuyết một góc như tường tượng của tác giả) là một thiếu sót. Ta hãy nghe Nàng Nguyệt Khuyết tâm sự trong bài Tạ Tình:

“Đời em là một dòng sâu. Chiều thu tóc đã phai màu khói sương. Tình trần thôi muốn tơ vương. Như là một giấc mộng thường, thế thôi. Dẫu là “con gái của trời”. Truân chuyên suốt kiếp đầy vơi nỗi lòng”.

Bài “*Hồng Nhan Tri Kỷ*” theo thể thơ tự do phải chăng cũng chỉ là “*bùa thiêng yểm*” của “*Hồng nhan đa truân*” :

“Nửa thế kỷ/ Ta ôm đời cô độc/ Mạnh nhân duyên đã trót lỡ làng/ Tuổi thanh xuân trôi vụt dốc thời gian/

Tìm tri kỷ/ Như đã tràng xe cát...Bỗng người đến nên cuộc đời rất lạ....Nhuộm tím lòng tri kỷ hồng nhan/ Dẫu có yêu vô vàn/ Cũng chỉ để uống say một chén tình vô vọng/ Và em lại trở về cô độc/ Như trăm năm vương mắc một lời nguyện”

Sau đây là trích dẫn lời tâm tình của Nhà văn Tường Lam viết về tác giả Hoàng Thị Thanh Nga:

“Với tấm lòng của người cầm bút, tôi nhón nhơ, bình tâm đọc... với sự đồng cảm cùng tác giả. Tôi thường chia sẻ với bạn bè. Mỗi người nên ngồi xuống,viết những câu chuyện đời mình, ta sẽ đọc những cuốn sách nhiều trang. HTTN cầm bút, nhân vật chính với số phận bỗng bẽ bàng như mây,và nỗi cơ cực gian truân kiếp người trong bối cảnh xã hội đổi thay. Từ ngày quốc hận 30 tháng 4, 1975 tác giả đưa ta về ngày Quốc hận 20/07/1954. Những ngày bé thơ của nhân vật, một Mẹ một con làm chuyển di cư từ bắc vào nam như triệu

người khác. Và triệu người dân Việt Nam Cộng Hòa bỏ xứ ra đi, từ chối “độc lập- Tự do-hạnh phúc...đỏ của Cộng sản”

Tác giả tô lên trang giấy một thời lâm than của ba thế hệ trải qua bao cay đắng, muộn phiền, đói nghèo trong thiên đường” xã hội chủ nghĩa” Bằng gam màu tối nhưng rành rành nét vẽ, mạch lạc, dễ hiểu, không trừu tượng. Tác giả diễn đạt nhân vật công trên lưng nổi cơ cực, đói nghèo, khổ. Mấy lần quy xuống tưởng chừng không thể gượng dậy nổi.

Dù xuất hiện trễ muộn, nhưng văn phong nhẹ nhàng, lối hành văn uyên bác, không trùng dấu chân người. Đôi lúc dùng từ hơi ngổ ngáo, ngang tàng. Bố cục độc đoán, khiến đọc giả phải ngưng để suy nghĩ, hay bắt đầu đoạn văn theo cách riêng của mình.

Đọc xong tác phẩm, chúng ta có quyền hy vọng HTTN sẽ cho ra mắt nhiều tác phẩm giá trị khác nữa...”

Tường Lam

Muốn có sách của tác giả Hoàng Thị Thanh Nga, vui lòng liên lạc số điện thoại:

617-389-1165 Hoặc e mail theo địa chỉ : thanhnga 4530@ yahoo.com

Bài thơ “Hai Nửa Vàng Trắng” của tác giả HTTN được Dương Thượng Trúc phổ thành ca khúc cùng tựa với tiếng hát truyền cảm của ca sĩ Ngọc Mỹ cho chúng ta biết thêm nỗi lòng “ thiếu phụ” cô đơn như sóng bên lề xã hội. Rồi một ngày “hai nửa vàng trắng” kết “ thành “vàng trắng tròn đầy”. Chúc mừng nhà văn nữ Hoàng thị Thanh Nga tìm được Hoàng tử của lòng mình. Hy vọng mạch văn và nguồn thơ “hạnh phúc” sẽ cho đọc giả từng yêu quý văn chương HTTN thêm hy vọng và niềm tin vào tương lai của chính mình. -

Phạm Tương Như

20/11/2018



Hoàng T. Nguyệt Nguyệt
CUỐI MÙA HOA NỞ

Gốc mai già lại nở
Những chùm hoa vàng chanh
Cuối mùa xuân bóng nắng
Trắng trên đường làng xanh

Em như hoa nở muộn
Trong vườn xưa xạc xào
Là tiếng cây hỏi lá
Là tiếng đá chen hoa

Vàng trắng xanh mấy độ
Sao vẫn mãi chưa già
Em như thuyền trắng ảo
Trôi theo ngàn khơi xa

Bao mùa qua anh mãi
Và buồn lắm phải không
Nhưng anh ơi cùng tận
Vẫn đành thôi, theo chồng

Em chỉ là chiếc bóng
Sương phụ gầy như trăng
Làm sao em chờ được
Người về từ trăm năm

Thôi đành xin trả lại
Tình yêu cho khói mây
Nếu ngàn sau duyên nợ
Hẹn vu sơn sum vầy.

Theo thuyền trăng tách bến

Vui với gió cùng mây.



Trần Quốc Bảo
NÉT SỨ VÀNG

“21 Lê Lai - 22 Lê Lợi”

Dòng Sứ Việt sáu trăm năm về trước
Khi Nước ta còn lệ thuộc nước Tàu
Có điền chủ miền Thanh Hóa rất giàu
Thường cứu giúp kẻ nghèo hèn cơ cực

Ai nấy xa gần, một lòng kính phục
Ngài, tên là Lê Lợi, đất Lam Sơn
Thấy giặc tàn ác, rất đổi căm hờn
Quyết bày tỏ chí hào hùng quật khởi

Bèn tự xưng Bình Định Vương Lê Lợi
Truyền Hịch khắp nơi, kêu gọi quân Minh
Rời dấy binh ở tại núi Chí Linh
Dân nức lòng hưởng ứng lời hiệu triệu

Ông Nguyễn Trãi, người chí trung chí hiếu
Tìm đến Vương, dâng “Quốc lược bình Ngô”
Vua tôi một lòng, gây dựng cơ đồ
Lấy nhân nghĩa, thăm tô trang sử sách

Các tướng tài như Lê Liễu, Lê Thạch,
Rèn luyện hùng binh, chiến thuật tinh vi
Trận đầu xuất quân, đại thắng Mã Kỳ
Trận kế tiếp, giết Nguyễn Sào, tướng giặc

Tiếng tăm vang lừng, từ Nam chí Bắc
Khiến quân Tàu bị nhục nhã, hoảng kinh
Chúng bèn kéo quân vây kín Chí Linh

Quyết bắt sống Bình Định Vương Lê Lợi

Trong thế nguy, Vương bèn lên tiếng hỏi
- Hỡi chư tướng, ai dám noi gương xưa
Làm Kỷ Tín, liều thân giả dạng vua
Cứu Hán Cao Tổ thoát vòng vây khốn?

Wương vừa dứt lời; Lê Lai từ tốn
Quì gối thưa: - Tiểu tướng nguyện hi sinh
Rời nhận áo bào, lên voi xuất binh
Xông ra trận, để giặc Minh bắt giết

Nhờ đó, Lê Lợi thoát vòng vây xiết
Tám năm sau, cuộc khởi nghĩa thành công
Đẹp tan giặc Minh, bình trị non sông
Lê Lợi lên ngôi: Vua Lê Thái Tổ

Ngài là vị Vua anh minh đức độ
Chăm lo việc Nước, gần dân, thương dân
Đặc biệt Ngài hằng ghi nhớ trọng ân
Thuở trước Lê Lai xả thân cứu Chúa

Ngài ví như, được tái sinh lần nữa
Trọng Lê Lai, ngang phụ mẫu sinh thành
Nên di chúc đã truyền lại rành rành
-“ Húy nhật, phải giỗ Lê Lai trước Trẫm!”

Thái Tổ băng hà ngày 22 tháng 8
Toàn con dân đã chẳng dám quên lời
Công Ngài cứu Nước, gương sáng ngời ngời
Lòng Ngài ân nghĩa, đức cao vời vợi

“Hăm mốt Lê Lai, hăm hai Lê Lợi”
Muôn ngàn năm chói lợi nét Sử Vàng!

Trần Quốc Bảo

trần vốn lệ ta biết người buồn

Thâm Tâm, bài Tống Biệt
có hai câu...thật hay:

"Ta biết người buồn chiều thôm trước
Ta biết người buồn sáng hôm nay"

Cả bài thơ, đọc hoài, thấy được
chút mơ hồ như thế, ngẩn ngơ!

Nhiều khi Thơ rất là Thơ
không sót lại chút gì cho ý niệm!

"Ta biết người buồn" không dễ kiếm
trong một bài thơ đâu rất là dài
Những ý, tình, thoang thoáng, gió bay
Gió mạnh chút, ý, tình, mỏng lét!

Thâm Tâm, Tống Biệt Hành, ly biệt
nói vu vơ chứ không nói bằng quơ
không đưa ai qua bờ sông Dịch
Không đưa ai nằm yên dưới mồ...

Vậy mà sao có cuộc tiễn đưa?
Hay Thâm Tâm muốn nói điều không-muốn-nói?
Nói lên điều không ai mong mỏi:
"Lý Khách! Ly Khách!...Bàn Tay Không..."

Đưa người ta không đưa qua sông...
Chớ qua đâu hồi dòng nước mắt?
Nhà Thờ Notre Dame de Paris cháy sụp
có bằng không đầu trọc núi Lâm Viên?

Ta biết người buồn...câu đầu tiên
Ta biết người buồn...câu chấm hết
Sông núi đổi thay...cái gì bất diệt?
Là Nỗi-Buồn-Hôm-Qua-Hôm-Nay?

Cả một bài thơ...Hay
Có hai câu làm tôi ứa lệ!
"Ta biết người buồn chiều hôm trước
Ta biết người buồn sáng hôm nay"



LGT: CHỮ NGHĨA LÀNG VĂN

Là công trình sưu khảo và biên soạn dài hơi suốt 20 năm qua của Nhà Văn Phí Ngọc Hùng

Đây là tài liệu hết sức cần thiết và hữu ích góp phần làm sáng tỏ và phong phú cho văn học Việt

Tin Văn xin phép tác giả để trích đoạn từng phần và đăng thường kỳ.

CHỮ NGHĨA LÀNG VĂN

phí ngọc hùng biên soạn

Đình

Đình làng là nhà làng ở trong có bàn thờ thành hoàng.

Chung quanh đình là chùa thờ Phật, là *Văn chỉ* thờ chư hiền Nho giáo, xa xa là *điện* là *miếu* thờ chư vị lão giáo. Duy đình thờ thành hoàng của làng là tín ngưỡng chung bắt buộc tất cả dân làng.

Đình còn là nơi hội họp việc làng, cử ngôi thứ trong ban kỳ mục để cai quản việc làng. Tóm lại đình là một “công sở” của làng.

(Văn hóa đình làng – Nguyễn Đăng Thục)

Chữ Việt cổ

thăng cốc: thăng mỗ

(Phạm Xuân Độ)

Tử

Thời xưa với Nho học, với Khổng Tử, học trò xưng thầy mình là “tử”, khi ghi chép lời thầy mình dạy gọi là “tử viết (thầy nói).

(Bút Chì – Hiểu đúng thành ngữ, tục ngữ, điển tích)

ĐẤT LỄ QUÊ THÓI VỚI PHONG TỤC CỔ TRUYỀN

Chết yếu

Có hai trường hợp: Những người chết đã đến tuổi thành thân, thần nhân nhưng khi chết chưa có vợ hoặc mới có con gái, chưa có con trai, hoặc đã có con trai nhưng ít lâu sau con trai cũng chết, trở thành pháp tử (không có con trai nối giòng). Những người đó có cúng giỗ. Người lo việc giỗ chạp là người cháu (con trai của anh hoặc em ruột) được lập làm thừa tự. Người cháu thừa tự được hưởng một phần hoặc toàn bộ gia tài của người đã khuất.

Những người chưa đến tuổi thành thân (dưới 16 hoặc dưới 18 tuổi) sau khi hết lễ tang yết cáo với tổ tiên xin phụ thờ theo tiên tổ (gọi chung trong các bài văn cúng các bậc tiên gia là: Phụ vị thương vong tông tự, không đặt linh vị từng vong hồn). Những người đó không có lễ giỗ riêng, ai có cúng giỗ chỉ là ngoại lệ. Có những gia đình bữa nào cũng xới thêm một bát cơm, một đôi đĩa đặt bên cạnh mâm, coi như người thân còn sống trong gia đình.

Mai táng

Ở huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An vẫn còn giữ tập tục từ cả ngàn năm về trước: Người chết được chôn theo thể *ngôi xồm, họ bị trói trong tư thế này trước khi đem đi chôn*

Đó là tập tục mai táng xưa, thể hiện hai mặt với người chết:

Mặt thứ nhất vì sợ người chết hiện hồn về quấy phá nên *trước khi chôn phải trói lại*.

Khi khâm liệm, bao giờ người ta cũng lấy *một miếng vải liệm, xé ra làm dây để buộc hai ngón chân cái và hai ngón tay cái của người chết*.

Mặt thứ hai là thương nhớ người chết nên *không lờ chôn ở xa mà chôn ngay trong vườn nhà*.

Làng

Cơ cấu tổ chức căn bản của xã hội nông dân Việt Nam là *cái Làng* do chữ *Lang* là bộ lạc cổ xưa để lại.

Lang vốn là một thị tộc, *góp thị tộc lại thành Làng*.

Làng là đơn vị xã hội công cộng nguyên thủy sót lại, cho nên nguyên tắc tổ chức căn cứ vào tinh thần dân chủ công cộng nguyên thủy. Trong làng ấy, tất cả sinh hoạt tinh thần và vật chất công cộng đều tập trung chung quanh cái “nhà chung” gọi là đình làng, hay là cái đình.

Cái đình trong tâm hồn nông dân có một hình ảnh thân mật, một ý nghĩa linh động như thế nào, thì chỉ xem như nó phản chiếu qua những câu ca dao sau đây đủ biết:

Đêm qua tát nước đầu đình

Bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen

Em được thì cho anh xin

Hay là em để làm tin trong nhà...

(*Văn hóa đình làng* – Nguyễn Đăng Thục)

Cãi chày, cãi cối

Thành ngữ có **chày cối** xuất hiện từ bao giờ?

Đại Nam quốc âm tự vị của Huỳnh Tịnh Của (1895)

có chày, có cối nhưng chưa có thành ngữ nào với *chày cối*.

Dictionnaire annamite-français của Génibrel (1898)

có chày. Có *cứng cổ như chày, rắn như chày*. Có

cả *chày* (cái chày của người Bắc). *Vắt cổ chày ra nước. Chịu chày chịu cối. Khắt chày khắt cối.*

Dictionnaire vietnamien-chinois-français của Gustave Hue (1937) cũng có *chày. khắt chày khắt cối.*

Hay *nhận chày nhận cối cho xong việc.* Hoặc sách khó, *đọc chày đọc cối.*

Nếu đúng là bài *Phủ đồ nông* được làm năm 1891-1893 thì có thể khẳng định cụ Nguyễn Khuyến là người đầu tiên đưa *chày cối* vào văn học. Thành ngữ *thu chày thu cối* đã mở đường dọn lối cho một loạt thành ngữ *chày cối* của những năm sau.

Tiếng Việt ngày nay có:

- *Đầu như cối chày máy:* Giễu những kẻ hay bị người ta đánh vào đầu (Nguyễn Lân, *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*).

Giải thích của Nguyễn Lân hơi bất ngờ.

Đầu như cối chày máy là hình ảnh cái đầu gập gù, cúi xuống ngẩng lên như cái chày giã gạo ngày xưa. Câu nói ám chỉ những kẻ có thói quen gập đầu như cái máy. Một thời được dùng để ám chỉ mấy ông...*ngự gập*.

- *Khắt chày khắt cối:* nói người có nợ không trả được, chỉ hện liều hết lần này đến lần khác (Nguyễn Lân).

- *Cãi chày cãi cối:* chê người cãi liều, không có lí lẽ thích đáng (Nguyễn Lân). Cối cãi, cãi bừa một cách không có lí lẽ gì cả (*Từ điển tiếng Việt*, Hoàng Phê).

- *Chịu chày, chịu cối:* Chê kẻ có nợ không chịu trả (Nguyễn Lân).

(Nguyễn Dư)

Viết hoa

Ngay trong khái niệm danh từ riêng như tên của một người, cũng có hai trường phái đối nghịch:

Cách thứ nhất: Phải viết hoa tất cả chữ trong tên người: Nguyễn Văn Tốt hay Lê Thị Mùi

Cách thứ hai: Chỉ viết hoa họ và tên, vì hai chữ đệm trong tên “văn” và “thị” dùng để xác định giới tính nam hay nữ của

người mang tên ấy, không thuộc về “họ” mà cũng không thuộc về “tên”, cho nên không cần phải viết hoa: *Trần thị Toét* hay *Lê văn Bường*.

Lý luận thứ hai này, riêng tôi thấy đúng hơn, vì tôi hay phải cãi lại với các cơ quan hành chánh nước ngoài rằng chữ “thị” không phải tên tôi (prénom, Vorname) mà cũng không phải là họ của tôi (nom de famille, Familienname). Cách đặt tên có “văn” và “thị” là cách đặt tên theo lối dân già, thông thường.

(Viết hoa hay không viết hoa? - Mathilde Tuyết Trần)

CHỮ NGHĨA LƠ MƠ LỖ MỖ

Với cách giải nghĩa từ ngữ... giật mình, đó là cuốn “Từ điển tiếng Việt” do NXB Bách khoa Hà Nội biên soạn.. “**con ranh**” là “con đẻ ra thì chết” ?

(Chính Lê)

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

đồng bộ 同步

Đây là một từ khá quen thuộc với mọi người, và ai cũng hiểu rằng, đồng nghĩa là cùng nhau, như soạn giả đã dạy. Nhưng, phần đông những người không biết chữ Hán thường nghĩ rằng, bộ nghĩa là một tập hợp gồm nhiều phần, như ta thường nói: bộ quân áo, bộ ấm chén, v.v. Soạn giả cũng nằm trong số những người ấy, và ông đã giải nghĩa từ tổ bộ như trên.

Còn trong từ đồng bộ 同步 thì bộ 步 nghĩa là bước và đồng bộ nghĩa là mối quan hệ nhịp nhàng giữa hai bộ phận hoặc sự vật song hành và luôn luôn biến hoá về lượng theo thời gian, như trong các nhóm từ động cơ đồng bộ, tăng trưởng đồng bộ. Khi đã không hiểu nghĩa của các từ tổ thì thật khó nêu được định nghĩa đúng của từ. Theo soạn giả, đồng bộ = nói các bộ phận đều tiến hành đều đặn cùng

một thời gian. Định nghĩa này không rõ ràng, không đạt, và chỉ chứng tỏ rằng, giữa nó và nghĩa của từ tố “bộ” mà soạn giả đã nêu chẳng có liên quan gì với nhau.

(@*Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc*)

Hoành Sơn nhất đáí, vạn đại dung thân?

Một số nhà nghiên cứu cho rằng nguyên văn câu nói của Nguyễn Bỉnh Khiêm với sứ giả của Nguyễn Hoàng (được chép lại trong bài *Phả ký* của Vũ Khâm Lâm) phải là: *Hoành Sơn nhất đáí, khả dĩ dung thân*. (Một dải Hoành Sơn có thể dung thân được).

Chứ không phải là: *Hoành Sơn nhất đáí, vạn đại dung thân*. (Một dải Hoành Sơn có thể dung thân muôn đời) như tài liệu đã dẫn.

Sự sai khác này được lý giải là do các sử gia nhà Nguyễn sau này đã sửa đổi hai chữ “khả dĩ” thành “vạn đại”, với hy vọng sẽ giữ được cơ nghiệp của triều đại nhà Nguyễn tới muôn đời.

Nội

nội : cánh đồng, khoảng đất trống

(hạc nội mây ngàn)

(@*Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện*)

CHỮ NGHĨA LÀNG VĂN XÓM CHỮ

Nguyễn Bá Trác và Hồ Trường

Hạn mạn du ký là thiên ký sự kể lại cuộc Đông du của Nguyễn Bá Trác trong khoảng năm 1908-1914) từ Sài Gòn sang Xiêm La-Hương Cảng, Nhật Bản-Trung Hoa rồi về Việt Nam.

Tác giả gọi thiên ký sự một cách khiêm tốn là “Hạn mạn du ký” có ý nghĩa “chuyên chơi phiếm” để che đậy một tâm sự.

Ông từng là một kẻ sĩ thành danh (đậu cử nhân) theo phong trào Đông Du của Phan Bội Châu, Nguyễn Thượng Hiền...

Chúng ta trở lại Hạng mận du ký để thấy rõ bài ca Hồ Trường ra đời trong hoàn cảnh nào:

“Một hôm trời đã chiều hôm, hiu hiu gió bẽ, chúng tôi (tác giả và Trần Hữu Lực) làm việc vừa xong, rủ nhau đi chơi phố. Nguyên quân cao hứng muốn vào tửu lâu, tôi cũng hợp ý; bèn thuê xe đến ngay Đào Đào quán ở trong tô giới. Nguyên quân cả năm không hay uống rượu đã uống thì say, đã say thì hay hát. Hát không hiểu khúc, cứ ngheu ngao mấy câu cổ phong.

Chiều hôm ấy, rượu ngà ngà, Nguyên quân cũng đứng dậy mà hát. Cách phòng có một người khách, tên là Lưu mỗ, là người Trục Lê, hiện làm quan võ coi lính ở Quảng Tây, nghe Nguyên quân hát, bèn vào phòng, chào nói tên họ, rồi hỏi Nguyên quân: “Tôi nhớ năm xưa có gặp Quý hữu một lần ở tại Đông Kinh nước Nhật”. Nguyên quân nói: “Lâu ngày không nhớ cho rõ”.

Khách lại hỏi: “Vừa nghe Quý hữu hát ấy là điệu gì?”. Nguyên quân nói: “Ấy là một điệu đặc biệt ở phương Nam”. Khách nói: “Nghe tiếng bi mà tráng, nhiều hơi khảng khái, Nam phương có điệu hát đến như thế ru?”. Nói rồi, liền lấy bút giấy, xin Nguyên quân viết bài hát cho mà xem. Nguyên quân cầm bút viết ngay.

Điều này giúp ta khẳng định được tác phẩm mà ngày nay ta gọi là Hồ Trường là do Nguyễn Bá Trác sáng tác kể cả phần chữ Hán lẫn bản dịch, nhưng ông đã gán cho nó là một Nam phương ca khúc có sẵn của miền nam Trung Hoa.

(@Nguyễn Bá Trác và bài Hồ Trường - Hoàng Yến Lưu)

Đình Hùng

Tác phẩm “Kỳ nữ” là một trường hợp đặc biệt khác nữa, và còn thú vị hơn ở vài phương diện, vì lần này câu chuyện không chỉ liên quan đến riêng Đình Hùng mà còn liên quan đến một nhân vật được xếp vào hàng cao nhất của thơ ca thời ấy: Thế Lữ.

Năm 1941, viết *Trại Bò Tùng Linh*, một truyện ma sẽ còn nổi tiếng lâu dài, đến một thời điểm trong cuộc tình giữa Tuấn và người con gái hiện thân của hương hoàng lan, chợt Thế Lữ chộp vào một bài thơ, và đó là “Kỳ nữ” của Đinh Hùng.

Ở thời điểm này, Đinh Hùng mới ở tuổi hai mươi, chưa thực sự thành danh thi sĩ, “Bài ca man rợ” còn chưa đăng báo. Ta sẽ đi sâu phân tích câu chuyện này sau, lúc này chỉ cần nêu một lưu ý nhỏ: là một nhà thơ (lại đây danh tiếng) chuyển sang viết truyện, nếu cảm thấy cần có một bài thơ để cho vào truyện, Thế Lữ hoàn toàn có thể tự sáng tác một cách dễ dàng, hoặc ít nhất ông cũng có thể lấy thơ của các nhân vật thuộc Tự Lực văn đoàn; nhưng ông đã không làm vậy.

Ở trường hợp bài “Kỳ nữ”, sự trớ trêu nằm ở chỗ: là tác giả của một thi phẩm được hâm mộ như vậy (cho dù mọi thăng trầm của cuộc đời và sự thờ ơ tương đối của độc giả đại chúng, sau này Đinh Hùng luôn luôn sống giữa lòng hâm mộ, ngưỡng mộ, thậm chí được coi như thần tượng của một số người - cả đến Vũ Hoàng Chương cũng coi ông như một thần tượng), nhưng về cơ bản Đinh Hùng không phải là thi sĩ tiền chiến nổi tiếng.

Mặc dù với “năng lực thơ” ấy, sinh năm 1920, Đinh Hùng vẫn còn kịp thời gian vươn tới hàng đầu trong số các nhà thơ được xếp vào danh mục “trước 1945” (khi mà tập *Lửa thiêng* của Huy Cận in năm 1940 còn tập *Mây* của Vũ Hoàng Chương mãi năm 1943 mới in). Đây chắc hẳn là một lựa chọn hữu ý: sau này khi *Đường vào tình sử* được ấn hành (1961), đọc những bài thơ mà ông làm từ khi còn rất trẻ, ta có thể thấy Đinh Hùng lẽ ra đã rất dễ dàng được nêu tên bên cạnh Tế Hanh, Xuân Diệu, Huy Cận, với những câu thơ như trong bài “Khi mới nhón” dưới đây:

Khi mới nhón, tuổi mười lăm, mười bảy

Làm học trò, mắt sáng với môi tươi Năm 1954, tập *Mê hồn ca* được in lần đầu tiên tại Hà Nội (sau này đã có ít nhất bốn lần tái bản), với lời giới thiệu của nhà xuất bản. Lời giới thiệu này không ghi tên tác giả..

(Nhị Linh)

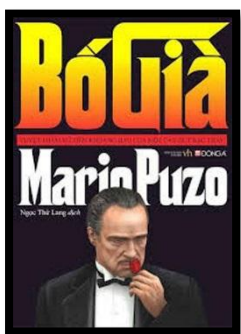
Khái Hưng, Trần Tiêu

Người đầu tiên gia nhập nhóm Tự Lực Văn Đoàn là Khái Hưng, khi ông này viết một bài về truyện Kiều được Nhất Linh khen ngợi và mời gia nhập nhóm. Trong bấy nhiêu người được mời trong nhóm TLVĐ lúc ban đầu thì đây là một lời mời hợp tác mang nhiều ý nghĩa nhất, đem lại vinh dự nhất cho TLVĐ và cho văn học VN nói chung. Theo tôi, ngoài Thạch Lam, khó có ai trong TLVĐ có thể sánh bì với Khái Hưng. Nói ông là nhà văn hàng đầu, thật không quá đáng.

Rất tiếc ông đã bị Việt Minh thảm sát vào năm 1947, tại phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định dịp tết Đinh Hợi. (tài liệu của cộng sản nay cũng xác nhận Khái Hưng chết ở bến Đò Cựa Gà). Tóm lại, nay thì TLVĐ tạm gọi là đã có thất tinh (hay thất hiền?): Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Khái Hưng, Tú Mỡ, Thế Lữ và Xuân Diệu. Nguyễn Gia Trí không được nhắc tới nữa. Tuy là có bảy nhân vật chính, nhưng thực ra họ có mặt trong TLVĐ một cách tự nhiên, như anh em, không có nội quy, cũng chẳng có điều lệ gì. Nhưng đối với bên ngoài thì có 7 người là thành viên của TLVĐ. Chữ Tự Lực xuất phát từ ý chí muốn tự lập về tài chánh. Nói đúng ra không muốn lệ thuộc vào bất cứ ai. Vì thế, quyết định rằng, mỗi thành viên phải đóng góp 500 đồng để gây quỹ. Nên nhớ, lương công chức thời đó không quá 20 chục đồng. Vì thế, có cái cảnh Khái Hưng phải vay tiền bà chị để ra làm báo.

Sau này, theo lời đề nghị của Khái Hưng có thêm Trần Tiêu, em của Khái Hưng với các tác phẩm Con Trâu, Chồng con, V...V...

PHÍ NGỌC HÙNG



hoàng hải thủy viết về
ngọc thứ lang
người dịch the godfather của
mario puzo

Năm 1951 tôi rời Hà Nội vào Sài Gòn. Sáng mùa xuân, phi trường Gia Lâm trắng mưa xuân – mưa bụi, loại mưa đặc biệt chỉ mùa xuân ở Bắc Việt mới có. Hạt mưa thật nhỏ, chỉ những thiếu nữ Hà Nội mặc áo nhung mới có làn mưa trắng trắng bám trên hai cánh tay áo. Áo nhung, chỉ áo nhung mới có làn mưa bụi trắng ấy, những loại hàng khác thấm nước mưa nên không có làn mưa trắng mỏng này.

Tôi xa Hà Nội năm tôi mười tám khi vừa biết yêu. Năm ấy tôi mang theo cây đàn lên phi cơ nhưng số tôi không khá về mặt đàn địch – “*không khá*” không đúng, phải nói là “*Dzê rô Ghi-ta*” – ba lần tôi học đàn nhưng rồi tôi cũng bỏ cuộc, không chơi nổi được lấy một bài tử cho ra hồn, như bài La Vie en Rose tôi rất thích. Năm 1950 tôi học đàn thầy Tạ Tấn ở Hà Nội, năm 1951 tôi học đàn thầy Vĩnh Lợi ở Sài Gòn, năm 1959 tôi học đàn thầy Lâm Tuyên ở Sài Gòn. Ba lần học, thầy dạy đàn hoàng, tôi vẫn không đàn được. Quá tam ba bận. Không được là không được.

Năm 1952 tôi làm phóng viên nhật báo Ánh Sáng, tòa soạn ở đường Bonard, gần tiệm ăn Kim Hoa cạnh rạp xi-nê-ma Casino de Saigon. Những năm 1970 nhà này là Tiệm Kem Kim Diệp. Thời ấy – một nửa thế kỷ trôi qua – Sài Gòn an tĩnh, đời sống ở Sài Gòn tương đối thanh bình, chiến tranh Việt Pháp diễn ra dữ dội ở miền Bắc, miền Trung, những tờ nhật báo Sài Gòn không có nhiều tin giật gân – kể cả những tin không giật gân, tin xe cán chó – đề đăng. Một hôm có chiếc xe buýt chạy đường Phú Nhuận - Sài Gòn lạc tay lái đâm vào cổng Dinh Gia Long, vài người bị thương nhẹ – Năm ấy Cao Ủy

Pháp ở trong tòa nhà về sau ta gọi là Dinh Độc Lập, chính phủ ta, Thủ Tướng Trần Văn Hữu, ở Dinh Gia Long. Tôi đến nơi xảy ra tai nạn lấy tin. Đang đứng lảng vảng hỏi và ghi chép tôi nghe tiếng người hỏi: – *Báo nào thế?*

Người hỏi là Nguyễn Ngọc Tú, tức Ngọc Thứ Lang, người những năm 1965, 1970 là dịch giả tiểu thuyết *Bố Già* dịch từ *The Godfather* của Mario Puzo. Lúc tôi đến đấy, tình cờ Tú cũng đến đấy. Đây là lần đầu tiên tôi gặp Tú. Tú trạc tuổi tôi, công tử Bắc kỳ – những năm đầu thập niên 1950 chúng tôi mới hai mươi tuổi. Tôi vào Sài Gòn đã sớm, Tú còn vào Sài Gòn sớm hơn tôi. Chắc vì là con thứ nên Tú lấy bút hiệu là Ngọc Thứ Lang. Gặp nhau chúng tôi thân nhau ngay. Tú nói anh từng là nhân viên tòa báo của ông Hiền Sĩ. Đường như là tờ Phục Hưng. Đây là tờ nhật báo Việt đầu tiên ra đời ở Sài Gòn sau khi người Pháp trở lại Đông Dương năm 1945. Nghe nói Phục Hưng là tờ nhật báo do Sở Thông Tin Pháp tài trợ để tuyên truyền cho Pháp. Do đó Phục Hưng bị coi là “*báo Việt Gian*”. Báo có mặt ở Sài Gòn chừng hai, ba năm thì Sở Thông Tin Pháp cho đình bản. Trong tòa soạn báo Phục Hưng có anh Trường Sơn Nguyễn Huy Thái, một ký giả có tài của làng báo Sài Gòn trước năm 1954. Một bút hiệu khác của anh Thái là Huy Thanh. Anh qua đời khoảng năm 1990 ở Sài Gòn. Năm 1952 khi tôi gặp Tú và thân với Tú tờ báo của ông Hiền Sĩ đã đóng cửa từ lâu, ông Hiền Sĩ đã về Chợ Gạo, Mỹ Tho làm Cai Tổng. Có lần tôi thấy ông đến tòa soạn báo Sài Gòn Mới thăm ông bà Bút Trà. Lên Sài Gòn ông Hiền Sĩ vẫn ăn bận đúng kiểu Cai Tổng Nam kỳ lục tỉnh: đội mũ nỉ, miệng ngậm ông vớ, tay cầm ba-toong, mặc bộ đồ sá xầu, chân đi giép, răng vàng, nói cười rồn rảng.

Về chuyện Tú là nhân viên tờ báo của ông Hiền Sĩ tôi phải viết thêm: Đây là chuyện Tú kể với tôi. Mới đây khi nhắc đến Tú, một ông bạn nói Tú du học ở Paris đến năm 1954 mới về nước. Tôi hỏi ai nói, ông bạn nói Tú nói. Tôi biết Tú không có đi Tây, đi Tàu chi hết, kể cả Tây Ninh Tú cũng chưa bao giờ đi. Thành ra chuyện Tú nói với tôi anh từng là nhân viên nhật

báo Phục Hưng của ông Hiền Sĩ tôi sợ cũng chỉ là chuyện Tú nói.

Tú bằng tuổi tôi, học hành lem nhem như tôi, chúng tôi cùng bỏ học sớm, cùng biết tí đỉnh Pháp văn, Anh văn. Tú thông minh hơn tôi, Tú sắc sảo nước đời hơn tôi, ít tuổi nhưng hay chơi trội: mới hai mươi tuổi đã vào Nhà Cercle Sông Bạc Kim Chung đánh roulette, hút thuốc phiện. Năm 1955 Tú kiếm được nhiều tiền. Anh in và bán quyển **“Tại sao tôi đi cur?”** cho Bộ Thông Tin Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa – thời Bộ trưởng Cao Đài Phạm Xuân Thái. Nghe nói ông Bàng Bá Lân là tác giả quyển sách nhỏ ấy. Sách ra đúng thời điểm, đúng nhu cầu. Ông Bàng Bá Lân viết sách, Tú mang sách vào bán cho Bộ Thông Tin. Không bán bản quyền mà tác giả in sách, sách tuyên truyền, chừng 100 trang, Bộ Thông Tin mua cả chục ngàn quyển. Nhờ việc chia tiền lời với ông Bàng Bá Lân, Tú có cả trăm ngàn đồng, số tiền thật lớn thời đó. Anh ăn diện: sơ-mi Valisère hàng nylon mới từ Paris sang bán ở tiệm đồ đàn ông mode nhất, đắt nhất thời đó trên đường Tự Do, dùng đồng hồ vuông mặt đen, mũ Mossant, cặp da nâu bệ vệ như cặp của Bộ trưởng Phạm Xuân Thái, máy chữ portatif, quạt máy Marelli, hút thuốc lá Mỹ Phillip Morris Vàng Kingsize, bật lửa Dupont, ăn cơm Tây, rượu chát, v.v...

Và Tú gặp tình yêu. Nàng là cô giáo người Bắc, nhà ở gần ngay nhà Tú – đường Genibrel, từ sau 1956 là đường Huyền Quang, Tân Định – cô giáo có chồng. Chồng nàng ra bưng kháng chiến. Nàng ở Sài Gòn dạy học, sống với đứa con nhỏ và bà mẹ, chờ đợi chồng trở về. Cô giáo trung thành với chồng. Chiến tranh chấm dứt, đất nước chia đôi, tháng 12 năm 1954 chồng nàng từ Đồng Tháp Mười tập kết lên tàu Ba Lan ra Bắc. Thấy chồng không chịu trở về, cô giáo thất vọng. Nàng trao trái tim nàng cho Tú. Cuộc tình của họ gặp trắc trở. Đường như bà mẹ của cô giáo không bằng lòng. Cô giáo tự tử chết, bỏ lại mẹ già, con thơ. Thật tội. Đời Tú, từ cái chết bi thảm của cô giáo, bắt đầu xuống dốc không phanh. Anh nằm luôn trong một nhà bán thuốc phiện ở hẻm Monceaux, Tân Định, sau 1956 là đường Huỳnh Tịnh Của nối dài. Anh ăn, hút, ngủ

trong nhà đó luôn, bán dần đồng hồ, máy chữ, cặp da trả tiền hút. Tút ra khỏi nhà đó hai tay không với bệnh nghiện hút nặng.

Từ sau năm 1954 đất nước chia đôi nguồn cung cấp á phiện cho miền Nam Việt nam, nay là Quốc gia Việt Nam Cộng Hòa, không đến từ Bắc Việt nữa mà đến từ vùng Xiêng Khoảng nước bạn Ai lao, hoặc vùng gọi là Tam Giác Vàng. Hàng – á phiện – từ Lào về Sài Gòn bằng đường hàng không. Năm 1960, 1961 Ai Lao có nạn binh biến, đảo chính xảy ra chí chạt: Đại úy Nhảy Dù Lèo Khong Le làm đảo chính, đuổi Thủ Tướng, rồi hai ông Hoàng Lèo Phoumi, Phouma tranh quyền Thủ Tướng đánh nhau liên miên. Trong một lần hai ông Hoàng Lèo tranh quyền, Vientiane bị giới nghiêm, phi trường Vientiane đóng cửa nhiều ngày. Phi cơ không bay, á phiện Lèo không về được Sài Gòn. Tình hình giới HítTôPhê Việt Nam Cộng Hòa thập phần nguy kịch. Đệ tử của Cô Ba Phù Dung có thể nhịn ăn nhiều ngày nhưng không thể nhịn hút dù chỉ là nửa ngày. Đệ tử Cô Ba Phù Dung có thể thiếu cơm – thực ra là mấy ông Tiên Ông Phi Yến Thu Lâm sẵn phú com, sẵn phú luôn cả thịt cá, rau dưa – nhưng mấy ông không thể nửa ngày không có thuốc. Thời ấy trong giới Hít Tóp có câu nói:

– *Phu Mi, Phu Ma đánh nhau, PhuMơ chết !*

PhuMơ: fumeur, tiếng gọi khác là phum, dân phum, tức dân hút thuốc phiện.

Mà PhuMơ Mít chết thật. Hàng không về, thuốc tăng giá. Những nhà còn thuốc giữ lại không bán ra. Gần như có tiền và chịu giá đắt mấy cũng không mua được thuốc. Mà lính của Cô Ba thì tuyệt đại đa số là đội, tức tiền không. Chít mất. Chít là cái chắc! Nô thuốc! Không có thuốc! Làm sao bị giờ? Trong cơn nguy cấp ấy không biết ông Con Trai Bà Cả Đội Hít Tô Phơ thông minh nào có óc khoa học vật lý hóa kiem bào chế sư nảy ra sáng kiến thần sầu cứu nguy cho thân mình và đồng bạn bằng cách: lấy sỏi thuốc phiện nấu lên với nước, lọc đại khái cho nước thuốc không có cặn, rút vào ống chích, chích thẳng vào gân máu. Sáng kiến này dựa trên sự phân tích khoa

học: hút khói thuốc phiện vào phổi, phổi đưa chất thuốc vào máu. Tiến trình này mất thì giờ và tốn thuốc, mười phần thuốc được dùng thì chất vào máu chỉ được hai, ba phần. Tại sao không nấu cho sái tan ra nước – thuốc phiện chưa hút cháy thành sái lại không dùng được trong trò chích choác này – lấy nước sái chích thẳng vào mạch máu? Chích như vậy là thuốc vào máu đủ chăm phần chăm, ép-phê liền tù tì tút suýt, chưa rút mũi kim chích ra thuốc đã vào đến tim, lại không bị tiêu hao, phí phạm một ly ông cụ nào.

Thế là từ đó thế giới Ma Túy Việt Nam Cộng Hòa có thêm trò chích choác. Rồi màn kịch vô duyên mấy trụ Gà Lèo không bơi mặt cũng đá nhau sặc sẩm ngóc rồi cũng phải ngừng, á phiện lại từ Lèo bay về Sài Gòn đều đều, nhưng dân nghiện Sài Gòn đã có thêm trò chích choác. Dân nghiện ma túy Âu Mỹ chích cocaine, heroine, gọi chung là bạch phiến, chất trắng, là tinh chất của á phiện. Dân nghiện Việt chích bằng nước sái thuốc phiện, chất nước màu nâu sẫm hay vàng nhạt, đậm hay đặc, tùy theo số sái và số nước nhiều hay ít. Người đã choác khó có thể bỏ choác để trở lại hít, tức hút. Vì choác quá nặng. Đang hút 100 đồng người nghiện chỉ cần choác 10 đồng là phê khủng khiếp, choác phê hơn hít nhiều. Và Choác tàn phá con người nặng, mạnh và nhanh hơn Hít rất nhiều. Cai thuốc phiện khó hơn lên trời, nhưng người nghiện hút may ra còn có thể cai được – Cai: bỏ hút – còn Choác thì vô phương. Choác một năm cơ thể bị tàn phá bằng Hít mười năm.

Tú Lé – Tú bị lé một mắt nên chúng tôi gọi anh là Tú Lé – từ Hít sang Choác. Những năm 1965 Tú chuyên mặc sơ-mi dài tay. Những gân máu trên hai cánh tay anh bị chích nhiều quá thành chai cứng, đen sì, trũng xuống như lòng máng nước. Tú viết cho Tuần San Thứ Tư của Nguyễn Đức Nhuận và lai rai cho nhiều báo khác, anh lấy bút hiệu Ngọc Thứ Lang. Nhuận đưa The Godfather cho Tú dịch. Tú chọn tên Bồ Già và bản dịch Bồ Già của Ngọc Thứ Lang là một bestseller của tiểu thuyết Sài Gòn những năm 1968, 1972.

Năm 1976 Tú và tôi đến dự cái gọi là Khoá Bồi Dưỡng Chính Trị cho văn nghệ sĩ Sài Gòn do “Hội Văn Nghệ Giải

Phóng TPHCM” tổ chức. Cùng dự khóa này với chúng tôi có Phan Nghi, Nguyễn đình Toàn, An Khê, Lê Minh Ngọc, Cao Nguyên Lang, Nguyễn Ước, Phan Kim Thịnh, Nguyễn Mộng Giác, v.v... Hai mươi một ngày “*học tập*”, học viên được Thành Ủy cấp mỗi ngày một đồng tiền công tác phí. Ngày học viên được mua nhu yếu phẩm, được phát đúng hơn, tiền mua số nhu yếu phẩm này lấy từ trong số 21 đồng tiền công tác phí: hai hộp sữa, hai gói thuốc điều Vàm Cỏ, một ký đường, hai gói mì, một cây kem đánh răng, nửa ký bột giặt, hai trăm gam bột ngọt, v.v... Lãnh nhu yếu phẩm xong học viên Nguyễn Ngọc Tú, tức Ngọc Thứ Lang, tác giả Bỏ Già, biến mất liền trong hai ngày không đến lớp. Chúng tôi nói với nhau:

“...*Ngọc Thứ Lang mang nhu yếu phẩm đi hưởng bồi dưỡng rồi..*” Anh đòi số nhu yếu phẩm ấy lấy thuốc chích.

Cuối năm 1976 ký giả Hồ Ông – hiện ở Sydney, Úc, làm báo – cho tôi hay: “*Anh Tú bị bắt đi phục hồi nhân phẩm trên Bình Triệu. Anh ấy nhấn về bảo anh lên thăm.*” Một sáng Hồ Ông và tôi trên hai xé đạp lên Bình Triệu thăm Tú. Trung Tâm cai ma túy của thành phố được đặt trong tòa nhà Tu Viện Fatima. Tu viện vừa xây cất xong, chưa khai trương thì bị chiếm. Phòng ốc rộng rãi, mát mẻ, sạch sẽ, thênh thang, thừa tiện nghi, bể xi-măng chứa nước máy lớn ở vườn sau, tha hồ tắm. Mỗi phòng dự định dành cho một tu sĩ nay có ba, bốn anh nghiện ở, phòng không có đồ đạc, bàn ghế gì cả, chỉ có mấy cái chiếu trải trên sàn. Đa số là dân choác, bị công an hốt đi từ những động choác. Rất ít người được gia đình tiếp tế. Anh em vào đây chỉ với một bộ quần áo đang mặc trên người. Khi tôi đến gặp Tú anh đã khoẻ, đi lại, ăn uống được. Những vết chích trên da thịt anh bị lở loét nhưng không sao, rồi sẽ lành. Nhiều người cai choác bị lở như vậy. Tú dẫn tôi đến xem tờ bích báo của Trung Tâm Phục Hồi Nhân Phẩm. Báo có 7 bài, một mình Tú viết 5 bài. Nghề của chàng. Tú kể chuyện có nữ ký giả ngoại quốc đến thăm Trung Tâm, Tú nói được tiếng Pháp, tiếng Anh nên ban quản đốc đưa anh ra nói chuyện với khách. Nữ ký giả ngạc nhiên khi nghe nói Tú là dịch giả The

Godfather của Mario Puzo. Chắc cô nghĩ, theo những tiêu chuẩn kinh tế thị trường Âu Mỹ, đã là dịch giả The Godfather thì đâu có thể thân tàn, ma dại quá đến như Ngọc Thứ Lang. Cô nhà báo không tin. Tú được phép của trại về Sài Gòn lấy quyển Bồ Già đem lên Trung Tâm cho nữ ký giả thấy là thật. Tú nói sau thời gian cai nghiện ở Trung Tâm Bình Triệu đệ tử của Cô Ba sẽ phải đi nông trường cải tạo ít nhất là hai năm, nhưng vì Tú có khả năng ban quản đốc sẽ giữ Tú lại làm việc ở Trung Tâm. Tốt thôi. Đây là lần cuối cùng tôi gặp Tú. Từ lần chúng tôi gặp nhau đầu tiên năm 1952 đến lần gặp nhau lần cuối năm 1976, 24 mùa lá rụng đã qua cuộc đời chúng tôi.

Năm 1977 tôi bị bắt lần thứ nhất. Hai năm tôi sống trong Nhà Giam Số 4 Phan Đăng Lưu. Năm 1979 trở về mái nhà xưa tôi được tin Tú đã chết ở Trại Cải Tạo Phú Khánh. Trại này nằm giữa hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa. Tôi nhớ Tú nói anh sẽ được giữ lại Trung Tâm Bình Triệu, tại sao anh lại phải đi Trại Phú Khánh? Tôi hỏi và được biết nguyên nhân như sau: Một hôm Trung Tâm cần in một số tài liệu. In ronéo. Vì Tú từng làm báo, biết về việc in và nhà in, nên ban quản đốc giao tiền cho Tú, và hai chú phục hồi đã khoẻ mạnh, mang tài liệu về Sài Gòn in. Đến nhà in Tú đặt in, để hai chú bạn ngồi lại, đem tiền in đi luôn. Tú đi choác. Hai chú bạn ngồi va-ly đói dài, tiền ăn cơm trưa không có, tiền lấy đồ in cũng không luôn. Tú biến mất vài ngày rồi cũng trở lại Trung Tâm. Ban quản đốc thấy không thể giữ Tú lại nên cho Tú đi trại. Nghe nói một sáng trời lạnh ở Trại Tù Khổ Sai Phú Khánh, Tú rít điều thuốc lảo, đứng tim, ngã ra chết.

Tú có một bà chị. Năm 1955, khi đất nước ta, bị cắt đứt ở khúc Bình Định – Quảng Ngãi, sau 9 năm chiến tranh mới liền một dải từ sông Bến Hải đến Mũi Cà Mau; thời ông Phạm Xuân Thái làm Bộ Trưởng Bộ Thông Tin, Tú và tôi đi một chuyến miền Trung. Tú đi với tư cách ủy viên Bộ Thông Tin, tôi là phóng viên nhật báo Sài Gòn Mới. Tú đưa tôi đến thăm gia đình bà chị Tú ở Lăng Cô, trên đường Huế, Đà Nẵng. Ông anh rể Tú năm ấy là Trung úy Bác sĩ Quân Y. Anh rất đàng hoàng – danh từ thời đó là réglo – bà chị của Tú hiền hậu. Sau

đó, đến những năm 1960 tôi nghe nói ông anh rể của Tú làm giám đốc một quân y viện ở Đà Lạt. Tú lên chơi, vào phòng thuốc của quân y viện, đòi chìa khóa, mở tủ thuốc cấm, lấy cocaine, morphine chích loạn cào cào. Nhân viên thấy Tú là em vợ của bác sĩ giám đốc nên không dám ngăn. Khi bác sĩ biết, ông cấm cửa không cho Tú đến nhà nữa.

Những năm về sau Tú sống trong nhà anh Thạch Thái Phúc, đường Bùi thị Xuân, Sài Gòn. Anh Phúc là ký giả pháp đình, tức tòa án. Anh có dáng người bệ vệ, kính trắng, ria mép, lúc nào cũng comlê, cavát, cặp da, ô đen. Không ai dám chứa một ông chích choác không phải là con cháu mình ở trong nhà, anh chị Phúc đã chứa Tú. Nghe nói bà mẹ của anh Phúc và bà mẹ của Tú là hai bà bạn thân. Bà mẹ của Tú ở lại Hànội. Năm 1954 khi gia đình anh Phúc di cư vào Nam, bà mẹ của Tú có lời nhờ bà mẹ anh Phúc trông nom, săn sóc Tú. Anh chị Phúc làm theo ý bà mẹ, cưu mang Tú mãi. Anh chị cho Tú ăn ở trong nhà, chỉ có tiền choác là không chi. Anh Phúc thông gia với Minh Vồ Con Ong. Minh đã qua đời năm 1993. Anh Phúc còn sống ở Sài Gòn.

Năm 1986 theo Liên Xô, theo Tàu Cộng, Tổng Bí thư Đảng Cộng Sản Nguyễn văn Linh ban hành chính sách “*đổi mới*,” tuyên bố “*cởi trói cho văn nghệ*”. Cùng với hàng hà sa số những tác phẩm tiểu thuyết Việt Nam Cộng Hòa từng bị lên án là đồi trụy, phản động, tuyên truyền cho thực dân Mỹ, bị tịch thu, bị hủy hoại, tiểu thuyết *Bố Già* của Ngọc Thứ Lang được in lại. Hai nhà xuất bản tranh nhau in *Bố Già*: Nhà Xuất Bản Trẻ Thành Hồ và Nhà Xuất Bản Văn Hóa Hà nội. *Bố Già* của Ngọc Thứ Lang được in lại ở Hoa Kỳ. **Mario Puzo**, tác giả **The Godfather**, tiểu thuyết bestseller từng bán đến 21 triệu cuốn, qua đời ở nhà riêng trong thành phố Bay Shore, bang NewYork, ngày Một Tháng Bảy năm 1999, thọ 78 tuổi, có năm con, chín cháu. **Ngọc Thứ Lang**, tác giả **Bố Già**, qua đời ở Trại Lao Cải Phú Khánh năm 1979, chưa đầy 50 tuổi, không vợ, không con.

HOÀNG HẢI THỦY/INTER



TIN SINH HOẠT VĂN HỌC

Ngày 9 tháng 6 năm 2019

Văn Bút Nam Hoa Kỳ đã yểm trợ buổi giới thiệu CD thơ phổ nhạc:

Ru đời của Nghệ sĩ Như Ly

Chương trình tổ chức tại Hội quán Mai Vàng Tây Nam Houston TX.

Buổi sinh hoạt thu hút hơn 100 quan khách chọn lọc.

Và thành công ngoài dự kiến của BTC.

Như Ly tên thật là Vũ Thị Ngọc Thúy sinh quán tại Sài Gòn

Sau 1975 sinh sống tại Hòa Lan Âu Châu. H

Hiện đã đến định cư tại Houston TX USA.

Như Ly nguyên là Hội Viên Văn Bút Louisiana,

Hiện là thành viên:

- Ca đoàn Giáo xứ La Vang.

- Thành viên Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Đã từng đoạt giải thưởng “Tuyển lựa ca sĩ” của Đài Truyền Hình Saigon network.

Thường xuyên tham gia trình diễn cho các chương trình văn nghệ tại địa phương

Và là một trong những tiếng hát đang được mến mộ.

CD RU ĐỜI gồm 12 bài thơ tình do chính tác giả viết lời, phổ nhạc và trình bày.

Như Ly không nhận mình là ca nhạc sĩ dù cô tự đảm trách cả 3 phần hành này để hoàn thành CD đầu tay.

Chương trình kết thúc lúc 5 giờ chiều cùng ngày với nhiều lưu luyến.

TV ghi nhận

NHƯ LY GIỚI THIỆU CD RU ĐỜI 9-6-2019





**GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH
CA VỸ NHẠC “TÌNH HÈ CALI – HOUSTON”
Do CÂU LẠC BỘ TÌNH NGHỆ SĨ
Tổ Chức 14/7/2019**

Tại Hội quán Mai Vàng là địa điểm tổ chức buổi văn nghệ với chủ đề "Tình Hè Cali - Houston"

Chương trình văn nghệ Tình Hè Cali-Houston thành công rực rỡ kết thúc lúc lúc 4:30 pm. Cùng ngày.

**Cao Minh Hung anthonyhungcao@gmail.com
<https://vietbao.com/a296521/tinh-he-cali-houston>**

Ngày 18-8-2019 VBNHK tham gia yểm trợ
HỘI NGHỊ THỐNG NHẤT CHÍNH TÁ TIẾNG VIỆT
 Xin đón nghe, đọc tường trình chi tiết
 trên các phương tiện truyền thông.



Ban Tổ Chức



YÊN SƠN



PHẠM TƯỜNG NHƯ



TS. MAI
 THANH
 TRUYẾT

VĨNH TUẤN

TS.
 NGUYỄN
 MINH
 TRIẾT

KHẨN BÁO TIN GIỜ CHÓT

NIHÀ VĂN NGUYỄN MẠNH AN DÂN KHÔNG CÒN NỮA



Khi bản lay out TV số này đã gởi qua nhà in, chuẩn bị lên khuôn thì Ban biên tập nhận hung tin :

Văn Hữu Nguyễn Mạnh An Dân vừa tử nạn ngày 7-9-2019

Toàn thể Anh chị em trong Ban Chấp Hành Văn Bút cũng như trong Ban Biên tập Tin Văn đều tê liệt, hầu như đông đả, không nói được lời gì ngoài những ánh mắt sưng nước nhìn nhau qua màn lệ.

Lập tức Ban biên tập quyết định tạm hoãn ngày in, lấy ra một số bài đã lay out để in số sau và nhường trang lại cho quý anh chị em văn hữu gởi lời tưởng tiếc ngắn qua nhiều hình thức để phổ biến đến bạn đọc. Trong tương lai có thể Tin văn sẽ có số đặc biệt tưởng niệm Nhà Văn Nguyễn Mạnh

An Dân. Cự Chủ Tịch Văn Bút Nam Hoa Kỳ
Cự Chủ biên tập chí Tin văn.

Do thời gian quá gấp, thư từ lời nhắn gởi về đều viết vội. Phải làm gấp vì sợ mất thời gian tính nên việc trích đăng có thể thiếu sót mong quý đọc giả lượng tình thông cảm.

THƯƠNG QUÁ MỘT ĐỜI VẪN

Văn Bút Nam Hoa Kỳ Khắp Tiến.

Bài thơ khóc bạn gởi về đâu
xác thân phần thổ hồn theo bóng cờ
người lính cũ ước mơ không cũ
tự dặn lòng phải quang phục quê hương
ngày tụ nghĩa sẽ là ngày hội lớn
cho trời Nam rợp bóng cờ vàng

Vậy mà

chí chưa thành công chưa toại
dù vẫn thường thoát hiểm mưu sinh
sao lần này không thoát hờ huynh!
cho câu thơ lạc vắn, vắn lệch
một phút giây đảo điên thiên địa
một sát na rụng vỡ mặt trời
Bóng tối đen bao trùm mặt đất
Hồn người đi thân phần thổ rã rời.
Hỡi ơi!

chí lớn **An Dân**

mộng vờ cổ quốc
vẫn còn nguyên sao đã vội ra đi
dầu người về cõi vô ưu tự tại
ngậm ngùi người ở lại có gì vui.
thân lính cũ trên đường vẫn không cũ
vẫn giữ tròn khí tiết Việt Nam ta
là quân nhân chí cao vờ vờ
xem hư danh tài lộc là phù vân
dầu cuộc đời thăng trầm hàn sĩ
huyết lệ đầy theo vạn dặm lưu vong
vẫn ngẩng cao đầu
gồng vai chống đỡ
vì việc chung nặng gánh không từ

Nguyễn Mạnh Huynh từng nói
khác gì “**tiếng thét**”
muốn **An Dân**
phải dẫn thân **Mạnh Dạn**
theo cò bay lồng lồng trời cao
người người theo sau
sánh vai Việt tộc
da vàng một dải máu đỏ ba miền
muốn an dân phải dẫn thân
ép mình khắc kỷ nhân quần ưu tiên
Nguyễn Mạnh Huynh
thường nhẹ tay hạ bút
nhưng hồn chữ đòi đòi
thành sức mạnh triều cương
cũng chính là minh châu báu ngọc
soi sáng đời tăm tối tha phương
đường đi khó vẫn xem thường
trải lòng sỏi đá dọn đường trầm luân
dầu một khắc cũng thiên thu nhất tuyệt
một giây lịch sử chứa ngàn năm
người quá giang vượt sông vững lái
con thuyền Văn Bút vẫn bình yên
đạp sóng to, đêm đen cuồng nộ
vượt phong ba thẳng hướng mặt trời.
cám ơn huynh vun tình lính cũ
gọi nhau về dưới bóng cò yêu thiêng
cho chân lý sáng ngời cùng khắp
cho người người mãi biết người.
Vậy mà
Trên đường lớn tưởng bình yên có thật
hỡi ơi!
sét đánh ngang tai
trời quang sấm chớp
một vì sao vừa rụng giữa ban ngày
Phạm Thái-An Dân
nói gì đây hỡi

trước mặt đệ huynh trời đất ngả nghiêng quay.
người đi! lạ nhỉ, người đi thật
chỉ mới đây thôi, vậy thật sao
đã biết khó tin điều có thật
sao lòng cố chấp vẫn hoài nghi
tin qua tin lại bao nhiêu lượt
giữa trời nắng gắt huyết lệ rơi!
còn lại gì đây một đời văn nát
chữ nghĩa lên trời quay quắt thôi!

Ừ nhỉ!

Huynh ơi! Còn rất thật
một dáng Kiều thơm bên đời lạnh
vàng trắng cô phụ khóc vong phu
câu thơ Quang Dũng phiếm từ
cảnh đời huynh thật nát như tâm tư.

Thì thôi cũng ngần ấy thôi
con thuyền bát nhã đến rồi Huynh ơi.
khắp bãi nhang tàn
tiền người qua bờ giác
cõi vô ưu xa lắc hóa gần

một lạy nhân gian
một lần chào kính
Ngậm ngùi đưa tiễn một đời văn.

TRƯỜNG SƠN LÊ XUÂN NHỊ (Louisiana)

KHÓC BẠN

Đồng ý rằng con người sinh ra là để chết, đúng như câu Sinh Ly Tử Biệt, và ai trong chúng ta rồi cũng sẽ đi đến điểm cuối cùng này, nhưng nghe tin bạn Nguyễn Mạnh An Dân ra đi, tôi đau buồn quá.

Sinh ra trong khói lửa chiến tranh, trưởng thành trong ngục tù cay đắng, rồi lang thang miền đất lạ để mua cơm vay áo, nuôi dưỡng gia đình. Trong những tháng ngày bận rộn đó, bạn ta vẫn dành chút ít thì giờ quý báu còn lại của mình cho văn chương, cho anh em bè bạn. Để rồi một ngày, bạn lại âm thầm ra đi. Âm thầm ra đi như bạn đã âm thầm sinh ra, âm thầm sống, âm thầm chịu đựng, âm thầm hy sinh...

Bạn chính là mẫu người điển hình của một thế hệ trai trẻ đã sinh ra trong khói lửa của miền Nam. Tôi nhớ thương bạn quá. Thôi thì xin quỳ xuống cầu nguyện cho linh hồn bạn được thanh thoi, an nghỉ. An nghỉ thật sự sau một kiếp người quá đổi truân chuyên. Bạn đã làm trọn bổn phận của một người trai thời loạn, một người cha, một nhà văn cầm bút. Bạn là một anh hùng trong trái tim tôi, trong những người bạn của bạn.

Vĩnh Biệt Nguyễn Mạnh An Dân, với hai hàng nước mắt tiếc thương bạn.

Trường Sơn Lê Xuân Nhị

YÊN SƠN

TIỄN BIỆT NGUYỄN MẠNH DẠN

Tôi với anh dẫu không là ruột thịt
Nhưng thân thiết nhau từ lúc mới quen
Mẫu số chung là tình tự quê hương
Là hãnh diện của một thời lính trận
(Dẫu thua cuộc nhưng lòng không ân hận
Đã hết sức mình trong trách nhiệm làm trai)

Tôi với anh cùng mơ ước một tương lai
Khi đất nước trở mình thoát vòng cộng sản
Vẫn chờ mong một ngày quê hương bừng sáng
Nắm xương tàn được vùi trên dải đất thân yêu
Nhưng than ơi! Chỉ một sớm một chiều
Anh vội vã ra đi không lời từ biệt

Anh để lại trong tôi bao niềm thương tiếc
Cùng với nỗi đau không thể nói bằng lời
Mất cay xè, đọng nước, cứ chực rơi
Lòng tự nhủ, “Tôi ơi! Thôi đừng khóc (*)
Anh lặng lẽ ra đi trong cô độc
Để lại sau lưng bao tiếc nuối, ngậm ngùi

Cảm tạ anh, một tình bạn tuyệt vời
Đã chia sẻ những ưu tư trần trở
An ủi nhau khúc đường cùng, vận lỡ
Giã biệt hôm nay, gặp lại sau này
Tình cầu buồn chắc cũng chẳng ngừng quay
Non nước Việt sớm có ngày rực sáng

Yên Sơn

14/9/2019

() Mượn câu văn của Phạm Ngũ Yên*

PHẠM TƯỜNG NHƯ LÊN NON XUỐNG BIỂN

... Và để tặng Hương Linh nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân

Lên Non

“Có khi thấy ta là cỏ dại, cạnh bên em hoa nở triền đồi, đá núi non khát vọng khô môi, chờ rêu xanh mọc đời đan dẫu”

Sáng sớm tinh sương ngày Thứ Bảy, 7 Tháng Chín năm 2019, phái đoàn Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ rời thành phố Houston đi Dallas, tham dự chương trình ra mắt sách, nhân sinh nhật thứ 90 của tác giả Như Hoa Lê Quang Sinh. Tác phẩm “90 Năm Một Cuộc Đời”. Nhà Văn Như Hoa là Chủ Tịch sáng lập và điều hành Hội Thơ Tài Tử “Cụm Hoa Tình Yêu”. Ông từng là Trung Tá Trưởng Khối Huấn Luyện trường Bộ Binh Thủ Đức hơn một thập niên. Lý do quan trọng khác là anh Huy Tâm, tức nhà văn Dương Thượng Trúc, một thành viên VBNHK phụ trách Trưởng Ban Tổ Chức. Nhạc sĩ Hoàng Lan, cựu thành viên VBNHK phụ trách văn nghệ phụ diễn. Niềm vui chắc chắn khác là buổi họp mặt Văn Nghệ Sĩ vào tối Thứ Bảy tại tư gia Văn Hữu Như Phong. Mỗi lần vui chơi, ngủ lại nhà Như Phong là một kỷ niệm khó phai! Đã hơn một năm qua, TT/VBNHK mới có buổi sinh hoạt Văn Học tại Dallas. Tiếc rằng Văn Hữu Thu Nga, PCT/ Ngoại vụ TT/VBNHK, Giám Đốc Đài Phát Thanh Saigon - Dallas đang ở Âu Châu, nên không thể tham dự.

Từ đầu tuần nhóm Văn Hữu (VH) Houston chúng tôi rất vui và mong đợi ngày gặp lại Dương Thượng Trúc (Huy Tâm), người bạn đa tài mà tôi đang họp tác thực hiện trên 300 chương trình Văn Học Nghệ Thuật cho các đài phát thanh; “*Diễn ngâm chi bảo*” Hà Linh Bảo đến từ Wichita, KS; VH Ngô Sỹ Hân đến từ Michigan. VH Như Phong đang hành nghề “*khách đường xa*” vẫn thường xuyên ghé cơ sở làm việc của chúng tôi “*lai rai ba sơi*”. Nhớ lần họp mặt

trước ở nhà Như Phong còn có Danh họa Vũ Hối, Ca sĩ Mỹ Lan... Vui chơi, ca hát đến 2,3 giờ sáng... Quý bà mới chiếm các phòng. Quý chàng “*di tản chiến thuật*” đến các salon... “*hợp tấu*” “*khúc ca mùa hè*”... như tiếng ve gọi nắng.

Buổi ra mắt sách có ẩm thực khai mạc lúc 1 giờ trưa. Theo ý Sư Huynh Hà Linh Bảo “*nếu không có phái đoàn từ Houston lên tham dự, tiệc ra mắt sách này cũng không có gì đặc biệt*”. Ngoài lời giới thiệu của Chủ Tịch TT/VBNHK Túy Hà, còn có phần phát biểu cảm tưởng của nhà thơ Mỹ Nhung, thành viên “*Cụm Hoa Tình Yêu*”. Vĩnh Tuấn trình diễn văn nghệ. Riêng Dương Thượng Trúc là MC tổng quát và hát “*Anh Còn Nợ Em*”. Nhà thơ Hà Linh Bảo cùng với Hoàng Lan giới thiệu quan khách tham dự. Hà Linh Bảo diễn ngâm bài thơ của tác giả Như Hoa. Ban nhạc Hoàng Lan phụ trách khá xuất sắc phần văn nghệ. Dĩ nhiên TT/VBNHK cũng ủng hộ phần tài chính đáng ca ngợi! Gặp lại nhà báo Phạm Bá Vinh. Gặp gỡ chủ bút Mộng Tuyền của Nguyệt San Bút Tre về từ Arizona cùng Mẹ. Cô cũng là MC văn nghệ. Gia đình tác giả Như Hoa Lê Quang Sinh đáng được ca ngợi vì đã ủng hộ, chăm lo ông. Quan khách thấy sự ấm cúng, quan tâm cho nhau của đại gia đình. Trong lúc chụp hình lưu niệm, Hoàng Lan có hỏi thăm “*Quán chiều Tương Như còn hoạt động không anh?*”. Tôi trả lời “*tại huynh mới chiêu đãi khách hôm tối Thứ Hai vừa rồi nè!*”

Gần 3 giờ chiều Dương Thượng Trúc cảm ơn quan khách và tuyên bố chấm dứt chương trình ra mắt sách. Anh chị em văn nghệ sĩ cùng đến nhà Như Phong gồm phái đoàn Houston, AC Túy Hà, nhà thơ Mỹ Nhung, Vĩnh Tuấn, Đào Lê, Phạm Tương Như. Từ Wichita, KS có Dương Thượng Trúc, Hà Linh Bảo, Ngô Sỹ Hân. Từ Dallas có Phạm Bá Vinh đi cùng nhà báo Hoài Thanh về từ Virginia. Hoàng Lan nhờ tôi nhắn tin địa chỉ nhà Như Phong để cô đem thức ăn đến sau khi về đón cháu.

Lâu lắm nhà Như Phong mới có cuộc rong chơi bằng hữu văn nghệ sĩ. Bàn tròn phải mở rộng chu vi vị trí ghế

ngồi. Các món sushi, lẩu dê, gỏi gà, cơm chiên... Đêm càng khuya, rượu càng vui, tình văn nghệ càng đậm đà. Thơ càng hay, hát càng mùi... Hà Linh Bảo, Phạm Bá Vinh, Vĩnh Tuấn, Như Phong càng tranh cãi văn thơ “*thiên hạ sự*”. Theo ý Đại Huynh Hà Linh Bảo thì tiệc “*Văn Học Nghệ Thuật*” nào cũng vui nhờ tiệc “*tiên thường*” hoặc “*hậu thường*”. Hai vị Hà Linh Bảo và Vĩnh Tuấn ngâm lại nhiều bài thơ tiền chiến... Dĩ nhiên giọng ngâm một thời “*Tao Đàn*” hay “*Mây Tàn*” cùng giọng nam hay nhất của Houston cho anh chị em những giây phút... ngâm ngùi. Đến 11 giờ rưỡi, Hoàng Lan, cô ca nhạc sĩ, trưởng ban nhạc, có đôi mắt đẹp, mái tóc dài “*tóc ơi là suối hay mây, mắt sâu vực nhớ lưu đầy hồn ai*” đến với nồi cháo nóng hổi, có cả “*giò chèo quẩy*”. Cô tự múc cháo cho mọi người, rắc tiêu, hành thái nhỏ cho từng người... Viết lách càng lúc càng nghèo, nhưng cảm xúc càng dài lâu càng thấm đậm tình nhân bản là vậy... Hoàng Lan gửi tôi tập thơ “*Một Đồi Yêu Lính*” của cô để nếu sau này cô quên gửi bài thì tôi chép lại, cho vào tạp chí Tin Văn hay Trầm Hương. Cuộc vui đến quá hai giờ sáng thì bắt đầu có người “*bỏ lỡ cuộc rong chơi*”, khép mắt mộng du để quên bằng nhân gian... Chờ sáng “*lại bắt đầu*”.

Xuống Biển

7, 8 giờ sáng thì chủ nhà phải đi làm. Bà xã Như Phong trông thật gầy! Thím có vẻ mệt mỏi và thất sắc! Làm việc từ sáng sớm đến 9 giờ tối mỗi ngày, qua mấy mươi năm! Vợ chồng Như Phong chỉ có một con trai. Sau 4 năm dự đám cưới con trai. Nay đã có 3 cháu nội gái, một cháu trai! Anh Chị Hạnh – Thu Nga đang ở Âu Châu, nhà báo Trương Sĩ Lương đang rất bận. Chúng tôi có quá nhiều thì giờ cho ngày Chúa Nhật... Trời mệnh mông, ngày thên thang mà đời người hữu hạn... Hẹn đón bà cháu Mỹ Nhung và về lại Houston! Đang pha cà phê và ngồi quanh bàn tròn... thì Cù Hòa Phong gọi Vĩnh Tuấn báo tin... “*đất trời nghiêng đổ*”. Vĩnh Tuấn báo tin trong ghen ngào “*Nguyễn Mạnh An Dân*” đã chết vì tai nạn xe cộ!” Nhóm Dương Thượng Trúc,

Hà Linh Bảo, Ngô Sỹ Hân vừa rời nhà Như Phong chừng 40 phút. Tôi vội gọi báo tin trong nước mắt... Tôi không nói được gì nhưng nghe tiếng Trúc kêu “trời ơi!”... Hai người “*bạn tù*” cùng trại. “*Chết đứng từ năm Bảy Lăm. Bảy giờ mới chịu chết nằm đấy thôi!*” (thơ Nguyễn Hữu Nhật). Tôi phụ trách lái xe trong khi Túy Hà gọi điện thoại báo tin đến bạn bè và thành viên Văn Bút. Mỗi lần như vậy, không hiểu sao tôi lại rơi nước mắt! Anh Yên Sơn gọi điện thoại. Tôi báo tin dữ và nghe tiếng “*nắc*” của Yên Sơn! “*Tiếng Thét*” và tinh thần đấu tranh, tính khí của Nguyễn Mạnh An Dân cho tôi sự kính trọng rất đặc biệt! Tôi biết anh chị An Dân xem tôi là “*Bạn*”. Nhưng tôi không phải là bạn của anh. Anh là Thầy tôi trên nhiều phương diện trong đời sống một người Việt Nam thuần túy yêu nước thương dân! Điềm lạ là trong mấy tháng gần đây anh An Dân điện thoại cho tôi ít nhất một lần trong tuần. Có khi 2, 3 lượt! Anh mới hỏi hừ và than buồn. Anh nói rất có thể sẽ tìm việc “*bán thời gian*”, đi làm giải khuây. Anh An Dân rất cầu toàn. Tôi có cảm giác như anh muốn giúp các chương trình phát thanh mà Huy Tâm (Dương Thượng Trúc) đang thực hiện.

Nguyễn Mạnh An Dân, Túy Hà, Yên Sơn, Vĩnh Tuấn là các vị từng cu rơ mang, chăm chút, hy sinh thời gian lo cho VBNHK. Năm nay bốn vị đều về hưu. Tôi chợt có ý nghĩ lạ là thét đái “*tứ vị*” một cuối tuần vui chơi cùng bằng hữu. Tôi tự thuê chiếc xe nhiều chỗ ngồi rất đẹp, vừa làm tài xế (tôi vốn là tài xế máy bay C130, 4 động cơ bán phần lực, lớn nhất của Không Quân VNCH) lái đưa 4 vị lên Dallas sinh hoạt Văn Học và ghé thăm các thành viên Văn Bút trên đó. Có thể sẽ thu âm vài chương trình cho Đài Phát Thanh của Giám Đốc Thu Nga như đã từng thực hiện. Điều trở ngại là cùng ngày Thứ Bảy 07/09/19, ở Houston có buổi hội thảo “*Tù nhân lương tâm*”. Nên anh An Dân và Yên Sơn cảm thấy chương trình này quan trọng hơn. Ngày Thứ Năm 5/09/2019 hai anh trả lời tôi là sẽ không đi Dallas.

Đã 3 ngày trôi qua, nổi bàng hoàng trong tôi vẫn y nguyên. Tôi vẫn bị mất ngủ và không làm việc được! Các VH Yên

Sơn, Lê thị Hoài Niệm, Túy Hà, Vĩnh Tuấn đang tích cực giúp Chị Kiều, phu nhân anh An Dân, và cháu Được Sĩ An Dân, cùng gia đình Cường Để, Nữ Trung Học Qui Nhơn lo phần hậu sự. Dù gia đình anh An Dân có nhận phúng điếu hay không, trong chỉ 24 giờ gầy quĩ chúng tôi đã chung góp được trên 5 ngàn đô. Với tôi, sự kiện này đã là thước đo tình cảm bạn bè, các văn hữu đối với nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân.

Tôi không dám lạm bàn về thơ văn, hay nghề làm báo của anh. Tôi chắc nhiều vị khác sẽ phân tích, phê bình những chuyên môn này. Đặc biệt “*Giới thiệu tác phẩm*”, tôi chưa biết ai “*ứng khẩu*” hay và *sâu sắc*” bằng anh.

Gia đình tôi may mắn được anh chị An Dân xem là bạn. Chúng tôi cầu nguyện Hương Linh anh sớm siêu thoát về miền Lạc Cảnh. Tôi biết trong đời sống thường nhật, anh không nợ nần gì ai!

*“Nợ trần ai anh trả hết, chuyện gia đình đã tạm yên, tình văn thơ không đoạn kết, hương linh trụ miền an nhiên
Như nén hương lòng thắp bốn cõi, tưởng niệm người lính chiến Việt Nam, nước non giống nòi lên tiếng gọi, hồn thiêng sông núi nợ muôn năm”*

Vĩnh Biệt Nhà Văn Nguyễn Mạnh An Dân,
Cựu Chủ tịch Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Thành Kính Phân Ưu cùng Chị Kim Kiều và Tang Quyển.

Thành Kính Chia Buồn cùng Gia Đình Cường Để, Nữ Trung Học Qui Nhơn và Hội Ái Hữu Quang Trung

Phạm Tương Như

TTK/TT/VBNHK

10/09/2019

PHẠM NGŨ YÊN

CHIA TAY VỚI NGƯỜI LÍNH KHÔNG VŨ KHÍ

1.

Tháng 9 nghe cơn bão đi qua. Nhưng tháng 9 còn có nỗi buồn khác. Khi tôi trở về đường Bellaire, ngang qua Hồng Kông 4, có tiếng gió vịn ngoài cửa kính xe. Cùng lúc tiếng chim non ngỡ ngàng kể về một người lính vừa thực sự nằm xuống.

Tình cầu nào anh đến chiều nay và ngọn gió nào nâng anh lên chạm đến một vịnh hằng? Hôm nay anh đã rời bỏ chúng tôi để chạm tay vào ranh giới/ những điều giữa có và không, giữa còn và mất... Những năm tháng anh sống thân nhiên như một chiếc bóng giữa đời thường nhưng đẹp lạ kỳ và lấp lánh lạ kỳ. Cái thời mà anh chưa biết hoang tàn tình yêu. Chưa nhạt màu tóc trẻ.

Hạnh phúc không là những cơn mưa mau, nhưng sao anh giống như một trượng phu băng qua bóng đêm và gắng sức ngược dòng. Những dòng văn của anh, dù trong hình thái nào, trong cách viết nào cũng ngào ngạt những điều ngỡ rất cũ xưa, nhưng tươi mới trong lòng người đọc. Anh đã nói thay cho chúng tôi những điều phải nói.

2.

Đọc anh, cùng lúc khám phá ra anh sự bí mật đằng sau một buồng tim khát khao điều thiện mỹ. Mỗi con chữ là một lấp lánh cõi lòng lạc quan dù đôi lúc nổi đau ứa về thơm lừng. Anh chớ không là ai khác, đã đem những người lính bại trận vào mọi trang văn. Đằng sau những trang văn là một đầm đìa Tổ quốc mang tên Việt Nam. Nơi từng chứng kiến bất hạnh và lạc thú như định mệnh quần quanh bên suối đời nhân quả. (Nơi mà những chàng trai cô gái nắm tay vào đời. Họ lớn lên như cây và hồn xanh như lá. Những bàn chân chưa biết mỗi đường dài. Những tháng năm chập chờn như bóng.)

Giá như chúng ta không nói với nhau lời từ biệt thì hay biết bao! Những trang đêm trang ngày của một người lính sẽ như một mùi thơm...

Có những nỗi đau không thể nói bằng lời.
Và chúng ta, không cần phải khóc...

3

Ai đó nói rằng: “Mặt trời chẳng bao giờ hiểu được nó tuyệt vời như thế nào, cho tới khi nó ngã xuống bức tường của một tòa nhà”.

Anh cũng vậy. Chắc anh không biết anh tuyệt vời thế nào trước những điều anh để lại cho đời. Những bước đi chân cứng đá mềm và một trái tim nhân hậu.

Anh đi qua chúng tôi nhẹ nhàng, không vồn vã. Cũng không hối tiếc những gì chưa kịp đủ. Những gì anh đã làm thì đã làm rồi. Những vinh quang và những vòng nguyệt quế anh đâu có cần... Anh chỉ cần mọi người nhớ đến anh... Phải không?

Hôm nay Houston đang ngày chớm thu.

Có điều gì đó cuối đường chia tay khi gió heo may về đơn lẻ.

Có điều gì đó sáng nay làm cho những trái tim chợt lạnh... chợt nhớ...

Vòng bánh xe lăn không muốn níu chân ai lần nữa. Những chiếc lá không còn thiết tha xanh. Chúng lặng im vì cũng cảm nhận được tiếng thở dài thành tiếng nấc trong khi nỗi đau thì không hình hài.

NGUYỄN MẠNH AN DÂN, người lính già của mặt trận Nam Hoa Kỳ- một trong những cổ thụ trăm năm đã từ bỏ chúng ta đi ngày hôm qua rồi.

Đừng khóc! Tôi nhủ lòng. “Đã quen với nhiều mất mát lắm mà... Tôi ơi, Đừng khóc!”

PNY

LÊ THỊ HOÀI NIỆM TIỄN BIỆT NHÀ VĂN NGUYỄN MẠNH AN DÂN

Một nén nhang đưa tiễn linh hồn nhà văn về yên nghỉ đời đời ở chốn vĩnh hằng.

Anh ra đi là bỏ lại phía sau tất cả muộn phiền lo lắng và ưu tư về những chuyện đời thường trong cuộc sống. Dẫu biết rằng ai rồi cũng phải ra đi, không trước thì sau nhất là vào cái độ tuổi “thất thập cổ lai hy”, nhưng khi nghe anh Yên Sơn báo tin anh ra đi đột ngột, thật sự tôi đã liệng cái vò nước đang tưới cây mà ngồi thừ xuống đất.

Gì vậy trời? Chỉ trong vài phút rời nhà mà anh ra đi mãi mãi không về thật sao?, không lẽ có người “hẹn” anh đến nơi để cùng anh đi về chốn khác (?) bỏ lại chị Kiều trong hoàn cảnh đi đứng khó khăn, đôi mắt cũng không còn tinh anh, sáng rõ. Nhớ hôm nào anh chị đưa tôi về trên chiếc xe mới tinh, anh “khoe” rằng cháu trai sợ anh chị đi xe cũ có thể hư hỏng dọc đường, mà sức khỏe anh chị cũng không khá mấy, nên cháu mua cho chiếc “xe mới” để dễ bề di chuyển, nên tôi cũng được... ngồi ké mỗi khi đi họp Văn Bút ở nơi xa...

Nhưng hôm nay Văn Bút Nam Hoa Kỳ đã thật sự mất anh, và cá nhân chúng tôi cũng vĩnh viễn mất đi một người bạn văn chương mà tôi luôn quan tâm quý mến. Tuy sinh sống trong cùng thành phố nhưng ít cơ hội gặp để biết nhau trước kia, dù “chữ nghĩa” vẫn là niềm vui, là nỗi trăn trở của những người còn để tâm đến nó. Để tâm đến chữ nghĩa

không phải chỉ để giải tỏa những buồn vui trong cuộc đời, hay để ru người, ru ta, hoặc tìm lại những gì đã mất, mà chúng tôi cùng có một điểm chung là dùng ngòi bút để làm một chút gì cho quê hương bỏ lại bên kia, tìm thấy được nền tự do dân chủ cho cuộc sống đúng nghĩa như những người ra đi sinh sống tại xứ người. Và tôi đã tham gia vào sinh hoạt Văn bút, lúc đó anh Nguyễn Mạnh An Dân đang làm Chủ tịch Ban Chấp Hành.

Qua bao “thăng trầm” trong tổ chức, anh chị em vẫn quy tụ sinh hoạt với nhau, và những tác phẩm văn chương ra đời đều đều, VBNHK vẫn là thành trì chống cộng, vẫn đứng ra làm con chim đầu đàn tổ chức những buổi ra mắt sách và anh NMAD vẫn là người “giới thiệu” tác phẩm đến với người đọc. Với anh, ngoài ngòi bút là một vũ khí sắc bén để anh gửi gắm tư tưởng muốn tìm lại tự do cho xứ sở đến với người đọc, mà lời nói càng có sức thu hút, lôi cuốn người nghe hơn nữa. Hình như tất cả những bạn văn khi giới thiệu một tác phẩm đến với người đọc thì anh NMAD là một diễn giả tài ba nhất, anh nói không cần giấy bút, anh nói từ cái tâm, anh nói từ cái nhìn sâu sắc xuyên suốt qua tác phẩm, anh chỉ cần nắm vững nội dung là anh có thể đưa người nghe tìm thấy những điểm cần thiết trong tác phẩm mà tác giả muốn trao gửi cho người đọc..

Và bây giờ anh đã đi thật rồi, anh bỏ chúng tôi, những bạn văn của anh ở lại đây trong ngõ ngàng tiếc nuối, thương cảm. Đúng là một mất mát quá lớn lao cho Văn Bút Nam Hoa Kỳ sau gia đình và bà con dòng tộc của anh. Nhưng... nói gì thì anh cũng đã ra đi.

Một lời cầu nguyện chân thành mong linh hồn anh về yên nghỉ cõi bình an, ở đó sẽ không còn tranh đua hơn thiệt, ở đó chắc mọi người sẽ sống hài hòa, chia sẻ với nhau những buồn vui bất gặp. Tâm thanh thân, hồn viên mãn!

Gửi lời chia buồn đến chị Kiều, người bạn đời của anh chúng tôi rất khâm phục, thương mến, hễ có anh xuất hiện thì có chị kề bên, ít có “Vợ Chồng” nào mà tâm đầu ý hợp như chúng tôi nhìn thấy nơi anh chị. Mong chị và cháu An Dân có đầy đủ sức khỏe và nghị lực để vượt qua nỗi đau này.

*Bàng hoàng, tin anh ra đi,
Cứ như cơn gió tức thì bay xa
Dẫu rằng trong cõi ta bà
Sinh lão bệnh tử mới là... trần gian
Mấy ai vỗ ngực thoát nần
Dương gian sống mãi an toàn cuộc vui(?)
Nhưng sao vẫn thấy ngậm ngùi
Chỉ trong tích tắc thôi rồi: mất anh!
Anh đi bỏ chị, nỡ đành?
Lời thương trao lại gói vảnh khăn tang.
Cho người ở lại riêng mang
Tình cơn mộng mị hai hàng lệ rơi.
Anh đi về với đất Trời
Nguyện hồn siêu thoát thành thơ Niết bàn
Nén hương tưởng niệm tỏa lan
Mười phương chư Phật thành tâm khẩn nguyện.!*
Lê thị Hoài Niệm

SONG THY

VÀN THƠ THƯƠNG TIẾC!

Cổ văn sĩ Nguyễn Mạnh An Dân-Nguyễn Mạnh Dạn)

Hỡi Chú Nguyễn Mạnh An Dân ơi!
Cõi xa xăm ấy nhớ mỉm cười
Nhắm mắt xuôi tay rồi mới biết
Đẹp sao nhân nghĩa với tình người!

Qua làn hương khói quyện tỏa lan
Tiễn hồn chú Mạnh Dạn bình an
Tiêu dao ngày tháng nơi tiên cảnh
Vung tay múa bút giữa gió ngàn

Thôi thế cũng xong một kiếp người
Sắc không không sắc bóng chiều rơi
Sinh ký tử quy ai tránh khỏi
Còn chút tâm tư để lại đời

Vần thơ thương tiếc phút chia tay
Lòng đã dãn lòng, sao mắt cay!
Hình như hương khói làm hoen lệ
Chút tình xin gửi gió mây bay...



September 11, 2019

Trương Sĩ Lương. – Khi bắt tay nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân thật chặt trong buổi ra mắt tác phẩm của anh: *“Lá Quốc Kỳ và Người Lính Cũ”* tại Trụ sở CĐ Người Việt Quốc Gia Dallas, tôi vui vẻ hỏi: *“Bạn già muốn tôi nói gì để giới thiệu anh với độc giả đây?”* Anh cười và chìa trang đầu của cuốn sách bằng lời giới thiệu ngắn khoảng nửa trang sách của anh: *“Nói cỡ chừng này là được rồi...”* Tôi đọc nhanh lời anh viết:

“Bi kịch của đất nước và thảm kịch của mỗi phận người hình như đã làm tôi bớt đi những mơ mộng. Trái tim vốn từng có thời rộn rã của tôi như bị xé ra từng mảnh nhỏ: một chút ở lại với những anh em, đồng đội trên các chiến trường máu lửa; một chút buồn rầu cùng nỗi bi uất của bạn bè trong các trại tù lớn nhỏ; một chút muôn phiền của đồng bào trong các trại tỵ nạn thời đóng cửa thanh lọc bẽ bàng; và đôi lúc một chút bưng bưng vì những tiếng gọi: “Dù nơi xứ người lựa là phủ thân, nào hơn quê ta muôn đời hoa gắm, nam nhi bảy thước tay súng với tay cờ, lời nguyện xưa vang trong tim ta với những lời rục rủa...”

“Nhiều lần không vui, tôi đã bực bực với những bằng hữu thân thiết về nỗi đau rất đậm, rất dài của mình. Những lúc như thế, hầu như tất cả mọi người đều im lặng, mặt người

nào cũng thân thờ và mắt ai cũng xa vắng, u uẩn. Hình như không chỉ tim tôi bị xé nhỏ và nỗi buồn tưởng như rất riêng của tôi lại thật chung... “Tập sách nhỏ này, không chuyên chở điều gì mới mẻ, không trao gởi điều gì to tát, nó chỉ đơn giản như một cách gom lại những đoạn rời về những nỗi đau chung, để cùng buồn vui, cùng kiêu hãnh và ngậm ngùi. Lời của NMAD

Tôi gấp sách lại và nói với anh: “Tôi sẽ nói về anh đậm nét hơn...” Anh im lặng!



Sau đó, không lâu, khi lên sân khấu giới thiệu về anh, tôi chỉ nói sơ qua những lời anh viết ở trên, rồi tâm tình với anh và khán giả qua đề tài:

“Bổn phận của người cầm bút trên xứ người với nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân.

Chúng tôi rất hân hạnh được giới thiệu cùng quý vị, nhà văn NMAD, thế hệ của chúng tôi, sinh ra và trưởng thành trong thời chiến tranh ly loạn. Hàng hàng lớp lớp thanh niên thời đó phải lên đường theo nghiệp đao binh, cầm súng chống lại CSBV xâm lăng, trong đó có Nguyễn Mạnh Dân, anh lại còn đeo thêm cái nghiệp cầm bút với bút danh Nguyễn Mạnh An Dân. Đúng. làm trai là phải Mạnh Dân như cha mẹ đã đặt tên khi anh chào đời. Và anh quyết chí An Dân cho bằng được với ngòi bút... Nhưng bất hạnh thay, đất nước đã tan hoang dưới đôi dép râu của CSBV! Nửa đường đứt gánh, anh đành nằm chung cùng phận đời bi đát với hàng vạn thanh niên khác bên trời lận đận, khổ đau, nghiệt ngã từ thân đến tâm trong chốn lao tù.

Thế nhưng, khi không còn cầm súng chiến đấu với quân thù...thì ngòi bút của anh cũng vũ bão nơi nào anh đến, ở hay đi, lang thang hay dừng bước nơi tạm trú. Cuối cùng, định cư nơi xứ người với nỗi buồn lưu vong... anh vẫn chiến đấu không ngừng cho một ngày về với cờ Vàng Tung Bay trên đất Mẹ Việt Nam.

... Về cái nghiệp của người cầm bút mà nhân sinh tự cổ cho rằng “vì bản chất người nghệ sĩ, sống nhiều với cảm tính,

nên dễ mềm lòng trước những cạm bẫy của thời thế thời. Phải thành thật mà nói là một số nhỏ văn nhân thường bị những thế lực chính trị lung lạc, đưa họ vào mê luy nhất thời mà sức phản đáp về ý thức và thái độ chính trị không thể cưỡng lại. Vâng — Mẹ Việt Nam đã tạo ra biết bao nhiêu cây bút lưu danh muôn thuở, nhưng cũng có lắm kẻ trở thành những đũa “lưu xú vạn niên”. Đó cũng là lẽ thường của trời đất, hễ có dương thì có âm, có chánh thì có tà...



Thế nhưng, giai đoạn lịch sử nào cũng thế, những cây bút sử dụng “văn dĩ tải đạo”, bằng áng văn trong sáng, hướng thượng, lý luận có sức thuyết phục nhằm đánh gục chủ thuyết vô thần có di hại tới sự sinh tồn của dân tộc — như loại tà thuyết cộng sản còn hoành hành trên đất nước chúng ta hiện nay — vẫn vững như bàn thạch, rất là cần thiết để kích thích những người cầm bút quốc nội đứng dậy làm lại cuộc cách mạng nhân tâm, xóa bỏ chế độ tài bạo tàn cộng sản VN cho dân tộc hồi sinh.

Nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân là người cầm bút trong giai đoạn mà dân tộc đang cần sự đóng góp tích cực về mặt tinh thần: dựng lại người, xây lại xã hội đã và đang tha hóa trầm trọng vì đại họa cộng sản gây ra. Do đó, anh không thể cầm bút để viết lên những áng văn chương chất ngất yêu đương bi lụy, khóc than cho thân phận bọt bèo, mà phải viết bằng những lý luận nhân bản đầy thuyết phục, vạch rõ âm mưu

thâm hiểm, bẻ gãy các chiến dịch văn hóa vận, bầy sập tinh vi của cục tuyên vận csvn.

Chính những người cầm bút như anh, như bạn, phải có bốn phần đóng góp, lên tiếng, vạch rõ bước đi của những kẻ giấu mặt, chứ không thể đổ lỗi cho độc giả, khán thính giả thờ ơ trước các trận chiến tuyên truyền, đầu độc tuổi trẻ của CSVN ngày một mạnh mẽ hơn.

Chính ngòi bút của các anh mới có khả năng hướng dẫn dư luận quần chúng “tránh xa những viên thuốc độc bọc đường”. Chính các anh là những chiến sĩ lâm trận mà cổ nhân thường nói: *“Một cây bút có thể đánh gục cả một sư đoàn địch”*.



Bốn mươi hai (42) năm rồi, dân tộc chúng ta vẫn chưa thoát khỏi chế độ độc tài toàn trị csvn. Mặc dù chủ thuyết CS đã rụi tàn. Những con người cộng sản xấu xa đã thật sự lòi mặt nạ phi dân tộc mà ai cũng biết...Giờ báo tử của họ đã điểm! Chúng tôi tin rằng chế độ bạo tàn độc ác ấy sẽ phải sụp đổ để được thay thế bằng một chế độ dân chủ tự do thật sự cho dân tộc Việt Nam.

Khi đất nước không còn bóng dáng cộng sản; khi hận thù được hóa giải... chính bạn sẽ dùng ngòi bút, tô đậm bức tranh tuyệt vời của quê hương đất nước từ nam chí bắc. Ở đó bạn có thể dừng lại trước một cánh đồng lúa chín vàng để nghe những điệu hò của người nông dân cất cao trong nắng sớm. Ở đó bạn có thể bắt gặp ánh mắt triu mến và nụ cười

thật hồn nhiên của những thiếu nữ đang cấy lúa non xuống thửa ruộng ngập nước... Và, chắc chắn ở đó các bạn trẻ (không phải chúng tôi), có quyền lãng mạn bằng những đoạn văn tả chân các thiếu nữ có mái tóc thơm mùi lúa mạ xanh non của đất Mẹ Việt Nam yêu dấu. Xin trân trọng giới thiệu nhà văn NMAD với tuyển tập “Lá cờ Vàng và người Lính cũ.”



Anh đã ra đi!

Sáng sớm Chủ nhật 8/9/2019, VH Túy Hà gọi thông báo NMAD đã lặng lẽ ra đi không kịp từ giã người thân, bạn bè... vì một tai nạn lưu thông tại Houston, Texas trưa ngày Thứ Bảy 7/9/2019. Tôi lặng người không nói thêm một lời! Bàn tay ôm trán và thở dài! Năm nay sao nhiều bằng hữu lìa trần như thế!

Anh đã ra đi quá đột ngột làm cho nhiều văn hữu, bạn hữu và độc giả tiếc nuối một hàn sĩ suốt đời sống cho quê mẹ Việt Nam với những trăn trở khôn nguôi. Những lần tổ chức VBVNHN gặp khó khăn vì tranh chấp nội bộ một cách phi lý, kỳ lạ, gần như bế tắc, khiến nhiều văn hữu nòng cốt bắt đầu ra đi, nhưng chúng tôi, từ ngày ra gánh vác công tác khoảng từ năm 1995 cho đến nay gần 25 năm, vẫn còn sinh hoạt. Có lần anh tâm sự: “Nhiều văn hữu cựu trào đã lặng lẽ ra đi, nhưng anh và tôi phải ở lại cho đến cùng... Anh luôn luôn dồn nỗ lực đấu tranh cho một ngày về khi quê hương không còn bóng dáng cộng sản vô thần. Bây giờ thì anh đã thật sự bỏ tôi mà đi rồi!

Bây giờ anh đã đi rồi

Đoạn lìa cõi tạm về nơi vĩnh hằng...

Anh đi chẳng chút băn khoăn

Đằng vân thăm mẹ Việt Nam rồi

Có linh thiêng, tiếp tay dựng lại người...



Trương Sĩ Lương

Chớm thu năm 2019



HUỲNH CÔNG ÁNH

Bài Ca Khóc

Nguyễn Mạnh An Dân

*Sáng hôm qua anh gửi một bài văn và
Gọi hỏi thăm
Sáng hôm nay nghe tin anh đã
Tù trần
Bàng hoàng tái tê
Nghe lệ chảy vào lòng
Ôi! Người văn, người thơ, người tù, người lính*

Anh đã không chết trong chiến tranh
Anh đã không chết trong các trại tù
Anh đã không chết trên đường tìm Tự do
Mà chết nơi tạm dung thảm khốc bất ngờ

Ôi! Cuộc đời quả là giấc mơ
Ôi! Cuộc đời dẫu là cõi tạm
Mà ai không tiếc thương, không sầu không thảm
Cho người vừa nằm xuống
Người đó là anh

Anh đã vội vàng vào cõi hư vô
Bỏ lại thơ văn lung linh từng con chữ
Bỏ chí că, trai hùng bên bờ sinh tử
Bỏ lại đây bao thương tiếc vô bờ

Huỳnh Công Ánh /07/9/2019



Một góc trời Tây Bắc
Nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân

LINH VANG

Lần đầu tiên tôi nghe đến tên anh là khi người anh họ của tôi là anh Sông Côn đưa một bài viết của anh vào diễn đàn Đặc Trưng, và anh SC kêu tôi vào đọc đi, bài của một cây viết gốc người Bình Định (như anh và tôi). Anh SC cũng rủ tôi gia nhập vào diễn đàn này, nói là sinh hoạt cho vui, và bày tôi cách gia nhập.

Tôi nhận ra là mình đã biết trề, hẳn cũng 5 năm là ít để biết về trò chơi diễn đàn, thế giới ảo.

Đó là bài viết về những quán cà phê ở Sài Gòn vào những năm 60, 70.

Hai anh có nhiều điểm giống nhau: đều là người Bình Định; cựu học sinh trường trung học Cường Để, Quy Nhơn; sau đó xa nhà, tiếp tục việc học trong Saigon, ở cư xá Minh Mạng dành cho sinh viên; và cùng có cái thú uống cà phê, rành nhiều tiệm quán cà phê ở SG.

Bài viết đó tạo một không khí sống động, nhớ quê hương ngút ngàn cho những anh chị lớn tuổi hơn tôi trong diễn đàn, khi nhắc tới những quán cà phê quen thuộc mà họ đã hay đi uống khi còn ở SG, một cái thú mà tôi vì còn nhỏ tuổi khi còn ở quê nhà nên đã không biết.

Sau này, tôi có dịp đọc nhiều bài của anh Nguyễn Mạnh An Dân khi cùng sinh hoạt trong Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, nhưng vẫn chưa gặp mặt nhau ngoài đời, cho tới khi tôi về sinh hoạt ở trung tâm nơi anh từng làm chủ tịch 2 nhiệm kỳ, là Trung tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ, Houston.

Giờ Cuối Ở Một Đơn Vị Nhỏ là một truyện ngắn nhưng lại rất dài, trên 17 ngàn chữ.

"Giờ Cuối", tôi có thể đoán được phần nào cái đoạn kết, nhưng tôi vẫn hồi hộp đọc một mạch xem cái đơn vị nhỏ bé, lẻ loi, tan thương này có qua được vùng quốc gia hay không. Đoạn cuối của truyện đã làm tôi bật khóc. Bị bao vây tứ phía, trải qua bao gian lao, kẻ còn, người mất,...niềm hy vọng cuối cùng là qua được sông. *Dòng sông Vàm Cỏ rộng lớn phía sau như một chướng ngại vật thiên nhiên tuyệt vời bảo vệ mặt lưng đơn vị, còn phía trước là quân bạn, như vậy không có gì đáng lo ngại nữa...*(Nguyễn Mạnh An Dân).

Thế mà...!



Nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân - Linh Vang

Lần gặp mặt thứ hai khi tôi về Houston dự Văn Bút, đứng nói chuyện với nhau nhiều hơn, tôi mới có dịp cho anh biết cảm tưởng của tôi khi đọc cái truyện này - mà khi đó đã không nhớ cái tựa đề, chỉ nhớ là một nhóm lính VNCH cố

thoát vùng vây khắp phía của quân thù cs, tìm về vùng quốc gia.

Anh nói, thấy sao viết vậy, không có bố cục, sắp xếp gì cả.

Khi chấm dứt câu chuyện, tôi lại nói với anh câu tôi vẫn hay nói. *Em nợ các anh.*

Dưới đây là đoạn văn cuối của truyện ngắn Giờ Cuối Ở Một Đơn Vị Nhỏ:

...Tùng sang sông theo đợt quân cuối cùng. Đơn vị đã qua hết và mọi người đang nằm, ngồi rải rác trên cánh đồng. Phía xa đằng trước là một xóm nhà rải dọc theo quốc lộ, với xe cộ đi lại tập nập trên đường. Niềm vui về được đất nhà như làm mọi người hồi sinh, quên hết mệt nhọc. Tùng thở phào như

trút được một gánh nặng, để mọi người tự do muốn làm gì thì làm. Tùng nhìn bao quát lượng định tình hình. Dòng sông Vàm Cỏ rộng lớn phía sau như một chướng ngại vật thiên nhiên tuyệt vời bảo vệ mặt lưng đơn vị, còn phía trước là quân bạn, như vậy không có gì đáng lo ngại nữa... Tùng định sẽ để mọi người nghỉ ngơi, cho người tải thương vào xóm và mua đồ ăn uống, sẽ ngủ một đêm an toàn trước khi liên lạc để nhận nhiệm vụ mới, anh ngồi bệt xuống đất, dựa lưng vào bờ ruộng nhìn ra đường. Nắng chiều dịu dịu và bầu trời trong xanh, Tùng mỉm cười nhìn xe cộ chạy xa xa và thấy vui vui khi nghĩ đã có lúc Thiên Kim đi lại trên con đường này. Người hạ sĩ già mang đến cho Tùng một gói mì khô và nói vui vẻ:

- Tôi có mang đủ đồ cho Trung úy mà nặng quá, bỏ dần, Trung úy dùng đỡ gói mì.

Tùng mỉm cười, dễ dãi:

- Còn gói nào anh ăn đi, rồi vào xóm kiếm cái gì cho tôi, mình khao quân xóm xóm một chút.

Tùng nói và mở gói mì nhai từng miếng nhỏ. Suốt ngày không có gì trong bụng, cơn đói và niềm vui làm Tùng thấy những cộng mì ngọt ngào, thơm ngon lạ thường, Tùng vừa ăn vừa nhìn ra chung quanh, những người tháp tùng đã lần lượt vào xóm, trên cánh đồng rộng chỉ còn các binh sĩ thuộc quyền của Tùng. Anh em một số đang nói chuyện, số khác đang nằm lăn ra đất, đồ đạc, súng ống vứt bừa bãi không chút e dè, phòng bị. Tùng nhìn thấy nhưng không nói gì, kệ, để anh em được sống bình thường, được làm người bình thường hưởng một chút thoải mái, nghỉ ngơi hiếm có này. Tùng rất thương những người lính của mình, đa số họ còn rất trẻ, chiến trường như một phán quan khó tính và độc ác, nó loại bỏ dần từng con người, cướp đi từng mạng sống, ít ai kịp lớn, kịp già trong chiến tranh và một lớp người khác phải thay thế. Tùng rất hiểu những chàng trai tội nghiệp này, họ cũng có một thôn làng, một góc phố, một mái nhà nào đó để nhớ về; một nụ cười, một mái tóc nào đó để nghĩ tới; họ cũng cần những phút mơ mộng, lang thang uống một ly cà phê,

nghe một bản nhạc; những ước mơ rất bình thường, rất con người mà họ phải từ bỏ tất cả; đời sống có một chút kiêu hãnh nhưng rất nhiều chua xót. Tùng hiểu và anh đã cố gắng dung hòa giữa trách nhiệm của một cấp chỉ huy và tình thương của một người anh, nghiêm khắc tuyệt đối khi cần thiết và thoải mái tối đa khi có thể.

Tùng cởi giày, vắt khô đôi vớ dày dầm nước và bóp bóp hai bàn chân bạc tảng, nhăn nhúm vì bị bó ứ quá lâu của mình, anh nằm dài ra đất nhìn trời và suy nghĩ mông lung: không biết giờ này Tiểu đoàn ở đâu? Trung đoàn ra sao? Sư đoàn thế nào? Không biết Thiên Kim đang làm gì? Ở đâu? Còn cha mẹ? Tùng thấy xốn xang, đau đớn. Niềm vui thoát hiềm chỉ thoáng qua nhưng nổi lo trước mắt dằng dặc. Tùng ngồi dậy, anh nghĩ phải vào xóm ngay, phải hỏi thăm tin tức, phải liên lạc với đơn vị và tái phối trí tức thì. Tình hình này không thể và không được nghỉ ngơi gì cả. Tùng thấy mình giống như một đứa trẻ quá hưng phấn đã muốn tự tưởng thưởng mình làm được một bài toán khó bằng cách bỏ dở một buổi học. Không được, đơn vị anh đã bỏ Hậu Nghĩa, biết đâu, nhiều đơn vị khác cũng làm công việc tương tự như thế ở nhiều nơi khác và tình hình chung chưa biết thế nào, chuyện gì cũng có thể xảy ra và thời gian lúc này không thể tính bằng tháng, bằng ngày mà phải từng giây, từng phút. Tùng vội vã mang giày. Có nhiều tiếng lao xao và một nhóm người bu lại ở một góc xa. Tùng nhìn thấy một người đàn bà đứng tuổi đang quơ chân, múa tay nói một điều gì đó và nhiều người chỉ về phía Tùng. Tùng ngồi thẳng người khi người đàn bà đến gần, chị ta nhìn Tùng và hỏi trống:

- Anh chỉ huy toán quân nguy này?

Tùng trừng mắt, anh hết sức khó chịu khi nghe giọng điệu của người đàn bà nhưng cố dần lòng trả lời, cộc lốc, thách thức.

- Vâng, chị là ai, muốn gì?

Người đàn bà tiếp tục nhìn Tùng đăm đăm như đang đánh giá, ước tính một điều gì đó rồi mới mỉm cười, nói lớn, không trực tiếp trả lời câu hỏi của Tùng:

- Quân đội nhân dân đã làm chủ khu vực này, chính quyền cách mạng yêu cầu các anh buông súng.

Tùng mở tròn mắt, anh hỏi lại như không tin vào tai mình:

- Chị nói gì?

Người đàn bà chậm rãi nói tiếp:

- Tôi là ủy viên hội liên hiệp phụ nữ giải phóng, đây là xã Tân Thới Nhì. Huyện Hóc Môn. Tôi được huyện ủy và bộ chỉ huy quân sự huyện ủy nhiệm, đến đây thông báo cho anh rõ: toàn bộ các tỉnh Tây Ninh, Hậu Nghĩa, Bình Dương đã được giải phóng; Hóc Môn và khu vực chung quanh sân bay Tân Sơn Nhất, Bà Quẹo cũng đã được giải phóng, Quân đội nhân dân đang tiến về tiếp quản Sài Gòn, yêu cầu anh ra lệnh cho binh sĩ buông súng trình diện chính quyền Cách mạng. Tùng sững sờ, anh bỏ mặc người đàn bà, đứng lên cầm ống dòm nhìn vào xóm nhà. Khắp một tuyến dài dọc theo bờ xóm có bóng những người lính ghim súng hướng ra cánh đồng; trên đường, tất cả các xe đều có lá ngụy trang và cắm cờ xanh trắng, sao vàng. Tùng hiểu mọi sự, hiểu sự ý y, lầm lẫn của mình, anh lặng lẽ ngồi xuống, nhìn thẳng người đàn bà, chậm rãi:

- Tôi hiểu, nhưng tôi không thể trả lời cho chị ngay bây giờ, tôi cần thời gian, chị đi đi.

Người đàn bà ngần ngừ một chút rồi đề nghị:

- Anh làm gì cứ làm đi, tôi chờ để biết ý kiến của anh. Tùng không muốn bắt kỳ ai, nhất là người đàn bà đại diện cho kẻ thù chứng kiến những giây phút khó khăn, chua xót của đơn vị mình, anh nói dứt khoát:

- Không được, chị ngồi đây tôi sẽ không giải quyết gì hết, tùy chị.

Người đàn bà mỉm cười, tỏ vẻ dễ dãi, cởi mở của một người đang có ưu thế:

- Cũng được thôi, nhưng báo anh biết chúng tôi không có nhiều thì giờ, lực lượng của chúng tôi đầy đủ trong kia, chúng tôi đã sẵn sàng từ lúc các anh chưa sang sông, nhưng hòa bình rồi, giải phóng rồi, không nên đổ máu vô ích nữa, cả hai bên, anh suy nghĩ đi.

Người đàn bà nói xong quay người đi vào xóm nhà, Tùng ngồi im như một pho tượng. Tin tức về tình hình thất lợi đã lan khắp đoàn quân, mọi người đều bật dậy, im lặng đến gần vây quanh lấy Tùng, tất cả đều mang súng ống sẵn sàng. Tùng lặng lẽ nhìn khắp một lượt anh em, ánh mắt của mọi người làm Tùng bối rối và đau xót. Tất cả mọi người đều chăm chú nhìn Tùng như chờ đợi, như dò hỏi, như hy vọng, như trao gởi và tin cậy. Tùng cúi gằm mặt xuống, mắt mờ đi: “Đừng nhìn tôi, đừng hy vọng gì ở tôi nữa anh em ơi! Chúng ta đã lạc mất đơn vị từ sáng nay, tôi cũng nhỏ nhoi yếu đuối lắm, tôi cũng hy vọng và chờ đợi một lời khuyên, một mệnh lệnh nhưng không có gì cả, không còn ai cả. Anh em chúng ta đều lạc lõng, tội nghiệp và vô vọng như nhau. Tôi biết nói gì với anh em? Tôi quyết định được gì cho anh em? Tôi chỉ là một sĩ quan quá nhỏ bé trong quân đội, mọi quyết định ở một chỗ khác, mọi trách nhiệm cũng ở một chỗ khác, nhưng hoàn cảnh đã biến tôi thành cái gạch nối gần nhất của cả một hệ thống chỉ huy không hoàn thành trách nhiệm trước anh em, tôi phải làm tròn vai trò đó và cá nhân tôi, tôi nhận lỗi và xin thông cảm cho tôi. Tôi xấu hổ vì sự bất lực của mình nhưng tôi cũng hãnh diện được có mặt bên cạnh anh em, chia xẻ với anh em những giờ phút hào hùng và bi thảm cuối cùng. Tôi không thể phiêu lưu dẫn anh em lùi lại trong cánh đồng bung; tôi cũng không thể điên cuồng ra lệnh cho anh em tấn công vào xóm nhà, tấn công giữa một khu vực không còn quân bạn, chúng ta không còn một nơi nào để nhắm tới, tôi không còn một cách nào khác, xin hiểu cho tôi...”

Tùng chấm dứt dòng suy nghĩ và chậm rãi đứng lên. Mọi người im phắc và tất cả nóng lòng hồi hộp chờ nghe một điều gì đó từ người chỉ huy của mình. “...Tội nghiệp anh em quá, tội nghiệp tôi quá, chúng ta không có phép lạ nào hết, không có ơn phước nào đến với chúng ta lúc này hết, phải can đảm chấp nhận thực tế chua cay của số phận mình anh em ơi...”

Tùng thấy mắt mình cay cay, anh nghẹn ngào nói tiếp:
- Hoàn cảnh của chúng ta anh em đã biết hết rồi; sáng nay tôi

rất hy vọng và có hứa đưa anh em về nơi an toàn, anh em đã cố gắng hết sức và tỏ ra rất xứng đáng, rất can trường, tôi ghi nhận và xin cảm ơn, tiếc là chúng ta đã đến quá muộn, tôi đau đớn lắm và tôi biết anh em cũng như thế nhưng không biết làm sao hơn...

Có nhiều tiếng xì xào trong hàng quân, nhiều người gục đầu chảy nước mắt. Tùng ngừng lại lấy khăn lau mặt rồi ngược lên nói nhanh, mắt đỏ hoe không nhìn ai:

- Thôi, chúng ta không có thì giờ. Kể từ giờ phút này tôi không còn là cấp chỉ huy của anh em nữa, xin anh em tự lo liệu, chúc anh em may mắn.

Hàng quân trở nên hỗn loạn, mọi người đứng lên bu kín lấy Tùng, mỗi người tranh nhau nói một câu, tất cả đều muốn ở lại, muốn theo Tùng. Tùng lắc đầu, anh nói từ tốn:

- Cảm ơn anh em nhưng không được, tôi không còn làm gì cho anh em được nữa hết, đừng mất thì giờ, không biết chúng ta có còn được gần nhau lâu nữa không, xin chia tay và hy vọng có ngày gặp lại anh em. Thôi, anh em cho tôi yên một chút.

Tùng nói xong những điều khó nói nhất, anh thần thờ ngồi xuống và im lặng không nhìn ai. Đám đông ồn ào, chộn rộn, có người hốt hải lo âu, có người phẫn nộ uất ức, đau đớn oán than, họ bịn rịn và e dè chờ đợi một lúc rồi cũng lẻ tẻ kéo nhau vào xóm. Đoàn người vắng đi dần dần, chung quanh Tùng chỉ còn Mưu, mấy sĩ quan Trung đội trưởng, người hạ sĩ già nấu bếp, mấy âm thoại viên và toán biệt kích Đại đội, những người đã từng gần gũi, lăn lộn sống chết nhiều phen với Tùng. Mưu e dè lên tiếng:

- Trung úy coi lại xem có cách nào khác không?

- Không!

- Vậy chúng ta cũng vào à?

- Đúng!

Mưu tần ngần một chút rồi nói tiếp:

- Tôi không dám trách trung úy, nhưng hình như ông hơi vội!
Tùng cười buồn, anh cầm tay Mưu:

- Cậu nói đúng một phần, nếu tôi đi một mình, hoặc nếu tôi không bị ràng buộc gì với ai, có thể tôi cũng sẽ nghĩ như cậu, nhưng tôi còn chỉ huy, tôi còn trách nhiệm - trách nhiệm cuối cùng - tôi không thể liều lĩnh được. Người đàn bà hỏi này có nói một điều đúng “không nên để xương máu đổ thêm nữa”, không ích lợi gì trong hoàn cảnh này, cậu hiểu giùm tôi. Tùng không nói gì thêm, anh im lặng tháo băng đạn khẩu súng colt, lơ đãng lấy tay bấm cho những viên đạn rơi xuống đất rồi hờ hững bỏ súng vào bao, cuốn giấy ba chạc gọn ghề quanh chiếc nón sắt ngay ngắn như những lần so hàng trong quân trường, ngồi trầm ngâm một chút rồi đứng lên buông thông mấy tiếng:

- Thôi mình đi.

Tất cả đứng lên theo. Tùng như chợt nhớ ra, nói vội với mọi người.

- À! Chút nữa tôi quên, anh em nào biết nhà Trung úy Thắng, Thiếu úy Còn và các anh em thiếu may mắn khác, nếu được về sớm báo giùm tình trạng của các anh em ấy. Tôi sợ không làm được, sợ khó về. Đây là điều cuối cùng chúng ta có thể làm cho nhau, anh em cố gắng, tôi cảm ơn. (**Giờ Cuối Ở Một Đơn Vị Nhỏ - Nguyễn Mạnh An Dân**)

Ngoài tình đồng hương, còn tình văn bút, LV xin gửi tới anh Nguyễn Mạnh Dân, tức nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân một nén hương tưởng nhớ anh.

Anh vừa mới mất do một tai nạn xe cộ ở Houston, nơi anh cư ngụ.

Mỗi lần làm gì, đi đâu, anh luôn luôn cho chị Dân biết vì chị đi đứng khó khăn, mắt lại kém. Anh chị chỉ có một cháu trai, vừa ra trường, nhận công việc ở xa.

Hôm đó, chị không biết là anh đã đi đâu.

Hấp tấp gì, vội vã gì mà không cho chị biết, hử anh?

Linh Vang



Trong số này:

Lời ngỏ /3

Tôi nói với tôi/ Phở Lập MTT /5

Bốn tháng bảy/Phạm Tương Như / 9

Danh Tướng Việt/ Phạm Trần Anh / 11

Hồng Kong tháng sáu / Tuý Hà / 17

Tổ Quốc hồi sinh / Cao Nguyên / 19

TÔ THÙY YÊN Trong nỗi nhớ đầy / 29

(Trần Văn Lê, Phạm Tương Như ,Cao Nguyên, Tuý Hà, Tuý Ký)

Bạt khúc cuối Hè / Vũ Tiến Lập / 34

Vĩnh biệt Lý Tổng /Nguyễn Lập Đông/ 36

Văn Chương Nữ Quyền / Nguyễn Minh Triết /37

Thơ Mẹ / Cao Trúc Giang /71

TÌNH TRONG Ý NGOÀI /72

(Mỹ Nhung, Lê Kính, Đào Lê, Song Thy, Minh Xuân 538, Tuyết

Hồng, Trần Việt Cường, Phụng Vĩ, Hoàng Dũng)

Thị trấn Giữa hai ngọn núi / Phạm Ngũ Yên / 83

Lạc đạo 3 / Trần Tuấn Kiệt / 95

Trăng Trên Đỉnh Juneau / Diệp Mỹ Linh /96

Nhớ những mùa xưa /Cao Trúc Giang/ 106

Bên Nhau / Phạm Tương Như / 107

Gặp nhau dưới mưa / Châu Trần / 113

Đừng yêu / Túy Hà / 114

Đôi tím Sa Pa / Thu Hương Seattle / 116

Giọng ngâm liêu trai / Lưu Nguyễn Từ Thúc / 130

Bên Đồi / Lê Thị Hoài Niệm / 131

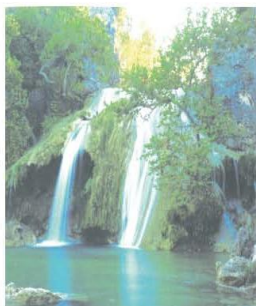
Thư / Huỳnh Công Ánh / 135

Lung linh giọt nắng / Linh Vang / 136

Thiên thu / Mặc Huy / 159
Ôm Mộng / Mây Ngàn / 160
Nụ hôn cuối cùng / Dương Thượng Trúc / 161
Đoàn thi / Mặc Huy / 168
Một chút suy tư / Thu Nga / 161
Nhịn Nhục / Huỳnh Công Ánh / 175
Hã Vi / Yên Sơn / 176
Theo sóng Đồng Nai / Nguyễn An Bình / 182
Bài luận văn / Thiên Lý / 183
Một cụ rong chơi / Như Phong / 192
Rót hồn theo thơ / Lan Cao / 193
Uống rượu bên quán núi / Ngô Nguyên Nghiễm / 196
Lan Man với Hoạ sĩ / Nguyễn Mạnh An Dân / 198
Tình BẠN / Vô Tình / 208
Thơ Văn Như Ký ức / Phạm Tương Như / 210
Cuối mùa / Hoàng Nguyệt Khuyết / 215
Độc Doãn Quốc Sĩ / Trần Minh Hiền / 216
Nét chữ vàng / Trần Quốc Bảo / 221
Ta biết người buồn / Trần Văn Lệ / 223
VIỄN KÍNH VĂN HỌC / Huỳnh Quang Thế / 224
(Phí Ngọc Hùng/ Song Thao / Hoàng Hải Thủy
Tin Sinh Hoạt Văn Bút NHK / 225
Tin Giờ Chót (Nhà Văn An Dân Từ Trần) 229

Mr. Print

Complete Printing Services



- ◆ *Wedding Invitations*
- ◆ *Business Cards; Invoices*
- ◆ *Books; Binding*
- ◆ *Flyers; Labels; Posters*
- ◆ *Graphic Design*

11331 Richmond Ave. Ste. N105
Houston Texas 77082

Tel: 281-556-9299
832-279-9180

Nhận thực hiện In Ấn từ A đến Z

Đặc Biệt: Nhận in sách từ 50 cuốn trở lên
giá văn nghệ dành cho Văn Nghệ Sĩ

Đảm bảo :

Chất lượng- Mỹ Thuật.- Giá hữu nghị.

Đảm trách mọi dịch vụ ấn loát
uy tín và đúng hẹn